BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

---

PHẠM THỊ HÀ

# CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

HUẾ - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

---

PHẠM THỊ HÀ

# CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ học**
**Mã số: 62 22 02 40**

## LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

1. PGS. TS. TrÇn V¨n Ph-íc
2. PGS. TS. Tr-¬ng ThÞ Nhµn

HUẾ - 2017

# LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa được công bố trong bất kì công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

**Phạm Thị Hà**

## KÝ HIỆU VIẾT TẮT DÙNG TRONG LUẬN ÁN

| | |
|---|---|
| BĐNT | = Bị đồng nhất thể |
| BH | = Biểu hiện |
| BN | = Bổ ngữ |
| CC | = Chu cảnh |
| CN | = Chủ ngữ |
| CT | = Cảm thể |
| CTCT | = Cấu trúc Chuyển tác |
| CTĐT | = Cấu trúc Đề thuyết |
| CTT | = Cấu trúc Thức |
| ĐgT | = Đương thể |
| ĐN | = Đề ngữ |
| ĐNgT | = Đích ngôn thể |
| ĐNT | = Đồng nhất thể |
| ĐT | = Đích thể |
| GT | = Giá trị |
| KhiT | = Khiến thể |
| HHT | = Hiện hữu thể |
| HT | = Hành thể |
| HTg | = Hiện tượng |
| LT | = Lợi thể |
| NT | = Ngôn thể |
| PN | = Phụ ngữ |
| PNT | = Phát ngôn thể |
| QT | = Quá trình |
| QT: hh | = Quá trình hiện hữu |
| QT: hv | = Quá trình hành vi |
| QT: pn | = Quá trình phát ngôn |
| QT: qh | = Quá trình quan hệ |
| QT: tt | = Quá trình tinh thần |
| QT: vc | = Quá trình vật chất |
| tđ | = tác động |
| ttbđ | = tiểu từ bị động |
| ThT | = Thuộc tính |
| ThN | = Thuyết ngữ |
| TN | = Tân ngữ |
| TNT | = Tiếp ngôn thể |
| TrN | = Trạng ngữ |
| TT | = Tiếp thể |
| TTCC | = Thuộc tính chu cảnh |
| ƯT | = Ứng thể |
| VN | = Vị ngữ |

## THUẬT NGỮ ANH – VIỆT

| | |
|---|---|
| active | chủ động |
| active voice | dạng chủ động |
| actor | hành thể |
| adjunct | phụ ngữ |
| ascriptive | qui gán |
| aspect | thể |
| attribute | thuộc tính |
| attributor | tạo thuộc tính thể |
| behaver | ứng thể |
| behaviour | hành vi, ứng xử |
| behavioural process | quá trình hành vi |
| beneficiary | lợi thể |
| carrier | đương thể |
| causative process | quá trình gây khiến |
| circumstance | chu cảnh |
| circumstantial relation | quan hệ chu cảnh |
| clause | cú |
| complement | bổ ngữ |
| constituency | thành tố |
| constituent structure | cấu trúc thành tố |
| context | ngôn cảnh |
| declarative | tuyên bố |
| declarative mood | thức tuyên bố |
| discourse | ngôn bản |
| effective | tác động |
| exclamative | cảm thán |
| existent | hiện hữu thể |
| existential process | quá trình hiện hữu |
| experiential | kinh nghiệm |
| fact | thực tế |
| finite | hữu định |
| function | chức năng |
| given | (thông tin) cũ |
| goal | đích thể |
| guise | (chu cảnh) đội lốt |
| identified | bị đồng nhất thể |
| identifier | đồng nhất thể |
| imperative mood | thức cầu khiến |
| information focus | tiêu điểm thông tin |
| intensive | sâu |
| interactive process | quá trình tương tác |
| interpersonal | liên nhân |
| interrogative mood | thức nghi vấn |
| location | định vị |

| | |
|---|---|
| marked | được đánh dấu |
| material process | quá trình vật chất |
| mental process | quá trình tinh thần |
| modality | tình thái |
| modifier | bổ tố |
| mood | thức |
| mood structure | cấu trúc thức |
| new | (thông tin) mới |
| patient | kẻ chịu đựng |
| possessor | sở hữu thể |
| predicator | vị ngữ |
| process | quá trình |
| projection | phóng chiếu |
| range | cương vực |
| receiver | tiếp ngôn thể |
| recipient | tiếp thể |
| relational process | quá trình quan hệ |
| residue | phần dư |
| rheme | thuyết ngữ |
| sayer | phát ngôn thể |
| sensor | cảm thể |
| target | đích ngôn thể |
| theme | đề ngữ |
| token | biểu hiện |
| transitivity | chuyển tác |
| transitivity system | hệ thống chuyển tác |
| unmarked | không đánh dấu |
| value | giá trị |
| verbal | động từ, hữu ngôn, phát ngôn |
| verbal process | quá trình phát ngôn |
| verbiage | ngôn thể |

# MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....1
1. Lý do chọn đề tài .....1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....3
4. Ngữ liệu nghiên cứu .....3
5. Phương pháp nghiên cứu .....3
6. Đóng góp của luận án .....4
7. Cấu trúc của luận án .....5
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA LUẬN ÁN .....6
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt .....6
1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới .....6
1.2. Cơ sở lí thuyết liên quan đến luận án .....14
1.2.1. Thành phần câu .....14
1.2.2. Trật tự từ .....19
1.2.3. Mô hình câu .....23
1.2.4. Câu theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống .....24
1.2.5. Câu đảo ngữ theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống .....45
CHƯƠNG 2: CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH .....51
Dẫn nhập .....51
2.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ .....51
2.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong các quá trình .....51
2.1.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong các quá trình .....60
2.1.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong các quá trình .....64
2.1.4. Cảm thán sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong các quá trình .....66

2.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ ..... 67
2.2.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ ..... 67
2.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ ..... 71
2.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau ..... 72
2.3.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau ..... 72
2.3.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau ..... 74
2.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong câu có thành phần đảo về phía trước ..... 75
2.4.1. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình ..... 76
2.4.2. Phủ định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình ..... 78
2.5. Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu) ..... 79
2.5.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ ..... 79
2.5.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ ..... 82
Tiểu kết ..... 83
CHƯƠNG 3: CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG VIỆT ..... 84
Dẫn nhập ..... 84
3.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ ..... 84
3.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong các quá trình ..... 84
3.1.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình ..... 93

3.1.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong các quá trình.....97
3.1.4. Cảm thán sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo .....99
3.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ.....99
3.2.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ.....100
3.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ.....105
3.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau.....106
3.3.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau .....107
3.3.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau.....109
3.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước.....110
3.4.1. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình.....111
3.4.2. Phủ định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình vật chất.....112
3.5. Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu).....112
3.5.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ .....113
Tiểu kết.....115
CHƯƠNG 4: SO SÁNH CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT.....116
Dẫn nhập.....116
4.1. Bảng thống kê số liệu .....116
4.2. Những biểu hiện tương đồng.....117
4.2.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ.....117

4.2.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ ..... 121
4.2.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau ..... 122
4.2.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước ..... 123
4.2.5. Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu) ..... 124
4. 3. Biểu hiện những điểm dị biệt ..... 124
4.3.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm Đề đánh dấu trong câu có thành phần đảo không có yếu tố phụ trợ ..... 124
4.3.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ ..... 129
4.3.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau ..... 130
4.3.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước ..... 132
Tiểu kết ..... 136
KẾT LUẬN ..... 138
TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... 142

# DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

Bảng 4.1. Bảng tổng hợp các kiểu câu đảo ngữ tổng quát trong tiếng Anh và tiếng Việt. .....116

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Đảo ngữ là hiện tượng ngữ pháp khá phức tạp và được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Có thể nói, đảo ngữ liên quan đến khả năng di chuyển của các thành tố trong câu. Do đó tất yếu gắn với sự khác biệt nào đó giữa các biến thể trật tự của câu: đó là sự khác biệt giữa một trật tự được cho là "cơ bản", hay "trật tự chuẩn", với những trật tự được hình thành dựa vào hiện tượng đảo ngữ. Sự khác biệt về trật tự từ như vậy (với tư cách là "cái biểu đạt") sẽ thể hiện những khác biệt về nội dung (với tư cách là "cái được biểu đạt"). Tuy vậy, cũng có ý kiến cho rằng ngôn ngữ là một hệ thống các chuỗi âm thanh gồm các từ kết hợp với nhau theo các mẫu cấu trúc ngữ pháp (Noam Chomsky, 1972). Và theo quan điểm này, dạy học ngoại ngữ là giúp người học nắm chắc từ vựng, mẫu cấu trúc ngữ pháp và cách phát âm chuẩn các mẫu câu của một ngôn ngữ.

Tuy nhiên, quan điểm ngôn ngữ học nói trên đã không thể hiện được rằng nghĩa của một phát ngôn còn bị chi phối bởi các yếu tố khác trong một ngữ cảnh giao tiếp nhất định. Năng lực ngôn ngữ của con người không chỉ hình thành nhờ nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp mà còn được hình thành qua quá trình giao tiếp. Khắc phục quan điểm ngôn ngữ của Noam Chomsky, nhà ngôn ngữ học chức năng hệ thống M.A.K Halliday quan niệm chính trong lời nói tự nhiên, đang hoạt động mà hệ thống ngữ pháp của một ngôn ngữ được khai thác một cách đầy đủ nhất [23]. Ngữ pháp chức năng hệ thống về cơ bản là ngữ pháp tự nhiên với ý nghĩa là mọi hiện tượng ngôn ngữ cuối cùng đều có thể giải thích được trong mối quan hệ với việc ngôn ngữ được sử dụng như thế nào. Các thành phần cơ bản trong ý nghĩa của ngôn ngữ là các thành phần chức năng. Phương tiện giao tiếp là tất cả những yếu tố mà chúng ta dùng để thể hiện thái độ, tình cảm, mối quan hệ và cả những tâm lí khác của mình. Trong đó, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chủ yếu của con người. Bằng ngôn ngữ, con người có thể truyền đi bất cứ một loại thông tin nào. Haliday cho rằng, những đòi hỏi của xã hội đã giúp ngôn ngữ hình thành nên cấu trúc của nó. Ông đã làm sáng tỏ sự phát triển của ngôn ngữ từ quan điểm chức năng: "Ngôn ngữ đã tiến hóa để phát triển các nhu cầu của con người, và liên quan đến các nhu cầu này, cái phương thức mà nó được tổ chức là chức năng – nó không phải là võ đoán.".

Ở Việt Nam, quan niệm về ngữ pháp chức năng nhìn chung không khác với quan niệm của các nhà ngữ pháp chức năng trên thế giới. Theo Cao Xuân Hạo (1991), ngữ pháp chức năng là "một hệ thống phương pháp được xây dựng trên quan điểm coi ngôn ngữ như là một phương tiện thực hiện sự giao tiếp giữa người và người" [53].

Ông viết: ngữ pháp chức năng tự đặt cho mình cái nhiệm vụ nghiên cứu, miêu tả và giải thích các quy tắc chi phối hoạt động của ngôn ngữ trên các bình diện của mặt hình thức và mặt nội dung trong mối liên hệ có tính chức năng (trong mối liên hệ giữa những phương tiện và những mục đích) thông qua việc quan sát sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp hiện thực không phải chỉ để lập những danh sách đơn vị và xác định những hệ thống và tiểu hệ thống đơn vị ngôn ngữ, mà còn để theo dõi cách hành chức của ngôn ngữ qua những biểu hiện sinh động của nó trong khi sử dụng. Cũng chính vì vậy mà Lý Toàn Thắng (2004) đã nhận định: Cùng một sự kiện như nhau diễn ra trước mắt ta nhưng mỗi người có thể cảm thụ sự kiện ấy theo những kiểu chiến lược riêng và do đó khi cần mô tả sự kiện đó bằng câu nói thì sản sinh ra những cấu trúc cú pháp khác nhau [77].

Từ thực tế giảng dạy, chúng tôi luôn nhận thấy người học có nhu cầu được giải thích về bản chất và chức năng của các cấu trúc ngôn ngữ, đặc biệt là những cấu trúc câu nhấn mạnh như câu đảo ngữ… Các loại câu này rất phong phú trong tiếng Anh và được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm nghiên cứu với nhiều trường phái khác nhau. Vì vậy, để hiểu được và sử dụng được các biểu thức nhấn mạnh bằng câu đảo ngữ trong dạy học ngoại ngữ, tôi cho rằng cần thiết phải nghiên cứu đề tài này dựa theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K. Halliday. Ngoài ra, việc nắm vững và sử dụng hiệu quả các cấu trúc đảo ngữ sẽ giúp người học đa dạng hóa và làm phong phú thêm cách diễn đạt ngôn ngữ nhằm phục vụ cho những mục đích giao tiếp nhất định.

Với những lý do nêu trên, tôi lựa chọn đề tài "Câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt" để nghiên cứu.

**2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*+ Đối tượng nghiên cứu*

Với đề tài này, chúng tôi xác định đối tượng nghiên cứu là câu đảo ngữ tiếng Anh và câu đảo ngữ tiếng Việt.

*+ Phạm vi nghiên cứu*

Phạm vi nghiên cứu đề tài là: nghiên cứu các kiểu câu đảo ngữ thông qua các bình diện chức năng theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K Halliday.

- Chức năng tạo văn bản (trên cơ sở cấu trúc Đề – thuyết)
- Chức năng liên nhân (trên cơ sở cấu trúc Thức)
- Chức năng biểu hiện (trên cơ sở cấu trúc chuyển tác) thông qua sự hiện thực hóa các tham tố tham gia vào các quá trình trong các cấu trúc chuyển tác.

**3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

+ *Mục đích nghiên cứu:*

Nghiên cứu làm sáng tỏ đặc điểm ngôn ngữ của câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt cùng những điểm tương đồng và khác biệt của câu đảo ngữ trong hai ngôn ngữ.

+ *Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Thống kê, phân loại các câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt trong các tác phẩm văn học, truyện ngắn, và tiểu thuyết.

- Hệ thống hóa và mô hình hóa các loại câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, miêu tả và phân tích cấu tạo về hình thức và các đặc điểm thông qua các cấu trúc: cấu trúc Đề – thuyết, cấu trúc thức và cấu trúc chuyển tác trong diễn ngôn theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống của MAK. Halliday.

- Phân tích và làm sáng tỏ các đặc trưng ngôn ngữ về các cấu trúc của các kiểu câu đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt.

- Trình bày những nhận xét tổng quan mang tính lí luận về vấn đề nghiên cứu và những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu của luận án.

**4. Ngữ liệu nghiên cứu**

Nguồn ngữ liệu của luận án là gồm khoảng 1000 câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt được chọn lọc và trích dẫn trong các diễn ngôn từ những nguồn tư liệu sau:

- Các tác phẩm văn học Anh- Mỹ
- Các tác phẩm văn học Việt Nam
- Các sách ngữ pháp và các công trình nghiên cứu tiếng Anh và tiếng Việt.
- Hội thoại trong giao tiếp hàng ngày

**5. Phương pháp nghiên cứu**

*Cách tiếp cận*

- Luận án lựa chọn hướng tiếp cận đề tài theo quan điểm ngôn ngữ học chức năng hệ thống của M.A.K Halliday để phân tích đặc điểm câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt trên ba bình diện cấu trúc (cấu trúc văn bản, cấu trúc thức và cấu trúc chuyển tác) thông qua các kiểu câu đảo ngữ cơ bản.

*Phương pháp nghiên cứu cụ thể*

- Phương pháp thu thập cứ liệu thông tin: Được sử dụng nhằm thu thập các câu đảo ngữ được chọn lọc từ các tác phẩm văn học, truyện ngắn và hội thoại giao tiếp hàng ngày, từ đó xác lập nguồn tư liệu làm cơ sở nghiên cứu của luận án.

- Phương pháp miêu tả ngôn ngữ học: Đây là phương pháp truyền thống nhằm làm sáng tỏ bản chất của hiện tượng. Việc miêu tả được tiến hành với các thủ pháp chính yếu như sau:

+ Các thủ pháp giải thích bên trong (phân loại, hệ thống hóa tư liệu: xử lý số liệu, từ đó xác lập nguồn tư liệu làm cơ sở nghiên cứu; thủ pháp đối lập, thủ pháp phân tích thành tố trực tiếp để chỉ ra mối quan hệ giữa các thành tố tham gia cấu tạo…).

+ Các thủ pháp giải thích bên ngoài (thống kê định lượng và định tính để có được số lượng các câu đảo ngữ và xử lí theo định hướng của đề tài; miêu tả các đặc điểm câu đảo ngữ Anh và tiếng Việt dựa trên ba bình diện cấu trúc (cấu trúc văn bản, cấu trúc thức, và cấu trúc chuyển tác) theo quan điểm ngôn ngữ học chức năng hệ thống của M.A.K. Halliday.

- Phương pháp đối chiếu: Được sử dụng để so sánh các loại câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, tìm ra các dạng thức tương đương ở tiếng Anh có trong tiếng Việt cùng với các dạng thức khác biệt để từ đó nhận xét làm nổi bật đặc trưng về nghĩa: nghĩa văn bản, nghĩa liên nhân và nghĩa biểu hiện giữa hai ngôn ngữ.

- Phương pháp phân tích diễn ngôn: Được sử dụng để phân tích các đặc điểm của câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt trong những ngữ cảnh, tình huống cụ thể nhằm tìm ra mục đích, ý nghĩa sử dụng các loại câu đảo ngữ.

Ngoài ra, trong từng chương, mục của đề tài, chúng tôi sử dụng các thủ pháp nghiên cứu như đối lập, mô hình hóa… ứng với từng vấn đề được đề cập trong khi miêu tả, phân tích, lý giải những quan điểm, khái niệm… liên quan đến đề tài nghiên cứu.

**6. Đóng góp của luận án**

*Về lí luận:*

- Luận án làm sáng tỏ các đặc điểm câu đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt trên các bình diện cấu trúc: cấu trúc văn bản, cấu trúc thức, và cấu trúc chuyển tác.

- Luận án làm sáng tỏ những tương đồng và khác biệt của các hiện tượng đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt chủ yếu trên các bình diện cấu trúc văn bản, cấu trúc thức, và cấu trúc chuyển tác.

*Về thực tiễn:*

- Luận án góp phần đề xuất cách phân tích và giảng dạy các kiểu cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh có sự đối chiếu với tiếng Việt.

- Luận án góp phần giúp người học nắm vững và sử dụng một cách hiệu quả nhất các loại câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt nhằm đạt được những mục đích giao tiếp nhất định trong giao tiếp bằng ngôn ngữ. Kết quả của quá trình phân tích đối chiếu sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập các bộ môn ngữ pháp tiếng Anh và tiếng Việt.

**7. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương:

- Chương 1. *Tổng quan nghiên cứu vấn đề câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt và cơ sở lý thuyết của luận án*: Trình bày tổng quan vấn đề nghiên cứu câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt và những vấn đề lý thuyết làm cơ sở cho việc nghiên cứu đề tài luận án.

- Chương 2. *Câu đảo ngữ tiếng Anh*: Miêu tả và phân tích các đặc điểm của câu đảo ngữ tiếng Anh trên ba bình diện cấu trúc: cấu trúc Đề – thuyết, cấu trúc liên nhân và cấu trúc nghĩa biểu hiện thông qua các sơ đồ.

- Chương 3. *Câu đảo ngữ tiếng Việt*: Miêu tả và phân tích các đặc điểm của câu đảo ngữ tiếng Việt trên ba bình diện: cấu trúc Đề – thuyết, cấu trúc liên nhân và cấu trúc nghĩa biểu hiện thông qua các sơ đồ.

- Chương 4. *So sánh câu đảo ngữ tiếng Anh và câu đảo ngữ tiếng Việt*: So sánh các đặc điểm câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt nhằm nêu ra những nét tương đồng và dị biệt giữa câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt trên cả ba bình diện cấu trúc thể hiện trong từng kiểu loại.

# CHƯƠNG 1
# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA LUẬN ÁN

**Dẫn nhập**

Trong chương này, chúng tôi trình bày các cơ sở lý thuyết của luận án và tổng quan nghiên cứu vấn đề đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Đó là những quan niệm về lý thuyết có liên quan đến câu đảo ngữ bao gồm: những quan niệm về trật tự từ, thành phần câu và câu đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống. Chương một cũng tập trung giới thiệu tổng quan nghiên cứu về câu đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt của các tác giả theo trường phái ngôn ngữ học chức năng hệ thống nhằm mục đích làm tiền đề và cơ sở lý thuyết cho việc phân tích ngữ liệu ở những chương tiếp theo của luận án. Trên cơ sở đó, luận án sẽ đặt ra mục tiêu là tìm ra những nét tương đồng và dị biệt của câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt với hướng tiếp cận quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống của MAK. Halliday.

## 1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt

### 1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Với công trình "Inversion in Present – Day English" của Hartvigson và Leif Kvistgaard Jakcobsen (1974), hiện tượng đảo ngữ trong tiếng Anh dường như lần đầu tiên được nghiên cứu và đại diện cho một trong những công trình nghiên cứu đảo ngữ tiếng Anh hiện đại. Tuy nhiên, công trình này của hai tác giả chủ yếu liệt kê các trường hợp đảo ngữ tiếng Anh và chú trọng việc trình bày cấu tạo hình thức câu đảo ngữ. Theo các tác giả, có hai yếu tố tham gia vào quá trình đảo ngữ: thứ nhất là độ phức tạp về mặt cú pháp, số lượng âm tiết hay cấu tạo hình thức của một yếu tố, tức "formal weight"; thứ hai là "nội dung thông báo" (information content) hay "giá trị thông tin" (news value) của các yếu tố, còn gọi là "notional weight". Hai yếu tố "formal weight" và "notional weight" thường hay kết hợp với nhau trong hầu hết các trường hợp của đảo ngữ toàn phần tiếng Anh. Do vậy, hiện tượng đảo ngữ toàn phần có thể được lí giải là: chủ ngữ được di chuyển xuống vị trí cuối câu vì nó có độ dài vật chất phức tạp và mức tỉ lực thông báo lớn; trong khi đó một yếu tố khác lại được đảo lên vị trí đầu câu do có mức tỉ lực thông báo thấp và yếu tố này chính là "cái đã biết" đối với người nghe/ người đọc.

Nghiên cứu về đảo ngữ tiếng Anh được đề cập đến trong công trình của Green (1982) với định nghĩa đó là "những cấu trúc câu trần thuật mà trong đó chủ ngữ theo sau một phần hoặc toàn bộ các yếu tố của động từ".

Theo Penhallurick John (1984), với công trình nghiên cứu "Full – Verb Inversion in English", đảo ngữ toàn phần là một hiện tượng có cơ sở trong diễn ngôn nhằm giới thiệu thông tin mới. Vì vậy, chủ ngữ thường xuất hiện sau động từ và chủ ngữ thường phải mang thông tin mới, tức là thông tin mà người nói cho rằng không xuất hiện trong tiềm thức của người nghe vào thời điểm phát ngôn. Theo ông, yếu tố mở đầu loại câu đảo ngữ toàn phần thường là trạng ngữ chỉ vị trí hay phương hướng, động từ của loại câu này thường là động từ chỉ sự tồn tại hay sự xuất hiện trong bối cảnh. Việc đặt thông tin cũ trước thông tin mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lí thông tin của người nghe/người đọc.

Khi bàn về đảo ngữ trợ động từ, trong bài viết "The Semantics of Auxiliary Inversion in English" John Penhallurick (1987) cho rằng động cơ của hiện tượng đảo ngữ trợ động từ nằm ở bình diện ngữ nghĩa hơn là nằm trong cấu trúc, và "tất cả các thông điệp có liên quan đến đảo ngữ trợ động từ đều chia sẻ một đặc điểm ngữ nghĩa" và chứng minh đặc điểm ngữ nghĩa đó chính là "một sự không chắc chắn (uncertainty) gắn liền với sự kiện biểu thị bởi vị ngữ theo một cách thức nào đó". Tuy nhiên, quan niệm này không có cơ sở ngôn ngữ học vững chắc.

Tuy vậy, quan điểm của Betty Birner (1995) lại cho rằng hiện tượng đảo có thể vẫn xảy ra khi chủ ngữ không mang thông tin mới. Ví dụ:

*Yes, this is no ordinary general election. "Evan is a Democrat; Daley is a Democrat. Different Democrats have different points of view about the City of Chicago and its politics," Jackson noted. "The war between forces within the party continues, and within our coalition."Standing in the middle of it all is Jesse Jackson*. (theo Birner.B.J, 1995)

*(Vâng, đây không phải là một tổng tuyển cử bình thường. Evan là thành viên của Đảng dân chủ; Daley cũng là thành viên của Đảng dân chủ. Những người dân chủ khác nhau có những quan điểm khác nhau về thành phố Chicago và tình hình chính trị của nó," Jackson lưu ý. "Cuộc chiến giữa các thế lực trong Đảng và trong liên minh của chúng ta vẫn tiếp diễn." Đứng ở vị trí trung tâm trong tất cả chính là Jesse Jackson).*

Betty Birner đã xem đảo ngữ toàn phần là một cấu trúc có chức năng sắp xếp thông tin. So với trật tự thuận tương ứng, cấu trúc đảo ngữ có sự khác biệt về cách thức chuyển tải thông tin trong câu. Yếu tố được đảo lên vị trí đầu câu thường mang thông tin cũ trong diễn ngôn, tức thông tin đã được gợi lên trong diễn ngôn, còn yếu tố đặt sau lại mang thông tin mới trong diễn ngôn. Tuy nhiên, không phải lúc nào yếu tố đầu câu đảo ngữ cũng mang thông tin cũ và yếu tố đặt cuối câu cũng mang thông tin mới đến cho người nghe/người đọc. B. Birner đã căn cứ vào trình tự sắp xếp các vị trí

thông tin của các yếu tố đầu câu và yếu tố cuối câu khi cho rằng một câu đảo ngữ thích hợp phải thỏa mản một trong ba trình tự sắp xếp thông tin như sau:

- Diễn ngôn cũ , Diễn ngôn mới (Discourse – old, Discourse – new)
- Diễn ngôn mới, Diễn ngôn mới (Discourse – new, Discourse – new)
- Diễn ngôn cũ, Diễn ngôn cũ (Discourse – old, Discourse – old).

Trình tự Diễn ngôn cũ, Diễn ngôn mới (Discourse – old, Discourse – new) xuất hiện phổ biến nhất. Betty Birner đã kết luận: Yếu tố được đảo lên vị trí đầu câu trong câu đảo ngữ thường không mang thông tin mới hơn trong diễn ngôn so với yếu tố được đặt vị trí đứng cuối câu.

Một quan điểm khác về hiện tượng đảo ngữ toàn phần được thể hiện trong công trình "Inversion in Modern English: Form and Function" của Heidrun Dorgeloh (1997) là: cấu trúc thông tin được mã hóa trong câu đảo ngữ bằng phương tiện biến thể trật tự từ. Một câu Đảo ngữ toàn phần không chỉ diễn ra một sự đánh giá của người nói/người viết đối với tính quen thuộc của thông tin trong diễn ngôn mà nó còn thể hiện cách thức người nói/người viết hướng dẫn sự chú ý của người nghe/ người đọc, hoặc báo cho người nghe/người đọc biết rằng các yếu tố nào đó trong diễn ngôn đang được người nói nhấn mạnh. Ngoài ra, tính liên kết của đảo ngữ toàn phần trong diễn ngôn có quan hệ mật thiết với tính quan yếu (relevance) của câu đảo ngữ đối với ngôn cảnh (văn cảnh), tức là phần văn cảnh đi trước và đi sau, và đối với tình huống bên ngoài. Hay thứ nghĩa bổ sung, tức nghĩa phi nội dung mệnh đề của đảo ngữ toàn phần chính là nghĩa liên nhân (interpersonal meaning) và nghĩa văn bản (textual meaning), theo mô hình tam phân của Haliday (1994) về "ba bình diện nghĩa của câu" hay "ba thứ nghĩa được thể hiện trong ngôn ngữ thành một toàn thể, làm thành cái cơ sở cho cách tổ chức nghĩa của tất cả các ngôn ngữ của nhân loại".

Xem xét về hiện tượng đảo ngữ trợ động từ, Heidrun Dorgeloh (1997) cho rằng đảo ngữ trợ động từ tiếng Anh có liên quan đến sự nhấn mạnh của người nói đối với các thành tố trong câu và diễn ra tính biểu cảm trực tiếp đối với nội dung được biểu đạt. Tuy nhiên, do tác động của quá trình ngữ pháp hóa mà một số cấu trúc đảo trợ động từ đã trở thành những phương tiện thể hiện sự qui chiếu hồi chỉ hoặc khứ chỉ, tức là những phương tiện tạo ra sự liên kết câu. Các cấu trúc đảo trợ động từ cũng không có sự khác biệt về nghĩa miêu tả hay nội dung mệnh đề. Sự thay đổi mà đảo ngữ trợ động từ tạo ra cũng chính là thứ nghĩa bổ sung thuộc các bình diện nghĩa liên nhân và nghĩa văn bản. Cấu trúc đảo trợ đông từ cũng nhằm thể hiện sự tổ chức của người nói/người viết đối với diễn ngôn của mình nhằm thông báo cho người nghe/người đọc về sự nhấn mạnh gắn liền với nội dung mệnh đề, tính liên kết của một số cấu trúc đảo trợ động từ cũng thể hiện tính quan yếu (relevance) của chúng trong văn bản hay trong diễn ngôn.

Dưới góc độ ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Halliday, 1994), ngôn ngữ được giải thích như là một mạng lưới các mối quan hệ với các cấu trúc hay ngữ đoạn xuất hiện như là sự hiện thực hóa các mối quan hệ ấy. Ngữ pháp sâu của cú được trình bày bằng các mạng lưới hệ thống với điểm xuất phát là "cú" như Thức, chuyển tác và đề ngữ. Tiếp nối hướng nghiên cứu theo quan điểm này, Fillmore (1999) và Newmeyer (2000) đã nghiên cứu và nêu thêm một số đặc trưng và ngữ nghĩa của các loại câu đảo ngữ.

Cũng dựa trên quan điểm của ngữ pháp chức năng, Downing và Lockke (1995) giải thích hiện tượng đảo ngữ dựa vào yếu tố "đề ngữ" (theme), việc chọn một yếu tố làm "đề ngữ" trong một câu là nguyên nhân tạo ra đảo ngữ toàn phần và đảo ngữ trợ động từ. "Đề ngữ" của một câu là cái mà người nói hay người viết lựa chọn để làm xuất phát điểm của diễn ngôn. Trong tiếng Anh, "đề ngữ" được thể hiện bằng các thành tố đứng đầu câu, phần còn lại trong câu được gọi là "thuyết ngữ" (Rheme). Việc chọn thành tố làm "đề ngữ" có vai trò quan trọng vì nó thể hiện cách thức người nói/người viết phát triển thông điệp. Bất kì yếu tố nào được đưa lên vị trí đầu câu thì yếu tố đó sẽ trở thành "đề ngữ có đánh dấu" (marked theme). Những đề ngữ có mức đánh dấu cao chính là yếu tố tạo ra hiện tượng đảo ngữ. Downing và Lockke (1995) chia những yếu tố này thành 3 loại sau:

- Những từ/ cụm từ chỉ phương hướng: là những trạng từ như: here, there, up, down, in, out, off, away...; những giới từ bắt đầu với như: across..., down to...

Trong tác phẩm "A university Course in English Grammar" (1995) của Downing và Lockke, tác giả đã nêu ra một số ví dụ minh họa sau:

+ *There* goes my last dollar. (Vậy là hết những đồng đô la cuối cùng của tôi)

+ *Down the bottom of the sea* plunged the diver. (Người thợ lặn đắm mình xuống đáy biển).

Những câu đảo ngữ này nhằm tạo ra hiệu quả nhấn mạnh (emphatic effect), vì xuất phát điểm của phát ngôn là từ chỉ phương hướng và chủ ngữ (topic) xuất hiện ở vị trí cuối câu và có chức năng thông báo.

- Những từ/ cụm từ có nghĩa phủ định như: *never,hardly, seldom, scarcely, nowhere, on no account, under no circumstances, not only,* hoặc các cụm danh từ bắt đầu bằng từ phủ định *not* có chức năng của một bổ ngữ trực tiếp được đảo lên vị trí đầu câu.

Ví dụ:

+ *Never* had I seen such a sight. (Chưa bao giờ tôi thấy một quang cảnh như thế).

+ *Under no circumstances* must medicines be left within reach of children. (Trong bất kì hoàn cảnh nào thuốc men phải để xa tầm tay trẻ em)

+ *Not a thing* could the patient remember. (Người bệnh nhân đã không thể nhớ được điều gì).

- Những yếu tố khác như: so, neither, nor… Ví dụ:

+ Ed didn't pass the exam and *neither / nor* did Mary. (Ed đã không vượt qua kì thi và Mary cũng không)

+ *So* depressed did he feel *that* nothing would ceer him up. (Anh ấy cảm thấy chán nản đến nỗi không có điều gì làm anh ta vui lên được).

**1.1.2. Tình hình nghiên cứu tại Việt Nam**

Sự ra đời của hai công trình về việc khảo sát các hiện tượng trật tự từ O-S-V và V-S trong tiếng Việt của Lí Toàn Thắng là "Tìm hiểu thêm về loại câu N2-N1-V" và "Bàn thêm về kiểu câu P-N trong tiếng Việt" thể hiện việc đi tìm sự chế định đối với các kiểu trật tự từ đã nêu bằng cách căn cứ vào cấu tạo hình thức, sự chi phối ngữ nghĩa đối với hình thái cú pháp, xem xét vị thế thông tin của những thành tố trong câu và sơ đồ phân đoạn thực tại của câu. Qua đó, tác giả liệt kê ra những trường hợp nào cho phép đảo và những trường hợp nào không được phép đảo.

Theo quan điểm của Đinh Trọng Lạc và Nguyễn Thái Hòa (2009), "đảo ngữ" được xem là một trong những phép nhấn mạnh các thành phần câu và phép đảo ngữ tu từ được hình thành khi đảo vị trí các thành phần câu mà nội dung thông báo không thay đổi. Có ba dạng đảo ngữ sau: đảo vị ngữ ra trước chủ ngữ, đảo bổ ngữ động từ lên đầu câu và đảo trạng ngữ lên đầu câu, nhằm mục đích tạo hiệu ứng nhấn mạnh. Theo ông, "một trật tự được coi là trật tự đảo nếu trong hai thành phần câu có liên hệ với nhau về mặt cú pháp một thành phần (thành phần phụ thuộc) bị đổi vị trí: vị ngữ đối với chủ ngữ, bổ ngữ trực tiếp đối với vị ngữ... Chức năng tu từ của đảo ngữ là làm thay đổi tiết tấu của câu, làm giàu âm hưởng, gợi màu sắc biểu cảm - cảm xúc, gây ấn tượng mạnh. Theo cuốn sách "99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt" (1995), Đinh Trọng Lạc có nêu ra 11 trường hợp đảo ngữ là:

- Đảo vị ngữ - động từ ra trước chủ ngữ:

Ví dụ: ***Đã tan tác*** *những bóng thù hắc ám*

***Đã sáng lại*** *trời thu tháng tám.* (Tố Hữu)

- Đảo vị ngữ - tính từ ra trước chủ ngữ.

Ví dụ: ***Xanh om*** *cổ thụ tròn xoe tán*

***Trắng xóa*** *tràng giang phẳng lặng tờ.* (Hồ Xuân Hương)

- Đảo bổ ngữ - khách thể lên đầu câu làm cho sự vật hiện tượng nổi bật hẳn lên và gây cảm giác về một cái gì quan trọng trong cảm xúc.

Ví dụ: ***Những cuộc vui ấy****, chị còn nhớ rành rành*. (Ngô Tất Tố)

- Đảo bổ ngữ phương thức của vị từ lên trước vị từ hoặc ra sau vị từ, hoặc ra xa vị từ nhằm làm cho sự miêu tả, tường thuật tăng thêm tính hình tượng, gây nhiều hứng thú (vì tránh được sự đơn điệu trong kết cấu).

Ví dụ: *Chí Phèo đứng lại nhìn nó, và hắn bỗng* ***nghiêng ngả*** *cười*. (Nam Cao)

- Đảo lên đầu câu bổ ngữ phương thức của từ, chuyển nó thành bổ ngữ phương thức của câu (nêu lên cái phương tiện, điều kiện được hiểu như một thức công cụ hay cách thức được sử dụng khi sự việc nêu ở nòng cốt câu diễn ra) đem lại cho câu văn tính biểu cảm rõ rệt.

Ví dụ: *Rồi* ***rưng rức*** *cô khóc không ra tiếng*. (Nguyễn Công Hoan)

Đảo bổ ngữ câu chỉ phương thức hay bổ ngữ câu chỉ tình huống – sự vật lên đầu câu hoặc ra cuối câu, hoặc để sau chủ ngữ, nhằm làm cho sự tường thuật trong khoa học và chính luận trở nên sinh động hơn (tránh sự đơn điệu) và diễn đạt được tinh tế hơn những sắc thái nhấn mạnh khác nhau.

Ví dụ: ***Với sự đồng tình và ủng hộ của anh em****, cuộc kháng chiến cứu quốc của Việt Nam nhất định thắng lợi*. (Hồ Chí Minh)

- Đảo bổ ngữ của câu chỉ nguyên nhân nhằm nêu bật mối quan hệ nguyên nhân – hệ quả trong hai vế câu:

Ví dụ: *Con gà tốt* ***mã vì lông***

*Răng đen* ***vì thuốc****, rượu nồng* ***vì men***. (Ca dao)

- Đảo bổ ngữ của câu chỉ mục đích từ vị trí sau nòng cốt câu lên vị trí trước nòng cốt câu, nhằm nêu bật mối quan hệ mục đích – sự việc trong hai vế câu:

Ví dụ: ***Để mở rộng tuyên truyền*** *(...) ông Nguyễn và những đồng chí của ông ra tờ báo "Người cùng khổ"*. (Trần Dân Tiên)

- Đảo vị trí của vị từ khi vị từ là những từ chuyên dùng với ý nghĩa tồn tại (như: *có, còn*) và những từ tượng thanh, tượng hình (như: *róc rách, lác đác, lốm đốm*). Với những ngữ cảnh khác nhau, cần miêu tả sự kiện như bức tranh tĩnh vật, câu đặc biệt – vị từ với ý nghĩa tồn tại, định vị, đem lại cho câu văn tính biểu cảm, cảm xúc rõ rệt:

Ví dụ: *Trong nhà* ***lô nhô*** *mấy ông cụ khăn áo chỉnh tề*. (Ngô Tất Tố)

- Đảo vị trí của vị từ khi vị từ là những từ chuyên dụng với ý nghĩa biểu hiện như *xuất hiện, hiện ra, biến mất*... và những từ chỉ sự tự dời chuyển, tự vận động như: *chạy, đi, nhảy, vọt, tiến, nổ, nở, mọc*... từ vị trí cuối câu (sau danh từ chủ thể) lên vị trí giữa câu (trước danh từ chủ thể, và sau giới ngữ chỉ vị trí), chuyển kiểu câu miêu tả bình thường thành kiểu câu miêu tả đặc biệt hiển hiện, nhằm làm sống lại dưới mắt người đọc/nghe sự xuất hiện (hoặc tiêu biến) của sự vật hiện tượng.

Ví dụ: *Đằng xa trong mưa mờ đã* ***hiện ra*** *bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh.* (Nguyễn Đình Thi)

- Đảo vị trí của vị từ khi vị từ là động từ chỉ hành động hoặc tính từ, từ vị trí sau danh từ - chủ thể lên vị trí trước danh từ - chủ thể (và sau giới ngữ chỉ vị trí) chuyển kiểu câu tường thuật bình thường thành kiểu câu nêu sự việc trong chỉnh thể (hành động hay trạng thái gắn liền với vật như là tự diễn ra) ghi lại sự kiện như trong một bức ảnh chụp.

Ví dụ: *Ánh xuân lướt cỏ xanh tươi*

*Bên rừng **thổi sáo** một hai kim đồng*. (Thế Lữ)

Với công trình "Tiếng Việt- sơ khảo ngữ pháp chức năng", Cao Xuân Hạo (1991) đã nhận xét rằng câu trong tiếng Việt trật tự bình thường là phần đề đứng trước và phần thuyết đứng sau. Tuy nhiên có một số trường hợp trong đó trật tự này bị đảo ngược. Ông đưa ra một số ví dụ để minh họa cho điểm này là:

| | |
|---|---|
| *Đẹp biết bao* | *những lời chân thực ấy!* |
| Thuyết | Đề |

Theo Cao Xuân Hạo, trật tự Đề - Thuyết ở ví dụ trên bị đảo ngược. Ông giải thích rằng sự đảo vị trí này thường xảy ra trong các câu cảm thán. Ông cũng mạnh dạn gợi ý rằng trong những tình huống tương tự phép đảo trật tự đề - thuyết có tính phổ quát cho mọi ngôn ngữ. Theo ông, phép đảo trật tự đề thuyết có tính phổ quát cho mọi ngôn ngữ và "phép đảo bao giờ cũng có một tác dụng làm thay đổi một cái gì về phương diện tình thái và nhất là sắc thái cảm xúc".

Trong khi đó, Diệp Quang Ban (1998) lại cho rằng: "Không phải trong mọi trường hợp chúng ta đều có thể nói đến hiện tượng đảo".

Đáng chú ý là quan điểm khác của Nguyễn Minh Thuyết (1983) cho rằng chính sự sắp xếp chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ với tư cách là những thành phần chính cấu tạo nên câu tiếng Việt đã tạo thành năm công thức câu với ba thành tố có tính khả thi là: CVB, CBV, BCV, BVC và VBC. Điều đó chứng minh có khả năng di chuyển các thành tố trong câu. Và theo tác giả, thành tố đứng đầu câu biểu thị chủ đề câu nói, có thể được chuyển về vị trí ban đầu chính là thành tố được đảo trí (chứ không được xem là khởi ngữ).

Theo Trần Ngọc Thêm (1999), "hiện tượng đảo V-C là một hiện tượng có lí do chứ không phải là điều xảy ra được với bất kì một động từ đặc trưng nội động nào" và " đảo được chỉ có thể là những động từ nội động ít nhiều có chứa nét tồn tại như: *xuất hiện, hiện ra, đi ra, nhảy ra, vọng ra, hiện lên, mọc lên, trôi qua...*" So với câu tồn tại, câu đặc trưng đảo *vị - chủ* "mượn hình thức gần với hình thức của câu tồn tại để đưa vào văn bản những đối tượng mới dưới dạng những cách thức vận động cụ thể". Ví dụ mà ông minh họa là: "Ở trong, *lù lù đi ra* hai cái bóng vệ quốc quân". Loại câu này

khác với câu tồn tại ở chỗ chúng có thể đảo được trật tự của hai thành phần sau và trở lại hình thức chủ - vị thông thường ("Ở trong, hai cái bóng vệ quốc quân *lù lù đi ra*")

Gần đây nhất Hoàng Văn Vân (2002) đã trình bày những nghiên cứu sâu hơn về khái niệm cú tiếng Việt trong "Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: Mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống". Ông đã khảo sát ngữ pháp kinh nghiệm của các quá trình quan hệ như: quá trình hành động, quá trình phóng chiếu và quá trình tồn tại. Sự miêu tả của ông đã chỉ ra rằng có các tiêu chí ngữ nghĩa và ngữ pháp từ vựng để phân biệt các quá trình. Tuy nhiên, vì chúng là "một phần của một trường ngữ nghĩa đơn lẻ" (Halliday, 1994) nên có thể có một số trường hợp mập mờ. Một trong những trường hợp mập mờ có thể được thấy là trong các quá trình quan hệ sở hữu và quá trình quan hệ chu cảnh. Trong trường hợp của các quá trình quan hệ chu cảnh, người ta không biết rõ liệu thành phần như *ngoài sân* trong *Ông tôi ở ngoài sân* có liên quan đến một lớp các thành viên hay không; nghĩa là, liệu *Ông tôi* thuộc về lớp những người ở ngoài sân hay chỉ là một thành viên duy nhất được định vị ở đó. Sự phân biệt càng khó dần khi chúng ta gặp phải cú như: *Hôm qua là chủ nhật.* Trong cú này dường như có cả hai đặc điểm quy gán và đồng nhất. Là cú quy gán, nó có thể xuất hiện không cần sự có mặt của hệ từ *là* như: *Hôm qua chủ nhật.* Và trong trường hợp này sự đảo vị trí của hai thành phần trong cú dường như bị đánh dấu. Tuy nhiên hệ từ *là* xuất hiện thì sự đảo vị trí của hai thành phần trong cú là không đánh dấu và cú có thể được giải thích là cú đồng nhất. Do đó người ta có thể nói hoặc: *Hôm qua là chủ nhật* hoặc: *Chủ nhật là hôm qua.* Trong trường hợp của cú sở hữu, việc xác định liệu: *Bài viết ấy là của Thành,* là cú quy gán hay cú đồng nhất cũng là việc làm khó khăn. Nó có thể được giải thích là cú quy gán bởi vì nó có thể xuất hiện không cần sự hiện diện của hệ từ *là* và trong trường hợp này sự đảo vị trí của hai thành phần trong cú dường như là không thể thực hiện được. Ví dụ: *Của Thành bài viết này.* Nó cũng có thể được giải thích là cú đồng nhất với lí do là khi *là* có mặt thì hai thành phần của cú có thể đổi vị trí được cho nhau.

Một công trình nghiên cứu liên quan đến câu đảo ngữ là luận án tiến sĩ ngữ văn của tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2004) với đề tài "Khảo sát cấu trúc – ngữ nghĩa của hiện tượng đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt", luận án nghiên cứu đảo ngữ tiếng Anh trong mối quan hệ gắn bó giữa hai bình diện cấu trúc và ngữ nghĩa, xem đảo ngữ không chỉ là một hiện tượng thuộc về cấu trúc nội tại của câu xét trên bình diện cú pháp mà còn là một hiện tượng có quan hệ mật thiết với diễn ngôn, với việc tổ chức diễn ngôn của người nói/viết. Luận án đã hệ thống hóa và miêu tả chi tiết tất cả các mô hình đảo ngữ tiếng Anh trong câu trần thuật. Luận án cũng đã khảo sát ba chức năng của đảo ngữ tiếng Anh: chức năng giới thiệu thực thể trong diễn ngôn, chức năng nhấn mạnh và chức năng liên kết. Các chức năng này là sự cụ thể hóa phần nghĩa phi miêu

tả của đảo ngữ. Căn cứ vào quan niệm của J.Lyons [1995, tr.193], luận án cho rằng đảo ngữ tiếng Anh là một phương tiện mã hóa và ngữ pháp hóa một số thành tố phi nội dung mệnh đề thuộc về nghĩa của câu.

Một công trình luận án tiến sĩ có đề cập đến hiện tượng đảo ngữ là "Nghiên cứu phương tiện nhấn mạnh trong tiếng Anh có liên hệ với tiếng Việt (qua trật tự cú pháp)" của tác giả Huỳnh Thị Ái Nguyên (2005) đã tìm ra các phương tiện nhấn mạnh thông tin dưới dạng các cấu trúc trong hai ngôn ngữ Anh và Việt. Theo đó, phương tiện nhấn mạnh có thể được xác định dựa trên cơ sở cấu trúc thông tin của câu lấy thông tin chủ đề và thông tin tiêu điểm làm trọng tâm. Các phương tiện nhấn mạnh cũng chính là các phương tiện tiêu điểm hóa phần thông tin quan trọng trong câu mà trong rất nhiều trường hợp là phần thông tin mới đối với người nghe. Phần thông tin tiêu điểm có thể nằm ở phần Đề hoặc phần Thuyết và câu có thể chúa đến hai tiêu điểm. Nhấn mạnh tương phản cũng được xét như là nhấn mạnh thông tin. Lý thuyết đánh dấu của Jakobson và phát triển theo Dik được sử dụng làm cơ sở cho việc xác định các điều kiện cho một phương tiện được gọi là nhấn mạnh. Luận án cho rằng trật tự cú pháp của câu có liên quan đến trật tự của cấu trúc thông tin và cấu trúc câu có đánh dấu có thể nằm ở hai dạng tiền đảo (cấu trúc chuyển lên phía trước một thành phần vốn đứng sau động từ) và hậu đảo (cấu trúc chuyển về phía sau một thành phần vốn đứng trước động từ). Ngoài ra, luận án cũng chứng minh rằng câu bị động trong tiếng Anh có thể được dùng để mang ý nghĩa nhấn mạnh.

Trong luận án này, tác giả sẽ kế thừa các công trình nghiên cứu về câu đảo ngữ nói trên và tiếp tục nghiên cứu phát triển câu đảo ngữ theo hướng tiếp cận ngữ pháp chức năng của M.A.K HAlliday. Đó là câu đảo ngữ được xem xét dưới góc độ đảo trật tự các vai nghĩa hay các tiêu điểm thông tin do mục đích giao tiếp điều chỉnh và chi phối. Vì vậy mà các thành phần câu không xuất hiện theo cấu trúc chuẩn.

### 1.2. Cơ sở lí thuyết liên quan đến luận án

#### 1.2.1. Thành phần câu

Thành phần câu là những từ tham gia nòng cốt câu (bắt buộc có mặt để đảm bảo tính trọn vẹn của câu) hoặc phụ thuộc trực tiếp vào nòng cốt câu. Những từ tham gia nòng cốt câu là thành phần chính của câu, gồm chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ bắt buộc của vị ngữ. Những từ ngữ phụ thuộc vào toàn bộ nòng cốt câu là thành phần phụ của câu. (Nguyễn Văn Hiệp, 1992).

Có 2 quan điểm về thành phần câu trong tiếng Anh và tiếng Việt:

- Câu có 2 thành phần: Chủ -Vị

- Câu bao gồm: Chủ -Vị -Bổ hoặc Tân ngữ và Bổ ngữ/hoặc Bổ ngữ bao gồm Tân ngữ và Bổ ngữ), và Trạng ngữ.

Luận án theo quan điểm thành phần câu bắt buộc gồm: Chủ-Vị-Tân ngữ-Bổ ngữ và Trạng ngữ.

***1.2.1.1. Các thành phần câu tiếng Anh***

*+ Chủ ngữ*

Theo Halliday (2002), "chủ ngữ" là tên gọi một chức năng ngữ pháp thuộc một kiểu nào đó. Các chức năng xoay quanh ba định nghĩa lớn, có thể tóm tắt như sau: cái mà là mối quan tâm lớn của thông điệp; cái mà thuộc về nó một cái gì đó được khẳng định (nghĩa là, là cái mà chân lí của lập luận được dựa vào); kẻ gây ra hành động. Ba định nghĩa này xác định các khái niệm khác nhau và khi các chức năng khác nhau này được các nhà ngữ pháp nhận ra như là những chức năng tách biệt thì chúng được gọi tên như ba loại chủ ngữ khác nhau là: Chủ ngữ tâm lí; chủ ngữ ngữ pháp và chủ ngữ logic.

Không có khái niệm chung cho "Chủ ngữ" mà thuộc về nó ba khái niệm này là ba biến thể khác nhau. Chúng không phải là ba kiểu của bất kì khái niệm nào; chúng là ba sự vật khác nhau. Có ba tên gọi riêng biệt liên hệ cụ thể với các chức năng có liên quan:

- Chủ ngữ tâm lí: Đề ngữ
- Chủ ngữ ngữ pháp: Chủ ngữ
- Chủ ngữ logic: Hành thể

Mỗi nét nghĩa hình thành nên một hình thể chức năng khác nhau, tạo ra một mạch riêng biệt trong tổng ý nghĩa của cú như sau: (i) Các chức năng của Đề ngữ trong cấu trúc của cú như là một thông điệp. Cú có ý nghĩa là một thông điệp, một lượng tử thông tin; Đề ngữ là xuất phát điểm của thông điệp. Nó là thành phần người nói chọn để "làm căn cứ" cho điều mà mình sắp nói. (ii) Chủ ngữ đóng chức năng trong cấu trúc của cú như là sự trao đổi. Cú có ý nghĩa như là một sự trao đổi, một sự giao dịch giữa người nói và người nghe; Chủ ngữ là sự bảo hành cho sự trao đổi. Nó là thành phần người nói thực hiện để chịu trách nhiệm cho tính hợp lệ của điều mà mình đang nói. (iii) Hành thể đóng chức năng trong cấu trúc của cú như là sự thể hiện. Cú có ý nghĩa là một sự thể hiện, một sự giả thích một quá trình nào đó trong kinh nghiệm đang diễn ra của con người; Hành thể là tham tố tích cực trong quá trình. Nó là thành phần người nói mô tả như là người thực hiện hành động.

Bằng việc tách các chức năng Đề ngữ, Chủ ngữ và Hành thể riêng ra, chúng ta đã có thể chỉ ra rằng cú là một thực thể hỗn hợp. Nó được hình nên ba bình diện cấu trúc, mỗi bình diện giải thích một loại ý nghĩa khu biệt.

*+ Động từ - Vị ngữ*

Động từ miêu tả hành động, trạng thái của sự vật, sự việc. Nói cách khác, chính là hành động của chủ ngữ. Động từ là thành phần không thể thiếu của một câu.

Thời và thể là những phạm trù ngữ pháp cơ bản của động từ, thường gắn chặt

với chức năng vị ngữ của chúng. Trong tiếng Anh, tùy thuộc vào Thức, vị ngữ là động từ được chia ở những thời và thể nhất định, và ngược lại, việc một động từ trong câu được chia ở những thời và thể nhất định chứng tỏ động từ ấy là vị ngữ.

Theo Halliday (1994), chúng ta có thể phân loại vị ngữ (mà Halliday gọi là vị tố/predicator) theo 6 kiểu quá trình mà vị ngữ đó đóng vai trò trung tâm, đó là: - Các quá trình vật chất (material), phản ánh thế giới vật lí. - Các quá trình tinh thần (mental), phản ánh thế giới ý thức. - Các quá trình quan hệ (relational), phản ánh các mối quan hệ trừu tượng. - Các quá trình hành vi (behavioural), chuyển tiếp giữa các sự thể vật chất và các sự thể tinh thần. - Các quá trình ngôn từ (verbal - tức sử dụng ngôn từ, bao gồm nói năng và cảm nghĩ), chuyển tiếp giữa các quá trình tinh thần và các quá trình quan hệ. - Các quá trình tồn tại (existential-gồm sự tồn tại, sự xuất hiện, sự tiêu biến), chuyển tiếp giữa các quá trình vật chất và các quá trình quan hệ.

+ *Tân ngữ*

Tân ngữ là từ hoặc cụm từ chỉ đối tượng bị tác động bởi chủ ngữ. Có 2 loại tân ngữ là tân ngữ trực tiếp và tân ngữ gián tiếp:

- Tân ngữ gián tiếp (indirect object) là tân ngữ chỉ đồ vật hoặc người mà hành động xảy ra đối với (hoặc dành cho) đồ vật hoặc người đó. Tân ngữ gián tiếp có thể đứng sau tân ngữ trực tiếp ngăn cách bởi một giới từ hoặc cũng có thể đứng trước tân ngữ trực tiếp mà không có giới từ. Giới từ thường dùng ở đây là for và to.

Ví dụ: I gave Jim the book. --> Jim là tân ngữ gián tiếp, the book là tân ngữ trực tiếp = I gave the book to Jim.

-Tân ngữ trực tiếp (direct object) là người hặc vật đầu tiên nhận tác động của hành động.

Chú ý: Không phải bất cứ động từ nào trong tiếng Anh cũng đòi hỏi tân ngữ đúng sau nó là một danh từ. Một số động từ yêu cầu tân ngữ đằng sau nó là một động từ khác.

Tân ngữ có thể là: Danh từ (Noun); Tính từ dùng như sanh từ (Adjective used as Noun);. Đại từ (Pronoun); Danh động từ (Gerund); Động từ nguyên thể (Infinitive); Cụm từ (Phrase); và Mệnh đề (Clause).

+ *Trạng ngữ*

Downing và Locke (1995) đã chia trạng ngữ tiếng Anh thành ba loại: adjuncts, disjunct và cọnjunct, tạm dịch theo thứ tự là "phụ ngữ", "biệt ngữ" và "liên ngữ". Trong đó, "phụ ngữ" có tư cách thành phần câu ngang bằng với những thành phần câu khác như chủ ngữ và bổ ngữ, còn "biệt ngữ" và "liên ngữ" thể hiện một mối quan hệ mang tính "ngoại vi" đối với cấu trúc câu. Về phương diện ngữ nghĩa, "biệt ngữ" nêu lên thái độ hay sự bình phẩm của người nói đối với nội dung được biểu đạt, trong khi

đó "liên ngữ" phản ánh cách thức người nói tạo ra sự liên kết giữa các bộ phận trong diễn ngôn. Về phương diện cú pháp, biệt ngữ và liên ngữ có tính độc lập hơn so với phụ ngữ. Biệt ngữ và liên ngữ là các phương tiện biểu thị tình thái, đi kèm với nội dung mệnh đề, còn phụ ngữ thì tham gia vào việc biểu thị nội dung mệnh đề, tức nghĩa sự tình của câu.

***1.2.1.2. Các thành phần câu tiếng Việt***

*+ Chủ ngữ*

Theo Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), chủ ngữ là bộ phận của nòng cốt câu biểu thị chủ thể ngữ pháp của vị ngữ, tạo ra cùng vị ngữ một kết cấu có khả năng nguyên nhân hóa. Như vậy, xét về mặt hình thức, chủ ngữ có hai đặc điểm:

- Là thành tố bắt buộc, không thể bị lược bỏ mà không ảnh hưởng đến tính trọn vẹn của câu. Nhờ đặc điểm này, ta có thể phân biệt chủ ngữ với những thành tố nằm ngoài nòng cốt câu như trạng ngữ, khởi ngữ trong trường hợp các thành tố ấy đứng đầu câu.

- Cùng vị ngữ tạo ra một kết cấu có khả năng nguyên nhân hóa. Nhờ đặc điểm này, ta có thể phân biệt chủ ngữ với bổ ngữ, một thành tố khác của nòng cốt câu, trong trường hợp thành tố ấy là thể từ.

Đối với các ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt, Diệp Quang Ban (2009) cho rằng: Chủ ngữ là yếu tố đứng trước vị ngữ, chủ ngữ nêu ra cái đề tài mà câu đề cập và hàm chứa hoặc có thể chấp nhận các đặc trưng (động hoặc tĩnh) và các kiểu quan hệ sẽ được nói đến ở vị ngữ.

*+ Vị ngữ và vị tố*

Theo Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), vị ngữ là bộ phận của nòng cốt câu có thể chen thêm phó từ chỉ thời – thể hoặc cách thức vào phía trước, và trong trường hợp bộ phận này gồm hơn một từ thì vị ngữ là từ chính của bộ phận ấy.

Bằng cách chọn các phó từ chỉ thời – thể làm tiêu chí xác định vị ngữ của câu tiếng Việt, chúng ta đã có thể vạch ra mối liên hệ giữa vị ngữ trong tiếng Việt và trong một số ngôn ngữ khác. Dù được biểu thị bằng từ loại hay kiểu kết cấu nào, vị ngữ cũng thể hiện tính tình thái. Vị ngữ trong tiếng Việt gồm ba loại là:

- Những vị ngữ nối kết trực tiếp với chủ ngữ, không cần đến hệ từ ở cả hình thức khẳng định lẫn hình thức phủ định. Đó là những vị ngữ do động từ, tính từ đảm nhận. Khả năng làm vị ngữ của động từ không hạn chế. Còn về tính từ thì chúng chỉ có thể làm vị ngữ với điều kiện có các từ biểu thị ý nghĩa tình thái mạnh (như *đã, đang, sẽ, rất, quá, lắm*...) đi kèm hoặc có chủ ngữ mang ý nghĩa xác định.

- Những vị ngữ nối kết với chủ ngữ nhờ hệ từ ở cả hình thức khẳng định lẫn hình thức phủ định. Đó thường là hệ từ *là.*

- Những vị ngữ ở hình thức khẳng định nối kết trực tiếp với chủ ngữ, còn ở hình thức phủ định thì nối kết với chủ ngữ nhờ hệ từ.

Vị tố là yếu tố chính của câu, cả về phương diện nghĩa biểu hiện (chỉ sự việc) và phương diện cú pháp (trừ trường hợp trước vị tố có động từ tình thái hoặc trợ động từ bị động). Về nghĩa biểu hiện, vị tố nêu đặc trưng hoặc quan hệ của sự thể được nói đến trong câu; về vị trí, vị tố đứng trực tiếp sau chủ ngữ (nếu có chủ ngữ). Về cú pháp, các yếu tố cú pháp khác quây quần xung quanh vị tố. Vị tố gắn bó với các yếu tố xung quanh nó theo những mức độ khác nhau, và trên cơ sở đó mà phân định những lớp yếu tố xét theo mối quan hệ với các chức năng cú pháp trong câu: các yếu tố nằm trong cấu trúc cú pháp của câu và trực tiếp diễn đạt sự thể, các yếu tố không nằm trong cấu trúc cú pháp và nhìn chung không diễn đạt sự thể trong câu chứa chúng. Trong tiếng Việt, vị tố có thể do một từ hoặc một cụm từ làm thành, cũng có khi do một dãy động từ, một dãy tính từ, hoặc một câu bị bao (giáng cấp) đảm nhiệm.

Về mặt nghĩa, vị tố chi phối (ấn định) các chức năng chủ ngữ, tân ngữ, tân ngữ gián tiếp, bổ ngữ.

+ *Tân ngữ và tân ngữ gián tiếp*

Tân ngữ và tân ngữ gián tiếp (còn gọi là bổ ngữ trực tiếp và bổ ngữ gián tiếp) là những yếu tố do ý nghĩa của động từ chuyển tác ở vị tố ấn định theo quan hệ chuyển tác. Quan hệ chuyển tác là thứ quan hệ chuyển tác động từ hành động của động từ chuyển tác diễn đạt ở vị tố đến thực thể nêu ở tân ngữ. Tân ngữ là yếu tố chỉ thực thể chịu tác động của hành động ở vị tố do động từ chuyển tác đảm nhiệm và có vị trí đứng sau động từ đó. Tân ngữ gián tiếp là yếu tố chỉ thực thể nhận vật trao do nghĩa của động từ ở vị tố ấn định, vị trí của tân ngữ gián tiếp cũng nằm sau động từ chuyển tác. Vị trí của tân ngữ và tân ngữ gián tiếp có thể trao đổi cho nhau.

+ *Bổ ngữ*

Bổ ngữ cũng là yếu tố do ý nghĩa của vị tố ấn định nhưng theo quan hệ không chuyển tác, vị trí của bổ ngữ là đứng sau vị tố. Bổ ngữ bổ sung ý nghĩa do vị tố đòi hỏi, làm cho vị tố hoạt động được trong câu. Nói cách khác, bổ ngữ là thành phần câu có mặt do sự đòi hỏi của sự thể nêu ở vị tố (động từ, tính từ, từ chỉ quan hệ) nằm trong vị ngữ, theo tên gọi, bổ ngữ là phần "thêm cho đủ", tức là nếu không có nó thì sự việc diễn đạt trong câu chưa trọn vẹn (không kể trường hợp tỉnh lược bổ ngữ).

Phần lớn bổ ngữ do vị tố đòi hỏi và có quan hệ nghĩa với động từ, tính từ hoặc với thành phần khác trong câu. Có thể phân biệt các loại bổ ngữ chính sau đây:

- Tân ngữ (còn gọi là bổ ngữ trực tiếp) - đích thể (thực thể chịu tác động trực tiếp của hành động nêu ở động từ làm vị tố)

- Tân ngữ gián tiếp (còn gọi là bổ ngữ gián tiếp) – tiếp thể (thực thể nhận vật trao)

- Bổ ngữ - ngôn đích thể (bổ ngữ của động từ nói năng)
- Bổ ngữ hiện tượng – cảm thể (bổ ngữ của động từ cảm nghĩ)
- Bổ ngữ cảnh huống (phân biệt với trạng ngữ là bộ phận đi kèm, trợ gia)
- Bổ ngữ của chủ ngữ
- Bổ ngữ của tân ngữ
- Bổ ngữ của bổ ngữ

Trong quan hệ với nghĩa biểu hiện, bổ ngữ được xét về các vai nghĩa. Bổ ngữ giữ những vai nghĩa khác nhau, biến động theo từng sự việc được phản ánh trong câu.

Theo Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), bổ ngữ là một loại thành phần chính, cùng với chủ ngữ và vị ngữ tham gia cấu tạo nòng cốt câu. Chính bản chất ngữ pháp của động từ vị ngữ quyết định có hay không có bổ ngữ trong nòng cốt câu, nếu có thì có bao nhiêu và thuộc loại nào.

Vị trí thường gặp của bổ ngữ là đứng sau vị tố (động từ hoặc tính từ ở vị ngữ), trong những điều kiện nhất định bổ ngữ cũng có thể đứng trước động từ, tính từ.

Bổ ngữ được thể hiện trước hết bằng các thực từ như danh từ, số từ, động từ, tính từ, đại từ nhân xưng, đại từ thay thế (cho danh từ, động từ, tính từ)

Về cấu tạo, bổ ngữ có thể là một từ, một cụm từ chính phụ hay một cụm từ đẳng lập hợp, hoặc giới ngữ.

+ *Trạng ngữ (gia ngữ)*

Về phương diện cú pháp, trạng ngữ "đi kèm" (không nằm trong) cấu trúc cơ sở (hay nòng cốt) của câu; về phương diện nghĩa, trạng ngữ nêu cái cảnh huống, trong đó sự việc được phản ánh trong cấu trúc cơ sở của câu diễn ra. Trạng ngữ cùng với cấu trúc cơ sở của câu làm thành "cấu trúc cú pháp của câu", phân biệt với các yếu tố "nằm ngoài" cấu trúc cú pháp của câu được gọi là "phần biệt lập".

Trạng ngữ, cũng như bổ ngữ, về mặt nghĩa có thể phân biệt theo các vai cụ thể mà thực thể nêu ở trạng ngữ đảm nhiệm. Phần lớn các vai nghĩa của trạng ngữ trùng với nhiều vai nghĩa của bổ ngữ cảnh huống (chu cảnh).

### 1.2.2. Trật tự từ

Có nhiều quan điểm khác nhau về trật tự từ. Tuy nhiên, tiếng Anh và tiếng Việt đều coi trật tự từ như là một phương tiện ngữ pháp (là một phương thức quan trọng biểu thị chức năng cú pháp của từ) và trật tự từ đóng một vai trò rất quan trọng khác là biểu thị sự phân đoạn thực tại, biểu thị tình cảm, cảm xúc của người nói/viết. Không có một ngôn ngữ nào mà trật tự từ của nó hoàn toàn cố định cũng như không có ngôn ngữ nào mà trật tự từ của nó hoàn toàn tự do.

Trật tự từ tiếng Anh và tiếng Việt bình thường được đa số công nhận là:

- Chủ -Vị

- Chủ -Vị -Bổ/ Tân/ Trạng.

Luận án theo quan điểm này.

***1.2.2.1. Trật tự từ trong tiếng Anh theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống***

R.E.Asher (1994) cho rằng trong lịch sử ngôn ngữ học, trật tự từ được nhận thức như là một hiện tượng có tính chất kép: Cái thứ nhất liên quan đến ngữ pháp còn cái thứ hai liên quan đến văn phong. Nếu nhận thức là một hiện tượng liên quan đến ngữ pháp thì trật tự từ là một phương tiện mã hóa các mối quan hệ về mặt ngữ pháp. Các mối quan hệ ngữ pháp tồn tại trong các thành phần nguyên liệu của các ngôn ngữ khác nhau và sự phân loại theo các mối quan hệ ngữ pháp chủ yếu nhất là sự phân chia thành ngôn ngữ tổng hợp tính và ngôn ngữ phân tích tính. Trong các ngôn ngữ tổng hợp tính, mối quan hệ giữa các từ được diễn tả bằng các dạng thức của từ hoặc các biến thể. Trong khi đó, ở các ngôn ngữ phân tích tính, mối quan hệ giữa các từ được diễn tả bằng các từ phụ trợ/bổ sung các vị trí của các từ. Nói cách khác, các ngôn ngữ phân tích tính thường sử dụng các phương tiện hay hình thức ngữ pháp bên ngoài của từ như: các từ chức năng, trật tự từ và giọng điệu. Chính vì vậy, trật tự từ được sử dụng như là phương tiện ngữ pháp quan trọng trong các ngôn ngữ phân tích tính như tiếng Anh và tiếng Việt.

Trong hướng tiếp cận trật tự các thành tố của ngữ pháp chức năng, S.C. Dik (1989) cho rằng "trật tự thành tố là mô hình trật tự thành tố thực trong các ngôn ngữ là kết quả của ba lực chính trung hòa nhau phần nào đó, cho nên một hệ trật tự thành tố nào đó nhất thiết phải được đặc trưng bằng một tổng áp lực (a certain amount of tension). Dưới đây là ba lực đó: a) Quyền ưu tiên của các thành tố có đặc trưng chức năng bất biến trong cùng một vị trí cấu trúc; b) Quyền ưu tiên của việc gán một số vị trí đặc trưng (đặc biệt là vị trí đầu cú) cho những phạm trù thành tố đã được chỉ định và cho những thành tố giữ chức năng Đề hay Tiêu điểm; c) Quyền ưu tiên của những thành tố xếp theo trật tự từ trái sang phải theo độ phức tạp phạm trù tăng dần. Theo ưu tiên này, vị trí phổ biến nhất của một đại từ là trước danh ngữ, và vị trí phổ biến của cú phụ là nằm sau hầu như tất cả các loại thành tố khác. Ưu tiên thứ nhất được lí giải trong ngữ pháp chức năng bằng việc xây dựng một hoặc nhiều mô hình chức năng xác định vị trí mà các thành tố với cương vị chức năng đã cho đảm nhận trong những điều kiện cụ thể. Ưu tiên thứ hai được lí giải bằng việc bổ sung những "vị trí đặc biệt" vào các mô hình chức năng trên và bằng việc đưa ra những qui tắc để chỉ định loại thành tố nào và trong những điều kiện nào thì có thể được đặt vào những vị trí đặc biệt đó. Ưu tiên thứ ba được xác định theo "Trật tự ưu tiên phổ quát của các thành tố" (Language Independent Preferred Order of Constituents, LIPOC). Ngữ pháp chức năng của Simon C. Dik (1989) cũng cho rằng việc sắp xếp trật tự các thành tố không phải là một thuộc

tính "bề sâu" của các ngôn ngữ tự nhiên, mà là một phương tiện biểu đạt thuộc về bề mặt và được sử dụng, trong một chừng mực nhất định để mã hóa các mối quan hệ bề sâu thành các trình tự bề mặt. Vì vậy, một trong những hệ quả quan trọng của điều này là: "Bởi vì trật tự không phải là một thuộc tính bề sâu của các ngôn ngữ tự nhiên, nên không có lí do gì để cho rằng chỉ có một trật tự "cơ bản" đơn nhất đối với một ngôn ngữ. Cách tiếp cận của ngữ pháp chức năng đối với việc sắp xếp trật tự từ hoàn toàn tương thích với sự cùng tồn tại của nhiều mô hình khác nhau, được sử dụng trong những điều kiện khác nhau và vì những mục đích khác nhau" [11].

Khi bàn về khái niệm "trật tự từ", Douglas Biber (1999; 898) cho rằng: Trật tự từ là sự sắp xếp các từ ngữ trong một câu hoặc trong một đoạn văn sao cho chúng có nghĩa, về đặc điểm trật tự từ có thể thay đổi được trong một câu miễn sao chúng vẫn đảm bảo được về mặt ngữ pháp. Trật tự từ hay sự thay đổi trật tự từ là hiện tượng xuất hiện những "đường phân định" đối với một ngôn ngữ như tiếng Anh và phải được xem xét trên nền tảng được cấu tạo cơ bản và thể loại trật tự từ mà tiếng Anh phụ thuộc. Tuy nhiên, sự xuất hiện những "đường phân định" là quyền sở hữu phổ quát của ngôn ngữ mà người nói/ người nghe có thể sản sinh lần lượt từng từ một lần, từ câu này sang câu khác... và bởi vậy cũng tuân theo các quy luật tự nhiên - điểm xuất phát luôn luôn có ảnh hưởng đến sự giải thích cho những điều theo sau nó. Trật tự từ thường được dùng để chỉ trật tự các yếu tố trong câu, các yếu tố đó thường được nhận biết bởi các cụm từ hay mệnh đề chứ không phải là mỗi từ như: chủ ngữ, động từ, tân ngữ vị ngữ hay trạng ngữ.

Dưới góc độ của "lý thuyết phân đoạn thực tại câu", trật tự từ là một phương tiện chủ yếu để thể hiện thông tin thực tại của câu. Sự thay đổi trật tự từ phản ánh mối quan hệ giữa phân đoạn thực tại và phân đoạn cú pháp. Khi sự phân đoạn thực tại xung đột với sự phân đoạn cú pháp thì nó sẽ làm thay đổi sự bố trí bình thường của các thành phần trong câu. Lí thuyết phân đoạn thực tại đặt cơ sở trên ý tưởng về sự khác biệt có tính nguyên tắc giữa hai cách phân tích câu: cách phân chia hình thức câu thành chủ ngữ và vị ngữ để làm rõ cấu trúc ngữ pháp của câu và cách phân chia câu ra thành "chủ đề" và "thuật đề" hoặc "chủ đề", "chuyển đề" và "thuật đề" để làm sáng tỏ phối cảnh chức năng của câu. Việc thay đổi trật tự từ trong câu có liên quan đến mối quan hệ giữa phân đoạn thực tại và phân đoạn cú pháp.

Như vậy, trật tự từ trong tiếng Anh có chức năng xác định ý nghĩa trong câu. Việc thay đổi trật tự từ có những hiệu quả nhất định, có tác dụng nhấn mạnh một bộ phận nào đó trong câu.

#### *1.2.2.2. Trật tự từ trong tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống*

Cũng giống như với tiếng Anh, các nhà ngôn ngữ học cũng đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm "trật tự từ" trong tiếng Việt dựa trên những cơ sở lí luận khác nhau.

Trong cuốn "Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp", Lý Toàn Thắng (2004) cho rằng: khi đảo vị trí các thành tố trong một kết cấu cú pháp, tuy điều đó có thể không vi phạm đến tính "đúng/sai" của mối quan hệ ngữ pháp, nhưng lại đưa tới một hệ quả khác: làm cho kết cấu cú pháp với trật tự từ mới được cảm nhận như có sắc thái nhấn mạnh hơn hoặc biểu cảm, tu từ hơn (hay nói cách khác – "bị đánh dấu"). Theo các nhà nghiên cứu, có bốn loại quy tắc trật tự từ chủ yếu sau:

- Quy tắc chức năng: sử dụng khi sự đối lập giữa hai phạm trù ngữ pháp được thực hiện nhờ vào sự khác biệt vị trí của hai yếu tố (tham gia vào kết cấu cú pháp).

- Quy tắc phi chức năng: Sử dụng khi trật tự các yếu tố của kết cấu có thể dao động do những điều kiện phi ngữ pháp. Nói cách khác, sự biến đổi trật tự từ ở đây không phá vỡ tính ngữ pháp của kết cấu, không làm sai lệch kiểu quan hệ ngữ pháp giữa các yếu tố và không làm tăng hay giảm số lượng các quan hệ ngữ pháp đó.

- Quy tắc kèm: Sử dụng khi vị trí các yếu tố của kết cấu được xác định bởi một quy tắc nhất định, nhưng việc vi phạm đó không làm biến đổi kết cấu thành một kết cấu mới với quan hệ cú pháp khác mà chỉ làm cho kết cấu đó trở nên "ít ngữ pháp hơn" hay "không ngữ pháp bằng". Trong trường hợp này, trật tự từ chỉ là một nét "kèm" của mô hình cú pháp của phát ngôn.

- Quy tắc yếu: Sử dụng khi sự thay đổi trật tự đã cho của các yếu tố (vốn do những điều kiện phi đặc thù gây ra) đều gợi lên ấn tượng "bị đánh dấu" của phát ngôn mới được tạo ra. Tương ứng với bốn quy tắc trật tự từ là bốn kiểu loại trật tự từ sau:

+ Trật tự từ ứng với quy tắc chức năng được gọi là trật tự từ cố định.

+ Trật tự từ ứng với quy tắc phi chức năng được gọi là trật tự từ tự do.

+ Trật tự từ ứng với quy tắc kèm được gọi là trật tự từ chấp thuận.

+ Trật tự từ ứng với quy tắc yếu được gọi là trật tự từ hành dụng.

Theo quan điểm của Diệp Quang Ban (2009): Câu có cấu tạo "thuận – nghịch" là một kiểu câu cũng có tính chất khá riêng biệt của tiếng Việt. Cấu tạo "thuận – nghịch" chỉ là cái nhãn để gán cho kiểu câu có khả năng biến đổi cấu trúc nghĩa biểu hiện trong khi vẫn giữ nguyên cấu trúc nghĩa cú pháp. Trường hợp thuận là trường hợp chủ thể logic làm chủ ngữ, trường hợp nghịch là trường hợp chủ thể logic làm bổ ngữ. Nói cách khác là yếu tố chỉ chủ thể logic có thể làm chủ ngữ đứng trước vị tố trong trường hợp này, mà cũng có thể làm bổ ngữ đứng sau vị tố trong trường hợp khác.

Ví dụ: (A) *Nước đầy thùng*. → (B) *Thùng đầy nước*.

Về mặt ngữ pháp, nếu thừa nhận trật tự từ là phương thức ngữ pháp quan trọng thì phải coi câu A và B là bình đẳng với nhau, cái này không phải là nghịch đảo của cái kia. Yếu tố đứng đầu đều là chủ ngữ của câu. Hai chủ ngữ này được phân biệt tiếp về mặt nghĩa biểu hiện: *nước* ở (A) là chủ ngữ về ngữ pháp và là đương thể (carrier – vật mang trạng thái "đầy") về mặt nghĩa biểu hiện, tức *nước* là chủ thể logic; *thùng* ở (B) là chủ ngữ về ngữ pháp và là "vật chứa" xét về nghĩa biểu hiện, tức không phải là chủ thể logic trong trường hợp này. Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của hai câu (A, B) được phân tích như sau:

| ***Câu A*** | *Nước* | *đầy* | *thùng* |
|---|---|---|---|
| CTCP | chủ ngữ | vị tố | bổ ngữ |
| CTNBH | đương thể (chủ thể logic) | thuộc tính | vị trí |

| ***Câu B*** | *Thùng* | *đầy* | *nước* |
|---|---|---|---|
| CTCP | chủ ngữ | vị tố | bổ ngữ |
| CTNBH | vị trí | thuộc tính | đương thể (chủ thể logic) |

Hai bảng trên cho thấy câu A, B có cấu trúc giống nhau, đồng thời là những câu diễn đạt cùng một sự việc (trong một trường hợp dùng nào đó), nhưng lại có hai cấu hình nghĩa biểu hiện khác nhau, đem lại hai cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau: chủ thể logic ở A đứng trước vị tố, ở B thì đứng sau vị tố. Và trường hợp chủ thể logic đứng trước vị tố, theo tiêu chuẩn của logic, phải được coi là thuận.

Tóm lại, trong cả tiếng Anh và tiếng Việt, câu thường có một trật tự cơ bản là S-V-O. Vị trí của một từ trong câu thường được đánh giá theo chức năng ngữ pháp của nó trong mối quan hệ với các từ khác trong câu. Cả hai ngôn ngữ đều coi trật tự từ như là một phương tiện ngữ pháp và trật tự từ đóng một vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, không có một ngôn ngữ nào mà trật tự từ của nó hoàn toàn cố định cũng như không có ngôn ngữ nào mà trật tự từ của nó hoàn toàn tự do.

### 1.2.3. Mô hình câu

Các mô hình cấu trúc câu phổ biến của tiếng Anh và tiếng Việt được công nhận là:

- Chủ -Vị
- Chủ -Vị - Bổ
- Chủ -Vị -Tân
- Chủ -Vị -Tân ngữ gián tiếp- Tân ngữ trực tiếp
- Chủ -Vị -Tân – Bổ
- Chủ -Vị - Trạng ...

Trong luận án này, các mô hình cấu trúc câu được khảo sát có sự tham gia của các thành phần: Chủ, Vị, Bổ, Tân, hoặc Trạng, tùy theo sự tương ứng với mỗi một mô hình nói trên.

*1.2.3.1. Mô hình câu tiếng Anh*

Theo quan điểm của Quirk (1985), tiếng Anh là một ngôn ngữ thiên chủ ngữ và có chủ ngữ ngữ pháp đứng ở vị trí đầu tiên trong mô hình cấu trúc cơ bản của câu đơn trần thuật với tư cách là dạng thức chuẩn của câu. Có hai cách phân chia câu đã được áp dụng rộng rãi trong ngữ pháp tiếng Anh.

Cách thứ nhất là câu được chia thành hai phần gồm Chủ ngữ (Subject) và Vị ngữ (Predicate). Vị ngữ lại được chia nhỏ thành Operator (trợ động từ thứ nhất) và Predication (vị ngữ không ngôi). Với cách phân chia này ta có hai mô hình cơ bản là:

+ Subject + Predicate

+ Subject + Operator + Predication.

Cách thứ hai là câu được phân chia thành năm thành phần bắt buộc: S (subject), V (verb), O (object), C (Complement) và A (adverbial). Với cách phân chia này ta có bảy mô hình câu cơ bản được hình thành dựa trên khả năng kết hợp các thành phần câu theo trật tự thông thường là: SV, SVO, SVC, SVA, SVOO, SVOC, SVOA.

*1.2.3.2. Mô hình câu tiếng Việt*

Theo quan điểm của các nhà Việt ngữ học, có ba loại câu trần thuật tiếng Anh là SVO, SVC và SVA, có sự tương ứng như sau với các loại câu tiếng Việt:

- Loại Câu SVO tiếng Anh có sự tương đương với loại câu tiếng Việt sau: câu hai thành phần có vị ngữ động từ cụ thể là câu biểu thị đối tượng của hành động đi với động từ ngoại động: câu chứa vị tố động từ tính, câu có nòng cốt song phần đơn giản.

- Loại câu SVC tiếng Anh tương đương với các loại câu tiếng Việt sau đây: câu hai thành phần có vị ngữ danh từ hay tổ hợp danh từ (có hệ từ hay không có hệ từ); câu tả có nghĩa về trạng thái biến hóa, về tính chất của sự vật; câu luận dùng để định nghĩa, giới thiệu, biểu thị quá trình suy luận.

- Loại câu SVA tiếng Anh tương với các loại câu tiếng Việt sau đây: câu chỉ quan hệ có vị tố là những từ chỉ quan hệ dùng không độc lập (có hệ từ hay không có hệ từ); câu không có chủ ngữ, câu tồn tại định vị, câu nòng cốt đơn, song phần đơn.

**1.2.4. Câu theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống**

Theo quan điểm của ngữ pháp chức năng hệ thống của MAK. Halliday, câu được phân tích dựa trên ba bình diện về chức năng nghĩa của câu:

*1.2.4.1. Câu với chức năng biểu hiện: diễn đạt kinh nghiệm*

Trong giao tiếp bằng ngôn ngữ, người ta thường đề cập đến một hoặc những sự thể nào đó trong kinh nghiệm của mình. Việc này thực hiện được là nhờ ngôn ngữ có phương tiện tương thích với nó, đó chính là câu trong chức năng biểu hiện. Câu có vai trò trọng tâm bởi vì nó chứa đựng một nguyên tắc cơ bản để mô hình hóa kinh nghiệm – đó là nguyên tắc thực tế được hình thành nên từ các quá trình (process). Hệ thống

ngữ pháp qua đó phương thức phản ánh được thể hiện là hệ thống chuyển tác (transitivity). Hệ thống chuyển tác phân thế giới kinh nghiệm thành một tập hợp các kiểu quá trình có thể xử lí được. Đó là: quá trình vật chất (material processes), quá trình tinh thần (mental processes) và quá trình quan hệ (relational processes). Vật chất, tinh thần và quan hệ là ba kiểu quá trình chính trong hệ thống chuyển tác tiếng Anh. Trên đường ranh giới giữa quá trình vật chất và quá trình tinh thần là các quá trình hành vi (behavioural processes): các quá trình thể hiện những biểu hiện bên ngoài của hành động nội tâm, thể hiện ra bên ngoài các quá trình của ý thức và trạng thái sinh lí. Trên đường ranh giới giữa quá trình tinh thần và quá trình quan hệ là phạm trù của những quá trình phát ngôn (verbal processes): các mối quan hệ tượng trưng được thiết lập trong ý thức của con người và được thể hiện dưới hình thức ngôn ngữ, như là sự phát ngôn và thể hiện ý nghĩa. Và trên đường ranh giới giữa quá trình quan hệ và quá trình vật chất là quá trình liên quan đến sự hiện hữu (quá trình hiện hữu – existential processes), qua đó các hiện tượng thuộc tất cả các loại thuần túy được công nhận "là" – tồn tại, hay xảy ra. Mỗi quá trình gồm ba thành phần: chính quá trình; các tham thể trong quá trình; và các chu cảnh (cảnh huống) liên quan đến quá trình.

Những quá trình cung cấp khung tham chiếu để giải thích kinh nghiệm của chúng ta về những gì đang diễn ra. Các khái niệm quá trình, tham thể, và chu cảnh là những phạm trù ngữ nghĩa giải thích một cách khái quát nhất các hiện tượng của thế giới hiện thực được thể hiện trong các cấu trúc ngôn ngữ như thế nào. Các tham thể và các cảnh huống được gọi chung là các vai nghĩa. Vai nghĩa của câu trong tiếng Anh bao gồm:

*+ Hành thể (actor)/người/vật trải qua sự biến (undergoer/processed)*

Hành thể, hay "kẻ gây ra hành động" (Halliday, 1994: 109), là chủ thể mang đặc điểm của động vật, và hẹp hơn nữa là của người, tiến hành một hành động và có chủ định. Hay người/vật trải qua sự biến là chủ thể trải qua một sự kiện không chủ định.

Cùng được mã hóa bằng một đại từ hay một (ngữ đoạn) danh từ, Hành thể hay Người/vật trải qua sự biến đều có thể làm chủ ngữ/chủ đề trong câu.

*+ Chu cảnh*

Về nguyên tắc, chu cảnh mang tính tùy chọn thường được thể hiện bằng thành phần mang trạng tính (adverbial) cụ thể là trạng từ/trạng ngữ (adverb/ adverbial phrase), giới ngữ (prepositional phrase), ngữ vị từ nguyên thể (to-infinitive phrase) hay tiểu cú hữu hạn (finite clause) có thể xuất hiện ở nhiều vị trí khác nhau trong câu trần thuật tiếng Anh. Sự xuất hiện của vai nghĩa này trong câu tiếng Anh và tiếng Việt luôn chịu nhiều tác động của nhiều yếu tố khác trong câu. Có nhiều loại chu cảnh khác nhau như: chu cảnh chỉ thời gian, chu cảnh chỉ không gian, chu cảnh chỉ cách thức, chu

cảnh chỉ sự đội lốt, chu cảnh chỉ sự liên đới, chu cảnh chỉ sự đại diện, chu cảnh chỉ sự hỗ tương, chu cảnh chỉ sự so sánh, chu cảnh chỉ phương tiện, chu cảnh chỉ nguyên nhân, chu cảnh chỉ mục đích, chu cảnh chỉ kết quả, chu cảnh chỉ điều kiện...

Trên thực tế, sự xuất hiện của vai nghĩa này trong câu tiếng Anh cũng như trong tiếng Việt, chịu tác động của nhiều yếu tố khác trong câu. Có thể phân loại chu cảnh dựa trên ý nghĩa mà chúng biểu đạt.

+ *Tác thể (agent) và Lực tác động (force)*

Tác thể là chủ thể của hành động chuyển tác thường mang nét nghĩa của người hoặc động vật chủ định: 1) hoạt động theo một kiểu nào đó để tạo ra một thực thể không hề tồn tại trước hoặc 2) thực sự tác động vào một đối tượng nào đó và làm cho nó có được trạng thái hiện tồn, biến đổi hay không còn tồn tại nữa.

+ *Đối thể (patient)*

Đối thể (patient), cái đối tượng bị tác động hay là "kẻ mà quá trình mở rộng tới" (Halliday, 1994: 110), có thể làm chủ ngữ /chủ đề của câu.

+ *Tiếp thể (recipient)*

Tiếp thể, người tiếp nhận "hàng hóa" hay "dịch vụ" (Halliday, 1994) làm chủ ngữ/chủ đề của câu có vị từ ở thái bị động nơi mà tác thể có thể ở dạng ngầm ẩn hay hiển lộ.

+ *Công cụ (instrument) hay phương tiện (means)*

Công cụ (instrument) hay phương tiện (means) có thể làm chủ ngữ/đề ngữ trong câu.

+ *Cảm thể (senser), còn gọi là nghiệm thể (experiencer*), là thực thể có "cảm giác, nhận thức, tri giác" (Halliday,1994:114) thường xuất hiện cùng với hiện tượng (phenomenon), còn được gọi là mục tiêu (goal), là cái "được cảm, được nghĩ hay tri nhận".

+ *Hiện tượng (Phenomenon)*

Hiện tượng còn được gọi là Mục tiêu (Goal), cái "được cảm, được nghĩ hay được thấy" [Halliday, 1994: 117], làm chủ ngữ/chủ đề trong câu.

+ *Đương thể (carrier)*

Đương thể là một thực thể hoặc bất kì một sự việc gì được quy gán cho một thuộc tính nào đó. Đương thể được thể hiện bằng một danh từ riêng; một danh ngữ xác định hoặc bất định; một đại từ; một ngữ vị từ nguyên thể; một vị danh ngữ; một tiểu cú vô hạn hay hữu hạn và đều đã được danh ngữ hóa và phụ ngữ hóa bằng tác tử *for* (để mà), *that* (rằng) hay *a wh-word* (một từ bắt đầu bằng wh).

+ *Bị đồng nhất thể (identified*), gồm cả bị sở hữu thể *(possessed)* và đồng nhất thể *(identifier).*

Bị đồng nhất thể là thực thể được xác định bằng cách bị đồng hóa với một thực thể khác – được gọi là đồng nhất thể – thông qua quá trình quan hệ đồng nhất. Quá

trình này được mã hóa bằng một số lượng khá phong phú các vị từ đẳng thức (equative), (Halliday, 1994: 123).

Đồng nhất thể có thể được thể hiện bằng một danh từ; một danh ngữ xác định; một đại từ nhân xưng, một tính từ ở dạng so sánh cực cấp; vị danh ngữ; một ngữ vị từ nguyên thể; hay một tiểu cú hữu hạn. Câu có quan hệ đồng nhất cho phép đảo hai diễn tố của nó. Khi đồng nhất thể theo sau vị từ ở thái chủ động trong câu bị đảo ra đầu câu, nó sắm vai bị đồng nhất thể trong các câu có vị từ ở thái bị động.

*+ Phát ngôn thể (sayer)*

Trong quá trình phát ngôn được hiểu theo nghĩa rộng của nó là bất kỳ kiểu trao đổi ý nghĩa mang tính tượng trưng nào, "Phát ngôn thể là bất kỳ cái gì tạo ra tín hiệu" (Halliday, 1994: 140). Câu có chủ ngữ/chủ đề là phát ngôn thể là một câu phức với vế trước là tiểu cú phát ngôn (verbal clause) và theo sau là tiểu cú bị phóng chiếu (projected clause), tức ngôn thể (verbiage) hay "cái được nói ra", (Halliday, 1994: 148).

*+ Đích ngôn thể (target)*

Đích ngôn thể (target) "thực thể được quá trình phát ngôn nhắm tới" (Halliday, 1994: 110), làm chủ ngữ/chủ đề trong câu.

*+ Ngôn thể (verbiage)*

Được mã hóa bằng một tiểu cú (hữu hạn) bị phóng chiếu đứng trước hay bao bọc phát ngôn thể, ngôn thể – "cái được nói ra" (Halliday, 1994: 148).

Được mã hóa bằng một đại từ hay một danh ngữ, ngôn thể làm chủ đề/chủ ngữ trong câu. Khi ngôn thể không được mã hóa bằng một đại từ hay một danh ngữ, nó không thể làm chủ đề/ chủ ngữ của câu bị động. Ngôn thể cũng không đảo ra đầu câu làm chủ đề/ chủ ngữ được nếu phát ngôn thể mà nó cùng xuất hiện trong câu thuộc loại vô ý thức.

*+ Tiếp ngôn thể (receiver)*

Tiếp ngôn thể – "người tiếp nhận lời nói" trong quá trình phát ngôn, (Halliday, 1994: 144), làm chủ đề/chủ ngữ trong câu.

*+ Hữu thể (Existent)*

Hữu thể là cái gì đó tồn tại, xuất hiện hay tan biến trong một cái khung thời gian, không gian hay cảnh huống. Về nguyên tắc, đó có thể là "bất kỳ một hiện tượng nào được giải thích như là một "sự vật": người, vật, thể chế, vật trừu tượng." (Halliday, 1994: 142).

Mã hóa quá trình tồn tại trong câu luôn ở thái chủ động ngoài *be* còn có những vị từ có quan hệ mật thiết với ý nghĩa xảy ra/bột phát và tồn tại/hiện hữu như: *exist* (có, tồn tại), *live* (sống), *result* (có), *remain/stay* (ở lại), *occur/happen/come out* (xảy ra).v.v..., những vị từ có chứa một đặc điểm chu cảnh nào đó, chỉ thời gian như: *follow*

(tiếp theo), *ensure* (theo sau), chỉ không gian như: *sit* (ở), *stand* (đứng), *lie* (nằm)..., chỉ cách thức như: *float* (lơ lửng, bồng bềnh), *flutter* (phất phới, lung linh)..., những vị từ mang nghĩa hiện hữu, trừu tượng như: *flourish* (phát đạt), *prevail* (thịnh hành)... (Halliday, 1994: 142).

+ *Ứng thể (Behavier)*

Ứng thể – "một thực thể có ý nghĩa", (Halliday, 1994:139), vừa giống cảm thể/nghiệm thể vì cả hai vai nghĩa này đều có ý thức, vừa giống hành thể vì chúng mang nét nghĩa động. Cái mà ứng thể (điển hình là con người) thường làm là không chủ ý và thực hiện các hành vi tâm sinh lý như *breathe* (thở), *cough* (ho), *weep* (khóc thầm), *sign* (thở dài), *faint* (ngất xỉu)...

+ *Cương vực (Range)*

[Halliday,1994: 146-149] cho rằng Cương vực là thành phần cụ thể hóa phạm vi của quá trình". Không làm Chủ ngữ kiêm Chủ đề, cương vực vẫn có vai trò hết sức đặc sắc trong câu trần thuật tiếng Anh vì có quan hệ với ba vai nghĩa khác nhau là Đối thể, Hiện tượng/Mục tiêu và Ngôn thể trong ba quá trình lớn là vật chất, tinh thần và phát ngôn.

Cách phân tích tam phân của các quá trình là cái nằm ở phía sau sự phân biệt ngữ pháp giữa động từ, danh từ, và các từ loại còn lại, một mẫu thức mà trong hình thức này hay hình thức kia có lẽ là phổ biến trong các ngôn ngữ của loài người. Có thể thể hiện cách phân tích này như sau:

| **Kiểu thành phần** | **Được hiện thực hóa điển hình bởi** |
|---|---|
| quá trình | cụm động từ |
| các tham thể | cụm danh từ |
| chu cảnh | cụm trạng từ hay cú đoạn |

Các khái niệm quá trình, tham thể và chu cảnh là những phạm trù ngữ nghĩa giải thích một cách khái quát nhất các hiện tượng của thế giới hiện thực được thể hiện trong các cấu trúc ngôn ngữ như thế nào. Tuy nhiên, khi chúng ta phân tích ngữ pháp của cú, chúng ta không sử dụng những khái niệm này bởi vì chúng khá khái quát. Chúng ta sẽ cần phải công nhận các chức năng cụ thể hơn những chức năng này và có thể khác theo từng kiểu quá trình được thể hiện một.

- *Các quá trình vật chất*: các quá trình hành động

Thành phần "logic" (trong nét nghĩa này) là một chức năng trong cấu trúc chuyển tác. Quan điểm truyền thống về chuyển tác trong nền ngữ học châu Âu là như sau: (1) Mỗi quá trình đều có một hành thể. (2) Một số quá trình, nhưng không phải tất cả, cũng có tham thể thứ hai gọi là Đích thể (goal). Ví dụ:

| Ông thị trưởng giải tán ủy ban | | |
|---|---|---|
| *The mayor* | *Dissolved* | *the committee* |
| Hành thể | quá trình | đích thể |

Quá trình vật chất là các quá trình "hành động". Chúng diễn đạt khái niệm một thực thể nào đó "làm" một cái gì đó – mà có thể được thực hiện "sang" một thực thể khác. Mặt khác, thực thể khác có thể là thực thể được tạo ra bởi quá trình, không tồn tại trước. Do đó, có thể phân biệt giữa kiểu "tác động vào/tới" hay/và kiểu mang lại (bring out) hay tạo vật (creative) trong các quá trình vật chất. Tham thể được hình thành do kết quả của quá trình tạo vật vẫn được gọi là Đích thể; những cú như vậy cũng có hai sự lựa chọn chủ động và bị động. Ví dụ:

| A: cú chủ động | | | | B: cú bị động | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| con sư tử vồ người khách du lịch | | | | người khách du lịch bị con sư tử vồ | | |
| *the lion* | *caught* | *the tourist* | | *the tourist* | *was caught* | *by the lion* |
| hành thể | QTVC | đích thể | | đích thể | QTVC | hành thể |

Trong cả hai trường hợp (A) và (B): *the lion* "con sư tử" (hành thể) là "kẻ gây ra hành động". *The tourist* "người khách du lịch" (đích thể) xuất hiện trong quá trình đồng thời với "hành thể", vì thế sự thể hiện có thể xuất hiện dưới một trong hai hình thức: hoặc dạng chủ động (A) hoặc dạng bị động (B). Với một quá trình cụ thể, một tham thể nhất định sẽ đóng một vai diễn rõ ràng nào đó. Tuy nhiên, ngay cả với những quá trình cụ thể, vẫn có một số quá trình mà Hành thể là không chủ tâm, và do đó ở một khía cạnh nào đó giống Đích thể. Với những quá trình trừu tượng hơn, chúng ta thường thấy sự khác biệt rất ít giữa dạng chủ động và dạng bị động.

Nói tóm lại, trong tiếng Anh có một lớp nghĩa gồm một quá trình với các tham thể cụ thể: một Hành thể bắt buộc và một Đích thể tùy thuộc. Đây chính là lớp cú quá trình vật chất. Quá trình vật chất không cần thiết phải là các sự kiện vật chất, cụ thể; chúng có thể là những hành động, những sự kiện trừu tượng.

- *Các quá trình tinh thần*: các quá trình cảm giác

Quá trình tinh thần thể hiện qua các cú chỉ tình cảm, tri nhận và tri giác. Đối với cú thể hiện bằng quá trình tinh thần chúng ta không thể giải thích cả hai hình thức chủ động hay bị động là một dạng đặc biệt của nhau, mà mỗi cú có hình thức bị động riêng biệt của nó. Ví dụ:

| | | |
|---|---|---|
| *No one believed his story* | tương xứng với | *His story convinced no one* |
| *Children fear ghosts* | | *Ghosts frighten children* |

Ví dụ trên cho chúng ta thấy rằng các cặp động từ thể hiện quá trình tinh thần: *believe – convince*; *fear – frighten* có liên hệ với nhau về mặt ngữ nghĩa, và chúng được giải thích như là những hình thức khác nhau của cùng một từ.

Có những cú không giống với các cú vật chất và cần phải được giải thích theo một cách khác. Các cú chỉ tinh thần bao gồm các cú chỉ cảm giác (feeling), suy nghĩ (thinking) và tri giác (perceiving). Phạm trù "cú tinh thần" được khu biệt về mặt ngữ pháp với các cú vật chất theo các tiêu chí sau:

+ Trong một cú thuộc quá trình tinh thần, thường có một tham thể là người; đó là tham thể có thể cảm được – cảm giác, tri nhận, tri giác. Đặc điểm quan trọng của tham thể này là nó được "ban cho ý thức". Nói cách khác, tham thể tham gia vào quá trình tinh thần là tham thể được gọi theo đại từ *he* (anh ấy), hoặc *she* (chị ấy), chứ không phải *it* (nó).

+ Đối với thành phần chính yếu khác trong cú tinh thần, đó là thành phần được cảm, được tri nhận, hay được tri giác, thì tình hình lại ngược lại. Nghĩa là, tập hợp các sự vật đảm nhiệm vai diễn này trong cú không chỉ bị hạn chế vào bất kì phạm trù ngữ nghĩa hay phạm trù ngữ pháp cụ thể nào, nó thường rộng hơn tập hợp các tham thể có thể có trong một cú vật chất. Nó có thể không phải chỉ là một "sự vật" (thing) và còn cả một "thực thể" (fact) nữa. Thuật ngữ "thực thể" có hình thức tương đương với thuật ngữ "siêu hiện tượng" (metaphenomenon). Một siêu hiện tượng là một cái gì đó được xây dựng như là một tham thể bởi phóng chiếu – nghĩa là, như là một ngôn bản gián tiếp hay ngôn bản "được thông báo lại" điển hình là dưới hình thức của một cú có *that* (rằng) nếu như thức cơ bản là thức tuyên bố.

+ Các quá trình tinh thần là các quá trình cảm giác (feeling), suy nghĩ (thinking), và nhìn thấy (seeing). Các tham thể trong quá trình tinh thần là Cảm thể (senser) và Hiện tượng (phenomenon). Cảm thể là vật có ý thức có thể *cảm, nghĩ* hay *thấy*. Hiện tượng là tham thể được "cảm" – được cảm, được nghĩ hay được thấy. Trong toàn bộ phạm trù quá trình tinh thần, ba đặc điểm: *cảm, nghĩ* và *thấy* – hình thành ba tiểu loại chính được gọi bằng các thuật ngữ khái quát hơn là tri giác (perception), tình cảm (affection), và tri nhận (cognition). Quá trình vật chất là các quá trình có một tham thể "nội hướng" và các quá trình có hai tham thể "ngoại hướng". Với quá trình tinh thần không có sự phân biệt nào giữa hai kiểu; về tiềm năng tất cả các quá trình tinh thần đều bao gồm cả Cảm thể và Hiện tượng. Ví dụ:

| Nó làm tai tôi đau | | |
|---|---|---|
| *It* | *hurts* | *my ears* |
| Hiện tượng | Quá trình: tình cảm | Cảm thể |

- *Các quá trình quan hệ*: các quá trình tồn tại

Quá trình quan hệ có thể được cho là những quá trình tồn tại. Trong cú quan hệ, có hai phần của "sự tồn tại": cái này được cho là "là"của cái kia. Nói cách khác, một mối quan hệ được thiết lập giữa hai thực thể tách biệt. Mọi ngôn ngữ đều chứa đựng trong ngữ pháp của nó một cấu trúc có hệ thống các quá trình quan hệ. Hệ thống các

quá trình quan hệ trong tiếng Anh hoạt động theo ba kiểu chính: quan hệ sâu (intensive): "x is a" (x là a), quan hệ chu cảnh (circumstantial): "x is at a" (x ở a) và quan hệ sở hữu: "x has a" (x có a). Mỗi kiểu xuất hiện dưới hai phương thức tách biệt: định tính (attributive) và đồng nhất (identifying).

Sự tương tác của chúng tạo ra sáu phạm trù cú quan hệ như được trình bày bảng dưới đây:

| Phương thức / Kiểu | 1. Định tính | 2. Đồng nhất |
|---|---|---|
| (1) Sâu | *Sara is wise* | *Tom is the leader; The leader is Tom* |
| (2) Chu cảnh | *The fair is on Tuesday* | *Tomorrow is the 10th; 10th is tomorrow* |
| (3) Sở hữu | *Peter has a piano* | *The piano is Peter's; Peter's is the piano* |

Các cú đồng nhất có thể đổi chỗ cho nhau được để X và A có thể chuyển đổi được vị trí cho nhau: *Tom is the leader = The leader is Tom*. Các cú định tính không thể đổi chỗ cho nhau được. Để giải thích hai khái niệm "định tính" và "đồng nhất", chúng ta sẽ xem xét kiểu quan hệ sâu " X is A". Trong kiểu quá trình quan hệ này, động từ điển hình nhất là "be" (là), còn "X" và "A" là hai cụm danh từ. Ngoài ra, nhiều động từ khác "be" cũng xuất hiện, và đây cũng là một đặc điểm khu biệt khác: các động từ dùng trong các cú quan hệ định tính và đồng nhất thuộc vào hai lớp khác nhau. Cũng có những sự khác nhau trong các kiểu của thành phần định danh xuất hiện như là sự đồng nhất và như là thuộc tính.

Trong phương thức định tính, một thực thể có một phẩm chất nào đó được gán cho hay quy gán cho nó, được gọi là *thuộc tính* (attribute), còn thực thể được quy gán gọi là *thực thể* (carrier). Có bốn đặc điểm của cú quan hệ định tính phân biệt chúng với các cú quan hệ đồng nhất.

+ Cụm danh từ đóng chức năng thuộc tính điển hình là cụm danh từ không xác định. Nó không thể là danh từ riêng hay đại từ.

+ Động từ hiện thực hóa quá trình là động từ thuộc các lớp "quy qán" (ascriptive): *become* (trở thành), *turn into* (chuyển thành), *grow into* (phát triển thành), *get* (trở lên), *go* (hóa), *remain* (vẫn), *stay* (cứ), *keep* (giữ), *seem, appear* (dường như), *qualify as* (có khả năng như là), *turn out* (hóa ra, té ra), *end up as* (kết thúc như là), *look* (trông như), *sound* (nghe như), *smell* (ngửi thấy như), *feel* (cảm thấy), *taste* (nếm thấy), *be* (là).

+ Thành phần để dò các cú kiểu này là : *what, how, what...like?*

+ Những cú này không thể đảo ngược được: không có các hình thức bị động.

Có sự trùng lặp giữa các quá trình tinh thần với các quá trình quan hệ và có thể được giải thích bằng cả hai cách. Có bốn biểu hiện chính: bổ nghĩa phụ, giai đoạn bị

đánh dấu, thì và cấu trúc cú. Nhưng bốn tiêu chí này không thường xuyên trùng hợp, và không phải mọi trường hợp đều được phân biệt rõ ràng thành phạm trù này hay phạm trù kia.

Trong phương thức đồng nhất, một vật có một bản sắc được phân cho nó; nghĩa là thực thể này được dùng để xác định thực thể kia: "x được xác định bởi a" hay "a dùng để xác định bản ngã của x". Về cấu trúc, thành phần x, thành phần được xác định (đồng nhất), là bị đồng nhất thể (identified), và thành phần a, dùng để xác định, là đồng nhất thể (identifier).

Những đặc điểm của cú quan hệ đồng nhất tương phản với những đặc điểm của cú quan hệ định tính:

+ Cụm danh từ hiện thực hóa chức năng đồng nhất thể điển hình là cụm danh từ xác định, hoặc là danh từ riêng hay đại từ. Hình thức duy nhất với tính từ làm chính tố là hình thức so sánh cao nhất.

+ Động từ hiện thực hóa quá trình thuộc một trong các lớp động từ "đẳng thức" (equative): *play* (đóng vai), *act as* (hoạt động như là), *function as* (đóng chức năng như là), *serve as* (dùng như là), *mean* (nghĩa là), *indicate* (thể hiện, chỉ ra), *suggest* (gợi ra), *imply* (hàm chỉ), s*how* (chỉ), *betoken* (chứng tỏ), *mark* (đánh dấu), *reflect* (phản ánh), equal (bằng), *add up to* (tăng lên đến), *make* (làm thành), *comprise* (bao gồm), *feature* (đóng vai trò nổi bật), *include* (kể cả), *represent* (thể hiện), *constitute* (hình thành), form (tạo thành), *exemplify* (ví dụ), *illustrate* (minh họa), *express* (diễn tả), *signify* (chứng tỏ), *realise* (hiện thực hóa), *spell* (giải thích rõ), *stand for* (nói lên, thể hiện), *be* (là), *become* (trở thành), *remain* (vẫn là)...

+ Phần dò cho các cú quan hệ này là *which; who; which/who...as.*

+ Những cú này có thể đảo ngược được vị trí. Tất cả động từ trừ những động từ trung hòa *be, become, remain* và những động từ có các giới từ đứng sau như *act as* đều có hình thức bị động. Các cú có *be* đảo vị trí không thay đổi hình thức của động từ. Thành phần đồng nhất thể thường mang âm sắc nổi bật. Trong thực tế, nó không phải là như vậy; nó chỉ là mẫu thức điển hình, bởi vì chính thành phần xác định là thành phần có khả năng mang thông tin mới. Do đó, Bị đồng nhất thể – Đồng nhất thể không thể chỉ thuần túy chỉ giải thích như là thông tin Mới – Cũ trong quan hệ đồng nhất; bởi vì Bị đồng nhất thể – Đồng nhất thể là hai chức năng thể hiện trong khi thông tin Mới – Cũ là hai chức năng ngôn bản. Các cú quan hệ đồng nhất có sự lựa chọn về dạng; chúng có hình thức chủ động và bị động. Sự khác nhau này hoàn toàn có hệ thống, một khi chúng ta nhận ra cấu trúc của Biểu hiện và Giá trị: dạng chủ động là dạng trong đó Chủ ngữ là Biểu hiện (giống với trường hợp của các cú vật chất trong đó chủ động là hình

thức trong đó chủ ngữ cũng là Hành thể). Sự khác nhau quan trọng nhất là động từ điển hình của quá trình quan hệ đồng nhất, đó là động từ *be*, không có hình thức bị động.

Với một động từ khác *be*, thành phần nào là Biểu hiện, thành phần nào là Giá trị là hoàn toàn rõ, bởi vì điều này có thể được xác định bằng dạng: nếu cú là cú chủ động, thì Chủ ngữ là Biểu hiện, trong khi đó nếu cú là Bị động, thì Chủ ngữ là Giá trị.

Sự phân biệt tương tự giữa phương thức định tính và phương thức sở hữu cũng được thấy trong hai kiểu quá trình khác: quá trình quan hệ sở hữu và quá trình quan hệ chu cảnh.

+ Quan hệ chu cảnh: trong kiểu quá trình này, mối quan hệ giữa hai vế là mối quan hệ thời gian, địa điểm, phong cách, nguyên nhân, đồng hành, vai diễn, vấn đề hay góc cạnh. Đây là những thành phần chu cảnh trong cú tiếng Anh.

Trong phương thức định tính: thành phần chu cảnh là thuộc tính được gán cho một thực thể nào đó. Chúng có hai hình thức: chu cảnh được thể hiện dưới hình thức Thuộc tính và chu cảnh được thể hiện dưới hình thức Quá trình.

Trong phương thức đồng nhất, chu cảnh có hình thức của mối quan hệ giữa hai thực thể; thực thể này được liên hệ với thực thể kia bởi đặc điểm thời gian, địa điểm hay phong cách,v.v... Giống như cú quan hệ chu cảnh định tính, mẫu thức này có thể được tổ chức về ngữ nghĩa theo một trong hai cách: như là một đặc điểm của tham thể hoặc như là một đặc điểm của quá trình.

+ Quan hệ sở hữu: Trong kiểu quan hệ sở hữu, mối quan hệ giữa hai vế là mối quan hệ sở hữu, thực thể này chiếm hữu thực thể kia.

Trong phương thức định tính, mối quan hệ sở hữu một lần nữa có thể được diễn đạt hoặc như là thuộc tính hoặc như là quá trình. Nếu mối quan hệ được nhập mã như là Thuộc tính, thì nó có hình thức của một cụm danh từ sở hữu, vật bị sở hữu là Đương thể còn Sở hữu thể là thuộc tính. Nếu mối quan hệ được nhập mã như là Quá trình, thì hai khả năng xuất hiện. Hoặc Sở hữu thể là Đương thể và Bị sở hữu thể là Thuộc tính. Hoặc bị sở hữu thể là Đương thể và Sở hữu thể là Thuộc tính.

Trong phương thức đồng nhất, sở hữu có hình thức của mối quan hệ giữa hai thực thể, và một lần nữa mối quan hệ này được tổ chức theo hai cách: hoặc như là một đặc điểm của các tham thể hoặc như là một đặc điểm của quá trình. Mối quan hệ giữa các tham thể Sở hữu thể và Bị sở hữu là quan hệ của Biểu hiện và Giá trị.

Ngoài ba kiểu Quá trình chính đã được trình bày ở trên còn có ba kiểu Quá trình phụ – định vị trên đường ranh giới mỗi kiểu quá trình chính:

- *Quá trình hành vi*: có chung những đặc điểm của quá trình vật chất và quá trình tinh thần. Đây là những quá trình (điển hình của con người) chỉ hành vi tâm sinh lí, như *thở, ho, cười, mơ*...Chúng là những quá trình rõ ràng nhất trong toàn bộ sáu

kiểu quá trình bởi vì chúng không có những đặc điểm được xác định riêng. Tham thể "ứng xử" được gọi tên là Ứng thể (behavier), điển hình là một thực thể có ý thức giống như Cảm thể; nhưng quá trình về mặt ngữ pháp giống quá trình hành động hơn. Đường ranh giới giữa các quá trình hành vi là bất định; nhưng chúng ta có thể nhận ra các kiểu chính sau đây:

+ Các quá trình (cận tinh thần) ý thức được thể hiện như là các hình thức ứng xử như: *look* (nhìn), *watch* (theo dõi), *stare* (lườm)...

+ Các quá trình phát ngôn (cận phát ngôn) như hành vi như: *talk* (nói), *chatter* (nói huyên thuyên)...

+ Các quá trình sinh lí thể hiện trạng thái của ý thức như: *cry* (khóc), *laugh* (cười), *frown* (chau mày)...

+ Các quá trình sinh lí khác như: *breathe* (thở), *cough* (ho), *faint* (ngất xỉu)...

+ Các tư thế của thân thể (cận vật chất) các thú tiêu khiển như: *sing* (hát), *dance* (múa), *lie down* (nằm xuống)...

Quá trình hành vi hầu như là các quá trình trung tính; mẫu thức điển hình nhất là một cú chỉ gồm có Ứng thể và Quá trình.

- *Quá trình phát ngôn*: có chung những đặc điểm của quá trình quan hệ và quá trình tinh thần. Đây là các quá trình nói năng, bao hàm bất kì kiểu trao đổi ý nghĩa tượng trưng nào với chức năng là Phát ngôn thể. Quá trình phát ngôn có những mẫu thức riêng biệt. Bên cạnh khả năng có thể phóng chiếu, chúng chứa đựng ba chức năng tham thể khác ngoài chức năng Phát ngôn thể: Tiếp ngôn thể (receiver), Ngôn thể (verbiage), và Đích ngôn thể (Target). Các quá trình phát ngôn không yêu cầu tham thể có ý thức. Phát ngôn thể có thể là bất kì một cái gì tạo ra tín hiệu. Tiếp ngôn thể là tham thể với nó lời nói được hướng tới. Ngôn thể là chức năng tương ứng với cái được nói ra. Nó có thể có một trong hai ý nghĩa sau đây: Nó có thể là nội dung của cái được nói ra, nó cũng có thể là tên gọi của lời nói. Đích ngôn thể là thực thể được nhắm tới bởi quá trình phát ngôn.

- *Quá trình hiện hữu:* có chung những đặc điểm của quá trình vật chất và quá trình quan hệ. Các quá trình này thể hiện một cái gì đó tồn tại hay xảy ra. Ví dụ: *There was a little guinea-pig; there seems to be a problem.* Điển hình của các cú hiện hữu là chúng có chứa động từ *be*; ở khía cạnh này chúng cũng giống các cú quan hệ. Nhưng những động từ khác thường xuất hiện khác với các động từ trong cú quan hệ định tính và các cú đồng nhất. Một nhóm động từ có quan hệ mật thiết với ý nghĩa "tồn tại" hay "xảy ra" như: *exist, remain, arise,occur, come about, happen, take place.* Một nhóm các động từ khác chứa đựng một đặc điểm chu cảnh nào đó như chỉ thời gian: *follow, ensue*, chỉ địa điểm: *sit, stand, hang, rise, stretch, emerge, grow*. Nhưng một số lượng

lớn các động từ khác cũng có thể được dùng trong phạm vi các cú hiện hữu trừu tượng như: *erupt, flourish, prevail*. Thường xuyên, một cú hiện hữu chứa một thành phần chu cảnh tách biệt chỉ thời gian hay địa điểm; nếu thành phần chu cảnh là Đề ngữ thì chủ ngữ *there* có thể bị lược bỏ – nhưng nó vẫn sẽ xuất hiện nếu có thành phần câu hỏi đính kèm. Sự vật hay sự kiện được cho là tồn tại được gọi là Hiện Hữu thể (existent). Trên nguyên tắc, có thể tồn tại bất kì một hiện tượng nào được giải thích như là một "sự vật": người, sự vật, thể chế, vật trừu tượng...

Tóm lại, có thể tóm tắt các kiểu quá trình như sau:

| Kiểu quá trình | Phạm trù ý nghĩa | Tham thể |
|---|---|---|
| **vật chất:** | hành động | Hành thể, Đích thể |
| hành động | hành động | |
| sự kiện | xảy ra | |
| **hành vi** | ứng xử | Ứng thể |
| **tinh thần:** | cảm giác | Cảm thể, Hiện tượng |
| tri giác | nhìn thấy | |
| tình cảm | cảm thấy | |
| tri nhận | nghĩ | |
| **phát ngôn** | nói năng | Phát ngôn thể, Đích ngôn thể |
| **quan hệ:** | tồn tại | Đương thể, Thuộc tính |
| định tính | định tính | Bị đồng nhất thể, Đồng nhất thể |
| đồng nhất | đồng nhất/xác định | Biểu hiên, Giá trị |
| **hiện hữu** | tồn tại | Hiện hữu thể |

***1.2.4.2. Câu với chức năng lời trao đổi: diễn đạt quan hệ liên nhân***

Trong mỗi hệ thống ngôn ngữ có những phương tiện hình thức đánh đấu những hành động nói nhằm thể hiện các thái độ khác nhau trong giao tiếp thông qua các kiểu câu như: câu trình bày, nghi vấn, cầu khiến... Để phát triển cuộc thoại, người nghe có thể tỏ thái độ bằng cách đặt thêm những câu hỏi, những yêu cầu... nhằm triển khai cuộc thoại. Có thể nói cái đang xảy ra trong các ngôn bản này là một thành phần cụ thể của câu được đưa đi đẩy lại trong một loạt những trao đổi hỏi đáp và nó được gọi là thành phần Thức (Mood), và bao gồm hai tiểu thành phần: chủ ngữ (subject), là một cụm danh từ, và tác tử Hữu định (finite) là một phần của cụm động từ.

| **Thức** | | **Phần dư** |
|---|---|---|
| *The duke* | *has* | *given that teapot away* |
| chủ ngữ | hữu định | |
| Ngài công tước đã vứt chiếc ấm trà đi | | |

Chủ ngữ, khi nó xuất hiện lần đầu tiên thì có thể là một cụm danh từ và khi được nhắc lại thì nó có thể là một đại từ nhân xưng. Chủ ngữ cung cấp phần còn lại của cái hình thành nên một phán đoán, đó là một cái gì đó qua quy chiếu của nó nhận định có thể được khẳng định hay phủ nhận. Đề ngữ không đánh dấu của cú tuyên bố là

Chủ ngữ. Chủ ngữ điển hình của cú đề nghị là người nói (speaker) và của Chủ ngữ của yêu cầu là người đang được nói với (người nghe). Chủ ngữ trong những cú như vậy thường là Hành thể.

Thành phần Hữu định là một trong số ít những tác tử động từ biểu đạt thì (tense) hay tình thái. Tuy nhiên trong một số trường hợp thành phần Hữu định và động từ có nghĩa từ vựng (lexical verb) được "kết lại" với nhau thành một từ đơn lẻ, ví dụ như: *loves, gave...* Thành phần Hữu định có chức năng làm cho nhận định trở nên hữu định. Nghĩa là nó giới hạn nhận định; nó đưa nhận định trở lại thực tế để trở thành một cái gì đó có thể tranh cãi được. Cách đơn giản để biến một cái gì đó có thể tranh cãi được là tạo cho nó một điểm quy chiếu theo thời gian và không gian; và đây là chức năng mà thành phần Hữu định đảm nhiệm. Nó liên hệ nhận định với ngôn cảnh trong sự kiện lời nói. Điều này có thể được thực hiện bằng một trong hai cách. Hoặc thông qua quy chiếu thời điểm nói, còn gọi là Thì chính yếu (primary tense), hoặc thông qua tham chiếu đánh giá của người nói, còn gọi là Tình thái (modality). thì chính yếu có nghĩa là thời gian chỉ quá khứ, hiện tại và tương lai ở thời điểm nói, nó là thời điểm liên hệ với bây giờ. Tình thái có nghĩa là sự đánh giá của người nói về những khả năng, hay bổn phận tham gia vào điều mà họ nói. Do đó, tính Hữu định được diễn đạt thông qua tác tử động từ có thể là thời gian, có thể là tình thái. Nhưng có một đặc điểm kèm theo khác rất cơ bản của tính Hữu định, đó là điểm phân cực (polarity). Đây là sự lựa chọn giữa khẳng định và phủ định. Để cho một điều gì đó có thể tranh cãi được, thì nó phải được cụ thể hóa để phân cực: hoặc nó là như thế hoặc không phải là như thế. Vì vậy, cùng với việc diễn đạt thì và tình thái, thành phần Hữu định còn hiện thực hóa cả đặc điểm phân cực nữa. Mọi tác tử đều xuất hiện dưới cả hai hình thức hoặc khẳng định hoặc phủ định. Tính Hữu định kết hợp việc cụ thể hóa hoặc quy chiếu thời gian hoặc quy chiếu tình thái đối với sự kiện lời nói. Nó hình thành nên thành phần động từ trong Thức.

| **Các tác tử thời gian** | | | |
|---|---|---|---|
| | Quá khứ | Hiện tại | Tương lai |
| Khẳng định | *did, was, had, used to* | *does, is, has* | *will, shall, would, should* |
| Phủ định | *didn't, wasn't, hadn't, didn't use to* | *doesn't, isn't, hasn't* | *won't, shan't, wouldn't, shouldn't* |
| **Các tác tử tình thái** | | | |
| | Thấp | Trung bình | Cao |
| Khẳng định | *can, may, could, might, dare* | *will, would, should, is/ was to* | *must, ought to, need, has/have to* |
| Phủ định | *needn't, doesn't/didn't + need to, have to* | *won't, wouldn't, shouldn't, isn't, wasn't* | *mustn't, oughtn't to , can't, couldn't, mayn't, mightn't, hasn't/hadn't to* |

Chủ ngữ và thành phần hữu định có liên hệ chặt chẽ với nhau và kết hợp với nhau để hình thành nên một thành tố được gọi là Thức (Mood). Thức là thành phần hiện thực hóa sự lựa chọn Thức trong cú. Đôi khi nó được gọi là thành phần Tình thái (modal).

Phần còn lại của câu được gọi là phần Dư (Residue). Đôi khi nó được gọi là "phán đoán" (proposition). Nguyên tắc chung ở phía sau của việc thể hiện thành phần Thức trong cú là như sau: Phạm trù ngữ pháp được sử dụng đặc thù để trao đổi thông tin là Thức chỉ định (indicative); trong thức chỉ định, cách diễn đạt đặc trưng của một nhận định là cú tuyên bố (declarative), cách diễn đạt đặc trưng của một câu hỏi là thức nghi vấn (interrogative); và trong phạm trù thức nghi vấn, có một sự phân biệt tiếp theo giữa có – không (yes-no) cho các câu hỏi có cực, và các câu hỏi bắt đầu bằng thành phần WH cho các câu hỏi yêu cầu nội dung. Các đặc điểm này được diễn đạt như sau:

+ Sự hiện diện của thành phần Thức bao gồm Chủ ngữ cộng với thành phần Hữu định, hiện thực hóa đặc điểm "chỉ định";

+ Trong phạm trù chỉ định, cái mà có tầm quan trọng là trật tự của Chủ ngữ và thành phần Hữu định:

Trật tự chủ ngữ đứng trước Hữu định hiện thực hóa đặc điểm tuyên bố.

Trật tự Hữu định đứng trước Chủ ngữ hiện thực hóa đặc điểm "nghi vấn có-không";

Trong cú nghi vấn có thành phần Wh- trật tự của nó là:

Chủ ngữ đứng trước thành phần Hữu định nếu thành phần Wh- là chủ ngữ; Hữu định đứng trước Chủ ngữ là trật tự ngược lại.

Phần Dư bao gồm các thành phần chức năng thuộc ba kiểu: Vị ngữ (predicator), bổ ngữ (complement), và phụ ngữ (adjunct). Trên nguyên tắc chỉ có thể có một vị ngữ, một bổ ngữ và một số lượng bất định các Phụ ngữ. Trật tự điển hình của các thành phần trong phần Dư là: Vị ngữ + (các) bổ ngữ + (các) phụ ngữ. Phụ ngữ hay Bổ ngữ có thể xuất hiện trong chức năng Đề ngữ hoặc thành phần WH – trong cú nghi vấn hoặc là Đề ngữ đánh dấu trong cú tuyên bố. Điều này không có nghĩa là nó trở thành một thành phần của Thức; nó vẫn nằm trong phần Dư. Kết quả là phần Dư bị tách thành hai bộ phận: nó trở nên gián đoạn. Tuy nhiên, trong phạm trù phụ ngữ nói chung có hai kiểu đặc biệt không theo các nguyên tắc sắp xếp trật tự, và trong thực tế không nằm trong phần Dư. Chúng là Phụ ngữ tình thái và phụ ngữ hợp. Một thành phần khác xuất hiện trong cấu trúc cú như là một sự trao đổi, nhưng lại nằm ngoài hai thành phần Thức và Dư là thành phần Hô ngữ. Đây cũng là một thành phần cơ động, nó xuất hiện hoặc ở vị trí Đề ngữ hoặc giữa Đề ngữ và Thuyết ngữ (nhưng thường không ở giữa thành phần Thức và phần Dư, hoặc ở vị trí cuối cú. Nó có thể đi theo một cú thuộc bất kì chức năng nào của Thức nhưng đi với các cú yêu cầu nhiều hơn là các cú tuyên bố.

- Đối với các cú nghi vấn có WH-, Thành phần WH- là thành phần khu biệt trong cấu trúc liên nhân của cú. Chức năng của nó là cụ thể hóa thực thể mà người hỏi muốn được cung cấp. Thành phần này thường chiếm vị trí Đề ngữ trong cú. Thành phần WH- thường trùng khớp với một trong ba chức năng Chủ ngữ, Bổ ngữ hay Phụ ngữ. Nếu nó trùng hợp với chủ ngữ thì nó là một phần của thành phần Thức và do đó trật tự trong thành phần Thức phải là Chủ ngữ – Hữu định. Mặt khác, nếu thành phần WH- trùng khớp với Bổ ngữ hay Phụ ngữ, thì nó là một phần của phần Dư, và trong trường hợp đó trật tự nghi vấn điển hình trong thành phần Thức tự khẳng định lại nó, và chúng ta có thành phần Hữu định đứng trước chủ ngữ. Ví dụ:

<table>
<tr><td>Where</td><td>have</td><td>all the flowers</td><td>gone</td></tr>
<tr><td>Phụ ngữ có WH</td><td>Hữu định</td><td>Chủ ngữ</td><td>Vị ngữ</td></tr>
<tr><td rowspan="2"></td><td colspan="3">Thức</td></tr>
<tr><td colspan="4">Phần dư</td></tr>
</table>

- Đối với các cú cảm thán: các cú này có thành phần *WH-* như *what, how*, trong cụm danh từ hay cụm trạng từ. *What* trùng khớp với bổ ngữ, như trong *what tremendously easy riddles you ask*; thành phần này thường là Bổ ngữ định tính; như trong *what a fool he is, how* trùng khớp với Phụ ngữ, như trong *how fast we are going*; hay với một bổ ngữ định tính như trong *how foolish he is.* Trong tiếng Anh trước kia thành phần Hữu định trong các cú này đứng trước Chủ ngữ; nhưng bởi vì trình tự Hữu định – Chủ ngữ trở nên có quan hệ cụ thể với thức nghi vấn, cho nên trật tự bình thường trong các cú cảm thán trở thành trật tự Chủ ngữ – Hữu định.

- Đối với các cú cầu khiến: Các cú cầu khiến có hệ thông ngôi (person) khác với hệ thống ngôi trong hình thức chỉ định. Chủ ngữ của nó thường là *you, me* hoặc *you and me.*

Trong lời nói, người nói bày tỏ sự đánh giá của mình đối với sự thể được nói đến trong lời. Thái độ của người nói đối với người nghe và cách đánh giá của người nói đối với sự thể được nói đến trong lời như vậy được gọi là quan hệ liên nhân.

***1.2.4.3. Câu với chức năng văn bản: diễn đạt cách tổ chức một thông điệp***

Trong một tình huống cụ thể, câu (cú) phải được tổ chức phù hợp hoặc với những cái đi trước và những cái đi sau trong văn bản (các yếu tố đồng văn bản co-text), hoặc phù hợp với tình huống bên ngoài lời (ngữ cảnh tình huống – context of situation). Trong trường hợp này cú được coi như một thông điệp. Thông điệp được hiểu là tin được mã hóa thành lời nói hoặc lời viết và truyền đi từ người phát đến người nhận (không tính đến thái độ của người nói như khi xét câu làm lời trao đổi, làm thông báo). Cách tổ chức câu như một thông điệp giúp cho chức năng biểu hiện và chức năng lời trao đổi của câu được thực hiện trong từng tình huống cụ thể. Cách tổ

chức câu như một thông điệp, một mặt không phá vỡ các quy tắc cú pháp của một ngôn ngữ cụ thể, mặt khác nó không bị ràng buộc quá chặt vào những khuôn hình cú pháp cứng nhắc của một ngôn ngữ. Do đó, cách tổ chức câu như một thông điệp có tính chất rất khái quát và rất linh hoạt. Việc tổ chức câu theo cách khái quát của thông điệp đòi hỏi trước hết phải chọn từ ngữ làm xuất phát điểm của câu. Yếu tố được chọn làm xuất phát điểm cho câu được gọi là phần khởi đề (Theme), phần còn lại là phần thuyết (Rheme), tức là phần diễn giãi có liên quan đến phần Đề. Quan hệ giữa hai phần này là cấu trúc Đề – Thuyết. Cấu trúc cú pháp của câu gồm hai phần: Đề và Thuyết, ứng với sở Đề và sở Thuyết của mệnh đề. Một thông điệp gồm có một Đề ngữ kết hợp với một Thuyết ngữ.

Đề ngữ là thành phần được làm điểm xuất phát điểm của thông điệp; nó là thành phần mà cú liên quan đến. Như là một cách hướng dẫn khái quát, Đề ngữ có thể được xác định như là thành phần xuất hiện đầu tiên trong cú. Đề ngữ là một thành phần trong một hình thể cấu trúc nhất định, được xem như là một tổng thể; tổng thể của tổ chức cú như là một thông điệp. Đây là hình thể Đề ngữ - Thuyết ngữ. Đề ngữ không nhất thiết phải là một cụm danh từ, nó cũng có thể là một cụm trạng từ hay một cú đoạn. Ví dụ:

| **Đề ngữ** | **Thuyết ngữ** | |
|---|---|---|
| *Once upon a time* | *there were three bears* | *Ngày xửa ngày xưa có ba con gấu* |
| *Very carefully* | *she put him back on his feet again* | *Rất thận trọng cô ta kéo anh ta trở lại* |
| *For want of a snail* | *the shoe was lost* | *Vì cần một cái đinh mà chiếc giày bị mất* |

Cùng nhận định một hiện tượng, điểm xuất phát khác nhau sẽ cho ra những câu có Đề khác nhau, và do đó không đồng nghĩa với nhau.

Có hai giả định: Một là Đề ngữ của một cú chỉ bao gồm một thành phần cấu trúc. Hai là, thành phần này chỉ được thể hiện bằng một đơn vị - một cụm danh từ, một cụm trạng từ hay một cú đoạn. Mỗi biến thể bổ sung phổ biến của mẫu thức này là thành phần trong đó Đề ngữ bao gồm hai hoặc nhiều hơn hai cụm từ tạo nên một cấu trúc đơn lẻ. Bất kì thành phần nào của cấu trúc cú cũng đều có thể được biểu hiện bằng một tổ hợp (complex) gồm hai hoặc nhiều hơn hai cụm từ. Tổ hợp các cụm từ như vậy đóng chức năng Đề ngữ theo cách thông thường. Những Đề ngữ như vậy vẫn nằm trong phạm trù Đề ngữ đơn. Bất kì cụm từ phức hay cú đoạn phức nào cũng đều tạo nên một thành phần đơn lẻ trong cú và tạo thành một cụm danh từ phức. Đây chỉ là một thành phần trong cú, vì vậy nó hình thành nên một đề ngữ đơn. Trong tiếng Anh, thành phần Thức được lựa chọn điển hình làm Đề ngữ trong cú. Bất kỳ cú độc lập nào cũng đều có sự lựa chọn về Thức. Một cú chính hoặc có thức chỉ định hoặc có thức cầu khiến; nếu nó là Thức chỉ định (indicative) thì nó hoặc là thức tuyên bố

(declarative) hoặc là thức nghi vấn (interrogative); nếu nó là Thức nghi vấn thì nó hoặc là Thức nghi vấn có cực (kiểu cú yêu cầu trả lời có-không) hoặc thức nghi vấn có nội dung (kiểu câu hỏi có thành phần WH-). Có hai loại đề ngữ đặc trưng sau:

+ ***Đề ngữ không đánh dấu:***

Sự trùng khớp giữa Đề ngữ và Chủ ngữ là Đề ngữ không đánh dấu. Nói cách khác Chủ ngữ là thành phần được lựa chọn để làm Đề ngữ.

+ ***Đề ngữ đánh dấu:***

Theo Halliday [dẫn the Carl James 27, 110], tính đánh dấu là một khái niệm được các nhà ngôn ngữ dùng để ám chỉ sự lệch chuẩn (markedness is a concept used by linguists to refer to departure from the norm). Ví dụ, trong tiếng Anh có thể đặt một bổ ngữ hay vị ngữ ở vị trí đầu trong một mệnh đề (nhưng không phổ biến) như:

- ***Beautiful*** *were her eyes*

- *I knew he was going to cause trouble and* ***cause trouble*** *he did*

Một bổ ngữ/ vị ngữ ở vị trí này được đánh dấu cao và được lựa chọn cụ thể để làm nổi bật một thành phần riêng biệt làm chủ đề của mệnh đề hay điểm xuất phát, hơn nữa đây là sự lựa chọn có nghĩa của người nói/ người viết trong quá trình giao tiếp. Như vậy, theo mô hình của Halliday, sự lựa chọn đề được biểu thị bằng cách đặt một trong những thành phần câu ở vị trí đầu của mệnh đề.

Khi một thành phần nào đó xuất hiện ở đầu cú thì nó tạo thành sự lựa chọn Đề ngữ "đánh dấu". Những đề ngữ đánh dấu như vậy thường thể hiện hoặc một kiểu hoàn cảnh cho cú hoặc một đặc điểm tương phản.

Các nhà ngôn ngữ theo Halliday nhận dạng ba đề được đánh dấu trong tiếng Anh: đề ở vị trí đầu câu, đề vị ngữ và đề nhận dạng.

***(i) Đề ở vị trí đầu câu (fronted theme)***

Theo Greenbaum và Quirk [21, 407], vị trí đầu câu (fronting) đòi hỏi có một đề được đánh dấu bằng cách chuyển một thành phần mệnh đề lên vị trí đầu mà thành phần này bất thường ở vị trí đó. Cụ thể:

+ *Vị trí đầu câu của trạng ngữ chỉ thời gian hoặc nơi chốn*

Ví dụ: **In China** the book received a great deal of publicity

Đây là cấu trúc được đánh dấu nhưng không được đánh dấu cao vì trạng ngữ vốn có vị trí linh hoạt trong tiếng Anh. Trong tiếng Việt cũng vậy, nhiều nhà ngôn ngữ cho rằng trạng ngữ có thể đứng ở ba vị trí khác nhau (đầu câu, giữa câu và cuối câu) nhưng vị trí phổ biến nhất là đầu câu. Phan Ngọc [67, 84] cho rằng: "Trật tự trong một câu trung hòa tức là câu chỉ thông báo sự việc, không có thêm một ý định chủ quan nào của người nói, không có màu sắc tu từ sẽ được bố trí theo thứ tự: thời gian - vị trí, (chủ - vị - bổ ) công cụ. Vị trí đầu câu của trạng ngữ tiếng Anh cũng có thể biểu thị

tính tương phản. Quan trọng hơn là việc đề hóa trạng ngữ chỉ nơi chốn/ thời gian cũng rất phổ biến ở một số kiểu văn bản trong tiếng Anh vì việc đề hóa này tạo ra phương pháp phát triển văn bản.

*+ Vị trí đầu câu của tân ngữ hoặc bổ ngữ*

Ví dụ: **A great deal of publicity** the book received in China.

**Well -publicized** the book was.

Vị trí đầu câu của tân ngữ và bổ ngữ được đánh dấu hơn vị trí đầu câu của trạng ngữ trong tiếng Anh vì tân ngữ và bổ ngữ nói chung đều có vị trí tương đối cố định. Tuy nhiên không giống như trạng ngữ, việc đặt một tân ngữ/bổ ngữ ở vị trí đầu câu không tạo ra phương pháp phát triển văn bản. Trong tiếng Anh, hiệu quả của việc đề hóa tân ngữ [2, 134] là tạo ra sự tương phản và nhấn mạnh thái độ của người nói với thông tin.

Ví dụ: I think I get on with her very well but **him** I really cannot bear. **People like that** I just can't stand. [33, 224]

Điều tương tự cũng xảy ra ở tiếng Việt.

Ví dụ: ***Những cuộc vui ấy****, chị còn nhớ rành rành*. [84, 338]

***Tiền*** *thì chúng tôi không dám nhận*. [77,120]

Ở tiếng Anh lẫn tiếng Việt, vị trí đầu câu của tân ngữ biểu thị cái đã biết. Tính chất đã biết của nó được thể hiện bằng: định ngữ, mệnh đề, các danh từ riêng, các đại từ nhân xưng. Trường hợp bổ ngữ đứng đầu câu vẫn thấy ở tiếng Anh và tiếng Việt nhưng lại không phổ biến và cũng được nhấn mạnh hơn so với trật tự thông thường.

*+ Vị trí đầu câu của vị ngữ*

Ví dụ: *They promised to publicize the book in China , and* ***publicize it*** *they did*.

Trong tất cả lựa chọn đề ở tiếng Anh, đây là sự lựa chọn được đánh dấu nhiều nhất. Ngoài việc đặt vị ngữ đầu câu, sự lựa chọn này liên quan đến việc sắp xếp lại các thành phần mệnh đề và điều chỉnh hình thái nhóm động từ. Các ví dụ có vị ngữ đặt đầu câu có tần số xuất hiện khá thấp: Ở tiếng Việt cũng có cấu trúc có chứa động từ đứng đầu câu nhưng thường có động từ "là"/ "có" nằm giữa động từ và chủ ngữ. Ví dụ:

– ***Ra sân bay đón đoàn*** *có các đồng chí...*

– ***Đi đầu đoàn biểu tình*** *là công nhân*.

Cấu trúc có chứa động từ đứng đầu câu trong tiếng Việt có cấu trúc tương đương trong tiếng Anh như : vị ngữ hóa (có thể là một động từ – ing/tính từ + be + chủ ngữ).

***(ii) Đề vị ngữ (predicated theme)***

Đề vị ngữ liên quan đến việc sử dụng "cấu trúc -it" (it – structure) còn gọi là cấu trúc chêm xen (cleft structure) để đặt một thành phần gần đầu mệnh đề.

Ví dụ: *It was the book that received a great deal of publicity in China. It was a great deal of publicity that the book received in China. It was in China that the book received a great deal of publicity*.

Đề vị ngữ là một cấu trúc đánh dấu cho phép người nói/người viết chọn một thành phần như là chủ ngữ vốn là một đề không được đánh dấu của câu tường thuật (declarative clause) tiếng Anh thành một đề được đánh dấu. Các cấu trúc đánh dấu nói trên có thể dịch sang tiếng Việt bằng cách dùng từ "chính", từ chuyên đánh dấu phần thuật đề (thuyết ngữ) đi trước trong tiếng Việt. Cũng như các đề đánh dấu khác, đề vị ngữ thường hàm ý tương phản.

***(iii) Đề nhận dạng (identifying theme)***

Đề nhận dạng cũng tương tự như đề vị ngữ. Thay vì sử dụng "cấu trúc – it" , đề nhận dạng đặt một thành phần ở vị trí đề, biến thành phần này thành một danh hoá (nominalization) dùng cấu trúc – *Wh* hay còn gọi là cấu trúc chêm xen giả (pseudo-cleft structure)

Ví dụ: *What the book received in China was a great deal of publicity*.

Một trong những chức năng quan trọng của hai cấu trúc trên là báo hiệu thông tin và cả hai đều đánh dấu nhưng khá phổ biến trong tiếng Anh vì chúng có thể cung cấp một chiến lược đề hoá nhằm khắc phục sự hạn chế của trật tự từ lại cho ta biết vị trí tin cũ – tin mới mà không phụ thuộc vào ngữ điệu. Tuy nhiên sự phân biệt là đề vị ngữ thành phần đề được xem là tin mới thì ở đề nhận dạng thành phần đề được xem là tin cũ. Dấu nhấn hay trọng âm cũng cung cấp một tín hiệu về vị trí thông tin trong tiếng Anh nói, vì lẽ đó đề vị ngữ và đề nhận dạng thường có khuynh hướng phổ biến trong văn viết hơn văn nói. Trái lại các hình thái tương đương với 2 cấu trúc này như "chính", "cái mà"/"điều mà …là…" được dùng trong văn nói cũng như văn viết ở tiếng Việt, nơi trọng âm vốn thường không được xem là một phương thức cho biết vị trí thông tin hoặc nếu có cũng bị "lấn át" bởi thanh điệu.

Thành phần được lựa chọn làm Đề ngữ trong cú còn phụ thuộc vào sự lựa chọn của Thức. Cụ thể:

- *Đề ngữ trong các cú tuyên bố*: Trong một cú tuyên bố, mẫu thức đề ngữ điển hình là mẫu thức đề ngữ trùng khớp với chủ ngữ. Sự trùng khớp giữa chủ ngữ và đề ngữ là đề ngữ không đánh dấu. Đề ngữ không trùng với chủ ngữ trong cú tuyên bố là đề ngữ đánh dấu (marked theme). Hình thức phổ biến nhất của đề ngữ đánh dấu là

cụm trạng từ hay cú đoạn đóng chức năng phụ ngữ trong cú. Khả năng làm đề ngữ ít nhất là thành phần bổ ngữ; nó là một cụm danh từ nhưng lại không đóng chức năng làm chủ ngữ. Đôi khi, bổ ngữ trong nội bộ một cú đoạn đóng chức năng đề ngữ, đặc biệt trong các tổ hợp có tính thành ngữ giữa giới từ và động từ.

- *Đề ngữ trong các cú nghi vấn*: Chức năng điển hình của cú nghi vấn là để hỏi; và từ quan điểm của người nói hỏi là một biểu hiện chỉ ra rằng người hỏi muốn được trả lời một điều gì đó. Có hai kiểu câu hỏi chính: kiểu thứ nhất là kiểu mà người nói muốn biết về thái cực (polarity) "có hay không"; kiểu thứ hai là kiểu mà người nói muốn biết về căn cước hay sự nhận diện một thành phần nào đó trong nội dung. Trong cả hai kiểu câu hỏi, thành phần chỉ ra cái mà người nói muốn biết xuất hiện ở đầu cú. Trong câu hỏi cần trả lời có/không, thành phần đóng chức năng đề ngữ là thành phần mang cách diễn đạt thái cực, đó là các tác tử động từ hữu định (finite verbal operator). Tác tử trong tiếng Anh là thành phần thể hiện thái cực khẳng định và phủ định: *is/isn't, do/don't, can/can't*,... Trong cú nghi vấn có/không tác tử hữu định được đặt trước, trước cả chủ ngữ. Trong câu hỏi có thành phần WH-, câu hỏi tìm kiếm phần thông tin bị thiếu, thành phần đóng chức năng đề ngữ là thành phần yêu cầu phần thông tin này, đó là thành phần WH-. Chính thành phần WH- thể hiện bản chất của phần thông tin thiếu: *who* (ai), *what* (cái gì), *when* (khi nào), *how* (như thế nào)... Vì vậy trong cú nghi vấn *wh-* được đặt ở vị trí đầu, bất kể chức năng nào nó có trong cấu trúc thức của cú.: chủ ngữ, phụ ngữ hay bổ ngữ. Các cú nghi vấn thể hiện nguyên tắc đề tính trong đặc điểm cấu trúc của nó. Chính do đặc điểm của nó trong tiếng Anh mà một thành phần nào đó được đứng trước; lí do để giải thích cho hiện tượng này là, do chính bản chất của câu hỏi, thành phần đó có vị thế của Đề ngữ. Mỗi lần người nói không lựa chọn để đặt thành phần này lên đầu; sự xuất hiện của nó ở vị trí đầu cú là mẫu thức thông thường qua đó cú nghi vấn được thể hiện. Nó đã trở thành một phần của hệ thống ngôn ngữ, và việc giải thích cho điều này thể hiện ở ý nghĩa đề ngữ được gắn với vị trí đầu tiên trong cú tiếng Anh. Các cú nghi vấn diễn đạt các câu hỏi. Đề ngữ tự nhiên của một câu hỏi là "tôi muốn được cho biết về một điều gì đó"; câu trả lời được yêu cầu hoặc là một mẫu thông tin hoặc là cách thể hiện thái cực. Vì vậy, việc hiện thực hóa thức nghi vấn bao gồm việc lựa chọn một thành phần chỉ ra kiểu câu trả lời cần thiết, và đặt nó ở đầu cú. Trong cú WH-, đề ngữ chỉ được hình thành bởi thành phần WH-, nghĩa là cụm từ hay cú đoạn trong đó có WH- xuất hiện. Nếu thành phần WH- là một cụm danh từ hay một phần của một cụm danh từ đóng chức năng bổ ngữ trong một cú đoạn, thì cụm danh từ này có thể đóng chức năng đề ngữ cho riêng nó.

Trong cú nghi vấn có/không, đề ngữ bao gồm động từ hữu định nhưng nó mở rộng đến tận chủ ngữ. Ví dụ:

Đề ngữ trong cú nghi vấn có thành phần WH-:

| | | |
|---|---|---|
| *Who* | *killed Cock Robin?* | |
| Đề ngữ | Thuyết ngữ | |

Đề ngữ trong cú phân cực có/không:

| | | |
|---|---|---|
| *Can* | *you* | *find me an acre of land?* |
| Đề ngữ 1 | Đề ngữ 2 | Thuyết ngữ |

Đề ngữ đánh dấu trong cú nghi vấn:

| | |
|---|---|
| *After tea* | *will you tell me a story?* |
| Đề ngữ | Thuyết ngữ |

- *Đề ngữ trong các cú cầu khiến*: Thông điệp cơ bản của một cú cầu khiến là hoặc "tôi muốn bạn làm một cái gì đó" hoặc tôi muốn chúng mình (tôi và bạn) làm một cái gì đó. Chức năng của động từ trong cấu trúc thức (cú như là sự trao đổi) là chức năng vị ngữ, do đó, chính chức năng vị ngữ là đề ngữ không đánh dấu. Trong các cú cầu khiến phủ định, nguyên tắc chủa chúng giống với nguyên tắc của cú nghi vấn có/không. Cầu khiến là kiểu cú duy nhất trong đó vị ngữ (động từ) thường làm đề ngữ. Hiện tượng này không phải là không có thể đối với các kiểu thức khác, nơi mà động từ có thể đặt ở vị trí đầu cú để tạo cho nó có vị thế đề ngữ. Ví dụ: *Forget it* I never shall. Nhưng đây là một sự lựa chọn đề ngữ đánh dấu trong tất cả các sự lựa chọn.

Thành phần nào của cú được lựa chọn điển hình là Đề ngữ phụ thuộc vào sự lựa chọn Thức. Mẫu thức của nó có thể được trình bày như sau:

| **Thức của cú** | **Đề ngữ điển hình (không đánh dấu)** |
|---|---|
| - Tuyên bố | Cụm danh từ đóng chức năng chủ ngữ |
| - Nghi vấn có/không | Từ đứng đầu cú (tác tử hữu định) của cụm động từ cộng với cụm danh từ đóng chức năng chủ ngữ |
| - Nghi vấn bộ phận (tiểu cục) (câu hỏi có thành phần wh- trong tiếng Anh) | Cụm danh từ, cụm trạng từ hay cú đoạn đóng chức năng là thành phần nghi vấn có wh- |
| - Cầu khiến "bạn" | Cụm động từ đóng chức năng vị ngữ cộng với hình thức don't đứng trước nếu là cú phủ định. |
| - Cầu khiến "bạn và tôi" | *Let's* (chúng ta hãy) cộng với hình thức *don't* đứng trước nếu là cú phủ định |
| - Cảm thán | Cụm danh từ hay cú đoạn đóng chức năng thành phần cảm thán có wh trong tiếng anh |

Nguyên tắc phù hợp của cấu trúc đề ngữ là: Đề ngữ thường chứa một và chỉ một trong số những thành phần kinh nghiệm: hoặc là tham thể hoặc là chu cảnh hoặc

là quá trình. Một tham thể đóng chức năng đề ngữ tương ứng gần nhất với thành phần chủ đề trong các thành phần chủ đề (thuật đề) và được gọi là đề ngữ chủ đề. Đề ngữ được mở rộng từ đầu cú đến thành phần thứ nhất có chức năng trong chuyển tác và được gọi là đề ngữ chủ đề. Vì vậy, đề ngữ của một cú bao gồm đề ngữ chủ đề và bất kỳ thành phần nào đứng trước nó. Đề ngữ chỉ gồm một thành phần kinh nghiệm và thành phần này có thể đứng sau các chức năng liên nhân và ngôn bản, chúng cũng là một thành phần của đề ngữ. Vị trí điển hình của nó là: Đề ngữ ngôn bản + Đề ngữ liên nhân + Đề ngữ kinh nghiệm. Thành phần đứng sau nó là thành phần thuyết ngữ.

Đề ngữ ngôn bản là bất kỳ tổ hợp nào của: đề ngữ chuyển tiếp, đề ngữ cấu trúc, và đề ngữ liên hợp. Đề ngữ ngôn bản chỉ ra các dấu hiệu di chuyển trong khi bắt đầu giao tiếp, là một phản ứng trong hội thoại, một sự di chuyển sang một điểm khác của cùng một người nói. Đề ngữ cấu trúc là thành phần có tính bắt buộc gồm liên từ và quan hệ từ Wh- . Đề ngữ liên hợp là thành phần phụ ngữ liên hợp, trong đó phụ ngữ đứng trước chủ đề.

Đề ngữ liên nhân là tổ hợp của: Đề ngữ hô ngữ, đề ngữ tình thái và đề ngữ đánh dấu thức. Đề ngữ hô ngữ được dùng để xưng hô, nó có thể xuất hiện ở vị trí nào trong cú và có đề tính nếu nó đứng trước đề ngữ chủ đề. Đề ngữ tình thái là bất kì phụ ngữ tình thái nào và thường đứng trước đề ngữ chủ đề. Đề ngữ đánh dấu thức là tác tử hữu định của động từ nếu nó đứng trước đề ngữ chủ đề hay thành phần nghi vấn Wh- (hay let's – cầu khiến) khi nó không đứng sau một thành phần kinh nghiệm khác.

Trong luận án này, chúng tôi sẽ kế thừa quan điểm của MAK Halliday về câu để phân tích và làm sáng tỏ hơn các đặc điểm của câu đảo ngữ tiếng Anh và làm cơ sở so sánh đối chiếu với câu đảo ngữ tiếng Việt.

### 1.2.5. Câu đảo ngữ theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống

#### *1.2.5.1. Các quan niệm về câu đảo ngữ trong tiếng Anh theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống*

Đối với một ngôn ngữ, để có một cấu trúc đảo ngữ thì phải có giả thuyết rằng có một mô hình cơ bản mà từ đó trật tự của chủ ngữ và động từ được đảo ngược. Nếu trật tự từ cơ bản là SVO hay VX xét trên bình diện tổng quát, sự tuân thủ nguyên tắc của trật tự từ phải được đòi hỏi là một hệ quả tự nhiên. Vì vậy, trong tiếng Anh hiện đại, đảo ngữ thể hiện bối cảnh của tình trạng không tuân theo logic của một cấu trúc tiếng Anh như SVO và một trật tự từ cứng nhắc của ngôn ngữ.

Nhìn từ góc độ ngữ pháp chức năng, Downing và Locke (1995, tr.223-230) cho rằng việc chọn một yếu tố làm "đề ngữ" trong một câu là nguyên nhân gây ra hiện tượng đảo ngữ. "Đề ngữ" là cái mà người nói hay người viết chọn làm điểm xuất phát của câu đó. Phần còn lại của thông điệp được gọi là "thuyết ngữ". Việc lựa chọn yếu tố

làm "đề ngữ" có vai trò quan trọng vì nó thể hiện cách thức người nói/viết xúc tiến và phát triển thông điệp. Ngoài ra, đề ngữ còn có chức năng liên kết câu với những gì đi trước nó trong diễn ngôn. Khi một yếu tố nào đó của cấu trúc được đưa lên vị trí đầu câu thì thì yếu tố đó sẽ trở thành "đề ngữ có đánh dấu" (marked theme). Những đề ngữ có mức "đánh dấu" cao nhất chính là những yếu tố tạo ra hiện tượng đảo ngữ. Downing và Locke chia những yếu tố này thành 3 loại sau:

- Những từ ngữ chỉ phương hướng (expressions of direction): Đó là những trạng từ như: *here, there, up, down, in out,off, away, across*... Những câu đảo ngữ này nhằm tạo hiệu ứng nhấn mạnh vì ý nghĩa chỉ phương hướng được chọn làm xuất phát điểm và chủ đề được đưa xuống vị trí cuối câu.

- Những từ ngữ có nghĩa phủ định: (Expressions with negative meaning): Đó là những trang ngữ như: *never, hardly, scarcely, nowhere, on no account, not only, not a thing*... có chức năng bổ ngữ trực tiếp được đảo lên vị trí đầu câu.

- Những yếu tố khác như: *so, such, neither, nor, only*...

Theo quan niệm của Biber (1999), trong tiếng Anh có hai loại cấu trúc đảo ngữ là: đảo toàn phần (subject-verb inversion hay full inversion) khi "chủ ngữ đứng sau toàn bộ vị ngữ" và đảo bán phần (subject – operator inversion hay partial inversion) khi "đứng trước chủ ngữ là tác tử hữu hạn (the operator) chứ không phải là vị từ chính hay toàn bộ vị ngữ. Cụ thể:

*Cấu trúc đảo toàn phần:* Theo Drubig (1988) và Dorgeloh (1997), hiện tượng đảo ngữ này là nhằm diễn tả sự đánh giá của người nói/viết đối với tính quen thuộc của thông tin trong diễn ngôn và nhằm thể hiện cách thức người nói/viết hướng dẫn sự chú ý của người nghe/đọc, hoặc báo cho người nghe/đọc biết rằng các yếu tố nào đó trong diễn ngôn đang được người nói nhấn mạnh. Sự chỉ dẫn này được thực hiện nhờ vào một sự lựa chọn trật tự từ đã cho thấy rằng "người nói hay người viết đang tác động đến người nghe hay người đọc bằng phương tiện ngôn ngữ" (Halliday,1994). Tính liên kết của đảo ngữ toàn phần trong diễn ngôn có quan hệ với mật thiết với tính quan yếu (relevance) của câu đảo ngữ đối với ngôn cảnh (văn cảnh), tức là phần văn cảnh đi trước và đi sau, và đối với tình huống bên ngoài. Nghĩa bổ sung, tức nghĩa phi nội dung mệnh đề của đảo ngữ toàn phần cũng chính là nghĩa liên nhân (interpersonal meaning) và nghĩa văn bản (textual meaning) theo mô hình tam phân của Halliday (1994) về "ba bình diện nghĩa của câu" hay "ba thứ nghĩa được thể hiện trong ngôn ngữ thành một toàn thể, làm thành cái cơ sở cho cách tổ chức nghĩa của tất cả các ngôn ngữ của nhân loại".

*Cấu trúc đảo bán phần:* Theo Drubig (1988) và Dorgeloh (1997), đảo ngữ là một quá trình cú pháp tạo ra các cấu trúc có chức năng giới thiệu các thực thể vào

trong diễn ngôn. Theo ông, hiện tượng đảo trợ động từ trong tiếng Anh có liên quan đến sự nhấn mạnh của người nói (speaker – based prominence) đối với các thành tố trong câu, và diễn tả tính biểu cảm trực tiếp (direct emotivity) đối với nội dung được biểu đạt. Tuy nhiên, do tác động của quá trình ngữ pháp hóa mà một số cấu trúc đảo trợ động từ đã trở thành phương tiện thể hiện sự quy chiếu hồi chỉ hoặc khứ chỉ, tức là những phương tiện tạo sự liên kết cho câu  và tạo ra một thứ nghĩa bổ sung thuộc các bình diện nghĩa liên nhân và nghĩa văn bản, bởi vì các cấu trúc đảo trợ động từ cũng thể hiện sự tổ chức của người nói/viết đối với diễn ngôn của mình nhằm báo cho người nghe/đọc về sự nhấn mạnh gắn liền với nội dung mệnh đề; mặt khác, tính liên kết của một số cấu trúc đảo trợ động từ cũng thể hiện tính quan yếu (relevance) của chúng trong văn bản hay diễn ngôn.

***1.2.5.2. Các quan niệm về câu đảo ngữ tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống***

Trật tự Chủ – Vị (C-V) là một trật tự cú pháp phổ biến của nhiều ngôn ngữ trên thế giới trong đó có tiếng Việt. Việc đảo trật tự trong cấu trúc luôn tạo nên hiệu quả đặc biệt đói với ngữ cảm của người nghe. Do đó, mọi hiện tượng đảo trong tiếng Việt đều là những hiện tượng bất thường (trừ kết cấu V-C trong câu tồn tại với vị từ *có*), và hoàn toàn là hệ quả của các yếu tố ngữ dụng. Cấu trúc Chủ – Vị thay đổi, cấu trúc Đề – Thuyết thay đổi, tất cả là do sự tác động bởi sự thay đổi của cấu trúc thông tin và tiêu điểm thông tin. Tác giả Lý Toàn Thắng (1981) cho rằng khả năng có hiện tượng đảo trật tự từ chỉ xảy ra với những vị từ biểu thị hành động, trạng thái, tính chất lâm thời và có ý nghĩa tồn tại. Đó là những vị từ chỉ trạng thái động (thay đổi trạng thái, xuất hiện, tiêu biến); những vị từ chỉ tư thế, tình trạng tồn tại trong không gian; những vị từ mang tính tượng thanh, tượng hình.

Xét trên giác độ của cấu trúc thông tin, khi một trật tự bình thường được đảo mà ý nghĩa cơ bản của câu không mất đi thì câu có tiêu điểm được nhấn mạnh, nhằm tăng cường tính biểu cảm cho lời nói để lôi kéo sự chú ý của người nghe. Do vậy, có sự thay đổi trong cấu trúc thông tin mà cụ thể là cấu trúc tiêu điểm. Tuy nhiên, không phải cấu trúc tiêu điểm của mỗi câu có trật tự C-V đảo đều giống nhau. Có những câu khi đảo, vị ngữ được nhấn mạnh, và do đó tiêu điểm thông tin là vị ngữ. Nhưng cũng có khi tiêu điểm lại nằm trước chủ ngữ do chủ ngữ được nhấn mạnh. Cũng có khi trật tự bình thường của Chủ – Vị được đảo lại là để nhấn mạnh cả hai thành phần này.

- Đảo trật tự C-V, vị ngữ được nhấn mạnh: Vị ngữ được nhấn mạnh trong một kết cấu có trật tự đảo là khi vị từ chỉ trạng thái, sự xuất hiện hay tiêu biến của một đối tượng đã biết và đã xác định.

- Đảo trật tự C-V, chủ ngữ được nhấn mạnh: Có những trường hợp đảo là để nhấn mạnh sự tập trung chú ý vào chủ ngữ. Chủ ngữ được nhấn mạnh khi ở vào vị trí bất thường, khi Chủ ngữ là một đối tượng bất kỳ chưa biết đối với người nghe, hoặc hoàn toàn mới trong ngữ cảnh đối với cả người nghe và người nói như trong ví dụ:

*Từ trong rừng chạy ra* ***hai con ngựa***. & ***Hai con ngựa*** *chạy ra từ trong rừng*.

- Đảo trật tự C-V, cả chủ ngữ và vị ngữ đều được nhấn mạnh

Cũng có những trường hợp trật tự C-V đảo nhưng không chỉ riêng thành phần nào được nhấn mạnh mà giá trị biểu cảm tác động đều lên toàn câu, cả Chủ, Vị đều được nhấn mạnh, do đó cả hai thành phần này đều nằm trong tiêu điểm. Điều này thường xảy ra khi: vị từ được thể hiện bởi những từ mang tính tình thái có giá trị biểu cảm cao vốn là một hình thức đánh dấu nội dung ngữ nghĩa. Chẳng hạn nói "sừng sững" thay cho nói "đứng", "chễm chệ" thay cho "ngồi"... còn chủ ngữ có thể là cái đã biết hay chưa biết nhưng phải được nhấn mạnh bằng một cách thức nào đấy, chẳng hạn như được cá thể hóa, được xác định về số lượng, tính chất...

Ví dụ: *Trong phòng bập bùng* ***ánh lửa***. & *Trong phòng* ***ánh lửa*** *bập bùng*.

Vị từ "bập bùng" là từ có giá trị tu từ cao khi mô tả trạng thái của đối tượng; còn đặc tính tương phản của chủ ngữ cũng được làm nổi bật, đối lập với những đối tượng khác như "ánh lửa", chứ không phải "ngọn lửa" hay "đốm lửa".

Với chủ trương cấu trúc Đề – Thuyết là cấu trúc cú pháp cơ bản của câu trong tiếng Việt, Cao Xuân Hạo cho rằng sự thay đổi vị trí của các thành tố trong câu tiếng Việt thể hiện sự khác nhau về phương diện Chủ đề. Trong đó, Đề xuất hiện ở vị trí đầu câu và thường được mã hóa bằng các thành phần câu khác nhau và được thể hiện như sau:

- Đề tương phản và hiện tượng đảo

Đề được đánh dấu là Đề mang tiêu điểm tương phản. Không phải tất cả các loại Đề đều được đánh dấu. M.A.K. Halliday cho rằng Đề không đánh dấu khi Chủ đề trùng với Chủ ngữ. Khi Chủ đề mang tiêu điểm thông báo, nó phải được đặt trong thế đối lập với một yếu tố khác trong hoặc ngoài phát ngôn.

Ví dụ: ***Tôi*** *thì* ***tôi*** *xin chịu*; *Ai làm được, chứ tôi xin chịu*.

Đề ngữ được đánh dấu mang tiêu điểm thông báo có liên quan đến trật tự từ. Đề ngữ đánh dấu có tác dụng lưu ý người nghe đến một vấn đề sắp nói trong mối liên hệ đối lập với những điều đã nói trước đó. Yếu tố thể hiện bằng hình thức Đề ngữ có thể dùng để nhấn mạnh cho bổ thể hay vị ngữ hay trạng ngữ, và tạo nên một thế nhấn mạnh tương phản cho Đề. Ở một trật tự thông thường có đánh dấu, câu chỉ có một tiêu điểm. Trong khi đó, ở cấu trúc có Đề tương phản thường có trên một tiêu điểm: một tiêu điểm trên phần Đề và một hoặc hơn một tiêu điểm khác trên phần Thuyết.

- Chủ đề tương phản là bổ tố

Trật tự câu có một bổ tố đứng ở đầu, có thể coi là đảo nếu phân tích theo cấu trúc Chủ – Vị, nhưng Bổ tố lại có quan hệ Đề – Thuyết với vế thứ hai của câu, thường là một kết cấu Chủ-Vị, do đó, nó có một vị thế ngang hàng với phần thứ hai của câu. Ở đây thể hiện mối quan hệ về ngữ nghĩa chứ không phải là quan hệ hình thức cú pháp nữa. Mô hình của quan hệ Đề – Thuyết của bổ tố và cụm Chủ – vị kia được thể hiện theo mô hình mà tác giả Lý Toàn Thắng đưa ra là "N2-N1-V", trong đó N2 là bổ ngữ, N1 là chủ ngữ, và V là vị ngữ. Ví dụ: *Thư (thì) tôi đã viết*.

Mô hình câu như thế này là một kiểu cấu trúc phổ biến trong tiếng Việt. Trên quan điểm cấu trúc ngữ nghĩa của câu, cái được đưa đưa ra làm Chủ đề để bàn luận trong phần Thuyết tuy là cái đã biết nhưng nó lại có ý nghĩa quan trọng. Bản thân sự xuất hiện của nó ở vị trí đầu câu thể hiện một sự quan tâm đặc biệt của người nói hướng tới người nghe với mục đích thu hút sự chú ý của người nghe. Tại sao không nói: "Tôi đã viết thư" mà lại nói: "Thư tôi đã viết", vì trong ngữ cảnh phát ngôn người nói muốn đối lập "thư" với một yếu tố nào đó bên ngoài.

Chủ đề được nhấn mạnh, được làm nổi bật lên làm tăng tính tương phản cho vấn đề sắp đề cập đến.

Từ một góc nhìn khác, các bổ tố là chủ đề tương phản thường có thể đưa trở lại được đưa vị trí về sau động từ.

Ví dụ: ***Cái nhà này**, họ xây đấy* & *Họ xây cái nhà này đấy* (Dẫn theo Hồ Lê)

- Đề tương phản là một trạng tố

Cũng giống như hình thức đảo bổ tố, khi đảo trạng tố sẽ tạo nên một sự thay đổi về nội dung ý nghĩa của câu, đồng thời khiến cho cấu trúc cú pháp của câu cũng thay đổi theo. Tiêu điểm ở phần Thuyết có thể là Tiêu điểm bộ phận, có thể là vị ngữ tiêu điểm.

Ví dụ: ***Căn nhà này**, tôi ở đã ba năm*.

- Đề tương phản là vị tố

Đề do một vị từ đảm nhận là vì vị từ này thường được nhắc lại trong phần Thuyết hoặc được thuyết minh bằng một vị từ khác ở phần Thuyết. Đề loại này có tác dụng nhấn mạnh hoặc tương phản đặc biệt cho yếu tố vị từ. Sự tương phản đặc biệt này còn thể hiện ở sự xuất hiện của các hư từ như *thì, mà* và một số tiểu từ tình thái khác. Có thể phân biệt một vài trường hợp khác nhau trong cấu trúc Chủ-Vị và cấu trúc tiêu điểm trên phần Thuyết như sau:

+ Trường hợp 1: Thuyết là một kết cấu Chủ – Vị đầy đủ, trong đó có thể có một số chỉ tố tình thái. Ví dụ: ***Đẹp** thì cái áo này **đẹp** hơn*.

+ Trường hợp 2: Vị từ ở phần Đề được thuyết minh bởi một vị từ khác (thường phải một tính từ) nằm trên phần Thuyết. Ví dụ: ***Khóc** thì thằng cu này to nhất*.

Có thể nói rằng, vấn đề cấu trúc Đề – Thuyết và các thành phần cấu trúc cú pháp liên quan rất đa dạng và phong phú với nhiều quan điểm lí giải khác nhau. Trong phần trình bày ở trên chúng tôi cố gắng dựa trên quan điểm dụng học để xác định cấu trúc tiêu điểm của một vài cấu trúc câu có Đề ngữ liên quan đến trật tự cú pháp lệch chuẩn của ba loại thành phần cú pháp câu: bổ ngữ, trạng ngữ và vị ngữ của tiếng Việt.

***1.2.5.3. Câu đảo ngữ theo quan điểm của luận án***

Câu đảo ngữ được xem xét dưới góc độ đảo trật tự các vai nghĩa hay các tiêu điểm thông tin do mục đích giao tiếp điều chỉnh và chi phối. Vì vậy mà các thành phần câu không xuất hiện theo cấu trúc chuẩn. Các vai nghĩa có thể xuất hiện ở những vị trí khác nhau trong mỗi quá trình khác nhau tùy theo mục đích của người nói/viết. Chính sự hiện diện ở những vị trí khác nhau của các vai nghĩa tạo nên những quá trình đảo ngữ khác nhau.

**Tiểu kết**

Chương một đã trình bày các vấn đề lí luận liên quan đến luận án bao gồm: lý thuyết về trật tự từ, thành phần câu, mô hình câu và câu đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt theo hướng tiếp cận quan điểm của ngữ pháp chức năng. Các vấn đề về tổng quan nghiên cứu câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt theo các quan điểm của ngữ pháp chức năng cũng được khái quát và nhận xét trong chương này. Đặc biệt là chúng tôi đã tập trung giới thiệu khái niệm câu theo trường phái ngôn ngữ học chức năng hệ thống của M.A.K. Halliday. Theo đó, câu được xét dưới ba góc độ: Câu như là sự thể hiện; Câu như là sự trao đổi; Câu như một thông điệp; đồng thời xác định luận án sẽ vận dụng các cơ sở lý thuyết này vào việc phân tích, miêu tả và đối chiếu các kết quả nghiên cứu cho những chương tiếp theo.

# CHƯƠNG 2:
# CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH

**Dẫn nhập**

Trong chương này, chúng tôi sẽ trình bày và phân tích các đặc điểm của câu đảo ngữ tiếng Anh dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng hệ thống M.A.K Halliday. Trên cơ sở của sự phân loại nguồn dữ liệu thu thập được về câu đảo ngữ tiếng Anh dựa trên ba bình diện cấu trúc là: cấu trúc Đề – thuyết, cấu trúc Thức, và cấu trúc chuyển tác được thể hiện thông qua cấu trúc cú pháp, chúng tôi nhận thấy câu đảo ngữ tiếng Anh có năm kiểu loại cơ bản sau:

**2.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 246/500 (Tỷ lệ: 49.2 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định/ Nghi vấn/ Cảm thán | |
| | Thành phần đảo | Các thành phần câu khác |
| CTCT | Tham tố ↔ | (Tham tố) ↔ Quá trình ↔ Tham tố |

Trong sơ đồ này, Đề đánh dấu được xác định là các tham tố đảo (Đích thể, Hiện tượng, Ngôn thể, Đồng nhất thể/ Giá trị, Chu tố/ Chu cảnh) xảy ra trong các quá trình chuyển tác (quá trình vật chất, tinh thần, hành vi, phát ngôn, quan hệ... ) tương ứng với các thành phần câu (Tân ngữ, Bổ ngữ, Trạng ngữ,...) trong cấu trúc cú pháp được cụ thể hóa từ Cấu trúc Thức. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên bốn Thức (Thức khẳng định, Phủ định, Nghi vấn, Cảm thán). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ lớn nhất (49.2%) câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu được khảo sát.

**2.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong các quá trình**

***2.1.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình vật chất***

Theo quan điểm của ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday, quá trình vật chất là các quá trình "hành động". Chúng diễn đạt khái niệm một thực thể nào đó "làm" một cái gì đó – mà có thể được thực hiện "sang" một thực thể khác. Các động từ biểu hiện cho quá trình vật chất như: *do, wear, hit, come, stretch, come, caught, break, mend ...*

*a. Đảo tham tố Đích thể*

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm) danh/đại từ | CN + VN + (BN)<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm)động từ + (Trạng ngữ) |
| CTCT | ĐT | HT + QT: vc + (CC) |

Trong sơ đồ này, tác giả muốn khẳng định sự nhấn mạnh liên quan đến chủ đề là phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề thuyết tương ứng với tham tố Đích thể trong cấu trúc chuyển tác. Đích thể được hiện thực hóa bởi tân ngữ xét trong cấu trúc cú pháp.

Ví dụ {2: 1}: ... There remained varicolored cotton dresses which Scarlett felt were not festive enough for the occasion, ***ball dresses and the green sprigged muslin*** *she had worn yesterday.* But it was an afternoon dress... [6]

Xét cú: *ball dresses and the green sprigged muslin she had worn yesterday* của ví dụ trên, có thể thấy rằng vì muốn nhấn mạnh thành phần Đích thể (*ball dresses and the green sprigged muslin)* tác giả đã đặt nó lên vị trí xuất phát trong cú làm cho nó trở thành Đề đánh dấu với thái độ khẳng định. Đề đánh dấu (Đích thể) do Hành thể (she) tác động thông qua quá trình vật chất hành động (*had worn).*

Trong tiếng Anh cấu trúc đảo thành phần Đích thể còn xảy ra khi người nói muốn nhấn mạnh một tham tố trong quá trình vật chất tạo vật. Tham tố này sẽ đóng vai Đích thể trong cấu trúc chuyển tác đồng thời làm phần Đề trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ {2: 2} ... Troops went by the house and down the road and ***the dust*** *they raised powdered the leaves of the trees...* [1]

Xét cú: *the dust they raised powdered the leaves of the trees*. Hành thể (*they)* và Đích thể (*the dust)* hoán đổi vị trí cho nhau khi *quá trình vật chất* tạo vật (*raised* và *powdered*) xảy ra. Trong trường hợp này, tác giả muốn nhấn mạnh Đích thể (*the dust)* và khẳng định chính thành phần này sẽ làm thành phần Đề. Hành thể (*they)* thực hiện *quá trình vật chất tạo vật* được biểu hiện thông qua vị từ hành động (*raised* và *powdered*) chính là phần Thuyết thuyết giải cho Đề trong văn bản.

Cấu trúc đảo thành phần Đích thể còn xảy ra khi người nói muốn nhấn mạnh một tham tố trong *quá trình vật chất chuyển giao.*

Ví dụ {2: 3} ... It was a hot afternoon and I was sick of lying in bed. I sent the porter for the papers, ***all the papers*** *he could get ...* [1]

Trong ví dụ trên, vì muốn nhấn mạnh yếu tố Đích thể (*all the papers)* mà tác giả đã đưa nó lên vị trí đầu cú làm cho nó trở thành Đề đánh dấu thông qua quá trình vật chất chuyển giao (*get).* Hành thể (*he*) là chủ thể thực hiện quá trình nhưng lại xuất hiện ở phần Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề.

*b. Đảo tham tố thuộc tính chu cảnh*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN (địa điểm)<br>(cụm) giới/trạng từ | VN ↔ CN<br>(cụm) động từ ↔ (cụm)danh/đại từ |
| CTCT | TTCC | QT: vc ↔ HT |

Từ khung tham chiếu, có thể thấy rằng tiêu điểm thứ nhất của thông tin được câu truyền tải là một thuộc tính chu cảnh bắt buộc và làm khung đề của câu. Thuộc tính chu cảnh bắt buộc này được thể hiện bằng một kết cấu mang trạng tính, thậm chí là một trạng từ trong cấu trúc ngữ pháp. Tiêu điểm thứ hai thường xuất hiện cuối câu chính là Hành thể – chủ thể của hành động, được thể hiện bằng một danh ngữ đếm được, và không xác định. Phần Thuyết theo sau khung đề không gian/thời gian là một kết cấu gồm ngữ đoạn vị từ mà vị từ trung tâm của nó biểu thị quá trình chuyển vị – một cách thể hiện của quá trình vật chất.

Ví dụ {2: 4}... We walked along the railroad track. ***On both sides of us*** *stretched the wet plain*... [1]

Ví dụ {2: 5}... This dog was thrashing about in a death –struggle, directly on the trail, and Buck passed around him without stopping. ***From the camp*** *came the faint sound of many voices, rising and falling in a sing-song chant*... [4]

Căn cứ vào khung tham chiếu có thể thấy rằng trong các câu đảo ngữ: *On both sides of us stretched the wet plain* và *From the camp came the faint sound of many voices, rising and falling in a sing-song chant,* thành phần xuất hiện đầu câu là thuộc tính chu cảnh bắt buộc làm khung đề không gian được mã hóa bằng các trạng ngữ hay cụm trạng ngữ như: *On both sides of us* và *From the camp.* Đây cũng chính là phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết. Các thành phần này làm điều kiện để giới thiệu các Hành thể - tiêu điểm thứ hai (*the wet plain* và *the faint sound of many voices*) thông qua quá trình vật chất hành động: *stretched* và *came* biểu thị một sự chuyển động có cách thức. Có thể thấy rằng, vì muốn nhấn mạnh thuộc tính chu cảnh (*On both sides of us* và *From the camp)* mà tác giả đã đưa nó lên trước quá trình hành động và Hành thể với thái độ khẳng định. Đối với cuộc sống nơi làng quê, hình ảnh cánh đồng, lều trại luôn là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt thường ngày. Vì vậy, khi giao tiếp nó luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu mà người nói đề cập đến.

Ngoài ra, trong tiếng Anh, để khẳng định sự nhấn mạnh người ta còn dùng ngay chính thành phần diễn đạt sự nhấn mạnh đó làm đề đánh dấu và đặt nó lên vị trí đầu câu nhằm cung cấp thông tin mới nhất đến người nghe người đọc. Đề đánh dấu chính là đề cấu trúc được thể hiện bằng trạng từ khẳng định *so* (cũng có/cũng vậy) báo hiệu

cấu trúc đảo trợ động từ. Đề cấu trúc đứng trước Đề hữu hạn *do, does* và *did*. Các trợ vị từ này thay thế cho cả một ngữ đoạn vị từ đã bị tỉnh lược khi ngôn cảnh cho phép. Chủ ngữ của câu có thể là một danh ngữ, một danh từ riêng hay một đại từ nhân xưng được phép làm Chủ ngữ xuất hiện ở vị trí cuối câu (Swan, 1980).

Ví dụ {2: 6} ...We laid up for the day, on a tow-head tolerably close to the left-hand bank. I begun to suspicion something. ***So*** *did Jim...* [7]

Xét câu nhấn mạnh: *So did Jim.* Đứng sau đề cấu trúc (so) nhằm thể hiện hình thức đảo ngữ là tác tử tình thái (*do* và *did)*. Vị trí tận cùng của câu là thành phần chủ ngữ: *Jim*. Hơn nữa, đề cấu trúc (*so)* trong ví dụ trên được xem là sự thay thế cho *I begun to suspicion something.* Đây là sự tỉnh lược vì ngôn cảnh cho phép.

***2.1.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

*a. Đảo tham tố Hiện tượng*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm)danh từ /Chủ - vị | CN ↔ VN<br>(cụm)danh/đại từ ↔ (cụm)động từ |
| CTCT | HTg | CT ↔ QT: tt (nhận thức / tình cảm / mong muốn) |

Các quá trình tinh thần (tình cảm, nhận thức, mong muốn...) trong tiếng Anh có thể được định nghĩa như là những quá trình diễn đạt "những phản ứng tinh thần" đối với một Hiện tượng nào đó như: *love, like, hate, think, perceive, want, know, feel, seem, look...* Các quá trình này thường được Cảm thể bộc lộ theo mức độ vì vậy nó thường mang ý nghĩa nhấn mạnh.

Trong tiếng Anh, để tạo sự chú ý cho người đọc/nghe đối với một yếu tố thông tin nào đó với thái độ khẳng định, người ta có thể đảo tham tố tương ứng với thông tin đó lên đầu câu. Khi muốn nhấn mạnh thông tin mới tương ứng với vai Hiện tượng trong cấu trúc chuyển tác quá trình tinh thần nhận thức chúng ta có thể đảo vai này lên vị trí đầu câu và trong cấu trúc mới được hình thành này vai trò vị trí của các tham thể sẽ có sự thay đổi. Yếu tố Hiện tượng sẽ trở thành phần đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết.

Ví dụ {2: 7}... What do you value most?" "***Some one*** *I love."* ... [1]

Ví dụ {2: 8}... ***What of the thin and rotten ice*** *he had felt under his feet all day,* it seemed that he sensed disaster close at hand, out there ahead on the ice where his master was trying to drive him... [4]

Xét câu: *Some one I love* và *What of the thin and rotten ice he had felt under his feet all day.* Các tham tố Hiện tượng (*Some one; What of the thin and rotten ice*) được tác giả đưa lên vị trí đầu câu trước cả vai Cảm thể và trở thành Đề đánh dấu trong cấu

trúc Đề – Thuyết với một thái độ khẳng định. Phần còn lại chính là phần Thuyết được xác định từ vai Cảm thể (*I* và *he*) rồi đến vị ngữ được xác định là quá trình tinh thần nhận thức (*love; felt*) trong cấu trúc chuyển tác. Như vậy, để khẳng định thông tin đã nêu trước đó, tác giả đã thể hiện bằng tham tố Hiện tượng (*Some one; What of the thin and rotten ice*) và thuyết giải nó bằng phần Thuyết (*I love; he had felt under his feet all day).*

Cấu trúc đảo thành phần câu còn xảy ra đối với một số quá trình tinh thần chỉ sự mong muốn và chúng có thể phóng chiếu một Hiện tượng là ý tưởng, điển hình là trong hình thức thông báo lại. Nói cách khác, đó là quá trình đảo ngữ kiểu nhấn mạnh (trích dẫn) trực tiếp – gián tiếp. Trong đó, phần trích dẫn trực tiếp là một cú đóng vai Hiện tượng trong cấu trúc chuyển tác và làm thành phần Đề đánh dấu. Vị trí tiếp theo là Cảm thể mở đầu cho phần Thuyết thực hiện quá trình tinh thần mong muốn.

Ví dụ {2: 9}... The outlines of the wallet might show through her basque and if the Yankees saw it they would strip her naked and search her. ***"I shall die if they do!"*** *she thought wildly*... [6]

Ví dụ {2: 10}... She pointed under the house. "The sow done bit Prissy and got her penned up unner the house." ***"Good for the sow,"*** *thought Scarlett*... [6]

Ví dụ trên cho thấy: Cú bị phóng chiếu bao gồm Hiện tượng/ Đề đánh dấu là: "*I shall die if they do!*" và "*Good for the sow*,"

Phóng chiếu bao gồm (Cảm thể ↔ QTTT: mong muốn)/ phần Thuyết là: *she thought wildly* và *thought Scarlett*.

*b. Đảo tham tố thuộc tính chu cảnh*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN<br>(cụm) giới/trạng từ | VN + CN<br>(cụm) động từ + (cụm)danh/đại từ |
| CTCT | TTCC | QT: tt + CT |

Qua nguồn ví dụ thu thập được, chúng tôi cũng tìm thấy Đề đánh dấu chứa thông tin cần nhấn mạnh xảy ra đối với quá trình tinh thần.

Ví dụ {2: 11} ...He seemed to remember it all, the white woods, and earth, and moonlight, and the thrill of battle. ***Over the whiteness and silence*** *brooded a ghostly calm*... [4]

Ví dụ trên cho thấy đứng đầu câu: *Over the whiteness and silence brooded a ghostly calm* là cụm bổ ngữ chu cảnh *(Over the whiteness and silence*). Yếu tố này chính là phần Đề đánh dấu cùng với Thuyết là các yếu tố còn lại ở vị trí tiếp theo. Bởi lẻ, quá trình tinh thần nhận thức cũng thường xảy ra trong một không gian hay một thời gian nào đó nhất định. Cảm thể đồng hành với một yếu tố chu cảnh nào đó lại

được đặt ở vị trí cuối câu trong cấu trúc chuyển tác và làm thành phần Thuyết (*brooded a ghostly calm).*

***2.1.1.3. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình phát ngôn***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN<br>(cụm)danh/đại từ /Cú | CN + VN + TN<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ + (cụm)danh/đại từ |
| CTCT | NT | PNT ↔ QT: pn + (TNT) |

Ngôn thể, "nội dung cái được nói ra", Halliday (1994), làm *chủ đề được đánh dấu*, được mã hóa bằng tiểu cú được phóng chiếu (projected clause), thường thuộc tiểu loại *hữu hạn*; được vị từ phát ngôn như *say, ask, answer, reply, rejoin, shout, suggest, v.v...* tường thuật trực tiếp; đứng trước hay bao bọc *phát ngôn thể* - tham thể có ý thức thường được thể hiện bằng một danh ngữ xác định và có khả năng "tạo ra tín hiệu" (Halliday, 1994).

Ví dụ {2:12}... "***Do you speak other languages besides English****?" he asked the waitress.* "Oh, yes, sir. I speak German and French and the dialects."... [3]

Số liệu thu thập từ các yếu tố khảo sát chỉ ra rằng đây là loại hình đảo ngữ khá phổ biến và rất đặc trưng trong tiếng Anh. Ngoài ra, các ví dụ minh họa cũng cho chúng ta thấy rằng các Ngôn thể như: "*Do you speak other languages besides English?"* đóng chức năng đề đánh dấu và mang tính hạn định, đứng vị trí đầu câu, được các Phát ngôn thể - chủ thể của phát ngôn (*he*) tường thuật trực tiếp thông qua vị từ phát ngôn như: *asked* và TNT *(the waitress).*

Tuy nhiên, trong quá trình phát ngôn, tham thể PNT là vai diễn cố hữu, luôn tham gia vào quá trình để thực hiện hành động phát ngôn còn vai diễn TNT có khi được che dấu mà không bắt buộc phải xuất hiện trong câu.

Ví dụ {2: 13}... A shell fell close and they both dropped to the ground and dropped me. ***"I'm sorry, Tenente****," said Manera...* [1]

Xét câu: *"I'm sorry, Tenente," said Manera* trong ví dụ trên, Đề đánh dấu chính là vai ngôn thể *"I'm sorry, Tenente,"* được nhấn mạnh, PNT (*Manera*) thực hiện QTPN (*said*) đảm nhận vai trò làm Thuyết trong cấu trúc mà không cần sự xuất hiện của TNT.

Đề đánh dấu trong cấu trúc chuyển tác của quá trình phát ngôn là Ngôn thể. Tuy nhiên, ngôn thể là thành phần khá đa dạng về mặt cấu trúc. Ngôn thể không nhất thiết phải là một cú mà có khi chỉ là một từ như trong ví dụ sau:

Ví dụ {2: 14}... When the young men serenaded only the flute was forbidden. ***Why**, I had asked*. Because it was bad for the girls to hear the flute at night... [1]

Xét câu: *Why, I had asked.* Đề đánh dấu chính là (why) được PNT (I) – đánh dấu phần Thuyết thực hiện QT: pn (had said).

***2.1.1.4. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình quan hệ***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN<br>(cụm)danh/đại/tính từ | VN + CN<br>(cụm) động từ + (cụm) danh/đại/ tính từ |
| CTCT | ĐNT/ GT/ ThT | QT: qh (Đồng nhất/ qui gán) + BĐNT/ BH/ ĐgT |

Đó là hiện tượng đảo hai diễn tố trong "câu quan hệ" được hiện thực bởi động từ "be" đóng chức năng làm quan hệ định tính. Xuất hiện cuối câu chính là Đương thể - một thực thể hay bất kì một sự việc gì được quy gán cho một thuộc tính nào đó (Halliday, 1994). Đương thể làm chủ ngữ nhưng không làm chủ đề trong câu và thường được mã hóa bằng một danh từ đếm được xác định hoặc không xác định. Xuất hiện ở đầu câu là thuộc tính làm khung đề "được đánh dấu" (Halliday, 1994). Thuộc tính của Đương thể làm khung đề trong trường hợp này có thể là:

- Thuộc tính quan yếu được mã hóa bằng một tính ngữ, một ngữ phân từ hay một danh ngữ xác định.

- Thuộc tính là Chu cảnh được mã hóa bằng một giới ngữ hay một trạng ngữ

Những hiện tượng đảo ngữ theo khung tham chiếu này thường có chức năng gây ngạc nhiên và có thể tác động mạnh đến người nhận thông tin vì tính tương phản của cái thông tin mới nằm trong khung đề ngay đầu câu và vì trật tự ngược của thông tin "cũ sau - mới trước".

*a. Đảo tham tố ĐNT/ GT trong quá trình quan hệ: đồng nhất (identification)*

Đối với quá trình quan hệ đồng nhất, việc đảo các tham tố ĐNT/GT với tham tố BĐNT/BH nhằm nhấn mạnh các tham thể ĐNT/GT. Tham tố này là yếu tố làm thành Đề ngữ trong cấu trúc Đề thuyết.

Ví dụ {2: 15}... Each day the sun rose earlier and set later. It was down by three in the morning, and twilight lingered till nine at night. ***The whole long day** was a blaze of sunshine*... [4]

Trong câu: *The whole long day was a blaze of sunshine*, thông qua quá trình quan hệ "was", và cũng là yếu tố phân định ranh giới giữa Đề và Thuyết, các tham thể ĐNT/GT và BĐNT/BH có sự hoán đổi vị trí cho nhau. Quá trình hoán đổi vị trí của các tham thể cũng chính là quá trình đảo các vai nghĩa. Sự đảo các vai nghĩa nhằm

mục đích tạo hiệu ứng đối với người đọc/nghe. Ở đây, ĐNT (*The whole long day*) có sự đồng nhất với BĐNT *(a blaze of sunshine*). Tuy nhiên, tác giả muốn nhấn mạnh ĐNT (*The whole long day*) với thái độ khẳng định nên đã đặt nó ở vị trí đầu câu làm thành Đề đánh dấu. Phần còn lại - Thuyết (*(a blaze of sunshine)* nhằm thuyết giải thông tin cho phần Đề

*b. Đảo tham tố ĐNT/ GT trong quá trình quan hệ: Chu cảnh (Circumstantial)*

Quá trình quan hệ chu cảnh liên quan đến chuyển tác quan hệ "ở nơi nào đó". Mối quan hệ của chúng là quan hệ giữa một thực thể với chu cảnh hay môi trường của nó như thời gian, không gian, phong cách, đồng chu cảnh...BH và GT là những thành phần chỉ thời gian, địa điểm và quá trình được hiện thực hóa bằng các động từ chỉ quan hệ sâu. Là cú đồng nhất nên các tham thể trong các cú này có thể đảo ngược được.

Ví dụ {2: 16}... We walked on along the street until it came out onto a wider street that was beside a canal. ***On the other side*** *was a brick wall and buildings*... [1]

Ví dụ trên cho thấy GT (*On the other side)* và BH *(a brick wall and buildings)* hoán đổi vị trí cho nhau. Tuy nhiên, vì muốn nhấn mạnh tham tố liên quan đến địa điểm (*On the other side)* mà tác giả đã đảo chúng lên vị trí đầu câu với một thái độ khẳng định, xác định chúng làm phần Đề cho văn bản.

Ngoài ra, Đề đánh dấu cũng có khi được khẳng định bằng một từ mang trạng tính chỉ nơi chốn như: here.

Ví dụ {2: 17}... Scarlett sat down on the column, too sick at the sight to go on. This desolation went to her heart as nothing she had ever experienced. ***Here*** *was the Wilkes pride in the dust at her feet*... [6]

Xét câu: *Here was the Wilkes pride in the dust at her feet*. Đề đánh dấu chính là từ mang đặc điểm trạng tính (*here)*. Phần còn lại là Thuyết được đánh dấu từ quá trình quan hệ (was).

*c. Đảo tham tố thuộc tính thường trực và kết quả trong quá trình quan hệ*

Đề đánh dấu là chỉ định từ (determiner) *such* "đến như thế, đến mức độ" hay trạng từ chỉ cấp độ (adverb of degree) như *so* (quá...đến nỗi) cũng là Đề cấu trúc nằm trong cái kết cấu đứng trước Đề hữu hạn ở đầu câu làm cho câu có cấu trúc đảo.

Ví dụ {2: 18}... His eyes turned blood shot, and he was metamorphosed into a raging fiend. ***So changed*** *was he that the Judge himself would not have recognized him;* and the express messengers breathed with relief when they bundled him off the train at Seattle... [4]

Ví dụ {2: 19}... There is an ecstasy that marks the submit of life, and beyond which life cannot rise. And ***such*** *is the paradox of living, this ecstacy comes when one is most alive, and it comes as a complete forgetfulness that one is alive*.

Tương ứng với khung tham chiếu thể hiện một hình thức khác của phép đảo bán phần (trợ động từ). Theo đó, đề cấu trúc được bắt đầu với từ chỉ định *so* và *such* như *So changed* và *such*, kế tiếp là đề hữu hạn được mã hóa bởi động từ *was* và cuối cùng là phần thuyết ngữ: *he that the Judge himself would not have recognized him* và *the paradox of living, this ecstacy comes when one is most alive, and it comes as a complete forgetfulness that one is alive.* Trong tiếng Anh, các cặp liên từ "*so ... that*" và "*such ... that*" thường được dùng để liên kết hai vế trong câu văn. Đứng vị trí đầu câu và làm chức năng của đề cấu trúc chính là cụm từ bắt đầu với *so* nhằm nhấn mạnh một thuộc tính hay một trạng thái nào đó cho cụm từ hay tiểu cú được giới thiệu trong vế thứ hai. Mối quan hệ thông tin giữa hai vế là mối quan hệ nhân quả và tạo hiệu ứng nhấn mạnh.

Từ nhấn mạnh "so" còn được làm Đề đánh dấu trong văn bản mà không đi kèm thuộc tính của Đương thể.

Ví dụ {2: 20}... "I'm always hungry." "***So*** *am I."* We went out in the snow but it was drifted so that we could not walk far... [1]

Xét câu: "*So am I",* Đề đánh dấu chính là từ nhấn mạnh "so" nhằm khẳng định sự nhấn mạnh và thay thế thông tin mới đã nêu trước đó "I'm always hungry". Loại hình đảo ngữ này cũng xuất hiện khá phổ biến trong tiếng Anh.

Đối với thuộc tính liên quan đến thường trực, người ta có thể dùng hình thức so sánh hơn hoặc so sánh nhất. Nói cách khác, khi muốn nhấn mạnh một thông tin nào đó người ta có thể đặt yếu tố chứa thông tin đó lên đầu câu và đối lập nó với các thông tin còn lại bằng hình thức so sánh.

Ví dụ {2: 21}... These are the indicators of crisis, subject to data and statistics. ***Less measurable but no less profound*** *is a sapping of confidence across our land* - a nagging fear that America's decline is inevitable, and that the next generation must lower its sights... [8]

Trong tiếng Anh, quá trình đảo ngữ còn xảy ra khi thuộc tính của Đương thể làm Đề đánh dấu được biểu hiện bằng một tính ngữ hay một cụm tính ngữ.

Ví dụ {2: 22} ...Till the day she died there would be blank spots in her memories of those days. ***Especially vague*** *were her recollections of the time between her acceptance of Charles and her wedding*. Two weeks! ... [6]

Ví dụ {2: 23}... One bright summer morning some weeks later, he reappeared with a brightly trimmed hatbox in his hand and, after finding that Scarlett was alone in

the house, he opened it. ***Wrapped in layers of tissue*** *was a bonnet,* a creation that made her cry: "Oh, the darling thing!" as she reached for it... [6]

Từ những ví dụ trên, có thể thấy rằng ở đầu câu, vai Thuộc tính của Đương thể thực hiện nhiều chức năng khác nhau. Có khi Thuộc tính thực hiện chức năng là "chỗ nối" (cohesive link), đặc biệt là khi Thuộc tính có chứa "yếu tố mang tính so sánh" với "ngôn cảnh phía trước" như thành phần Chu cảnh: *Less measurable but* no *less profound* trong ví dụ {2: 21} còn Đương thể "chở thông tin quan trọng nên xuất hiện ở cuối câu" (Eastwood, 1994: 56). Trong các ví dụ số {2: 22} và {2: 23}, các thành phần ngữ phân từ *Wrapped in layers of tissue* với tư cách là một phần của vị từ đã chuyển sang làm khung đề trong câu. Ý nghĩa bị động và ý nghĩa chủ động đã bị triệt tiêu và thay vào đó là ý nghĩa định tính được thể hiện bằng hệ từ "be". Biber (1999) cho rằng việc *chuyển ra phía trước* có chức năng diễn ngôn chính là: tổ chức dòng thông tin để tạo sự liên kết, biểu đạt ý nghĩa tương phản và cho phép nhấn mạnh thành tố nào đó.

**2.1.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong các quá trình**

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TrN (phủ định)<br>(cụm)trạng từ | Động từ tình thái + CN + CV + (TrN)<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ + (cụm)trạng/ giới từ |
| CTCT | CC (bắt buộc) | Từ tình thái + HT/ ƯT/ CT + QT:vc/ QT:hv/ QT:tt + (CC) |

***2.1.2.1. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình vật chất***

Trong sơ đồ này, tác giả muốn nhấn mạnh sự phủ định về thông tin liên quan đến chủ đề là Chu cảnh bắt buộc trong cấu trúc chuyển tác và cũng là phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề thuyết khi mô tả quá trình vật chất của Hành thể.

Phần bị đảo ra đầu câu là: (1) trạng ngữ phụ nghĩa cho một vị từ (adverbial adjunct of a verb) có chứa phủ định từ hay trạng từ phủ định (negative determiner or adverb): *never, nor, not, never, scarcely, only, rarely, hardly, seldom, little và no...*; (2) bổ ngữ trực tiếp của một ngoại vị từ (direct object of a transitive verb). Vì không đứng tận cùng trong câu nên đại từ nhân xưng mới được chấp nhận làm chủ ngữ trong câu.

Ví dụ {2: 24} ... Of course, she had discovered that this was not altogether true but the pleasant fiction still stuck in her mind. ***Never before*** *had she put this remarkable idea into words...* [6]

Ví dụ {2: 25} ... On top of everything else, she was actually making money out of the mill, and no man could feel right about a wife who succeeded in so unwomanly

an activity. ***Nor*** *did she turn over the money or any part of it to him to use in the store...*[4]

Ví dụ {2: 26} ... Some days they did not make ten miles. On other days they were unable to get started at all. And ***on no day*** *did they succeed in making more than half the distance used by the men as a basis in their dog-food computation...* [4]

Ví dụ {2: 27} ... "Oh, no, sir," she laughed. "I don't smoke, sir." *"**Neither** do I,"* said Harris... [3]

Trong những ví dụ trên, vì muốn nhấn mạnh sự phủ định mà tác giả đã đặt chính các yếu tố phủ định lên đầu câu. Nói cách khác, Đề đánh dấu chính là những yếu tố phủ định như: *Never, Nor,* và *On no day* đã được đặt ở vị trí đầu câu. Phần Thuyết được xác định từ các tác tử Hữu định: *had, do* và *did.* Đứng ngay sau những tác tử Hữu định này là vai Hành thể đóng chức năng làm chủ ngữ có liên quan đến các quá trình vật chất thể hiện qua các động từ: *put, turn over, succeed*. Chính vị trí xuất hiện của những tác tử Hữu định này là yếu tố xác nhận cấu trúc đảo ngữ. Bởi lẽ, tác tử Hữu định thường xuất hiện sau chủ ngữ và trật tự ngược lại đánh dấu cấu trúc đảo trong tiếng Anh. Đây cũng chính là mô hình đảo ngữ mà tiêu điểm thông báo là trạng ngữ phủ định – yếu tố được đặt ở vị trí đầu câu bởi vì chúng mang thông tin quan trọng nhất trong câu. Trong ví dụ {2: 27}, yếu tố phủ định *neither* được dùng để nhấn mạnh sự phủ định và thay thế cho "*I don't smoke, sir*."

***2.1.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình hành vi***

Đối với quá trình này, thông tin được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua thái độ phủ định với sự xuất hiện của yếu tố phủ định ở vị trí đầu câu. Với vị trí này, yếu tố phủ định trở thành Đề ngữ có đánh dấu cho phát ngôn. Phần còn lại được xác định là Thuyết trong cấu trúc thể hiện quá trình hành vi.

Ví dụ {2: 28}... There is one thing about you, daughter, he thought. ***Not only*** *can you outsleep* anybody I've ever known and have the best appetite I've ever seen linked with a build like yours but you have an absolutely heaven-given ability to not have to go to the bathroom... [3]

Ví dụ {2: 29} ... He sat beside her, holding her hand until sleep loosened her grasp. ***Only then*** *did he tiptoe downstairs, leaving the lamp burning brightly and the door ajar so he might hear her should she awake and become frightened.* ***Never again*** *did he intend her to have a recurrence of fear of the dark...* [6]

Ví dụ {2: 30}...Ashley sat on Ellen's little writing chair, his long body dwarfing the frail bit of furniture while Scarlett offered him a half-interest in the mill. ***Not once*** *did his eyes meet hers and he spoke no word of interruption...* [6]

Cũng giống như sự nhấn mạnh phủ định xảy ra trong các quá trình vật chất, những ví dụ trên cho thấy rằng thành phần bị đảo ra đầu câu chính là một trạng ngữ hay một ngữ đoạn trạng từ phủ định có tính chất phủ định bán phần mã hóa làm đề cấu trúc cho cú như: *Not only, only then*; và *not once.* Tiêu điểm thông báo của câu cũng chính là những trạng ngữ phủ định này bởi lẻ nó mang thông tin mà người nói đang muốn người nghe tập trung sự chú ý nhất. Ví trí tiếp theo là Đề hữu hạn (Đề dánh dấu Thức) được mã hóa bằng các tác tử hữu hạn của vị từ như: *can* và *did* đứng trước các chủ đề làm thành phần *Thuyết* cho cú thông qua các quá trình hành vi như: *outsleep, tiptoe,* và *meet.*

***2.1.2.3. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

*a. Đảo tham tố thuộc tính chu tố trong quá trình tinh thần ( nhận thức/tình cảm/mong muốn)*

Trong *quá trình tinh thần* chỉ sự nhận thức/tình cảm/mong muốn, Đề đánh dấu chính là yếu tố phủ đinh xuất hiện ở vị trí đầu câu và đây cũng là thành phần được nhấn mạnh mà tác giả truyền đạt đến người đọc/nghe trong hội thoại. Yếu tố phủ định thường được biểu hiện là thuộc tính chu cảnh trong cấu trúc chuyển tác của các *quá trình tinh thần* nhận thức/tình cảm/mong muốn.

Ví dụ{2: 31}... You are killing me, fish, the old man thought. But you have a right to. ***Never*** *have I seen a greater, or more beautiful, or a calmer or more noble thing than you, brother*. Come on and kill me... [2]

Ví dụ{2: 32}...With that kiss, everything she had intended to say in welcome took wings. ***Not until hours later*** *did she recall that he had not kissed her on the lips*...[6]

Trong ví dụ trên, để nhấn mạnh sự phủ định các quá trình tinh thần như: *seen, recall*, tác giả đã thể hiện bằng thái độ phủ định được diễn đạt bằng cụm từ: *never* và *not until.* Thành phần này xuất hiện đầu câu và làm Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết. Phần còn lại bao gồm: (1) tác tử hữu định: *have* và *did*. (2) Phần Thuyết thuyết giải cho Đề chứa tham tố Cảm thể, *quá trình tinh thần* và chu cảnh được xác định từ: *I seen a greater, or more beautiful, or a calmer or more noble thing than you, brother* và *she recall that he had not kissed her on the lips...* .

*b. Đảo tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần: nhận thức.*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TN<br>(cụm) danh/đại từ/cú | CN + TrN + VN<br>(cụm) danh/đại từ + trạng từ + (cụm) động từ |
| CTCT | HTg | CT + (yếu tố phủ định) + QT:tt: nhận thức |

Sự nhấn mạnh tham tố Hiện tượng trong *quá trình tinh thần* nhận thức của Cảm thể với thái độ phủ định được thể hiện với việc thêm yếu tố phủ định vào ngay trước *quá trình tinh thần* nhận thức. Tham tố Hiện tượng vẫn xuất hiện ở vị trí đầu câu nên nó tiếp tục làm thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ {2: 33}... She turned and there stood India, white faced, her pale eyes blazing, and Archie, malevolent as a one-eyed parrot. Behind them stood Mrs. Elsing. ***How she got out of the office*** *she never remembered*... [6]

Xét câu: *How she got out of the office she never remembered*. Trong hoàn cảnh nhân vật (*she*) – Cảm thể muốn giải thích về việc không nhớ nổi vì sao cô ấy có thể bước ra khỏi văn phòng (*How she got out of the office*) – tham tố Hiện tượng, cô đã thể hiện *quá trình tinh thần* nhận thức của mình với thái độ phủ định (*never remembered)* nhưng thông tin mà cô muốn truyền đạt và nhấn mạnh là điều boăn khoăn (*How she got out of the office*)*)* nên nó (Hiện tượng) được đề cập trước trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc.

***2.1.2.4. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình quan hệ***

Cũng giống như sự phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo trong Quá trình vật chất và quá trình tinh thần, sự phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo trong Quá trình quan hệ được thể hiện bằng sự xuất hiện của các yếu tố phủ định đóng chức năng đề đánh dấu trong cấu trúc đề – thuyết thông qua quá trình quan hệ được thể hiện bằng hệ từ "be".

Ví dụ {2: 34}... Yes, as Rhett had prophesied, marriage could be a lot of fun. ***Not only*** *was it fun but she was learning many things*... [6]

Ví dụ {2: 35}... Afternoon naps were a custom of the country and ***never*** *were they so necessary as on the all-day parties, beginning early in the morning and culminating in a ball*... [6]

Ví dụ {2: 36}... Are you married, Tenente?" "No." *"**Neither** is Bonello*."... [1]

Trong các ví dụ trên, để nhấn mạnh sự phủ định, tác giả đã đặt các yếu tố phủ định như: *Not only, never* và *neither* lên vị trí đầu câu và làm cho chúng trở thành Đề trong cấu trúc Đề – thuyết. Tuy nhiên, xét trong cấu trúc chuyển tác thì đây là sự nhấn mạnh phủ định đối với các quá trình quan hệ: *was, were*, và *is*. Các quá trình quan hệ này lại xuất hiện trước các tham tố Đương thể và các chu cảnh tạo thành phần Thuyết trong cấu trúc.

### 2.1.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong các quá trình

Cấu trúc thông thường của một câu là: chủ từ đứng trước động từ (S+V), nhưng có trường hợp ngược lại: động từ lại đứng trước chủ từ. Đó chính là hình thức đảo ngữ như câu hỏi và đây cũng chính là hình thức đảo ngữ phổ biến nhất trong tiếng Anh. Khi nhìn vào ngữ pháp của ngôn ngữ tiếng Anh, chúng ta thấy hình thức đảo ngữ thông thường nhất là sự thay đổi trật tự các chủ ngữ và động từ trong một câu.

Câu hỏi thường được hình thành bằng cách đặt một từ nghi vấn (Wh – questions như what, where, when, how, which, who,...) tiếp theo là một tác tử động từ. Một điều cần lưu ý là đối với các cú nghi vấn có WH-. Thành phần WH- là thành phần khu biệt trong cấu trúc liên nhân của câu. Chức năng của nó là cụ thể hóa thực thể mà người hỏi muốn được cung cấp. Thành phần WH- thường trùng khớp với một trong ba chức năng Chủ ngữ, Bổ ngữ hay Phụ ngữ. Nếu nó trùng khớp với Chủ ngữ, thì nó là một phần của thành phần Thức, và do đó trật tự trong thành phần Thức phải là Chủ ngữ – Hữu định. Điều này không thể hiện hình thức đảo ngữ trong tiếng Anh.

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức nghi vấn | |
| | BN<br>(cụm từ nghi vấn)<br>(cụm)trạng/giới từ | tác tử động từ + (CN) + VN + (TN)<br>tác tử động từ + (cụm) danh/đại từ + (cụm) động từ + (cụm) danh/đại từ |
| CTCT | TTCC | tác tử động từ + HT/CT/ƯT/ĐgT + QT:vc/QT:tt/QT:hv/QT:qh + ĐT/HTg/TT/ThT |

#### *2.1.3.1. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong quá trình vật chất*

Khi muốn xác nhận một thông tin nào đó, người ta có thể dùng thái độ nghi vấn để diễn đạt điều muốn xác nhận. Thông tin mà tác giả muốn xác nhận thường được thể hiện bằng một thuộc tính chu cảnh trong cấu trúc chuyển tác và được xem như là thành phần Bổ ngữ trong cấu trúc cú pháp.Yếu tố chu cảnh này được đặt ở vị trí đầu câu và trở thành đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết.

Ví dụ {2: 37}... ***How*** *could he deliberately break her heart*? Then, suddenly, an idea, shining and new, flashed like a comet through her brain... [6]

Xét câu: - *How could he deliberately break her heart?*. Vì thái độ nghi vấn đối với việc đánh thức trái tim của cô gái mà chàng trai đã thể hiện và đề cập ngay thông qua từ nghi vấn (how) và làm cho nó trở thành phần Đề đánh dấu. Phần còn lại (*could he deliberately break her heart*) là Thuyết ngữ được hiện thể hiện qua cấu trúc chuyển tác của QT: vc (*break*).

***2.1.3.2. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong quá trình hành vi***

Cũng giống như sự nghi vấn xảy ra trong quá trình vật chất, khi muốn bày tỏ sự nghi vấn xảy ra trong quá trình hành vi chúng ta đưa các từ thể hiện sự nghi vấn lên đầu câu. Khi quá trình này được thực hiện, tham tố Ứng thể đóng vai chủ ngữ sẽ xuất hiện sau tác tử động từ. Như vậy, chủ ngữ không trùng khớp với chủ đề và quá trình đảo ngữ sẽ xảy ra.

Ví dụ {2: 38}... - ***what dress*** *should she wear to the barbecue?* ... [6]

Ví dụ {2: 39}... ***Where*** *did you tell him to go?"* "To the station..."... [1]

Trong các ví dụ trên cho thấy, để bày tỏ sự nghi ngờ đối với những thông tin liên quan như: *what dress (*chiếc váy gì); *where* (địa điểm) mà các Ứng thể (*she*; *you*) thực hiện các *quá trình hành vi* (*wear; tell*, tác giả đã sử dụng các thuộc tính chu cảnh thường dùng để hỏi (*what dress; where*). Các thuộc tính này được đưa lên vị trí đầu câu làm thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – thuyết với thái độ nghi vấn.

***2.1.3.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong quá trình tinh thần***

Cũng giống như sự bày tỏ thái độ nghi vấn trong QT:vc và QT:hv, sự bày tỏ thái độ nghi vấn cũng xảy ra đối với QT:tt. Đó là việc khi muốn thể hiện thái độ nghi ngờ về một thông tin nào đó, tác giả có thể sử dụng các thuộc tính chu cảnh (từ nghi vấn) để diễn đạt và đặt nó lên đầu câu nhằm xác định phần Đề đánh dấu.

Ví dụ {2: 40} ...*"**What** do you believe in?"* "In sleep," I said. He stood up... [1]

Ví dụ {2: 41} ... ***How*** *could he know?* I've always acted so prissy and ladylike and touch-menot around him he probably thinks I don't care a thing about him except as a friend... [6]

Trong các ví dụ trên, thông tin mà tác giả dùng để thể hiện thái độ nghi vấn về một điều gì đó và cách thức của Cảm thể (*you; he)* đối với quá trình tinh thần (*believe* và *know)* là các thuộc tính chu cảnh: *what* và *how*. Chúng xuất hiện như là Đề ngữ trong cấu trúc Đề – Thuyết. Phần còn lại là Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề được xác định từ tác tử động từ *do* và *could*.

***2.1.3.4. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong quá trình quan hệ***

Qua nguồn cứ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy, sự nghi vấn về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong hầu hết các quá trình chuyển tác. Đối với quá trình quan hệ, thông tin được nhấn mạnh trong Đề dánh dấu vẫn là những từ chỉ sự nghi vấn thông dụng trong tiếng Anh bắt đầu bằng

từ để hỏi có dạng Wh- question. Tuy nhiên, phần thuyết nhằm thuyết giải cho Đề được thể hiện bằng hệ từ "be" trong tiếng Anh, đánh dấu quá trình quan hệ. Đương thể xuất hiện sau QT:qh góp phần thuyết giải cho Thuyết trong cấu trúc.

Ví dụ {2: 42} ... "***What else*** *is an Englishwoman good for?*"... [1]

Trong ví dụ trên, để bày tỏ sự nghi vấn *thêm điều gì* (*What else)* mà một người phụ nữ Anh quốc có thể hỏi,.tác giả đã đặt nó lên đầu câu và làm cho nó trở thành Đề đánh dấu cung cấp thông tin sớm nhất đến người nhận. Các tham tố: QT:qh (is) và Đương thể (*Englishwoman)* xuất hiện sau Đề và đóng vai trò làm Thuyết cho cấu trúc.

**2.1.4. Cảm thán sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong các quá trình**

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức trình bày | |
| | BN<br>(What/how) + tính/trạng từ | CN + VN<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | CC | ĐgT + QT:qh |

Trong tiếng Anh, câu cảm thán (exclamator sentence) là câu diễn tả một cảm giác (feeling) hay một xúc động (emotion). Câu cảm thán giúp bày tỏ cảm xúc vui, buồn, khen, chê, phẫn nộ hay ngạc nhiên…

Cấu trúc câu cảm thán trong tiếng Anh có rất nhiều loại khác nhau và thường được cấu tạo với HOW và WHAT. Trong những cấu trúc đó có những cấu trúc được thể hiện bằng sự thay đổi trật tự vị trí các thành phần câu so với trật tự cấu trúc chuẩn thông thường trong tiếng Anh. Nói cách khác, một số hình thức đảo trật tự từ trong câu cảm thán chính là sự thể hiện hình thức đảo ngữ trong tiếng Anh.

Ví dụ {2: 43}... Well! So hoops aren't so wide this year, she thought, scanning the red plaid gown. And, as she took in the black velvet paletot, ***how short*** *jackets are!...* [6]

Ở ví dụ trên, chúng ta thấy trật tự của tính từ (adjective) bị thay đổi so với cấu trúc bình thường là tính từ thường đứng sau động từ "be". Nhưng với mục đích bày tỏ sự ngạc nhiên và nhấn mạnh vào tính chất ngắn (*short*) của sự vật (*jackets)*, người nói đã sử dụng hình thức thể hiện bằng một thái độ cảm thán. Theo đó, tính từ (*short)* được đảo vị trí và kết hợp với chu tố (*How*) tạo thành Đề đánh dấu. QT:qh được biểu hiện bằng động từ "*are*" kết hợp với chủ ngữ (*jackets*) tạo thành Thuyết ngữ thuyết giải cho Đề.

**2.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 59/500 (Tỷ lệ: 11.8 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (be) + VN + (by) + (CN)<br>(be) + (cụm)động từ + by + (cụm) danh/đại từ |
| CTCT | Tham tố đảo | (be) + QT + (by) + (Tham tố) |

Trong sơ đồ này, Đề đánh dấu được xác định là các tham tố đảo (Đích thể/ Khiến thể/ Bị thể, Hiện tượng) xảy ra trong các quá trình chuyển tác (quá trình vật chất, tinh thần, hành vi) tương ứng với các thành phần câu (Tân ngữ) trong cấu trúc cú pháp được cụ thể hóa từ Cấu trúc Thức. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định, Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ 11.8 % câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu được khảo sát. Phần Thuyết bao gồm động từ bị động (be), các quá trình chuyển tác và các tham tố (Hành thể, Cảm thể) tham gia vào các quá trình chuyển tác.

**2.2.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

***2.2.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Bị thể/ Đích thể/ Khiến thể trong quá trình vật chất***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (be) + VN + by + (CN)<br>(be) + (cụm)động từ + (by+ (cụm)danh/đại từ) |
| CTCT | ĐT/KhiT | (be) + QT:vc (hđ/ tđ/ kt/ cg) + (by + HT) |

*a. QT:vc ( hành động)*

Khi muốn nhấn mạnh đối tượng chịu tác động của Hành thể tức Đích thể/Khiến thể, chúng ta đưa chính đối tượng Đích thể/Khiến thể lên vị trí đầu câu và chúng sẽ đóng chức năng Đề đánh dấu cung cấp thông tin về tham tố này. Vì vậy, câu mang ý nghĩa bị động. Đồng thời câu có thể sẽ có sự xuất hiện của động từ bị động là *be*.

Ví dụ {2: 44}: ...In the town there were more guns, there were some new hospitals, you met British men and sometimes women, on the street, and ***a few more houses*** *had been hit by shell fire...* [1]

Xét cú: *a few more houses had been hit by shell fire,* và theo mô hình cấu trúc đảo ngữ tương ứng kiểu chuyển tác bị động ta thấy vì muốn nhấn mạnh thành phần Đích thể (*a few more houses)* mà người ta đưa nó lên vị trí đầu câu làm cho nó trở

thành Đề ngữ đánh dấu *bị* Dung môi (*shell fire)* tác động thông qua quá trình vật chất hành động được thể hiện bằng QT:vc hành động (*hit).*

*b. QT:vc: (Tạo vật)*

Cũng giống như cấu trúc đảo ngữ quá trình vật chất hành động và tác động, quá trình vật chất tạo vật cũng có mô hình tương tự.

Ví dụ {2: 45}... ***Ellen's second child****, named Susan Elinor, but always called Suellen, was born... [6]*

Đích thể – yếu tố được nhấn mạnh, xuất hiện ở vị trí đầu câu cho nên làm thành Đề ngữ có đánh dấu, nhưng là kết quả do Hành thể, một phần của Thuyết – đứng sau động từ bị động "*be*" tạo nên thông qua quá trình vật chất có tính chất tạo vật. Trong ví dụ trên, Đích thể (*Ellen's second child)* được tạo nên nhờ quá trình (*was born)* nhưng nó đứng vị trí đầu câu tương ứng với vị trí của phần Đề và trở thành Đề có đánh dấu. Phần còn lại bao gồm động từ bị động (*was*), quá trình vật chất tạo vật *(born)* làm thành phần Thuyết có chức năng thuyết giải cho Đề.

*c. QT:vc (Thuyên chuyển, Chuyển giao)*

Có thể nói rằng trong mô hình bị động, đảo ngữ liên quan đến quá trình vật chất có tính đa dạng nhất bởi nó cũng cung cấp thông tin liên quan đến các tham tố như Lợi thể/Tiếp thể trong quá trình vật chất thuyên chuyển/chuyển giao.

Ví dụ {2: 46}... The flies were on the ceiling now and on the electric light bulbs that hung on wires. ***The lights*** *were only turned on* when ***some one*** *was brought in at night* or when ***something*** *was being done*... [1]

Cấu trúc đảo ngữ đối với quá trình vật chất mang tính chuyển giao hay thuyên chuyển như: *brought* trong ví dụ: *The lights were only turned on when some one was brought in at night or when something was being done.* Trong đó Tiếp thể (*some one*) được Hành thể (tham tố ẩn) thực hiện quá trình thuyên chuyển "*brought in*" lại xuất hiện đầu câu chiếm vị trí đầu câu và trở thành Đề ngữ có đánh dấu cung cấp thông tin cho chính tham tố này. Yếu tố Hành thể (tham tố ẩn) – chủ thể của hành động *(brought in)* xuất hiện sau động từ bị động (was) trở thành một phần của Thuyết cung cấp thông tin đến sau Đề và thuyết giải cho Đề.

*d. QT:vc ( tác động)*

Mô hình đảo ngữ theo kiểu bị động còn xảy ra đối với quá trình vật chất tác động.

Ví dụ {2: 47}... They had cut the railroad four miles below the town, but ***they*** *had been beaten off by the Confederate cavalry*; and the engineering corps, sweating in the broiling sun, had repaired the line... [6]

Xét cú: *they had been beaten off by the Confederate cavalry*. Quá trình vật chất tác động "*beaten off*" là do Hành thể "*the Confederate cavalry*" gây ra đối với Đích

thể "*they".* Tuy nhiên, vì muốn nhấn mạnh Đích thể mà nó được xuất hiện ở đầu câu với tư cách là thông tin trong văn bản chiếm vị trí tương ứng với Đề ngữ trong cấu trúc. Nói cách khác, Đích thể và Hành thể có sự hoán đổi vị trí cho nhau cùng với sự xuất hiện của động từ bị động "had been". Vì vậy mà câu mang ý nghĩa đảo ngữ bị động.

Tuy nhiên, kiểu đảo ngữ bị động đối với quá trình vật chất không phải khi nào cũng có sự xuất hiện của Hành thể mà có khi chỉ cần sự xuất hiện của ba thành phần Đích thể, tiểu từ bị động "be" và quá trình vật chất như trong ví dụ {2: 46}. Các quá trình vật chất (*turned on, brought in, done)* chịu tác động của Đích thể (*The lights, some one và something*). Đích thể chính là thành phần được nhấn mạnh và được xuất hiện đầu câu đồng thời làm Đề ngữ có đánh dấu. Hành thể gây nên các hành động là tham tố không được nhấn mạnh nên chúng có thể không lộ diện.

Trong mô hình đảo ngữ bị động của quá trình vật chất hành động, Đích thể xuất hiện ở đầu câu và làm Đề ngữ cung cấp thông tin về Khiến thể nên yếu tố Dung môi trở thành thông tin đến sau và là một phần trong thành phần còn lại làm Thuyết ngữ. Chúng đóng chức năng thứ yếu trong câu cho nên sự xuất hiện của chúng đôi khi không cần thiết và đôi khi có thể bị che dấu.

*e. QT:vc ( khiến tác)*

Đối với mô hình khiến tác của câu bình thường, yếu tố Dung môi (Hành thể) thường xuất hiện sau Quá trình. Tuy nhiên, QT:vc khiến tác là một quá trình trung tính. Trong đó, quá trình được thể hiện như thể vừa không vừa có tác nhân bên ngoài và vừa không vừa có tác nhân bên trong [24]. Khiến thể và Dung môi đều được hiện thức hóa qua hình thức. Cấu trúc kinh nghiệm của nó trung hòa hóa hai đặc điểm "tự/nội khiển" và "ngoại khiển". Như vậy, quá trình *vật chất* có thể vừa do Khiến thể và vừa do Dung môi tạo ra.

Ví dụ {2: 48}... ***One candle*** *burned on the table,* a tiny spark of light that threw monstrous shadows about the highceilinged room and made the massive sideboards and buffet look like still, crouching beasts... [6]

Trong cú chuyển tác, hành động thường hướng tới đối tượng Đích thể. Đích thể được giải thích như là một tham thể bị tác động bởi quá trình. Xét cú: *One candle burned on the table* trong ví dụ trên, Đích thể (*One candle)* đã chịu tác động của quá trình (*burned)* mà không có sự xuất hiện của động từ bị động (be). Tuy nhiên, vị trí của nó lại xuất hiện ở đầu câu – là vị trí mà Hành thể thường chiếm đóng. Hành thể lại không được đề cập đến trong trường hợp này nhưng từ diễn ngôn, chúng ta thấy chắc chắn có một ai đó (Hành thể) đã tác động vào Đích thể (*One candle)*. Như vậy, câu mang ý nghĩa bị động.

***2.2.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố Hiện tượng trong quá trình hành vi***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (be) + VN + (by + CN)<br>(be) + (cụm) động từ + (by + (cụm) danh/đại từ) |
| CTCT | HTg | (be) + QT:hv + (by + ƯT) |

Trong quá trình hành vi Hiện tượng có thể trùng khớp với Chủ ngữ và vì thế cấu trúc điển hình của nó có sự thay đổi theo kiểu bị động với sự xuất hiện của động từ bị động "be".

Ví dụ {2: 49} ... Here at the brickyard ***we*** *were sheltered from rifle or machine-gun fire by the river bank...* [1]

Ví dụ trên cho thấy Ứng thể (tham tố ẩn) thực hiện các hành vi (sheltered*)* đối với Hiện tượng (*we)*. Như vậy, Hiện tượng (we) là đối tượng do Ứng thể (tham tố ẩn) tác động nhưng lại đứng đầu câu, chiếm vị trí của Chủ ngữ đồng thời làm Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề thuyết và cung cấp thông tin đến trước so với những thông tin khác trong cấu trúc. Nhờ sự xuất hiện của tiểu từ bị động *"were*", ranh giới giữa Đề và Thuyết cũng được xác định.

***2.2.1.3. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần***

Cũng giống như sự khẳng định nội dung thông tin được nhấn mạnh bằng chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Hiện tượng (Phenomenon) trong Quá trình hành vi, khi muốn nhấn mạnh tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần người ta có thể đảo chính tham tố đó lên vị trí đầu câu và làm cho chúng trở thành Đề đánh dấu. Cảm thể thực hiện QT:tt có thể được hiển lộ hoặc che dấu vì sự xuất hiện của nó nếu có cũng chỉ là một phần trong Thuyết nhằm thuyết giải thêm cho Đề.

Ví dụ {2: 50}...For a confused moment she tried to remember Charles'face - how he had looked when he slipped it on her finger. But ***the memory*** *was blurred, blurred by the sadden feeling of irritation* that memory of him always brought to her...[6]

Trong ví dụ trên, tham tố Hiện tượng (*the memory)* chính là yếu tố mà tác giả muốn nhấn mạnh và đưa nó lên đầu câu làm thành Đề có đánh dấu trong cấu trúc. Đây cũng là tham tố chịu tác động của QT:tt (*blurred),*cảm thể (*the sadden feeling of irritation)* chủ thể thực hiện QT:tt (*blurred)* nhưng không phải là yếu tố mà tác giả muốn nhấn mạnh nên nó được đưa vào Thuyết và khẳng định nội dung thông tin được

nhấn mạnh bằng chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Hiện tượng (Phenomenon) trong Quá trình tinh thần.

**2.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

Sơ đồ tổng quát:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (be + not) + VN + (by) + (CN)<br>(be + not) + (cụm) động từ + (by) + (cụm)danh/đại từ) |
| CTCT | Tham tố đảo | (be + not) + QT + (by) + (Tham tố) |

***2.2.2.1. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Bị thể/ Đích thể/ Khiến thể trong quá trình vật chất***

Theo sơ đồ chuyển tác bị động phủ định, mục đích nhấn mạnh là nhằm vào đối tượng (Khiến thể). Vì vậy, tham tố Đích thể (Khiến thể) vẫn đóng chức năng Đề đánh dấu trong cấu trúc. Tuy nhiên, câu sẽ có sự xuất hiện của từ phủ định *not* sau động từ "be" và bổ sung vào phần Thuyết để thuyết giải tính chất phủ định cho Đề trong cấu trúc.

Ví dụ {2: 51} ...and ***a smashed permanent bridge*** *that could not be repaired and used* because it was in plain sight... [1]

Trong ví dụ trên, Đối tượng Đích thể (*a smashed permanent bridge*) chịu sự tác động của Hành thể (tham tố ẩn) thông qua quá trình vật chất hành động (*repaired and used*) nhưng lại xuất hiện ở đầu câu vì lí do đây là đối tượng mà tác giả muốn nhấn mạnh. Điều này làm cho nó - Đối tượng Đích thể (*a smashed permanent bridge*) trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của từ phủ định *not* sau động từ tình thái mà câu mang ý nghĩa bị động phủ định.

Cũng giống như sơ đồ đảo ngữ bị động phủ định xảy ra trong quá trình vật chất hành động, đối tượng Khiến thể cũng có thể có hoặc không chịu tác động của quá trình vật chất tác động.

Ví dụ {2: 52} ...Well, I knew ***I*** *would not be killed*. Not in this war... [1]

Trong ví dụ trên, tác giả muốn nhấn mạnh yếu tố Đích thể (*I)* với thái độ phủ định nên đã đặt nó ở vị trí xuất phát của phát ngôn và làm cho nó trở thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc. Với sự xuất hiện của cụm động từ bị động và yếu tố phủ định (*would not be)* cùng với quá trình vật chất tác động *(killed)*ở vị trí tiếp theo sau đã thuyết giải ý nghĩa nhấn mạnh cho Đích thể (*I)* trong quá trình vật chất tác động, đồng thời làm cho nó trở thành phần Thuyết trong câu.

***2.2.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần***

Thái độ phủ định trong sơ đồ đảo ngữ bị động còn được chúng tôi tìm thấy đối với sự nhấn mạnh thông tin liên quan đến tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần.

Ví dụ {2: 53} ...The delay would give her time to quiet her breathing and calm her face so that ***his suspicions*** *would not be aroused. ...* [6]

Trong ví dụ trên, tác giả đã nhấn mạnh tham tố Hiện tượng (*his suspicions)* với thái độ phủ định nên đã đặt nó ở vị trí xuất phát của phát ngôn và làm cho nó trở thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc. Với sự xuất hiện của cụm động từ tình thái phủ định có động từ "*be*" đi kèm (*would not be)* và quá trình tinh thần *(aroused)* theo sau vị trí của tham tố Hiện tượng đã thuyết giải ý nghĩa nhấn mạnh Hiện tượng (*his suspicions),* đồng thời làm cho nó trở thành Thuyết trong câu.

**2.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 79/500 (Tỷ lệ: 15.8 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | TrN/ There<br>TrN/ There | ↔ VN + CN<br>↔ (cụm) động từ + (cụm) danh từ |
| CTCT | Chu cảnh/ (There) | ↔ QT:hh + HHT |

Trong sơ đồ này, Đề đánh dấu được xác định là các tham tố đảo hoặc là chủ ngữ giả (there) hoặc là Chu cảnh xảy ra trong các quá trình chuyển tác (quá trình hiện hữu) tương ứng với các thành phần câu (Trạng ngữ hoặc There) trong cấu trúc cú pháp được cụ thể hóa từ Cấu trúc Thức. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định, Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ 15.8 % câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu được khảo sát. Phần Thuyết bao gồm quá trình hiện hữu (be), các tham tố (Hiện hữu thể) nếu Chủ ngữ giả (There) xuất hiện trong phần Đề. Khi Chu cảnh đóng chức năng làm Đề đánh dấu thì phần Thuyết bao gồm Chủ ngữ giả (there) quá trình hiện hữu (be) và các tham tố (Hiện hữu thể).

**2.3.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Cấu trúc đảo toàn phần với tham tố Hiện Hữu thể là chủ ngữ nhưng không kiêm chủ đề, thường được thể hiện bằng một danh ngữ không xác định, theo sau vị từ tồn tại. Hiện Hữu thể nhường vị trí đầu câu cho chủ ngữ giả "there". Vị từ tồn tại có thể là "be" hay một "vị từ ngôn liệu". Chiếm vị trí cuối câu thường là Chu cảnh bắt buộc định vị thời

gian hay không gian của quá trình hiện hữu. Chu cảnh tùy chọn bị lược bỏ khỏi câu. Danh ngữ được mã hóa bằng một danh ngữ hoặc đại từ bất định để đóng vai Hiện Hữu thể đủ dài và phức tạp để bảo toàn nguyên tắc trọng hậu và nguyên tắc thông tin.

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định | |
| | CN (giả)<br>There | VN + CN + (TrN)<br>(cụm) động từ + (cụm) danh từ + (cụm) trạng ngữ |
| CTCT | There | QT:hh + HHT + (CC) |

Ví dụ {2: 54} ... Every week some one gets wounded by rock fragments. ***There*** *are a few real wounded*. Next week the war starts again ... [1]

Ví dụ {2: 55} ... ***There*** *was a little shelter of green branches outside over the entrance* and in the dark the night wind rustled the leaves dried by the sun... [1]

Ví dụ {2: 56} ...Of course, her brooch could be pinned over the spot, but perhaps Melanie had sharp eyes. ***There*** *remained varicolored cotton dresses* which Scarlett felt were not festive enough for the occasion, ball dresses and the green sprigged muslin she had worn yesterday... [6]

Vì mục đích muốn nhấn mạnh sự tồn tại của Hiện Hữu thể bằng một thái độ khẳng định mà "there" được sử dụng như là phương tiện diễn đạt cho sự nhấn mạnh tồn tại đó. Trong tiếng Anh, mô hình *There + quá trình tồn tại + Hiện Hữu thể: tham tố + chu cảnh bắt buộc* và/hay *chu cảnh tùy chọn* chính là hình thức biểu đạt cho sự mục đích đó. Cũng chính vì vậy, *there* trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề thuyết và khẳng định sự tồn tại của Hiện Hữu thể. Trong cấu trúc cú pháp "there" trở thành chủ ngữ giả đồng thời làm Đề đánh dấu. Quá trình tồn tại được biểu hiện qua các vị từ tồn tại cùng với tham tố Hiện Hữu thể trở thành Thuyết thuyết giải cho sự tồn tại của Đề.

Ví dụ trên cho thấy, ở vị trí xuất phát của cú: *There are a few real wounded*; *There was a little shelter of green branches outside over the entrance* và *There was a little shelter of green branches outside over the entrance* là chủ ngữ giả "there" thay thế cho vị trí của Hiện Hữu thể như: *a few real wounded, a little shelter of green branches* và *varicolored cotton dresses.* Thông qua các quá trình tồn tại (are, was, và remained) – là những vị từ tồn tại trong tiếng Anh.

Như vậy, cấu trúc đảo ngữ với Hiện Hữu thể là chủ ngữ nhưng không kiêm chủ đề, thường được thể hiện bằng một danh ngữ không xác định, theo sau vị từ tồn tại. Ở đây, Hữu thể và Quá trình tồn tại đổi vị trí cho nhau theo trật tự V-C (Vị ngữ – Chủ ngữ)- một trật tự không theo quy tắc. Có thể thấy trật tự từ trong một giới hạn nhất định sẽ tạo nên những khuôn hình câu mà giá trị của nó ngày càng được khẳng định. Chủ ngữ giả *there* không nhất thiết phải luôn đứng đầu câu mà có thể do Khung đề

được đánh dấu chỉ thời gian hay không gian chiếm giữ. Trong trường hợp này Hiện Hữu thể thường được mã hóa bằng một danh từ không xác định làm chủ ngữ nhưng không còn là chủ đề trong câu.

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | (cụm) TrN | CN (giả) + VN + CN<br>There + (cụm) động từ + (cụm) danh từ |
| CTCT | CC (bắt buộc) | There + QT:hh + HHT |

Trong cấu trúc chuyển tác của quá trình tồn tại, có những lúc Chu cảnh là một tham tố bắt buộc xuất hiện một cách tất yếu do yêu cầu của QT:hh và làm khung đề trong cấu trúc Đề – Thuyết. Trong tư duy của con người, phạm trù không gian, thời gian có mối quan hệ logic với phạm trù tồn tại. Một sự vật, hiện tượng bao giờ cũng tồn tại ở một vị trí không gian, thời gian nhất định. Mối quan hệ trong không gian, thời gian với tồn tại mang tính tất yếu, tự nhiên, nằm trong bản chất của vật thể.

Ví dụ {2: 57}... That day I crossed the Venetian plain. It is a low level country and under the rain it is even flatter. ***Toward the sea*** *there are salt marshes and very few roads* ...[1]

Xét câu: *Toward the sea there are salt marshes and very few roads.* Đề ngữ đánh dấu chính là yếu tố chu cảnh (*Toward the sea*) chứa thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua quá trình tồn tại (*are*) trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau (hậu đảo) là tham tố Hiện Hữu thể (*salt marshes and very few roads).* Điều này một lần nữa chứng minh cho nhận định sự vật hiện tượng thường tồn tại hay xảy ra trong một khung cảnh huống cụ thể. Đây chính là đặc điểm của câu được mã hóa bởi quá trình tồn tại biểu đạt sự có hay không có hiện tồn tại hay đang diễn ra một cái gì đó.

**2.3.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Trong tiếng Anh, khi muốn thể hiện thái độ phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau, chúng ta thường thêm yếu tố phủ định như: *no/not* vào vị trí sau QT:hh. Yếu tố phủ định, QT:hh và Hiện Hữu thể xuất hiện sau tham tố chỉ sự tồn tại "there" và trở thành phần Thuyết thuyết giải cho Đề.

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | CN (giả)<br>There | VN + not/no + CN + (TrN)<br>(cụm) động từ + not/no + (cụm) danh từ + (cụm)trạng ngữ |
| CTCT | There | QT:hh + yếu tố phủ định + HHT + (CC) |

Ví dụ {2: 58} ...The folks are starving and the railroads are torn up and ***there*** *aren't any new rifles* and the ammunition is giving out and ***there****'s no leather* at all for shoes... [6]

Ví dụ {2: 59}... ***There*** *was no danger*. We had walked through two armies without incident... [1]

Trong ví dụ trên, tác giả thể hiện thái độ phủ định đối với sự tồn tại của các Hiện Hữu thể (*new rifles; leather* và *danger*) bằng việc đặt yếu tố phủ định (*not* và *no*) vào sau vị trí của QT:hh (*are, is* và *was*) làm cho chúng trở thành Thuyết ngữ thuyết giải cho Đề nhằm phủ định sự tồn tại "*there*" của Đề trong cấu trúc.

Cũng giống như sơ đồ đảo ngữ nhằm khẳng định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau khi có yếu tố chu cảnh xuất hiện, trong sơ đồ đảo ngữ nhằm phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau khi có yếu tố chu cảnh xuất hiện, thành phần chu cảnh sẽ xuất hiện ở vị trí đầu câu và giữ vai trò làm Đề đánh dấu, chủ ngữ giả (there), QT:hh, yếu tố phủ định (no/not) và Hiện Hữu thể sẽ kết hợp làm thành phần thuyết nhằm giải thích sự tồn tại của Hiện Hữu thể trong một không gian hay thời gian nhất định nào đó.

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức phủ định | |
| | TrN | There + VN + not/no + CN + (TrN)<br>There + (cụm) động từ + not/no + (cụm) danh từ + (cụm) trạng ngữ |
| CTCT | CC (bắt buộc) | There + QT: hh + yếu tố phủ định + HHT + (CC) |

Ví dụ {2: 60} ... ***in this hour of greatest need****, there was no one* ... [6]

Trong ví dụ trên, Đề đánh dấu chính là tham tố Chu cảnh (*in this hour of greatest need)* xuất hiện như là thông tin làm điều kiện để thể hiện sự phủ định của Hiện hữu thể (*one)* thông qua thái độ phủ định *(no)* và quá trình tồn tại (*was).*

**2.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong câu có thành phần đảo về phía trước**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 81/500 (Tỷ lệ: 16.2 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | It<br>CN (giả) | + VN + TN 1 + TN 2<br>+ (cụm) động từ + (cụm) danh/động/tính/giới từ+(cụm) danh/động/tính/giới từ |
| CTCT | Yếu tố chêm xen + QT + Tham tố 1 + Tham tố 2 | |

Có rất nhiều phương thức diễn đạt nhằm tăng hiệu quả trong giao tiếp và một trong những cách tạo hiệu ứng đối với quá trình giao tiếp là cách sử dụng các sơ đồ

cấu trúc nhấn mạnh. Khi người nói/viết muốn nhấn mạnh thông tin nào đó, yếu tố ngôn ngữ tương ứng với thông tin đó được đưa lên phía trước và điều này làm cho câu mang đặc điểm có thành phần đảo về phía trước hay còn được gọi là "tiền đảo". Yếu tố phụ trợ (it) xuất hiện đầu câu chiếm vị trí của chủ ngữ nên nó trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – thuyết. Phần Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề bao gồm quá trình quan hệ (is) và các tham tố tham gia vào quá trình. Trong đó tham tố thứ nhất được xác định là tham tố đảo tương ứng với Tân ngữ thứ nhất trong cấu trúc cú pháp. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định và Thức Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ khá thấp (16.2 %) câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu được khảo sát.

### 2.4.1. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình

#### *2.4.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình vật chất*

*a. Quá trình vật chất: hành động*

Qua khảo sát nguồn cứ liệu thu thập được, kết quả cho thấy khi muốn nhấn mạnh một thông tin nào đó liên quan đến quá trình vật chất hành động người ta có thể diễn đạt bằng cách chêm xen yếu tố phụ trợ ***it***.

Ví dụ {2: 61} ...Everything she did seemed to amuse him, as though she were a gamboling kitten. ***It*** *was exciting to go out with him for he was so handsome*... [6]

Xét câu: *It was exciting to go out with him for he was so handsome* trong ví dụ trên, để nhấn mạnh thông tin liên quan đến tham tố đảo (*exciting*) đối với tham tố liên quan là QT:vc hành động (*go out)*, tác giả đã đặt thông tin liên quan đến tham tố đảo (*exciting*) trước tham tố là quá trình vật chất hành động với sự xuất hiện của từ nhấn mạnh (*It*) ở vị trí đầu câu. Chính yếu tố chêm xen nhấn mạnh (*It)* cùng với tham tố đảo (*exciting)* là thông tin được nhấn mạnh. Tuy nhiên, Đề đánh dấu được xác định là yếu tố chêm xen (it). Phần còn lại (*was exciting to go out with him for he was so handsome)* được xác định là Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề.

*b. Quá trình vật chất: tác động*

Cũng giống như kiểu nhấn mạnh liên quan đến tham tố đảo là quá trình vật chất hành động có thành phần đảo về phía trước, kiểu nhấn mạnh tham tố có thành phần đảo về phía trước liên quan đến quá trình vật chất tác động cũng có sơ đồ tương tự.

Ví dụ {2: 62} ... I have no understanding of it and I am not sure that I believe in it. Perhaps ***It*** *was a sin to kill the fish*. I suppose it was even though I did it to keep me alive and feed many people.... [2]

Xét câu: *It was a sin to kill the fish*. Vì muốn nhấn mạnh tham tố (*a sin)* mà tác giả đã đặt nó lên vị trí trước tham tố quá trình vật chất tác động (*to kill the fish)* cùng với sự xuất hiện của yếu tố chêm xen (*it*) làm cho nó (*It was a sin)* trở thành cụm yếu

tố chêm xen nhấn mạnh. Phần còn lại là tham tố 2 được xác định từ (*to kill the fish)* nhằm thuyết giải cho tham tố 1 (*a sin)* trong cụm yếu tố chêm xen nhấn mạnh.

*c. Quá trình vật chất: chuyển giao*

Liên quan đến tham tố đảo trong quá trình vật chất chuyển giao, có những lúc thông tin được nhấn mạnh là tham tố được đảo nhưng lại đứng sau yếu tố chêm xen (*It)* tạo thành tham tố đảo 1 chở thông tin được nhấn mạnh đến người đọc/nghe.

Ví dụ {2: 63}... ***It****'s a crime to send you back* ... [1]

Vì muốn nhấn mạnh tham tố đảo (*a crime)* mà tác giả đã đưa nó lên trước cả quá trình vật chất chuyển giao và làm cho nó trở thành tham tố 1 được đảo cùng với yếu tố chêm xen (*it*). Phần còn lại là tham tố 2 được xác định từ tham tố quá trình vật chất chuyển giao (*to send you back).*

***2.4.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình hành vi***

Cũng giống như sự khẳng định sự nhấn mạnh nội dung thông tin liên quan đến một tham tố trong Quá trình vật chất. Sự khẳng định nhấn mạnh nội dung thông tin liên quan đến một tham tố đảo còn xảy ra trong Quá trình hành vi và có các sơ đồ tương tự.

Ví dụ {2: 64}... As to what this army would eat, she did not care. ***It*** *was hard enough for her to feed her own*... [6]

Trong ví dụ trên, để nhấn mạnh thông tin liên quan đến sự khó khăn thiếu thốn của bản thân được thể hiện qua cụm tính từ (*hard enough)* đối với cuộc sống mưu sinh (*to feed her own*), tác giả đã đặt thông tin liên quan đó (*hard enough)* lên trước quá trình hành vi với sự xuất hiện của từ chêm xen (it) ở vị trí đầu câu. Chính cụm từ *It was hard enough for her* là thông tin được nhấn mạnh chứa tham tố đảo thứ nhất trong câu có Thức khẳng định. Phần còn lại (*to feed her own)* là thành phần bị đảo được xác định là tham tố 2 nhằm thuyết giải cho tham tố đảo thứ nhất.

***2.4.1.3. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

*a. Quá trình tinh thần: tri nhận*

Trong quá trình tinh thần tri nhận, sơ đồ đảo ngữ nhấn mạnh còn xảy ra đối với các tham tố Hiện tượng được biểu hiện bằng thành phần cú pháp Tân ngữ, Bổ ngữ, và Trạng ngữ... Các thành phần này kết hợp với yếu tố chêm xen nhằm mục đích nhấn mạnh.

Ví dụ {2: 65}... She could not look down on him from the heights of womanly superiority, smiling as women have always smiled at the antics of men who are boys at heart. ***It*** *would be pleasant to feel superior to Rhett*... [6]

Xét câu: *It would be pleasant to feel superior to Rhett.* Vì mục đích nhấn mạnh tính chất hài lòng được thể hiện qua cụm từ (*pleasant)* đối với trạng thái vượt trội hơn Rhett được thể hiện qua (*to feel superior to Rhett)*, tác giả đã đảo thành phần chứa

thông tin (*pleasant)* lên trước kết hợp với yếu tố chêm xen tạo thành cụm cấu trúc nhấn mạnh thể hiện qua cụm chủ - vị (*It would be pleasant).* Phần còn lại được thể hiện qua cụm động từ chỉ quá trình tinh thần tri nhận (*to feel superior to Rhett)* trở thành tham tố đảo 2 trong phần Thuyết.

*b. Quá trình tinh thần: nhận thức*

Sơ đồ nhấn mạnh cũng được chúng tôi tìm thấy đối với quá trình tinh thần nhận thức.

Ví dụ {2: 66}... We had better have prayers now," interrupted Ellen so smoothly that, if Scarlett had not known her mother well, the interruption would have passed unnoticed. ***It*** *would be interesting to know who was the father of Emmie Slattery's baby*, but Scarlett knew she would never learn the truth of the matter if she waited to hear it from her mother... [6]

Xét câu: *It would be interesting to know who was the father of Emmie Slattery's baby.* Yếu tố chêm xen *(it)* kết hợp với cụm tính ngữ có động từ *be* đi kèm (*would be interesting)* tạo thành yếu tố nhấn mạnh liên quan đến yếu tố đảo mà *Quá trình tinh thần nhận thức* xảy ra với thái độ khẳng định. Phần còn lại chứa tham tố đảo 2 trong Thuyết (*to know who was the father of Emmie Slattery's baby*) đáng lẽ đóng vai chủ ngữ và làm Đề trong cấu trúc bình thường nhưng lại trở thành tham tố bị đảo ra phía sau.

**2.4.2. Phủ định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình**

***2.4.2.1. Phủ định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình vật chất***

Thái độ phủ định trong câu có yếu tố chêm xen đối với tham tố đảo ra phía trước thường được thể hiện thông qua sự xuất hiện của các yếu tố phủ định như *not/no,* hay các tiếp đầu ngữ có nghĩa phủ định như *im, dis, un*... ở vị trí trước tham tố đảo.

Ví dụ {2: 67}... ***It*** *had been impossible to advance on the far side the year before* because there was only one road leading down from the pass to the pontoon bridge and it was under machinegun and shell fire for nearly a mile. ***It*** *was not wide enough either to carry all the transport for an offensive* and the Austrians could make a shambles out of it... [1]

Trong ví dụ trên, có hai câu được nhận diện là câu có liên quan đến tham tố bị đảo là quá trình vật chất với thái độ phủ định. Đó là: *It had been impossible to advance on the far side the year before* và *It was not wide enough either to carry all the transport for an offensive*. Với ý đồ muốn nhấn mạnh sự phủ định của yếu tố đảo có liên quan đến hai quá trình vật chất (*to advance* và *to carry)* tác giả đã đặt yếu tố mô tả đặc điểm cho hai quá trình vật chất (đáng lẽ làm chủ đề trong cấu trúc) là *impossible* và *wide enough* lên vị trí trước các quá trình vật chất và trở thành thành phần đảo kết hợp với yếu tố chêm xen (it) và yếu tố phủ định *im* và *not* tạo thành tham tố đảo thứ

nhất trong cấu trúc. Hai tham tố đảo 2 trong phần Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề được xác định là hai thành phần *to advance on the far side the year before* và *to carry all the transport for an offensive*.

***2.4.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

Nguồn cứ thu thập được cho chúng tôi thấy rằng sự nhấn mạnh phủ định nội dung thông tin liên quan đến một tham tố đảo cũng xảy ra trong quá trình tinh thần.

Ví dụ {2: 68}... ***It*** *was no task for him to learn to fight with cut and slash and the quick wolf snap.* In this manner had fought forgotten ancestors... [4]

Để nhấn mạnh tính phủ định về ý nghĩa của cụm chủ đề là quá trình tinh thần (*to learn to fight with cut and slash and the quick wolf snap)* tác giả đã đảo thành phần có chứa tính phủ định cùng với yếu tố phụ trợ (it) và vị từ (was) tạo thành yếu tố đảo lên phía trước (*It was no task for him)*. Thành phần này được xác định là yếu tố nhấn mạnh trong cấu trúc với sự thuyết giải của tham tố đảo thứ hai là (*to learn to fight with cut and slash and the quick wolf snap).*

**2.5. Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu)**

| Số lượng: 35/500 (Tỷ lệ: 7 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | It + VN + TN<br>CN (giả) + (cụm) động từ + (cụm) danh/ động/ tính/ giới từ | That + CN + VN + BN<br>that + (cụm) danh/đại từ + (cụm) động từ + (cụm) trạng từ |
| CTCT | Yếu tố chêm xen + QT:qh + tham tố | That + Tham tố + QT + CC |

Trong sơ đồ này, yếu tố phụ trợ (it) xuất hiện đầu câu kết hợp với một tham tố đảo thông qua quá trình quan hệ (be) tạo thành phần một cụm chủ - vị có chủ ngữ giả (it) đóng chức năng làm Đề đánh dấu. Phần Thuyết là một cấu trúc câu được dẫn nhập bằng chu tố (that) nhằm thuyết giải cho Đề. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định và Thức Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn (7 %) trong tổng số câu đảo ngữ được khảo sát.

**2.5.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ**

***2.5.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình vật chất***

Trong tiếng Anh, việc nhấn mạnh nội dung thông tin ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ còn được biểu hiện qua cấu trúc câu. Nói cách khác, yếu tố bị đảo ra phía trước chính là một trong những thành phần của cấu trúc câu xuất hiện sau đại từ "that" vì mục đích nhấn mạnh.

Ví dụ {2: 69}... ***It was the cherished belief of each*** *that he did more than his share of the work, and neither forbore to speak this belief at every opportunity.* The result was a beautiful and unending family quarel...[4]

Xét câu: *It was the cherished belief of each that he did more than his share of the work, and neither forbore to speak this belief at every opportunity* trong ví dụ trên, thành phần bị đảo ra phía trước chính là *the cherished belief of each*, đây một cũng là một thành phần câu trong cấu trúc câu còn lại: *he did more than his share of the work, and neither forbore to speak this belief at every opportunity.* Tuy nhiên, vì mục đích nhấn mạnh mà tác giả đã đưa nó lên trước mệnh đề kết hợp với yếu tố chêm xen (it) và động từ thể hiện quá trình quan hệ (was) làm cho chúng trở thành đề đánh dấu với thái độ khẳng định. Phần còn lại được xác định là Thuyết, đánh dấu từ *he did more than his share of the work, and neither forbore to speak this belief at every opportunity* nhằm thuyết giải cho Đề và được nhận diện như là câu đảo ngữ khẳng định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình vật chất (*did)*.

***2.5.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình tinh thần***

Kiểu đảo ngữ nhấn mạnh khẳng định liên quan đến tham tố Hiện tượng trong cấu trúc đảo về phía trước của quá trình tinh thần cũng được chúng tôi tìm thấy và chứng minh qua ví dụ sau:

Ví dụ {2: 70}... ***It was a token*** *that he was harking back through his own life to the lives of his forebears*; for he was a civilized dog, an unduly civilized dog, and his own experience knew no trap and so could not himself fear it... [4]

Xét câu: *It was a token that he was harking back through his own life to the lives of his forebears.* Đề ngữ đánh dấu được xác định là cấu trúc có yếu tố nhấn mạnh: *It was a token.* Ngay trong phần Đề này, tham tố *a token* được nhấn mạnh thông qua cụm chủ - vị có yếu tố chêm xen: *it is*. Phần Thuyết được xác định là: *he was harking back through his own life to the lives of his forebears*; với nhiều yếu tố xảy ra bao gồm quá trình tinh thần tri nhận (*harking)* và chu cảnh (*back through his own life to the lives of his forebears*). Đề có đánh dấu và Thuyết có quan hệ mật thiết với nhau bằng một thái độ khẳng định nhờ yếu tố *that* xuất hiện trong diễn ngôn.

***2.5.1.3. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình quan hệ***

*a. Quá trình Quan hệ: thuộc tính*

Trong quá trình quan hệ thuộc tính, khi muốn nhấn mạnh tham tố (Thuộc tính) trong quá trình, người ta có thể đảo vị trí hai tham tố đó thông qua yếu tố chêm xen nhấn mạnh: *It is* như trong ví dụ sau:

Ví dụ {2: 71}... What a young miss could do and what she could not do were as different as black and white in Mammy's mind; there was no middle ground of deportment between. But ***it had always been a struggle to teach Scarlett*** *that most of her natural impulses were unladylike...* [6]

Xét cú: *it had always been a struggle to teach Scarlett that most of her natural impulses were unladylike*. Tham tố Đương thể được biểu hiện trong cụm chủ - vị (*most of her natural impulses were unladylike*) đảo vị trí cho tham tố Thuộc tính (*a struggle to teach Scarlett)*. Như vậy, tham tố Thuộc tính đã xuất hiện trước Đương thể và được nhấn mạnh bởi yếu tố chêm xen (*it is)* làm cho câu mang tính chất "tiền đảo" và đóng vai trò làm Đề đánh dấu trong cấu trúc. Phần Thuyết được xác định là cụm chủ - vị mang thông tin đến sau trong diễn ngôn là: *most of her natural impulses were unladylike*.

*b. Quá trình quan hệ: đồng nhất*

Trong quá trình quan hệ đồng nhất, tham tố Biểu hiện và Giá trị cũng được hoán đổi vị trí cho nhau để làm cho câu mang tính chất đảo. Tuy nhiên, khi tham tố Giá trị được đảo lên phía trước cùng với sự xuất hiện của yếu tố chêm xen (it) thì câu được khẳng định là mang tính *tiền đảo*. Song hành với cụm yếu tố chêm xen (*it is)* là tham tố Giá trị chứa thông tin được nhấn mạnh làm cho chúng tạo thành Đề đánh dấu trong cấu trúc. Phần Thuyết sẽ chứa tham tố Biểu hiện xuất hiện sau trong diễn ngôn.

Ví dụ {2: 72}... And, my dear, I would not have alarmed you by saying these things, were it not that I had to explain why I ask you to look after Melanie ***It will be a comfort to me to know*** *that you are together if anything happens to me...* [6]

Xét câu: *It will be a comfort to me to know that you are together if anything happens to me* trong ví dụ trên. Tham tố GT được biểu hiện bằng cụm chủ - vị (*you are together if anything happens to me*) được đồng nhất với tham tố BH (*a comfort to me to know)*. Tham tố BH xuất hiện trước tham tố GT vì mục đích nhấn mạnh và tạo hiệu ứng cho người đọc/nghe, đồng thời đóng vai trò làm Đề ngữ có đánh dấu và làm cho câu mang tính chất "tiền đảo". Tham tố BH đến sau Đề đânhs dấu và trở thành phần Thuyết trong cấu trúc.

*c. Quá trình quan hệ: sở hữu*

Quá trình *tiền đảo* cũng xảy ra với các tham tố là ĐNT/BĐNT trong quá trình quan hệ sở hữu với sự xuất hiện của yếu tố chêm xen nhấn mạnh *it*.

Ví dụ {2: 73}... Her weapons of scorn, coldness and abuse blunted in her hands, for nothing she could say would shame him. ***It had been her experience*** *that the liar was the hottest to defend his veracity, the coward his courage, the ill-bred his gentlemanliness, and the cad his honor* ... [6]

Xét câu: *It had been her experience that the liar was the hottest to defend his veracity, the coward his courage, the ill-bred his gentlemanliness, and the cad his honor*. Ở đây, các tham tố ĐNT (*the hottest to defend his veracity, the coward his courage, the ill-bred his gentlemanliness, and the cad his honor)* và BĐNT (*her experience)* đã có sự hoán đổi vị trí cho nhau. Cụ thể là tham tố BĐNT đã được đảo lên phía trước để kết hợp với cụm yếu tố chêm xen (*It had been)* tạo thành Đề đánh dấu vì mục đích nhấn mạnh. Phần còn lại là Thuyết được xác định từ *the liar was the hottest to defend his veracity, the coward his courage, the ill-bred his gentlemanliness, and the cad his honor* chứa tham tố ĐNT xuất hiện trong diễn ngôn.

**2.5.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ**

***2.5.2.1. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình vật chất***

Để phủ định một tham tố nào đó trong quá trình vật chất có yếu tố chêm xen phụ trợ là một cụm chủ vị mang tính nhấn mạnh (*it was*) người ta thường thêm các yếu tố phủ định ngay sau cụm chủ - vị mang tính nhấn mạnh (*it + be + not/no + tham tố nhấn mạnh + that + chủ + vị...*). Như vậy, một cấu trúc mang tính "tiền đảo" được hình thành với Đề đánh dấu được xác định là: *it + be + not/no + tham tố nhấn mạnh*. Phần còn lại được xác định là Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề.

Ví dụ {2: 74}... It was a fateful day for the Yeehats. They scattered far and wide over the country, and ***it was not till a week later*** *that the last of the survivors gathered together in a lower valley and counted their losses...* [4]

Ví dụ trên cho thấy, vì muốn nhấn mạnh tính phủ định của tham tố *a week later* mà tác giả đã đảo nó lên phía trước và làm cho nó xuất hiện trong phần Đề cùng với yếu tố chêm xen phủ định (*it was not till a week later)*. Phần còn lại là Thuyết được thể hiện qua cấu trúc chuyển tác của quá trình vật chất: *the last of the survivors gathered together in a lower valley and counted their losses.*

***2.5.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình tinh thần***

Cũng giống như sự phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình vật chất, sự phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện

qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình tinh thần cũng có mô hình tương tự. Điểm khác biệt đáng chú ý là phần Thuyết của kiểu đảo này sẽ được thể hiện qua cấu trúc chuyển tác của quá trình tinh thần.

Ví dụ {2:75}... ***It was not food*** *that Buck and the huskies needed, but rest*. And though they were making poor time, the heavy load they dragged sapped their strength severely...[4].

Xét câu: *It was not food that Buck and the huskies needed, but rest*. Tham tố nhấn mạnh là *food* xuất hiện ở phía trước kết hợp với yếu tố chêm xen phủ định *It was not* được xác định là thông tin được nhấn mạnh và làm Đề đánh dấu. Phần còn lại là Thuyết chứa Cảm thể (*Buck and the huskies),* quá trình tinh thần (*needed, but rest)* nhằm thuyết giải cho Đề.

**Tiểu kết**

Dựa trên hướng tiếp cận của ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K Halliday, chúng tôi tán thành quan điểm cho rằng chức năng của câu có thể được phân tích dựa trên cả ba bình diện. Đó là câu có chức năng cấu trúc đề – thuyết, câu có cấu trúc Thức, cấu trúc nghĩa biểu hiện. Qua phân tích nguồn ngữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy trong tiếng Anh, các loại câu đảo ngữ đều có phần Đề là *Đề đánh dấu,* bởi vì Đề ngữ không trùng khớp với Chủ ngữ. Tuy nhiên, khi giao tiếp vì mục đích nhấn mạnh một yếu tố ngôn ngữ nào đó mà chúng ta đảo yếu tố ngôn ngữ đó lên phía trước hoặc về phía sau và làm cho nó trở thành thông tin được nhấn mạnh.

Từ kết quả khảo sát và việc phân tích các ví dụ minh họa, có thể thấy rằng đảo ngữ tiếng Anh vẫn luôn có sự đa dạng về cấu trúc và linh hoạt trong quá trình vận dụng bởi nó đề cập đến hiện tượng không theo qui tắc trong câu. Dựa vào nguồn ngữ liệu thu thập được là 500 câu đảo ngữ tiếng Anh, chúng tôi đã tổng hợp được năm kiểu đảo ngữ, chứng minh sự đa dạng về cấu trúc cũng như sự thể hiện chức năng của chúng trong diễn ngôn.

# CHƯƠNG 3:
# CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG VIỆT

**Dẫn nhập**

Trong chương này, chúng tôi sẽ trình bày và phân tích các đặc điểm của câu đảo ngữ tiếng Việt dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng. Trên cơ sở của sự phân loại nguồn dữ liệu thu thập được về câu đảo ngữ tiếng Việt dựa trên ba bình diện chức năng là cấu trúc Đề – thuyết, cấu trúc Thức và cấu trúc chuyển tác, chúng tôi nhận thấy câu đảo ngữ tiếng Việt có năm kiểu loại cơ bản sau:

**3.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 221/500 (Tỷ lệ: 44.2 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định/ Nghi vấn/ Cảm thán | |
| | Thành phần đảo | Các thành phần câu khác |
| CTCT | Tham tố (Yếu tố đảo) ↔ | (Tham tố) + Quá trình ↔ Tham tố |

Trong sơ đồ này, Đề đánh dấu được xác định là các tham tố đảo (Đích thể, Hiện tượng, Ngôn thể, Đồng nhất thể/ Giá trị, Chu tố/ Chu cảnh và có khi chính cả các quá trình) xảy ra trong các quá trình chuyển tác (quá trình vật chất, tinh thần, hành vi, phát ngôn, quan hệ... ) tương ứng với các thành phần câu (Tân ngữ, Bổ ngữ, Trạng ngữ, Vị ngữ...) trong cấu trúc cú pháp được cụ thể hóa từ Cấu trúc Thức. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên bốn Thức (Thức khẳng định, Phủ định, Nghi vấn, Cảm thán). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ lớn nhất (44.2%) câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu được khảo sát.

**3.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong các quá trình**

***3.1.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình vật chất***

Theo Halliday (1994), quá trình vật chất là một quá trình thể hiện điển hình một kiểu hành động vật chất hay một sự kiện nào đó trong thế giới bên ngoài. Ý nghĩa cơ bản của nó là một thực thể nào đó hành động một cái gì đó có thể cảm nhận được, hay thực hiện một hành động nào đó có thể được mở rộng (hay không được mở rộng) sang một thực thể khác. Các động từ biểu hiện cho quá trình vật chất như: *đi, chạy, bồng, gửi, ém, vác, đến, xông, đánh, đập, mở, đóng, đẩy, đặt, rộ,...*

*a. Đảo tham tố Đích thể*

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm) danh/đại từ | CN + VN<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | ĐT | HT + QT:vc |

Trong sơ đồ này, tác giả muốn khẳng định sự nhấn mạnh về thông tin liên quan đến chủ đề là phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết và cũng là phần Đích thể trong cấu trúc chuyển tác khi mô tả quá trình vật chất của Hành thể đối với Đích thể.

Ví dụ {3: 1}:.. - Mày điên rồi, Can! Một là mày không có quyền làm thế, hai là tút làm sao nổi. Sẽ bị tóm. Rồi tòa án binh, ăn đạn, càng vô phúc hơn. Nghe tao, bình tâm đi. Tao sẽ kín miệng, sẽ không ai biết. - ***Ba lô*** *tôi ém sẵn trong rừng rồi.* - Tao không để mày đi đâu... [17]

Trong câu đảo ngữ: ...- *Ba lô tôi ém sẵn trong rừng rồi* của ví dụ trên, tác giả nhấn mạnh tham tố Đích thể "Ba lô" trong quá trình chuyển tác vật chất hành động (*ém*) và đưa nó lên vị trí đầu câu làm cho nó trở thành Đề đánh dấu với một thái độ khẳng định. Phải chăng, trong chiến tranh, hình ảnh chiếc "*ba lô*" luôn đóng vai trò quan trọng đối với người lính, là vật thể gắn bó với người lính khi ra trận. Vì vậy, khi giao tiếp nó được tác giả đề cập trước thể hiện sự nhấn mạnh và khẳng định thông tin được truyền đạt đến người nghe.

Qua khảo sát nguồn ngữ liệu thu thập được, chúng tôi cũng tìm thấy quá trình đảo tham tố Đích thể còn xảy ra trong *Quá trình vật chất chuyển giao*

Ví dụ {3: 2}: ... cậu, ***những thư trước*** *tôi gửi về*, chắc cậu tiếp được cả rồi lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải sự đó tôi cũng biết lỗi, đáng lẽ người đi phải yên ủi kẻ ở bằng những câu vui vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối hận quá... [14]

Xét cú: *những thư trước tôi gửi về*. Trong hoàn cảnh vợ chồng đang xa nhau mỗi người một nơi thì những lá thư luôn là cầu nối giúp cho mối quan hệ của họ được duy trì vì vậy mà người vợ đã đề cập đến thông tin thể hiện qua tham tố "những thư trước" ngay khi mở đầu quá trình giao tiếp và chính điều này làm cho nó trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – thuyết với thái độ khẳng định. Đồng thời với sự xuất hiện ở vị trí đầu câu, "những thư trước" trở thành Đích thể trong cấu trúc chuyển tác thông qua quá trình vật chất chuyển giao "gửi về".

Trong tiếng Việt, cấu trúc đảo thành phần câu còn xảy ra khi người nói muốn nhấn mạnh thông tin là một tham tố trong *quá trình vật chất tạo vật*. Tham tố này sẽ

đóng vai Đích thể trong cấu trúc chuyển tác đồng thời làm phần Đề có đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ {3: 3}... Người thứ ba, tức là ông quản lộ. ***Chức này**, chỉ có tỉnh này mới đặt ra*. Nhiệm vụ của ông quản lộ là phải coi đường làng, từ ngày xây gạch... [14]

Xét câu: *Chức này, chỉ có tỉnh này mới đặt ra*. HT (*chỉ có tỉnh này)* và ĐT (*Chức này)* hoán đổi vị trí cho nhau khi QT:vc tạo vật (*mới đặt ra*) xảy ra. Trong trường hợp này, tác giả nhấn mạnh sự khẳng định chính thành phần này (ĐT) sẽ làm thành phần Đề. Đích thể (*Chức này)* xuất hiện ở vị trí đầu câu, xác định thành phần Đề đánh dấu. HT (chỉ có tỉnh này) – thực hiện QT:vc tạo vật – vị từ (*đặt ra)* chính là phần Thuyết thuyết giải cho phần Đề trong văn bản.

*b. Đảo tham tố thuộc tính chu cảnh*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN (chỉ địa điểm)<br>(cụm) giới/trạng từ | CN + VN<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | TTCC | HT + QT:vc |

Đó chính là hiện tượng đảo ngữ mà trong đó thành phần bị đảo ra đầu câu là một thuộc tính chu cảnh bắt buộc trở thành khung đề không gian chỉ địa điểm, lối đi, hướng, hoặc đích. Hoặc là chu cảnh bắt buộc là khung đề thời gian thường đứng trước quá trình vật chất chỉ hành động nhằm giới thiệu một sự kiện mới. Nhờ sự xuất hiện của nó ở vị trí đầu câu mà thuộc tính Chu cảnh trở thành phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ {3: 4} ... Tân thấy tâm hồn khoan khoái như không bận một ý nghĩ gì. ***Từ bờ ruộng đằng xa** đi lại, một người đàn bà gánh hai gánh đầy*... [15]

Từ khung tham chiếu, có thể thấy rằng tiêu điểm thứ nhất của thông tin được câu truyền tải là một thuộc tính chu cảnh bắt buộc và làm khung đề của câu. Thuộc tính chu cảnh bắt buộc này được thể hiện bằng một kết cấu mang trạng tính, thậm chí là một trạng từ trong cấu trúc ngữ pháp. Tiêu điểm thứ hai thường xuất hiện cuối câu chính là Hành thể – chủ thể của hành động, thường được thể hiện bằng một danh ngữ đếm được, và không xác định. Phần Thuyết theo sau khung đề không gian/thời gian là một kết cấu gồm ngữ đoạn vị từ mà vị từ trung tâm của nó biểu thị quá trình chuyển vị – một cách thể hiện của quá trình vật chất.

Căn cứ vào khung tham chiếu và câu đảo ngữ: *Từ bờ ruộng đằng xa đi lại, một người đàn bà gánh hai gánh đầy* của ví dụ tương ứng, có thể thấy rằng thành phần xuất hiện đầu câu là thuộc tính chu cảnh bắt buộc làm khung đề không gian được mã hóa bằng các trạng ngữ hay cụm trạng ngữ như: *Từ bờ ruộng đằng xa.* Đây cũng chính

là phần Đề đánh dấu được nhấn mạnh trong cấu trúc Đề thuyết. Các thành phần này làm điều kiện để giới thiệu các Hành thể - tiêu điểm thứ hai (*một người đàn bà*) thông qua quá trình vật chất hành động: *đi lại* và biểu thị một sự chuyển động có cách thức. Có thể thấy rằng, vì muốn nhấn mạnh thuộc tính chu cảnh (*Từ bờ ruộng đằng xa)* mà tác giả đã đưa nó lên trước quá trình hành động và Hành thể với thái độ khẳng định. Đối với cuộc sống nơi làng quê, hình ảnh cánh đồng, ruộng lúa luôn là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt thường ngày. Vì vậy, khi giao tiếp nó luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu mà người nói đề cập đến.

*c. Đảo tham tố vị thể (quá trình vật chất hành động)*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | VN<br>(cụm) động từ | CN + TrN<br>(cụm) danh từ + (cụm) trạng/ giới từ |
| CTCT | QT: vc | HT + CC |

Cấu trúc đảo ngữ với Hành thể là chủ ngữ nhưng không kiêm chủ đề, thường được thể hiện bằng một danh ngữ không xác định, theo sau vị từ tác động. Hành thể và Quá trình vật chất tác động đổi vị trí cho nhau theo trật tự cú pháp V-C (Vị ngữ – Chủ ngữ), một trật tự không theo quy tắc trong ngữ pháp tiếng Việt. Vị từ chuyển động là một động từ mang tính chất tác động xuất hiện đầu câu làm thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết. Chiếm vị trí cuối câu thường là Chu cảnh bắt buộc hay chu cảnh tùy chọn được mã hóa bằng một danh ngữ/ cụm danh ngữ hoặc trạng ngữ/cụm trạng ngữ để làm bổ ngữ cho Hành thể và để bảo toàn nguyên tắc trọng hậu và nguyên tắc thông tin.

Ví dụ {3: 5} ... Ngửa mặt nhìn trời, lâng lâng trong cảm xúc hồn nhiên thơ trẻ, giây phút hiếm hoi nọ với Lồ, tiếc thay, chấm dứt quá nhanh. ***Rộ lên*** *tiếng quạ kêu tao tác ở khoang rừng già trước mặt*... [11]

Trong ví dụ trên, vai nghĩa Hành thể (*tiếng quạ)* nhường vị trí đầu câu khẳng định cho vị từ tạo vật (*Rộ lên),* yếu tố này trở thành thông tin được nhấn mạnh và làm thành Đề ngữ có đánh dấu trong văn bản góp phần làm phong phú hệ thống mô hình câu đảo ngữ tiếng Việt. Trong không gian tĩnh lặng nơi rừng núi, khi Lồ đang chìm trong cảm xúc lâng lâng, hồn nhiên thì sự xuất hiện của "*tiếng quạ*" như làm thức tỉnh anh. Ở đây, tác giả muốn nhấn mạnh quá trình tạo âm thanh *"rộ lên*" của tiếng quạ và tổ chức để cho quá trình tạo âm thanh *"rộ lên*" xuất hiện trước trong văn bản.

***3.1.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

*a. Đảo tham tố Hiện tượng*

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm)danh từ/Chủ- vị | CN ↔ VN<br>(cụm)danh/đại từ ↔ (cụm)động từ |
| CTCT | HTg | CT ↔ QT:tt (nhận thức/tình cảm/mong muốn) |

Các quá trình tinh thần (tình cảm, nhận thức, mong muốn...) trong tiếng Việt có thể được định nghĩa như là những quá trình diễn đạt "những phản ứng tinh thần" đối với một Hiện tượng nào đó như *yêu, quí/ mến, thích, ghét, căm, ghê tởm, dọa, sợ, khiếp, biết, hiểu, nghĩ, nhói, dội...* Các quá trình này thường được Cảm thể bộc lộ theo mức độ vì vậy nó thường mang ý nghĩa nhấn mạnh.

Trong tiếng Việt, để tạo sự chú ý cho người đọc/nghe đối với một yếu tố thông tin nào đó với thái độ khẳng định, người ta có thể đảo tham tố tương ứng với thông tin đó lên đầu câu. Khi muốn nhấn mạnh thông tin tương ứng với vai Hiện tượng trong cấu trúc chuyển tác quá trình tinh thần nhận thức chúng ta có thể đảo vai này lên vị trí đầu câu và trong cấu trúc mới được hình thành này vai trò vị trí của các tham thể sẽ có sự thay đổi. Yếu tố Hiện tượng sẽ trở thành phần Đề trong cấu trúc Đề – Thuyết và là thông tin được nhấn mạnh trong văn bản.

Ví dụ {3: 6}... Ông đã đốt hết toàn bộ kho tàng báu vật của suốt cuộc đời không ngừng vẽ và vẽ. Đốt sạch không còn bức nào trong cái đêm ông cảm thấy thần chết giục giã. ***Điều ấy*** *phải lâu sau Kiên mới biết...*[17]

Xét câu: *Điều ấy phải lâu sau Kiên mới biết.* Tham tố Hiện tượng (*Điều ấy*) – mang ý nghĩa hồi chỉ cho các câu văn đã nêu ở phía trước, được tác giả đưa lên vị trí đầu câu trước cả vai Cảm thể và trở thành thông tin được nhấn mạnh làm thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết với một thái độ khẳng định. Phần còn lại chính là phần Thuyết được xác định từ tham tố Cảm thể (*Kiên*) rồi đến vị ngữ được xác định là QT:tt nhận thức (*mới biết*) trong cấu trúc chuyển tác. Như vậy, để nhấn mạnh tham tố Hiện tượng (*Điều ấy*) tác giả đã đảo nó lên đầu câu và thuyết giải nó bằng phần Thuyết (*Kiên mới biết).*

Cấu trúc đảo thành phần câu còn xảy ra đối với một số quá trình tinh thần chỉ sự mong muốn và chúng có thể phóng chiếu một Hiện tượng là ý tưởng, điển hình là trong hình thức thông báo lại. Nói cách khác, đó là quá trình đảo ngữ kiểu nhấn mạnh (trích dẫn) trực tiếp – gián tiếp. Trong đó, phần trích dẫn trực tiếp là một cú đóng vai Hiện tượng trong cấu trúc chuyển tác và làm thành phần Đề đánh dấu. Vị trí tiếp theo là Cảm thể mở đầu cho phần Thuyết thực hiện QT:tt mong muốn.

Ví dụ {3: 7}...*"**Hừ! Hắn vẫn chưa tới! Hay là hắn không tới**?" - Phơ-rô-pông nghĩ, bối rối...* [11]

Ví dụ trên cho thấy cú bị phóng chiếu bao gồm Hiện tượng (Đề đánh dấu) là: - *"Hừ! Hắn vẫn chưa tới! Hay là hắn không tới?"*

Phóng chiếu bao gồm Cảm thể + QT:tt: mong muốn/ (phần Thuyết) là:- *Phơ-rô-pông nghĩ, bối rối.*

*b. Đảo tham tố thuộc tính chu cảnh*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN<br>(cụm) giới/trạng từ | CN + VN<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | TTCC | HT + QT:tt |

Ví dụ {3: 8} ... - Cả đời đi đánh nhau, thú nhật, tôi chả thấy cái trò này là có gì vinh. Nhưng do hy vọng nên vẫn còn chịu đựng. ***Về quê, càng khốn nạn**, tôi biết*. Người ta chẳng để cho sống đâu... [17]

Ví dụ trên cho thấy đứng đầu câu: *Về quê, càng khốn nạn, tôi biết* là cụm bổ ngữ chỉ hướng *(Về quê, càng khốn nạn*). Yếu tố này chính là phần Đề có đánh dấu và trở thành yếu tố được nhấn mạnh cùng với yếu tố chu cảnh ở vị trí tiếp theo. Bởi lẻ, QT:tt nhận thức cũng thường xảy ra trong một không gian hay một thời gian nào đó nhất định. Cảm thể đồng hành với một yếu tố chu cảnh nào đó lại được đặt ở vị trí cuối câu trong cấu trúc chuyển tác và làm thành phần Thuyết (*tôi biết)*. Trong khung cảnh u ám của chiến tranh, tâm trạng của nhân vật Can dường như cũng bị ảnh hưởng bởi con người luôn chịu tác động của hoàn cảnh. Hiện tượng là thuộc tính chu cảnh (về quê) được tác giả nhấn mạnh với thái độ khẳng định nhằm truyền tải đến người nghe/đọc.

*c. Đảo tham tố Vị thể*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | VN + (TrN)<br>(Cụm) động từ + (Cụm) trạng/ giới từ | CN<br>Đại từ/ (cụm) danh từ |
| CTCT | QT:tt + (CC) | CT |

Trong giao tiếp bằng Việt, đôi lúc người nói có thể lược bỏ yếu tố ngữ cảnh đóng chức năng khung đề để tạo thành "câu trần thuật khuyết Đề" [Bùi Tất Tươm, 1997: 269], khi vị từ trung tâm tức quá trình nhận thức được thể hiện bằng những động từ chỉ tinh thần có thể xảy ra trong một cảnh huống (chu cảnh tùy chọn). Trong trường hợp này yếu tố được đặt ở vị trí đầu câu đồng thời làm thành phần Đề đánh dấu chính là những vị từ chỉ quá trình nhận thức trong một hoàn cảnh nào đó. Yếu tố chủ ngữ đóng vai Cảm thể đóng một vai trò cần thiết nhưng thường xuất hiện ở vị trí cuối câu và trở thành một phần Thuyết của văn bản.

Ví dụ {3: 9} ...Tiếng chim hoạ mi trong thung lũng rộ lên mở một ngày mới. Pao thoáng nhớ tới con chim mộc. ***Dội lên trong anh*** *những khoảng khắc hiếm hoi của đời người*... [11]

Qua khảo sát các nguồn cứ liệu, kết quả cho thấy đứng đầu câu trong những ví dụ trên những động từ tinh thần như: *Dội lên.* Vị trí tiếp theo là yếu tố chỉ không gian và thời gian (chu cảnh) như: *trong anh.* Bởi lẻ, phản ứng tinh thần cũng thường xảy ra trong một không gian hay một thời gian nào đó nhất định. Sự kiện hay sự việc đồng hành với một hành động cụ thể nào đó lại được đặt ở vị trí cuối câu. Đây chính là đặc điểm của câu được mã hóa bởi quá trình tinh thần biểu đạt một cái gì đó đang diễn ra.

***3.1.1.3. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình phát ngôn***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN<br>(cụm)danh/đại từ /Cú | CN + VN + TN<br>(cụm) danh/đại từ + (cụm) động từ + (cụm)danh/đại từ |
| CTCT | NT | PNT + QT:pn + (TNT) |

Trong tiếng Việt, QT:pn cũng có tiềm năng phóng chiếu, nghĩa là chúng có tiềm năng phát triển thành cú phức thông qua hình thức phóng chiếu một lời nói. Phóng chiếu trong QT:pn có thể thuộc một trong hai hình thức: trích nguyên và được thông báo lại hay còn gọi là trực tiếp – gián tiếp. Khi cú bị phóng chiếu xuất hiện trước cú phóng chiếu (PNT + QT:pn) nhằm mục đích nhấn mạnh, ta có hình thức đảo ngữ giống như đảo thành phần câu. Trong lí thuyết chức năng hệ thống, quá trình phát ngôn được mô tả là một kiểu "hành động hữu ngôn" hay một "hành động phát ngôn" như: *hỏi, bảo, lầm bầm, đáp, họi, trả lời, kể, la, hét...*

Ví dụ {3: 10}... Cả Dinh dẫn người đưa thư đến gặp Đề Thám.

***- Có nên đi không****? - Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình*... [23]

Trong ví dụ trên đây, cú bị phóng chiếu (Đề đánh dấu) – là Ngôn thể (*Có nên đi không?)* xuất hiện trước cú phóng chiếu (Thuyết ngữ) với các tham thể PNT (*Đề Thám)* + *QT:pn* – vị từ nói năng *(hỏi)* và *TNT (các thủ hạ của mình).*

Trong quá trình phát ngôn, tham thể PNT là vai diễn cố hữu, luôn tham gia vào quá trình để thực hiện hành động phát ngôn còn vai diễn TNT có khi được che dấu mà không bắt buộc phải xuất hiện trong câu. Trong ví dụ {3:11}, cú phóng chiếu chỉ bao gồm PNT (*Can*), QTPN (*hỏi*) và cú bị phóng chiếu "*Nghe nói anh sắp được ra Bắc học phải không?"* .

Ví dụ {3: 11}... Kiên ậm ừ. Mưa mau hơn. Không khí se lạnh. Sắp tối hẳn tới nơi rồi. - ***Nghe nói anh sắp được ra Bắc học phải không?*** - *Can hỏi* ... [17]

***3.1.1.4. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình quan hệ***

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định | |
| | BN<br>(cụm)danh/ đại từ | VN + CN<br>(cụm) động từ + (cụm)danh/ đại từ |
| CTCT | ĐNT/ GT/ ThT | QT:qh (Đồng nhất/ qui gán) + BĐNT/ BH/ ĐgT |

Giống với tiếng Anh, các quá trình quan hệ trong tiếng Việt có thể được phân chia thành hai bình diện: "cách thức tồn tại" (mode of being), (được cho là có quan hệ với hệ thống Dạng) và "kiểu tồn tại" (type of being), (được cho là có liên quan đến các kiểu quá trình quan hệ khác nhau như là những sự lựa chọn ban đầu).

Tham gia vào quá trình quan hệ có hai tham thể. Tham thể Đương thể (x) và một tham thể mang đặc điểm của Đương thể được gọi là Thuộc tính thể (a). Đương thể (x) là thực thể tham gia vào quá trình quan hệ và còn gọi là thực thể được qui gán. Thuộc tính thể (a) là đặc điểm, phẩm chất được qui gán cho thực thể ấy. Với quá trình quan hệ sâu định tính (hay qui gán) "x là a" ta thấy "a" là một thuộc tính nào đó của "x". Vậy "x" là một tham thể mang thuộc tính, được gọi là Đương thể, "a" là một tham thể chỉ ra thuộc tính vốn là của một lớp, một loại nào đó nhưng, đang, hay, đã, được qui gán cho "x". "a" được gọi là Thuộc tính thể. Trong một số hoàn cảnh nhất định như muốn nhấn mạnh đặc điểm hay phẩm chất của thực thể, người nói có thể đổi vị trí của hai tham thể Đương thể "x" và Thuộc tính thể "a" cho nhau với vị từ trung tâm là hệ từ "là". Đây cũng chính là một trong những hiện tượng đảo hai diễn tố (đảo ngữ) thường gặp trong tiếng Việt. Những hiện tượng đảo ngữ theo khung tham chiếu này thường có chức năng gây ngạc nhiên và có thể tác động mạnh đến người nhận thông tin vì tính tương phản của cái thông tin mới nằm trong khung đề ngay đầu câu và vì trật tự ngược của thông tin "cũ sau – mới trước". Trong câu quan hệ, *"là"* là vị từ quan hệ, đóng vai trò vị từ trung tâm, thiết lập mối quan hệ giữa Bị đồng nhất thể và Đồng nhất thể, Đương thể và Thuộc tính thể.

*a. Đảo tham tố ĐNT/ GT trong quá trình quan hệ: đồng nhất*

Đối với quá trình quan hệ đồng nhất, việc đảo các tham tố ĐNT/GT với tham tố BĐNT/BH nhằm mục đích nhấn mạnh đối với người đọc/nghe là tham thể Đồng nhất thể hoặc Giá trị. Tham tố này là yếu tố làm thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ {3: 12}... Công việc mệt mỏi quá đi cày. Thế mà lương mỗi tháng, chỉ vẻn vẹn có hai chục đồng. ***Người hiệu trưởng cũ*** *là một người anh họ Thứ*... [9]

Trong câu: *Người hiệu trưởng cũ là một người anh họ Thứ*, thông qua quá trình quan hệ "là", và cũng là yếu tố phân định ranh giới giữa Đề và Thuyết, các tham thể ĐNT/GT và BĐNT/BH có sự hoán đổi vị trí cho nhau. Quá trình hoán đổi vị trí của các tham thể cũng chính là quá trình đảo các vai nghĩa. Sự đảo các vai nghĩa nhằm mục đích tạo hiệu ứng đối với người đọc/nghe. Ở đây, ĐNT (*Người hiệu trưởng cũ*) có sự đồng nhất với BĐNT *(một người anh họ Thứ*). Tuy nhiên, tác giả muốn nhấn mạnh tham thể (*Người hiệu trưởng)* với thái độ khẳng định nên đã đặt nó ở vị trí đầu câu làm thành Đề đánh dấu. Phần còn lại - Thuyết (*là một người anh họ Thứ)* nhằm thuyết giải thông tin cho phần Đề.

*b. Đảo tham tố ĐNT/ GT trong quá trình quan hệ: Chu cảnh*

Quá trình quan hệ chu cảnh liên quan đến chuyển tác quan hệ "ở nơi nào đó". Mối quan hệ của chúng là quan hệ giữa một thực thể với chu cảnh hay môi trường của nó như thời gian, không gian, phong cách, đồng chu cảnh...BH và GT là những thành phần chỉ thời gian, địa điểm và quá trình được hiện thực hóa bằng các động từ chỉ quan hệ sâu. Là cú đồng nhất nên các tham thể trong các cú này có thể đảo ngược được.

Ví dụ {3: 13}... Ấy là buổi tinh mơ mờ đất, nửa giờ trước khi pháo cấp tập mở màn chiến dịch công phá Sài Gòn. ***Bên kia cánh đồng hoang ngập đầy cỏ Mỹ*** *là tuyến phòng thủ Củ Chi*...[17]

Ví dụ trên cho thấy tham tố GT (*Bên kia cánh đồng hoang ngập đầy cỏ Mỹ)* và tham tố BH *(tuyến phòng thủ Củ Chi)* hoán đổi vị trí cho nhau. Tuy nhiên, vì muốn nhấn mạnh tham tố GT liên quan đến địa điểm (*Bên kia cánh đồng hoang ngập đầy cỏ Mỹ)* mà tác giả đã đảo chúng lên vị trí đầu câu với một thái độ khẳng định, xác định chúng làm phần Đề có đánh dấu cho văn bản. Trên chiến trường, việc xác định vị trí địa lí là vô cùng quan trọng nhằm góp phần mang lại chiến thắng. Có lẽ vì vậy mà tác giả đã nhấn mạnh thông tin đó và truyền tải đến người đọc/nghe một cách nhanh nhất bằng cách đề cập đến nó đầu tiên trong chuỗi thông tin cần diễn đạt.

*c. Đảo tham tố ĐNT/ GT trong quá trình quan hê: Sở hữu*

Trong quá trình quan hệ sở hữu đồng nhất, các tham thể BH/BSHT và GT/SHT có thể hoán đổi vị trí cho nhau để tạo thành một cấu trúc đảo ngữ mới thông qua quá trình quan hệ. Khi tham tố GT/SHT xuất hiện ở vị trí đầu câu nó sẽ trở thành đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết.

Ví dụ {3: 14}... - Cái gì? Phương bảo sao? Nói gì như điên vậy. Thử nói rõ xem nào, Phương! Kiên không hiểu. ***Nỗi xúc động của Phương*** *là trạng thái xa lạ đối với anh, với câu chuyện của hai đứa đêm nay, với mặt hồ này*... [17]

Trong câu "*Nỗi xúc động của Phương là trạng thái xa lạ đối với anh, với câu chuyện của hai đứa đêm nay, với mặt hồ này"*, tham thể BH/BSHT (*trạng thái xa lạ đối với anh, với câu chuyện của hai đứa đêm nay, với mặt hồ này*.) đã hoán đổi vị trí với tham thể GT/SHT **(***Nỗi xúc động của Phương)* thông qua QT:qh (là). Chính vì vậy, GT/SHT **(***Nỗi xúc động của Phương)* trở thành Đề dánh dấu và là tham tố được nhấn mạnh. Phần còn lại được xác định từ QT:qh (*là*) làm phần Thuyết trong văn bản.

*d. Đảo tham tố thuộc tính thường trực và kết quả trong quá trình quan hê.*

Đối với thuộc tính liên quan đến thường trực, người ta có thể dùng hình thức so sánh hơn hoặc so sánh nhất. Nói cách khác, khi muốn nhấn mạnh một thông tin nào đó người ta có thể đặt yếu tố chứa thông tin đó lên đầu câu và đối lập nó với các thông tin còn lại bằng hình thức so sánh.

Ví dụ {3: 15}... Càng trưa, cái vui càng đậm đà, náo nức. Nhưng ***đông nhất, ồn nhất*** *là đám chọi chim tổ chức ở sân nhà Pao*... [11]

Ví dụ {3: 16}... Dong dỏng, thanh nhẹ trong bộ comlê tím than tuy cũ nhưng vừa giặt là cẩn thận, Luận có cái dáng thanh nhã của đàn ông thành phố. ***Buồn hơn cả*** *vẫn là Đông,* một thái cực đối lập với vợ. Đông không chịu sự chi phối của ngoại cảnh....[12]

Xét các cú: ***đông nhất, ồn nhất*** *là đám chọi chim tổ chức ở sân nhà Pao.*
***Buồn hơn cả*** *vẫn là Đông, một thái cực đối lập với vợ.*

Các cặp thông tin đối lập là:

*đông nhất, ồn nhất - đám chọi chim tổ chức ở sân nhà Pao*
*Buồn hơn - một thái cực đối lập với vợ*

Vì muốn nhấn mạnh thông tin (các bổ ngữ/tham tố Biểu hiện) là đặc điểm miêu tả tính chất của các tham thể Giá trị (*đám chọi chim tổ chức ở sân nhà Pao* và *một thái cực đối lập với vợ)* mà tác giả đã đặt các các thành phần bổ ngữ/ tham tố Biểu hiện lên đầu câu bằng hình thức nhấn mạnh *hơn* và *nhất.* Điều này làm cho câu mang tính chất tiền đảo. Biber (1999) cho rằng việc *chuyển ra phía trước* có chức năng diễn ngôn chính là: tổ chức dòng thông tin để tạo sự liên kết, biểu đạt ý nghĩa tương phản và cho phép nhấn mạnh thành tố nào đó.

**3.1.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình**

***3.1.2.1. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình vật chất***

*a. Đảo tham tố Đích thể*

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức phủ định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | yếu tố phủ định + CN + VN + TrN<br>yếu tố phủ định + (cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ + (cụm)trạng từ |
| CTCT | ĐT | yếu tố phủ định + HT + QT:vc + CC |

Trong sơ đồ này, tác giả muốn phủ định sự nhấn mạnh về thông tin liên quan đến chủ đề là Đích thể trong cấu trúc chuyển tác và cũng là phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết khi mô tả quá trình hành động của Hành thể đối với Đích thể.

Ví dụ {3: 17}:...Anh người nhà nói rằng nó mới, kiểu gia Định, đế cờ lếp, là anh đã làm một lối văn "cổ điển" đẹp lời, chứ nếu theo giọng "tả chân" thì phải nói rằng nó xấu và cũng không có chữ để tả nữa! ***Đôi giày ấy****, chẳng biết cụ mua từ khải Định mấy niên*, đến bây giờ, đóng lại đế là lần thứ bốn, mà nó vẫn hoàn không đế...[14]

Trong cú đảo ngữ: ***Đôi giày ấy****, chẳng biết cụ mua từ khải Định mấy niên* của ví dụ trên, tác giả nhấn mạnh tham tố Đích thể "*Đôi giày ấy*" trong quá trình chuyển tác vật chất (*mua*) và đưa nó lên vị trí đầu câu làm cho nó trở thành Đề đánh dấu với một thái độ phủ định (*chẳng biết*). Vì vậy, khi giao tiếp nó được tác giả đề cập trước để truyền đạt đến người nghe.

*b. Đảo tham tố thuộc tính chu cảnh*

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức phủ định | |
| | BN (địa điểm)<br>(cụm)trạng/giới từ | (yếu tố phủ định) + CN + VN<br>(yếu tố phủ định) + (cụm)danh/đại từ + (cụm)động từ |
| CTCT | TTCC | (yếu tố phủ định) + HT + QT:vc |

Trong sơ đồ này, thành phần bị đảo ra đầu câu là một thuộc tính chu cảnh bắt buộc làm khung đề không gian chỉ địa điểm, lối đi, hướng, đích. Chu cảnh bắt buộc là khung đề thời gian thường đứng trước quá trình vật chất chỉ hành động hoặc đúng trước Hành thể nhằm giới thiệu một sự kiện mới.

Ví dụ {3: 18} ... Mưa bụi vẫn bay tơi tả, hình như ở bóng tối khắp nơi dồn lại quãng phố hẹp này. ***Trên hè ướt át và nhớp nháp bùn****, không một bóng người qua lại*... [15]

Ngoài ra, khi muốn phủ định thông tin chứa tham tố Hành thể trong QT:vc, người ta thường chêm xen yếu tố phủ định ngay trước tham tố đó. Xét câu: *Trên hè ướt át và nhớp nháp bùn, không một bóng người qua lại* trong ví dụ. Tác giả phủ định tham tố Hành thể (*một bóng người*) bằng cách chêm xen yếu tố phủ định (*không)* vào ngay trước tham tố này. Sự phủ định của Hành thể được nhấn mạnh trong không gian (*Trên hè ướt át và nhớp nháp bùn)* và làm cho nó trở thành Đề đánh dấu.

***3.1.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình hành vi***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TrN<br>Yếu tố phủ định | CN + VN + (BN)<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm)động từ + (cụm)trạng/giới từ |
| CTCT | CC | PNT + QT:pn + (CC) |

Trong sơ đồ này thông tin được nhấn mạnh ở phần Đề đánh dấu biểu hiện qua thái độ phủ định với sự xuất hiện của từ "không" ở vị trí đầu câu. Với vị trí này, yếu tố phủ định "không" trở thành Đề ngữ có đánh dấu của phát ngôn. Phần còn lại là Thuyết được xác định từ tham thể PNT, QT:pn và TNT.

Ví dụ {3: 19}... - Nếu thế để tớ bảo quân lực họ sang tên - Kiên mỉa mai - Chứ đừng kêu càm ràm nữa. Về lán mà nằm đi!

- ***Không, đừng*** *nói vậy, Kiên*. Tôi nói vậy là nói thực tình chứ có ý gì đâu ... [17]

Trong bối cảnh chiến tranh đang diễn ra ác liệt, việc giao tiếp giữa các người lính đôi khi cũng bị hoàn cảnh chi phối và làm cho họ có những lời nói mà đối phương không muốn nghe. Trong ví dụ trên, tác giả đã thể hiện thái độ phản đối của mình bằng sự nhấn mạnh phủ định (*không, đừng*) và đề cập đến nó đầu tiên trong chuỗi phát ngôn và làm cho nó trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết. Phần còn lại được xác định là Thuyết, đánh dấu từ QT:pn *(nói vậy*) và PNT *(Kiên*).

***3.1.2.3. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

*a. Đảo tham tố Hiện tượng trong QT:tt ( nhận thức)*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ/cú | CN + phủ định bộ phận + VN<br>(cụm)danh/đại từ + phủ định bộ phận +(cụm) động từ |
| CTCT | HTg | CT + (phủ định bộ phận) + QT:tt |

Sự nhấn mạnh tham tố Hiện tượng trong QT:tt nhận thức của Cảm thể với thái độ phủ định được thể hiện với việc thêm yếu tố phủ định (không) vào ngay trước QT:tt nhận thức. Tham tố Hiện tượng vẫn xuất hiện ở vị trí đầu câu nên nó tiếp tục làm thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết.

Ví dụ {3: 20}... Em vào B năm 66. Hai năm rồi, nhưng chủ yếu ở dưới cánh trung. ***Vùng này*** *em không thạo lắm*... [17]

Xét câu: *Vùng này em không thạo lắm*. Trong hoàn cảnh nhân vật (*em*) – Cảm thể muốn giải thích về việc không thông thạo vị trí địa lí (*vùng này*) – Hiện tượng của nơi mình đang sống, cô đã thể hiện QT:tt nhận thức của mình với thái độ phủ định

(*không thạo lắm)* nhưng thông tin mà cô muốn nhấn mạnh và truyền đạt là tham tố Hiện tượng (*vùng này)* nên nó được đề cập trước trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc.

Chúng tôi cũng tìm thấy bằng chứng đối với sự nhấn mạnh tham tố Hiện tượng trong QT:tt nhận thức của Cảm thể với thái độ phủ định được thể hiện với việc thêm yếu tố phủ định (không) vào ngay trước QT:tt nhận thức. Tuy nhiên, tham tố Hiện tượng được biểu hiện bằng một cú và giữ vai trò làm Đề đánh dấu như: *Hình ảnh mẹ và chị chăm sóc anh từ lúc mê man đến lúc lành vết thương* trong ví dụ sau đây:

Ví dụ {3: 21}... Mẹ Nàng Pheng đã thương và coi anh như con. ***Hình ảnh mẹ và chị chăm sóc anh từ lúc mê man đến lúc lành vết thương*** *anh không thể quên được*. Anh nhớ mùi cơm nếp Lào được nấu cách thủy... [25]

*b. Đảo tham tố thuộc tính chu tố trong QT:tt nhận thức/tình cảm/mong muốn*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TrN<br>(yếu tố phủ định) | CN + VN<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | TTCC | CT + QT:tt (nhận thức / tình cảm / mong muốn) |

Trong sơ đồ này, thông tin được nhấn mạnh chính là yếu tố phủ đinh xuất hiện ở vị trí đầu câu và trở thành Đề đánh dấu mà tác giả truyền đạt đến người đọc/nghe trong hội thoại. Yếu tố phủ định thường được biểu hiện là thuộc tính chu cảnh trong cấu trúc chuyển tác của các QT:tt nhận thức/tình cảm/mong muốn.

Ví dụ {3: 22}... Ông Diểu lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. ***Thật chưa bao giờ*** *ông lại vất vả và mệt đến thế...* [23]

Trong ví dụ trên, để nhấn mạnh sự đối lập hoàn cảnh khác biệt giữa hiện tại và quá khứ của Ông Diểu, tác giả đã thể hiện bằng thái độ phủ định được diễn đạt bằng cụm từ: *Thật chưa bao giờ.* Thành phần này xuất hiện đầu câu và làm Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết. Phần còn lại: *ông lại vất vả và mệt đến thế* là phần Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề, chứa tham tố Cảm thể và QT:tt nhận thức.

Ví dụ {3: 23}... Pao đi xuống châu theo Việt Minh sau khi thoát khỏi tay bọn Lử, Seo Cấu và lũ *sảo quán* Pha Linh. Ba năm qua, ***chẳng lúc nào*** *Pao nguôi thương cha, không lo cho em Pùa...* [11]

Sự phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo còn được chúng tôi tìm thấy trong Quá trình tinh thần tình cảm. Trong ví dụ {3: 23}, sự phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo là yếu tố thuộc tính chu cảnh *chẳng lúc nào* được thuyết giải trong phần Thuyết: *Pao nguôi thương cha, không lo*

*cho em Pùa.* Sự nhấn mạnh này nhằm chứng minh tình cảm của Pao đối với Cha và em Pùa mặc dù họ phải sống xa nhau trong thời gian dài.

Ví dụ {3: 24}... Mãi mãi trong lòng Kiên lưu giữ thầm lặng một tình cảm biết ơn đầy tha thiết và ngậm ngùi đối với chị. Vậy mà tuyệt nhiên ***chưa bao giờ*** *Kiên định rằng sẽ viết một cái gì đấy về kỷ niệm này...* [17]

Trong ví dụ trên, vì muốn nhấn mạnh tình cảm và sự ngậm ngùi của nhân vật Kiên với người chị mà anh trân trọng, tác giả đã đề cập đến sự nâng niu tình cảm đó bằng thái độ phủ định ý định có thể làm khơi dậy điều gì đó của Kiên bằng sự khởi đầu với yếu tố phủ định *chưa bao giờ.* Yếu tố này xuất hiện như là Đề đánh dấu và được thuyết giải thông qua QT:tt mong muốn của Cảm thể: *Kiên định rằng sẽ viết một cái gì đấy về kỷ niệm này.*

**3.1.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong các quá trình**

***3.1.3.1. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình vật chất***

*a. Đảo tham tố đích thể*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức nghi vấn | |
| | TN<br>(cụm) danh từ | (CN) + VN + (TrN)<br>(cụm) danh/ đại từ + (cụm) động từ + (cụm) trạng từ |
| CTCT | ĐT | (HT) + QT:vc + (CC) |

Khi muốn bày tỏ sự nghi vấn đối với một thông tin nào đó, người ta có thể đề cập đến thông tin đó trước trong hội thoại và làm cho nó trở thành đề đánh dấu.

Ví dụ {3: 25}... nhà chủ xin phép cụ cho bốn người lên hầu bài, rồi đi xuống. lúc gặp cậu người nhà, anh ta mới hỏi khẽ:

- ***Đôi giày của cụ****, cậu có cất không?* - không! sao bác hỏi lố bịch thế ?... [14]

Xét câu: - *Đôi giày của cụ, cậu có cất không?.* Vì thái độ nghi vấn đối với Đích thể "*đôi giày"* mà nó được tác giả đề cập ngay và làm cho nó trở thành phần Đề đánh dấu. Phần còn lại (*cậu có cất không?)* là Thuyết ngữ được hiện thể hiện qua cấu trúc chuyển tác của QT:vc (*cất*) và được hiện thực hóa bằng cụm chủ – vị.

*b. Đảo tham tố chu cảnh*

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức nghi vấn | |
| | BN<br>(cụm)trạng từ nghi vấn | (CN) + VN + (TN)<br>(cụm)danh/đại từ + (cụm)động từ + (cụm)danh/đại từ |
| CTCT | TTCC | (HT) + QT:vc + (ĐT) |

Khi muốn xác nhận một thông tin nào đó, người ta có thể dùng thái độ nghi vấn để diễn đạt điều muốn xác nhận. Thái độ được thể hiện để xác nhận một thông tin nào đó thường được thể hiện bằng một thuộc tính chu cảnh trong cấu trúc chuyển tác và được xem như là thành phần Bổ ngữ trong cấu trúc cú pháp.Yếu tố chu cảnh này được đặt ở vị trí đầu câu và trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết.

Ví dụ {3: 26}... - ***sao hôm nay*** *đồng chí không cho chiến sĩ tập luyện*? ... [11]

Ví dụ {3: 27}... - ***Tháng này*** *đã cấy đâu chị*?... [12]

Trong các ví dụ trên, để bày tỏ sự xác nhận đối với những thông tin liên quan đến thời gian mà các Hành thể (*đồng chí; chị*) thực hiện các QT:vc hành động (*tập luyện, cấy*), tác giả đã sử dụng các thuộc tính chu cảnh chỉ thời gian (*sao hôm nay; Tháng này*). Các thuộc tính này được đưa lên vị trí đầu câu làm thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết với thái độ nghi vấn.

***3.1.3.2. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình hành vi***

Thái độ nghi vấn về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố trong các quá trình hành vi cũng được biểu hiện bằng sự xuất hiện của của các yếu tố nghi vấn như: *tại làm sao, như thế nào, khi nào*... ở vị trí đầu câu và làm Đề đánh dấu trong cấu trúc. Phần còn lại là các tham tố Ứng thể, quá trình hành vi và chu cảnh tùy chọn tạo thành Thuyết để thuyết giải cho Đề.

Ví dụ {3: 28}... Chừng nửa giờ sau, bà lái đò mới mở đôi mắt mệt nhọc nhìn chúng tôi, thở dài, nhắm mắt lại. Biết rằng bà ta đã tỉnh, đồng chí Việt Nam hỏi:
- ***Tại làm sao*** *bà nỡ đối xử với chúng tôi như thế?* - Họ là người Pháp, chúng tôi không chở cho giặc!... [14]

Xét câu: - *Tại làm sao bà nỡ đối xử với chúng tôi như thế*. Vì muốn nhấn mạnh thái độ nghi vấn liên quan đến lí do của Ứng thể (bà) đối với quá trình hành vi (đối xử) trong phần Thuyết mà yếu tố nghi vấn (*Tại làm sao)* xuất hiện ở vị trí đầu câu và được giữ vai trò làm Đề có đánh dấu trong cấu trúc.

***3.1.3.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức nghi vấn | |
| | BN<br>(cụm)trạng từ nghi vấn | (CN) + VN + (TN)<br>(cụm) danh/ đạitừ + (cụm) động từ + (cụm) danh/đại từ |
| CTCT | TTCC | (CT) + QT:tt + (HTg) |

Cũng giống như sự bày tỏ thái độ nghi vấn trong quá trình vật chất, sự bày tỏ thái độ nghi vấn cũng xảy ra đối với QT:tt. Đó là việc khi muốn thể hiện thái độ nghi

ngờ về một thông tin nào đó, tác giả có thể sử dụng các thuộc tính chu cảnh (từ nghi vấn) để diễn đạt và đặt nó lên đầu câu nhằm xác định phần Đề đánh dấu.

Ví dụ {3: 29}... ***Độ này*** *quan lớn mạnh khỏe đấy chứ*?... [21]

Ví dụ {3: 30 }... Tôi tự hỏi: ***vì sao*** *bố tôi lại đi coi tôi là người nhẹ dạ?...* [23]

Trong các ví dụ trên, thông tin mà tác giả dùng để thể hiện thái độ nghi vấn về thời gian và nguyên nhân của Cảm thể (*quan lớn; bố tôi)* đối với quá trình tinh thần (*mạnh khỏe* và *lại đi coi)* là các thuộc tính chu cảnh: *Độ này* và *vì sao*. Chúng xuất hiện ở đầu cú và được xem như là Đề ngữ đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết.

**3.1.4. Cảm thán sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo**

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức cảm thán | |
| | BN<br>(cụm) tính từ | CN<br>(cụm) danh/ đại từ |
| CTCT | Tham tố | Tham tố |

Câu cảm thán là câu dùng để bộc lộ một cách rõ rệt những cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói đối với sự vật, sự việc được nói tới. Câu cảm thán có chức năng diễn đạt một mức độ nhất định của cảm xúc, tâm trạng khác thường, thái độ, cách đánh giá của người nói đối với vật, việc, hiện tượng được nêu ra trong câu với tư cách là nguyên nhân của sự cảm thán. Theo ngữ pháp chức năng, từ ngữ cảm thán đứng thành câu riêng làm thành câu đặc biệt vì nó không chứa cấu trúc cú pháp. Với tư cách một kiểu câu, câu cảm thán tiếng Việt mang những dấu hiệu hình thức nhất định. Một trong những phương tiện hình thức thường được dùng là: Thán từ làm thành câu đứng riêng.

Ví dụ {3: 31 }...Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vào lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu. ***Vinh dự thay****, anh kép Tư Bền!...* [14]

Ví dụ trên cho thấy xuất hiện đầu câu là một (cụm) tham tố chỉ một đặc điểm nào đó như *Vinh dự thay* làm thành phần Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết. Theo sau là Tham tố (*anh kép Tư Bền!)* thực hiện sự thuyết giải cho phần Đề. Chính sự hoán đổi vị trí cho nhau của hai tham tố kèm theo dấu hiệu cảm thán mà phát ngôn được xác nhận là Thức cảm thán.

**3.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 71/ 500 (Tỷ lệ: 14.2 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (động từ bị động) + (CN) + VN<br>bị/được + (cụm) danh/ đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | Tham tố đảo | (bị/được) + (Tham tố) + QT |

Trong sơ đồ này, Đề đánh dấu được xác định là các tham tố đảo (Đích thể/ Khiến thể/ Bị thể, Hiện tượng) xảy ra trong các quá trình chuyển tác (quá trình vật chất, tinh thần, hành vi) tương ứng với các thành phần câu (Tân ngữ) trong cấu trúc cú pháp được cụ thể hóa từ Cấu trúc Thức. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định, Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ 14.2 % câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu được khảo sát. Phần Thuyết bao gồm động từ bị động (bị, được), các quá trình chuyển tác và các tham tố (Hành thể, Cảm thể) tham gia vào các quá trình chuyển tác.

**3.2.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

***3.2.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Bị thể /Đích thể/ Khiến thể trong quá trình vật chất***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (bị/được) + (CN) + VN<br>động từ bị động + (cụm)danh/đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | ĐT/KhiT | (bị/được) + (HT) + QT:vc |

*a. QT:vc hành động/ tác động*

Đối với kiểu chuyển tác bị động, tham tố biểu thị đối tượng (Đích thể/Khiến thể) đóng chức năng Đề đánh dấu nhằm nhấn mạnh và cung cấp thông tin liên quan về tham tố này. Vì vậy, câu mang ý nghĩa bị động. Đồng thời câu sẽ có sự xuất hiện của động từ bị động là *bị* hoặc *được*.

Ví dụ {3: 32}: ... Mang một chiếc chân giả, cô giáo Miên đã dẫn Mai Trừng về quê cha "có nhà máy cháo, có lò đúc muôi". ***Cả làng ấy*** *đã bị máy bay Mỹ hủy diệt hoàn toàn...* [22]

Xét câu: *Cả làng ấy đã bị máy bay Mỹ hủy diệt hoàn toàn* và theo mô hình cấu trúc đảo ngữ tương ứng kiểu chuyển tác bị động thì Đích thể (*Cả làng ấy)* làm Đề ngữ có đánh dấu *bị* Dung môi (*máy bay Mỹ)* tác động thông qua quá trình vật chất hành động (*hủy diệt).*

*b. QT:vc Tạo vật*

Cũng giống như cấu trúc đảo ngữ quá trình vật chất hành động và tác động, quá trình vật chất tạo vật cũng có mô hình tương tự.

Ví dụ {3: 33}... Vườn chuối phía tây thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngổn ngang nhựa thẫm màu. ***Nhựa ấy*** *bị không khí làm se lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy bùi cỏ gà...* [26]

Đích thể – yếu tố được nhấn mạnh, xuất hiện ở vị trí đầu câu làm thành Đề ngữ đánh dấu, nhưng là kết quả do Hành thể, một phần của Thuyết – đứng sau tiểu từ bị động "bị" hoặc "được" tạo nên thông qua quá trình vật chất có tính chất tạo vật. Xét câu: *Nhựa ấy bị không khí làm se lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy bùi cỏ gà*. Đích thể (*Nhựa ấy)* được tạo nên nhờ quá trình (*làm se lại, kết nên thành)* nhưng đứng vị trí đầu câu tương ứng với Đề trong cấu trúc. Phần còn lại bao gồm Hành thể (*không khí)*, cụm tiểu từ bị động (*bị*), quá trình vật chất tạo vật *(làm se lại, kết nên thành)*, và chu cảnh kết hợp làm thành phần Thuyết nhằm kiến giải cho Đề.

*c. QT:vc Thuyên chuyển, chuyển giao*

Có thể nói rằng trong kiểu câu bị động, quá trình đảo ngữ liên quan đến quá trình vật chất có tính đa dạng nhất bởi nó cũng cung cấp thông tin liên quan đến các tham tố như Lợi thể/Tiếp thể trong quá trình vật chất thuyên chuyển/chuyển giao.

Ví dụ {3:34}... Do sự công phẫn, các bà xui chồng đến nhà chị cu, mỗi người giúp một tay. Bởi thế, chẳng mấy chốc, mẹ chồng chị được hoàn toàn là người chết hợp pháp. ***Bà*** *được người ta khênh nằm trong áo quan bày ở giữa nhà, trên thắp hương nghi ngút*... [14]

Cấu trúc đảo ngữ đối với quá trình vật chất mang tính chuyển giao hay thuyên chuyển như: *khênh nằm* trong ví dụ: *Bà được người ta khênh nằm trong áo quan bày ở giữa nhà, trên thắp hương nghi ngút.* Trong đó Tiếp thể (Bà) được Hành thể (người ta) thực hiện quá trình chuyển giao "khênh vào nằm" lại xuất hiện ở vị trí đầu câu và trở thành Đề ngữ có đánh dấu cung cấp thông tin cho chính tham tố này. Yếu tố Hành thể (người ta) – chủ thể của hành động *(khênh nằm)* xuất hiện sau Đề trở thành một phần của Thuyết.

*d. QT:vc tác động.*

Đảo ngữ theo kiểu bị động còn xảy ra đối với Qt: vc tác động.

Ví dụ {3: 35}... Mẹ sợ quá, Mẹ cựa quậy. Xem mình còn sống hay chết. ***Cổ tay, đầu, bắp chân*** *bị dây chói xiết lại, đâu đứt từng mảnh thịt*... [13]

Xét câu: *Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây chói xiết lại, đau đứt từng mảnh thịt*. Quá trình "xiết lại" và "đau đứt" là do Hành thể "dây chói" gây ra đối với Đích thể "*Cổ tay, đầu, bắp chân".* Tuy nhiên, Đích thể lại xuất hiện ở đầu câu với tư cách là thông tin được nhấn mạnh của văn bản chiếm vị trí tương ứng với Đề ngữ trong cấu trúc. Nói cách khác, Đích thể và Hành thể có sự hoán đổi vị trí cho nhau cùng với sự xuất hiện của động từ bị động "bị". Vì vậy mà câu mang ý nghĩa đảo ngữ bị động.

Tuy nhiên, kiểu đảo ngữ bị động đối với quá trình vật chất tác động không phải khi nào cũng có sự xuất hiện của Hành thể mà có khi chỉ cần sự xuất hiện của ba thành

phần Đích thể, tiểu từ bị động "bị" hoặc "được" và quá trình vật chất tác động như trong ví dụ sau:

Ví dụ {3: 36}... Cuộc hoan lạc ào ạt song ít vui, đúng hơn là tuyệt nhiên chẳng vui một chút nào. ***Bàn ghế*** *bị xô đổ, đập nát, chẻ băm ra, ngổn ngang, lổng chổng*. ***Giấy má tiền bạc*** *tung tóe bay*. ***Ly cốc bình tách bằng sứ bằng thủy tinh*** *bị đập vụn*...[17]

Xét các câu: *Bàn ghế bị xô đổ, đập nát, chẻ băm ra, ngổn ngang, lổng chổng*. *Giấy má tiền bạc tung tóe bay*. *Ly cốc bình tách bằng sứ bằng thủy tinh bị đập vụn* trong ví dụ trên. Quá trình vật chất tác động (*xô đổ, đập nát, chẻ băm ra; đập vụn; tung tóe bay)* mô tả đặc điểm của Đích thể (*Bàn ghế, Giấy má tiền bạc* và *Ly cốc bình tách bằng sứ bằng thủy tinh)* chứ không phải là quá trình do chính các tham tố Đích thể này gây ra. Tuy vậy, các Đích thể này lại xuất hiện đầu câu chiếm giữ vị trí của Hành thể và đóng chức năng làm Đề đánh dấu.

Trong kiểu đảo ngữ bị động của quá trình vật chất hành động, Đích thể xuất hiện ở đầu câu và làm Đề ngữ cung cấp thông tin về Khiến thể nên yếu tố Dung môi trở thành một phần trong các thành phần còn lại làm Thuyết ngữ. Chúng đóng chức năng thứ yếu trong câu cho nên sự xuất hiện của chúng đôi khi không cần thiết và đôi khi có thể bị che dấu.

Ví dụ {3: 37}:.. Ông chủ vào nhà. ***Cánh cửa*** *bị đóng lại*. ***Ngọn đèn dầu*** *được vặn to lên*... [21]

Trong ví dụ này, Khiến thể (*Cánh cửa, Ngọn đèn dầu )* là thông tin được nhấn mạnh và xuất hiện đầu câu làm Đề ngữ có thể do quá trình "*đóng"* và "*vặn*" tác động gây ra nhưng cũng có thể do yếu tố Dung môi (bị che dấu) tác động gây nên. Như vậy, Dung môi là một thực thể qua môi trường của nó quá trình xuất hiện [23] nhưng trong ví dụ trên nó không được hiển lộ và câu mang tính chất trung tính. Thành phần Khiến thể và Dung môi đều được thể hiện thông qua một quá trình "*đóng"* và "*vặn*".

*e. QT:vc khiến tác*

Đối với sơ đồ khiến tác của câu bình thường, yếu tố Dung môi (Hành thể) thường xuất hiện sau Quá trình. Tuy nhiên, QT:vc khiến tác là một quá trình trung tính. Trong đó, quá trình được thể hiện như thể vừa không vừa có tác nhân bên ngoài và vừa không vừa có tác nhân bên trong [24]. Khiến thể và Dung môi đều được hiện thức hóa qua hình thức. Cấu trúc kinh nghiệm của nó trung hòa hóa hai đặc điểm "tự/nội khiển" và "ngoại khiển". Như vậy, quá trình *vật chất* có thể vừa do Khiến thể và vừa do Dung môi tạo ra.

Ví dụ {3: 38}: ... Hai người đó, một người là chủ nhà này, còn một người là khách. ***Đèn xe*** *tắt.* ***Cửa xe*** *đóng*. Chủ khách bước vào nhà...[14]

Trong cú chuyển tác, hành động thường hướng tới đối tượng Đích thể. Đích thể được giải thích như là một tham thể bị tác động bởi quá trình. Xét câu: *Đèn xe tắt. Cửa xe đóng* trong ví dụ trên, *Đèn xe* và *Cửa xe* đã chịu tác động của quá trình *tắt* và *đóng.* Tuy nhiên, vị trí của nó lại xuất hiện ở đầu câu – là vị trí mà Hành thể thường chiếm đóng. Hành thể lại không được đề cập đến trong trường hợp này nhưng từ diễn ngôn, chúng ta thấy có thể hai người (một người là chủ nhà này, còn một người là khách) đã tác động vào *Đèn* và *Cửa xe*.

***3.2.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố Hiện tượng trong quá trình hành vi***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm) danh/ đại từ | (bị/được) + (CN) + VN<br>động từ bị động + (cụm) danh/ đại từ + (cụm) động từ |
| CTCT | HTg | (bị/được) + (UT) + QT:hv |

Quá trình hành vi hay còn được gọi là "quá trình ứng xử" và được định nghĩa như là một quá trình thuộc "hành vi tâm sinh lí" do Ứng thể thực hiện và có thể bao gồm hoặc không bao gồm một Hiện tượng. Tuy nhiên, với tư cách là một quá trình nằm trên đường ranh giới giữa các quá trình vật chất, tinh thần và phát ngôn, quá trình hành vi thể hiện các đặc điểm chung với cả ba kiểu quá trình này. Trong nhiều quá trình hành vi Hiện tượng có thể trùng khớp với Chủ ngữ và vì thế cấu trúc điển hình của nó có sự thay đổi theo kiểu bị động với sự xuất hiện của tiểu từ "bị" hoặc "được".

Ví dụ {3: 39}... Chùa Đồi Mai ở xa làng mạc biệt lập trên một khu đồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi đám tạp khách. Thỉnh thoảng trong bọn khách đến chơi, ***ông cụ Sáu*** *được sư cụ biệt đãi nhất....*[26]

Xét cú: Thỉnh thoảng trong bọn khách đến chơi, *ông cụ Sáu được sư cụ biệt đãi nhất.* Ứng thể (*sư cụ*) thực hiện các hành vi (*biệt đãi)* đối với Hiện tượng (*Ông cụ Sáu)*. Như vậy, Hiện tượng (*Ông cụ Sáu)* là đối tượng do Ứng thể (*sư cụ*) tác động nhưng lại đứng đầu câu, chiếm vị trí của Chủ ngữ trong mệnh đề và trở thành thông tin đến trước những thông tin khác trong cấu trúc. Nhờ sự xuất hiện của tiểu từ *"được*", ranh giới giữa Đề và Thuyết được xác định.

***3.2.1.3. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần***

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (bị/được) + (CN) + VN<br>tiểu từ bị động + (cụm)danh/đại từ + (cụm)động từ |
| CTCT | HTg | (bị/được) + (CT) + QT:tt |

*a. QT:tt Cảm quan/ Nhận thức*

Quá trình tinh thần tri giác trong tiếng Việt có thể được định nghĩa như là những quá trình chỉ cảm giác/tri nhận của con người như *nhìn thấy/trông thấy, nghe thấy, ngửi thấy, đánh hơi thấy, sờ thấy, nếm thấy, nghĩ, hiểu, biết, tin/tin tưởng, nhớ, quên, mơ....* Chủ thể thực hiện những quá trình này là Cảm thể. Cảm thể cảm quan (thông qua quá trình tinh thần) các Hiện tượng trong thế giới khách quan.

Ví dụ {3: 40}...Cháu mà biết cách nói cho êm thì em nó nghe ra thôi. Bà giáo Miên dặn thêm khi tiễn tôi ra đến chân cầu thang. Bỗng nhiên ***tôi*** *được bà tin cậy gửi gắm*...[22]

Xét cú: *tôi được bà tin cậy gửi gắm*. Ta thấy, vị trí vai nghĩa Hiện tượng (*tôi)* trong cấu trúc đảo thay thế vị trí vai Cảm thể (*bà*) trong cấu trúc bình thường. Cùng với sự xuất hiện của tiểu từ "được" quá trình tri giác "*tin cậy*" đã xảy ra. Quá trình tinh thần thường xảy ra đối với người vì vậy mà tri giác thường gắn liền với ý nghĩa liên nhân và câu thường xuất hiện các từ tình thái như (*Bỗng nhiên).* Như vậy, Hiện tượng (Tôi) đáng lẽ xuất hiện sau quá trình tinh thần (tin cậy) do Cảm thể (bà) thực hiện nhưng với sự hiện diện của tiểu từ "được" nó đã được đưa lên vị trí đầu câu nhằm tạo hiệu ứng nhấn mạnh đến người đọc và trở thành phần Đề đánh dấu trong cấu trúc. Phần còn lại được xác định ranh giới từ "được" trở thành phần Thuyết vì xuất hiện sau phần Đề.

*b. QT:tt Tình cảm*

Đảo ngữ bị động cũng xảy ra đối với những động từ tinh thần chỉ tình cảm.

Ví dụ {3: 41}... Con Đỏ con, cả ngày, chỉ có việc bế anh, rồi làm phụ dưới bếp. Rồi đến khi anh ngủ, có chuông bà gọi, thì lên quạt hầu bà. Bà có khiến nó làm việc gì nặng nhọc quá sức nó nữa đâu? ***Con Đỏ con*** *mới được bà nuôi ngót một tháng*, nên nó vẫn còn gầy còm lắm...[14]

Trong ví dụ trên Cảm thể *(Bà)* đã thực hiện quá trình *"nuôi*" – hành động mang tính tình cảm tác động lên Hiện tượng "*Con Đỏ con*", nhưng vị trí xuất hiện của CT và HTg lại được hoán đổi cho nhau cùng với tiểu từ bị động "được". Do sự hoán đổi vị trí này mà Hiện tượng "*Con Đỏ con"* trở thành thông tin được nhấn mạnh đứng đầu câu làm thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc. Phần còn lại bao gồm cả Cảm thể (bà) được xác định bắt đầu từ tiểu từ bị động *"mới được"* trở thành phần Thuyết kiến giải cho Đề..

Tuy vậy, không phải trong mọi trường hợp quá trình tinh thần xảy ra với Cảm thể và Hiện tượng đều gắn liền với người mà có những lúc Cảm thể và Hiện tượng là những danh từ trừu tượng như "*thời gian*"; "*Mọi sai lầm*" và "*mọi nỗi đau*" trong ví dụ sau:

Ví dụ {3: 42}... Tình yêu trở thành không đáng kể. Thất tình thành chuyện không đáng kể. Bị lường gạt cũng thành chuyện vô nghĩa. ***Mọi nỗi đau*** *đều được thời gian xoa dịu*. ***Mọi sai lầm*** *đều có thể sửa chữa được*. Chỉ trừ cái chết... [22].

***3.2.1.4. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố Ngôn thể trong Quá trình phát ngôn***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (bị/được) + (CN) + VN<br>tiểu từ bị động + (cụm)danh/đại từ + (cụm)động từ |
| CTCT | TNT | (bị/được) + (PNT) + QT:pn |

Trong lí thuyết chức năng hệ thống, quá trình phát ngôn có thể được định nghĩa khái quát như là quá trình giải thích "hành động hữu ngôn" hay hành động phát ngôn. Một hành động hữu ngôn thường bao gồm một người nào đó hay một "nguồn tượng trưng" nào đó được gọi là Phát ngôn thể (PNT) – người nói ra một điều gì đó, cái được nói ra – Ngôn thể (NT), tác động của lời nói – QT:pn để phát ngôn đó được hướng tới – Tiếp ngôn thể (TNT).

Như là một phạm trù ngữ pháp trong quá trình phát ngôn, TNT hoặc NT có thể có một số đặc điểm khu biệt. TNT có tiềm năng trùng khớp với Chủ ngữ trong các cú bị động.

Ví dụ {3: 43}... Tất cả các *seo phải*, *binh thầu*, sau cuộc nổi loạn ở Phéc Bủng, đều đã đến chào Lử. ***Lính dõng, cai, đội cũ*** *đều bị Lử gọi vào lính*... [11]

Trong ví dụ này, TNT chính là *Lính dõng, cai, đội cũ,* do PNT (Lử) thực hiện quá trình phát ngôn (*gọi*). Như vậy, PNT trong cấu trúc bình thường đã hoán đổi vị trí cho TNT trong cấu trúc bị động đồng thời với việc xuất hiện của tiểu từ "được". Theo đó, TNT (*Lính dõng, cai, đội cũ)* đã đứng đầu câu và trở thành phần Đề được nhấn mạnh có đánh dấu trong ngôn bản. Phần còn lại bao gồm cả PNT (Lử) xuất hiện ở vị trí đứng sau cho nên chúng được xem là Thuyết nhằm kiến giải cho Đề.

**3.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

***3.2.2.1. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Bị thể/Đích thể/ Khiến thể trong quá trình vật chất***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | yếu tố phủ định + bị/được + (CN) + VN<br>yếu tố phủ định + tiểu từ bị động + (cụm)danh/đại từ + (cụm)động từ |
| CTCT | ĐT/KhiT | yếu tố phủ định + bị/được + (HT) + QT:vc |

Đối với kiểu chuyển tác bị động phủ định, danh từ biểu thị đối tượng (Khiến thể) vẫn đóng chức năng Đề đánh dấu nhằm mục đích nhấn mạnh. Vì vậy, câu mang ý nghĩa bị động. Tuy nhiên, câu sẽ có sự xuất hiện của động từ bị động và từ phủ định là: *không bị* hoặc *không được*.

Ví dụ {3: 44}... ***Khẩu đại liên*** *không được tiếp đạn,* nhả loạt đạn cuối cùng rồi im miệng... [17]

Trong ví dụ trên, tác giả muốn nhấn mạnh yếu tố Đích thể (*Khẩu đại liên)* với thái độ phủ định nên đã đặt nó ở vị trí xuất phát của phát ngôn và làm cho nó trở thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc. Với sự xuất hiện của cụm tiểu từ phủ định (*không được)* và quá trình hành động *(tiếp đạn)* tiếp theo vị trí của Đích thể đã thuyết giải ý nghĩa nhấn mạnh cho Đích thể (*Khẩu đại liên),* đồng thời làm cho nó trở thành Thuyết trong câu.

***3.2.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần***

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | TN<br>(cụm)danh/đại từ | (CN) + (yếu tố phủ định + tiểu từ bị động) + VN<br>(cụm)danh/đại từ + yếu tố phủ định + tiểu từ bị động + (cụm) động từ |
| CTCT | HTg | (CT) + (yếu tố phủ định + tiểu từ bị động) + QT:tt |

Thái độ phủ định trong sơ đồ bị động còn được chúng tôi tìm thấy đối với sự nhấn mạnh thông tin liên quan đến tham tố Hiện tượng trong quá trình tinh thần.

Ví dụ {3: 45}... Sau Lử là A Sinh và hai anh dân quân cắp súng, đeo tù và. Tay không bị trói***, mặt Lử*** *không lộ một nét sợ sệt*, trái lại còn câng câng ... [11]

Trong ví dụ trên, tác giả đã nhấn mạnh tham tố Hiện tượng (*mặt Lử)* với thái độ phủ định nên đã đặt nó ở vị trí xuất phát của phát ngôn và làm cho nó trở thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc. Với sự xuất hiện của từ phủ định (*không)* và quá trình tinh thần *(lộ)* theo sau vị trí của hiện tượng đã thuyết giải ý nghĩa nhấn mạnh hiện tượng (*mặt Lử),* đồng thời làm cho nó trở thành Thuyết trong câu.

**3.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 193/500 (Tỷ lệ: 38.6 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | (cụm) TrN | ↔ VN + CN<br>↔ (cụm) động từ + (cụm) danh từ |
| CTCT | CC | ↔ QT:hh + HHT |

Trong sơ đồ này, Đề đánh dấu được xác định là các tham tố đảo hoặc là Chu cảnh hoặc là các vị từ tồn tại xảy ra trong các quá trình chuyển tác (quá trình hiện hữu) tương ứng với các thành phần câu (Trạng ngữ hoặc vị từ tồn tại) trong cấu trúc cú pháp được cụ thể hóa từ Cấu trúc Thức. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định, Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ 38.6 % câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu được khảo sát. Phần Thuyết bao gồm quá trình hiện hữu, các tham tố (Hiện Hữu thể) nếu Chu cảnh xuất hiện trong phần Đề. Khi quá trình hiện hữu đóng chức năng làm Đề đánh dấu thì phần Thuyết bao gồm các tham tố (Hiện hữu thể) và có thể có Chu cảnh (bắt buộc).

**3.3.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Một loại cấu trúc có nghĩa biểu hiện thông qua quá trình hiện hữu có cấu trúc khá đơn giản trong tiếng Việt là câu không có Khung đề không gian hay Khung đề thời gian. Diệp Quang Ban gọi loại này là câu tồn tại khái quát, nghĩa là "câu mang ý nghĩa tồn tại là có thực nói chung mà không chỉ ra nơi mà vật tồn tại". Nói cách khác, trong trường hợp này, người nói chỉ muốn xác nhận và thông báo về trạng thái có thực của sự vật. Sự vắng mặt của Khung đề không gian hay Khung đề thời gian không phải được quy định bởi bản chất ý nghĩa của câu mà do tác động của ngữ cảnh, hoàn cảnh giao tiếp. Ở kiểu câu này có sự tiềm ẩn của không gian và thời gian. Mặc dù không có từ biểu thị không gian và thời gian, nhưng người nói và người nghe vẫn ngầm hiểu phạm vị không gian và thời gian tồn tại của sự vật, hiện tượng biểu thị trong câu. [Bùi Tất Tươm (chủ biên), 1997:269] gọi đây là "câu trần thuật khuyết Đề" hay "câu một phần" [Cao Xuân Hạo, 1991: 148-153]. Loại câu này được xếp vào loại câu tỉnh lược (rút gọn).

Ngoài ra, trong câu đảo ngữ tiếng Việt mang ý nghĩa tồn tại, từ tượng thanh, tượng hình có thể tự mình làm vị từ trung tâm của câu. Khi làm vị từ trung tâm trong câu tồn tại, các từ tượng thanh, tượng hình không đi kèm với các yếu tố hạn định chỉ phương thức. Nói cách khác, tính tượng thanh / tượng hình của trạng ngữ làm Chu cảnh bắt buộc chỉ Cách thức cho phép chúng thay thế vị từ trung tâm đã hoàn toàn bị lược bỏ khỏi ngữ đoạn vị từ của câu đảo. Ngoài ra, ngữ nghĩa của tham tố làm Hữu thể cũng góp phần quan yếu vào khả năng thay thế vị từ trung tâm bằng trạng ngữ. Khi Hữu thể là danh ngữ "biểu thị âm thanh, màu sắc, hình dáng" của "những vật thể phân lập được cụ thể hóa trong không gian" [Lý Toàn Thắng, 1984:8] theo sau trạng ngữ được biểu hiện bằng "một từ tượng thanh, tượng hình", chúng tạo thành tiểu cú làm Thuyết của một câu "một bậc Đề – Thuyết" [Cao Xuân Hạo, 1991: 153-157], còn gọi là "câu một bậc hai phần" [Bùi Tât Thơm (chủ biên), 1997:265], mà Đề của nó là một Khung đề không gian. Quá trình hiện hữu được biểu hiện bằng các vị từ tồn tại là:

- Các từ chuyên dụng biểu thị ý nghĩa tồn tại như: *có, còn*...

- Các từ chỉ tư thế sự vật như: *đứng, nằm, ngồi*...

- Các từ chỉ lượng như: nhiều, *ít, đầy*...

- Các từ tượng thanh hay tượng hình như: *lấp ló, lù lù, bồm bộp* ...

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | VN<br>(cụm) động từ | CN + (TrN)<br>(cụm) danh từ + (cụm) trạng ngữ |
| CTCT | QT:hh | HHT + (CC) |

Ví dụ {3: 46}... Pùa rúc trong bãi cỏ gianh. Đang bò, chợt Pùa đứng dậy. ***Có** một bóng người.* Nó lại biến đâu rồi? Pùa ngỏng cổ... [2]

Ví dụ {3: 47}... Chúng và thằng Pùa hò nhau khiêng cái cần cối chè đi dựng cột điện thoại. *Loáng thoáng bóng mấy người bộ đội*. Người thổi sáo đã đi.... [2]

Từ nguồn ví dụ, chúng ta thấy rằng Vị từ tồn tại đã được mã hóa bằng từ tượng hình như: *Loáng thoáng* trong ví dụ {3:47}, và vị từ tồn tại như: *có* trong {3:46}. Các vị trí này được đặt ở vị trí đầu câu. Chiếm vị trí cuối câu là tham tố Hiện Hữu thể như: *một bóng người* và *bóng mấy người bộ đội.*

Như vậy, cấu trúc đảo ngữ với Hiện Hữu thể (HHT) là chủ ngữ nhưng không kiêm chủ đề, thường được thể hiện bằng một danh ngữ không xác định, theo sau vị từ tồn tại. Ở đây, Hiện Hữu thể và Quá trình tồn tại xuất hiện theo trật tự V-C (Vị ngữ – Chủ ngữ)- một trật tự không theo quy tắc trong ngữ pháp tiếng Việt. Trật tự từ trong một giới hạn nhất định sẽ tạo nên những khuôn hình câu mà giá trị của nó ngày càng được khẳng định. Câu tiếng Việt có nghĩa biểu hiện thông qua quá trình tồn tại thường được định nghĩa như là kiểu câu xác nhận sự tồn tại của người, vật, đối tượng (kẻ tồn tại) trong một phạm vi nào đó.

Một số động từ chỉ hoạt động có tính chất hoạt động thỏa mản các điều kiện sau: Một là, những động từ này phải là những động từ chứa sẵn mối liên hệ tham chiếu với các biến không gian trong nội dung ý nghĩa của nó. Hai là, những động từ này phải là những động từ lưu kết quả. Vì đó là cơ sở cần thiết để tạo ra ý nghĩa về trạng thái tĩnh tại. [DT: Nguyễn Minh Thuyết – Nguyễn Văn Hiệp, Thành phần câu tiếng Việt, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998, tr: 308]. Như vậy, để diễn đạt tư tưởng về sự tồn tại của vật thể trong một tư thế cụ thể trong không gian, ngôn ngữ đã cho chúng ta những phương tiện rất đa dạng. Chính nhờ lớp từ nội bộ "không thuần nhất" trên mà cách diễn tả ý nghĩa tồn tại trở nên có sức sống và đa dạng.

Cách mở đầu văn bản bằng câu tồn tại đưa người đọc, người nghe vào câu chuyện với những thông tin giới thiệu không gian, thời gian, nhân vật... Có thể nói

rằng, chức năng của câu tồn tại là thông báo, giới thiệu cho người đọc, người nghe thông tin về sự tồn tại, có mặt, xuất hiện, xảy ra hay mất đi của sự vật. Câu tồn tại tiếng Việt là loại câu có cấu trúc đặc thù. Chức năng đặc trưng của câu tồn tại tiếng Việt là khẳng định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau.

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức khẳng định | |
| | (cụm) TrN | VN + CN<br>(cụm) động từ + (cụm) danh từ |
| CTCT | CC | QT:hh + HHT |

Trong cấu trúc nghĩa của câu tồn tại, có những lúc Chu cảnh là một tham tố bắt buộc xuất hiện một cách tất yếu do yêu cầu của QT:hh. Chính vì vậy, thành phần làm khung đề trong cấu trúc Đề – Thuyết. Trong tư duy của con người, phạm trù không gian, thời gian có mối quan hệ logic với phạm trù tồn tại. Một sự vật, hiện tượng bao giờ cũng tồn tại ở một vị trí không gian, thời gian nhất định. Mối quan hệ trong không gian, thời gian với tồn tại mang tính tất yếu, tự nhiên, nằm trong bản chất của vật thể. Tất cả những điều này được phản ánh vào ngôn ngữ.

Ví dụ {3: 48}... Giàng *ly trang* nghĩ, nhưng vội quay lại, quát con lài và nhanh nhảu bước ra thềm. ***Ngoài sân****, có hai bóng người....* [11]

Ví dụ {3: 49}... Huệ theo Liên đi vào và gật đầu. - Thôi, cúng đi. Chị sửa soạn xong chưa? ***Trên chiếc bàn rửa mặt*** *đầy vết bẩn* ... [16]

Ví dụ {3: 50}... . Giàng *ly trang* vừa vỗ vỗ bàn tay định trách lão thì đã lại vội lập cập xuống thang. ***Ngoài sân****, rộn rịch chân ba con ngựa.* Ba con, con nào trên lưng cũng kềnh kệnh những bó bạt lớn, dài... [11]

Các ví dụ trên cho thấy: Đề ngữ chính là yếu tố chu cảnh (*Ngoài sân; Trên chiếc bàn rửa mặt* ) chứa thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua quá trình tồn tại (*có; đầy; rộn rịch*) trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau là các tham tố Hiện Hữu thể (*hai bóng người; vết bẩn; chân ba con ngựa ).*

**3.3.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Khi yếu tố chu cảnh trở thành thành phần thứ yếu và không được đề cập, thái độ phủ nhận QT:hh của Hiện Hữu thể trở thành thông tin được nhấn mạnh và làm thành Đề có đánh dấu.

Các sơ đồ tương ứng:

| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
|---|---|---|
| CTT | Thức phủ định | |
| | yếu tố phủ định | + VN + CN + (TrN)<br>+ (cụm) động từ + (cụm)danh từ + (Trạng ngữ) |
| CTCT | yếu tố phủ định | + QT:hh + HHT + (CC) |

Ví dụ {3: 51}... Nhưng yên ắng lạ lùng, đáng sợ và khó hiểu. Không nghe thấy đại bác nã. ***Không*** *có tiếng rú rít của trực thăng*... [17]

Trong ví dụ trên, tác giả thể hiện thái độ phủ định QT: hh (*có*) của Hữu thể (*tiếng rú rít của trực thăng*) bằng việc đặt yếu tố phủ định (*không*) trước vị trí của QT:hh (*có)* làm cho chúng trở thành Đề ngữ được thuyết giải trong phần thuyết chứa tham tố Hữu thể (*tiếng rú rít của trực thăng).*

Khi muốn biểu hiện thái độ phủ định về nội dung thông tin được nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau, chúng ta thường thêm yếu tố phủ định như: *không, không hề, chưa*... vào vị trí trước QT:hh. Yếu tố phủ định, QT:hh và Hiện Hữu thể xuất hiện sau tham tố Chu cảnh và trở thành phần Thuyết thuyết giải cho Đề.

Các sơ đồ tương ứng:

| | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức phủ định | |
| | (cụm) TrN | yếu tố phủ định + VN + CN<br>yếu tố phủ định + (cụm) động từ + (cụm) danh từ |
| CTCT | CC | yếu tố phủ định + QT:hh + HHT |

Ví dụ {3: 52}... ***Trong tôi*** *không hề có hình ảnh nào của thành phố tôi hằng sống*, thậm chí tôi quên mất cả khuôn mặt thân yêu của bố mẹ tôi... [23]

Trong ví dụ trên, Đề đánh dấu chính là tham tố Chu cảnh (*Trong tôi)* xuất hiện như là thông tin được nhấn mạnh làm điều kiện để thể hiện sự phủ định của Hiện Hữu thể (*hình ảnh nào của thành phố tôi hằng sống)* thông qua thái độ phủ nhận quá trình tồn tại (*không hề có).*

**3.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước**

Sơ đồ tổng quát:

| Số lượng: 6/500 (Tỷ lệ: 1.2 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | Yếu tố chêm xen + TN | (CN) + VN + BN |
| CTCT | Yếu tố chêm xen + Tham tố đảo ↔ (Tham tố) + QT + CC | |

Một trong những cách tạo hiệu ứng mạnh trong quá trình giao tiếp là sử dụng các mô hình cấu trúc câu nhấn mạnh. Khi người nói/viết muốn nhấn mạnh thông tin nào đó, yếu tố ngôn ngữ tương ứng với thông tin đó được đưa lên phía trước kết hợp với các từ nhấn mạnh như (*chính..., đó..., chính..., ngay..., ngay cả...*). Yếu tố phụ trợ (*chính..., đó..., chính..., ngay..., ngay cả...*) xuất hiện đầu câu có kết hợp với một tham tố nào đó và chiếm vị trí của chủ ngữ nên nó trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – thuyết. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định và Thức Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ

lệ rất thấp (1.2 %) câu đảo ngữ trong tổng số nguồn ngữ liệu tiếng Việt được khảo sát.

**3.4.1. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình**

***3.4.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình vật chất***

Qua khảo sát nguồn cứ liệu thu thập được, kết quả cho thấy khi muốn nhấn mạnh một thông tin nào đó trong quá trình vật chất hành động người ta có thể diễn đạt bằng cách dùng các từ, ngữ biểu thị sự nhấn mạnh như: *Đúng (là), chính (là), ngay (cả)...* Các từ ngữ nhấn mạnh được đặt trước ngay tham tố liên quan đến chính quá trình đó.

Ví dụ {3: 53}... Con chó lại dí mũi xuống sát đất ngoắt ngoắt đuôi, nhanh nhẹn chạy chếch lên phía trước theo hướng mục tiêu mà nó bắt được trong thính giác. Kiên kín đáo thở phào. ***Đúng giây lát đó****, thình lình vang lên một phát súng lục*... [17]

Trong ví dụ trên, để nhấn mạnh thông tin liên quan đến thời gian xảy ra hành động "vang lên" của Hành thể (*một phát súng lục)*, tác giả đã đặt thông tin liên quan đến thời gian (giây lát đó) lên trước quá trình và hành thể với sự xuất hiện của từ nhấn mạnh (Đúng) ở vị trí đầu câu. Chính cụm từ *Đúng giây lát đó* là thông tin được nhấn mạnh và làm thành Đề ngữ đánh dấu trong cấu trúc có Thức khẳng định: *Đúng + Trạng ngữ + Vị ngữ + Chủ ngữ.*

***3.4.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình tinh thần***

*a. Quá trình tinh thần: tri nhận (cognition)*

Trong quá trình tinh thần tri nhận, kiểu đảo ngữ nhấn mạnh còn xảy ra đối với các thành phần câu như Tân ngữ, Chủ ngữ, và Trạng ngữ. Khi các thành phần câu này kết hợp với các từ nhấn mạnh, chúng tạo thành Đề ngữ đánh dấu.

Ví dụ {3: 54}... Sâu thẳm trong lòng anh một tình yêu vô độ, một tình yêu vô bờ và bừng sáng lên niềm mến thương, lòng ngưỡng mộ với cả một sự thần phục ngây ngất hướng tới nàng. "***Ngay từ hồi đó*** *mình đã biết rõ,* - Kiên nghĩ, cố hình dung ra trước mắt gương mặt nàng đang cúi xuống, thần tiên, mê mải trước cây đàn xưa... [17]

Quá trình tinh thần tri nhận đôi khi cũng xảy ra trong mô hình đảo nhấn mạnh thành phần Trạng ngữ với thái độ khẳng định việc cung cấp thông tin nhấn mạnh liên quan đến bộ phận trạng ngữ như câu *Ngay từ hồi đó mình đã biết rõ* trong ví dụ {3: 54}. Với từ nhấn mạnh *Ngay* kết hợp với trạng ngữ (*từ hồi đó)* tạo thành Đề đánh dấu chứa thông tin được nhấn mạnh về thời gian mà quá trình tinh thần tri nhận (*đã biết rõ)* xảy ra. Quá trình này cùng với Cảm thể *(mình*) xuất hiện ở vị trí sau cụm nhấn mạnh trạng ngữ được gọi là Thuyết nhằm kiến giải cho nội dung thông tin được đề cập đến trong phần Đề có đánh dấu.

*b. Quá trình TT: nhận thức*

Kiểu nhấn mạnh trạng ngữ cũng được chúng tôi tìm thấy đối với quá trình tinh thần nhận thức trong câu ghép có đề ngữ đa.

Ví dụ {3: 55}... Ánh nắng cứ lẳng lặng rọi xuống. Cây cối mệt nhọc, cành gục lả. Nhưng giữa nơi yên lặng, chìm đắm trong sự buồn thảm ấy, có một chỗ đầy vẻ hoạt động. ***Ngay ở quãng tử thi*** *mà người đồng loại kinh tởm khi nhìn thấy, hoặc ghê sợ khi đến gần, thì những loài vật khác giống tỏ vẻ âu yếm, thiết tha lạ lùng...* [14]

Xét câu: *Ngay ở quãng tử thi mà người đồng loại kinh tởm khi nhìn thấy, hoặc ghê sợ khi đến gần, thì những loài vật khác giống tỏ vẻ âu yếm, thiết tha lạ lùng.* Từ nhấn mạnh *(ngay*) kết hợp với cụm trạng ngữ (*ở quãng tử thi)* tạo thành Đề ngữ thứ nhất có đánh dấu cung cấp thông tin mới liên quan đến yếu tố chu cảnh mà QT:tt nhận thức xảy ra với thái độ khẳng định. Phần còn lại là Thuyết bao gồm Cảm thể (*người đồng loại)* và QT:tt nhận thức (*loại kinh tởm khi nhìn thấy, hoặc ghê sợ khi đến gần).* Ngoài ra, vì đây là câu ghép cho nên phần còn lại có thể được phân tích thành một cụm Đề – Thuyết nữa nhưng trong mệnh đề này phần Đề mang tính không đánh dấu (*những loài vật khác giống)* và phần Thuyết là *tỏ vẻ âu yếm, thiết tha lạ lùng.*

**3.4.2. Phủ định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong quá trình vật chất**

Trong quá trình vật chất chuyển giao, có những lúc thông tin được nhấn mạnh là tham tố Đích thể nhưng lại đứng sau từ nhấn mạnh *Ngay cả* tạo thành Đề ngữ đánh dấu chở thông tin đến người đọc/nghe.

Ví dụ {3: 56}... ***Ngay cả những bức tranh*** *cha cũng không để lại.* Ông đã đốt hết toàn bộ kho tàng báu vật của suốt cuộc đời không ngừng vẽ và vẽ... [17]

Xét câu: *Ngay cả những bức tranh cha cũng không để lại.* Đề đánh dấu là cụm từ *Ngay cả những bức tranh.* Trong đó, tân ngữ (*những bức tranh)* là thông tin được nhấn mạnh kết hợp với từ nhấn mạnh *(Ngay cả).* Phần còn lại là Thuyết (*cha cũng không để lại)* bao gồm tham tố Hành thể (*cha*), yếu tố phủ định (*cũng không*) và QT:vc chuyển giao (*để lại*) có chức năng cụ thể hóa thông tin trong phần Đề.

**3.5. Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu)**

| Số lượng: 9/500 (Tỷ lệ: 1.8 %) | | |
|---|---|---|
| CTĐT | Đề đánh dấu | Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | |
| | Yếu tố chêm xen + VN + TN | CN ↔ VN ↔ BN |
| CTCT | Yếu tố chêm xen + QT:qh + Tham tố | Tham tố ↔ QT ↔ CC |

Trong sơ đồ này, yếu tố phụ trợ (*chính..., đó..., chính..., ngay..., ngay cả...*) xuất hiện đầu câu kết hợp với một tham tố đảo thông qua quá trình quan hệ (là) tạo thành phần một cụm Chủ - vị đóng chức năng làm Đề đánh dấu. Phần Thuyết cũng là một cấu trúc chuyển tác có sự tham gia của các tham tố cơ bản nhằm thuyết giải cho Đề. Đối với sơ đồ này, chúng tôi tiến hành khảo sát nguồn ngữ liệu trên hai Thức (Thức khẳng định và Thức Phủ định). Kết quả khảo sát cho thấy đây là sơ đồ chiếm tỷ lệ rất

khiêm tốn (1.8 %) trong tổng số câu đảo ngữ tiếng Việt được khảo sát.

**3.5.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ**

***3.5.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình tinh thần***

*a*. QT: tt *mong muốn và mong ước*

Sơ đồ đảo ngữ nhấn mạnh nhằm liên quan đến tham tố Chu cảnh và Hiện tượng trong quá trình tinh thần mong muốn còn được chứng minh qua các ví dụ sau:

Ví dụ {3: 57}... ***Chính là ở cái lúc tưởng như tuyệt vọng này****, trong Pao lại dâng lên một niềm khát khao sống thật mạnh mẽ.* Pao phải sống. Pao cần phải sống để làm lại, để sửa chữa lỗi lầm, để hỏi tội kẻ ác, để nói chuyện với kẻ lá mặt lá trái... [11]

Xét câu: *Chính là ở cái lúc tưởng như tuyệt vọng này, trong Pao lại dâng lên một niềm khát khao sống thật mạnh mẽ.* Đề ngữ đánh dấu được xác định là cụm từ có yếu tố nhấn mạnh: *Chính là ở cái lúc tưởng như tuyệt vọng này.* Ngay trong phần Đề này, thông tin được nhấn mạnh mang đặc điểm trạng tính. Phần Thuyết được xác định là: *trong Pao lại dâng lên một niềm khát khao sống thật mạnh mẽ* với nhiều yếu tố xảy ra trong quá trình tinh thần mong muốn (*lại dâng lên)*: chu cảnh (*trong Pao*, *thật mạnh mẽ*), Hiện tượng (*một niềm khát khao sống).* Đề và Thuyết có quan hệ mật thiết với nhau bằng một thái độ khẳng định với các yếu tố khác trong diễn ngôn.

Ví dụ {3: 58}... Con gái nói rằng nó bị đầu độc. Có gì lạ đâu, nó nói thêm, con người vẫn tiếp tục đầu độc nhau đấy thôi. Đầu óc tôi cứ lởn vởn câu nói cuối cùng của hoàng tử Hamlet. Thế thì độc dược ơi, hãy làm nhiệm vụ của mi đi thôi. ***Đấy, chính đó là cái*** *tôi cần sử dụng,* ***đó chính là việc*** *tôi phải làm*... [22]

Trong diễn ngôn, có khi thông tin được nhấn mạnh liên quan đến tham tố Hiện tượng. Xét câu: *Đấy, chính đó là cái tôi cần sử dụng, đó chính là việc tôi phải làm.* Với sự xuất hiện các cụm từ tình thái *Đấy* và cụm nhấn mạnh: *chính đó là* và *đó chính là* trước tham tố Hiện tượng (*cái, việc)* ở hai vế của mệnh đề, câu trở nên có hai phần Đề đánh dấu (*Đấy, chính đó là cái* và *đó chính là việc),* Cảm thể (tôi) được lặp lại hai lần nhằm thể hiện việc thực hiện hai QT:tt khác nhau: *cần sử dụng* và *phải làm*. Thông thường, qui trình của một quá trình trong thế giới khách quan là Cảm thể – chủ thể thực hiện quá trình, tác động lên Hiện tượng nào đó. Tuy nhiên, trong ví dụ trên, Hiện tượng, yếu tố do Cảm thể tạo nên lại xuất hiện trước trở thành thông tin được nhấn mạnh trong văn bản.

*b*. QT:tt *nhận thức*

Ví dụ {3: 59}... Y muốn tìm cái kẻ vừa nói cái câu vừa tinh khôn vừa tầm thường ấy quá. Nhưng sáp ngay đến trước mặt y là một thân hình cao, gầy, lụng thụng trong cái áo ca pốt dạ. ***Đó chính là cái mặt ngựa*** *mà lúc nãy y vừa để ý tới*... [11]

Xét câu *Đó chính là cái mặt ngựa mà lúc nãy y vừa để ý tới*. Tham tố Hiện tượng (*cái mặt ngựa)* khi được kết hợp với yếu tố nhấn mạnh (*Đó chính là)* tạo thành Đề đánh dấu nhằm mục đích nhấn mạnh tham tố HTg (*cái mặt ngựa)* đến người đọc/người nghe thông qua chuỗi quá trình tinh thần tri nhận *vừa để ý tới* với một thái độ khẳng định. Thành phần Thuyết chính là cụm từ: *mà lúc nãy y vừa để ý tới* chứa Cảm thể, QT:tt và chu cảnh.

***3.5.1.2. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ trong quá trình quan hệ***

*a.* QT:qh *đồng nhất*

Trong quá trình quan hệ đồng nhất, khi muốn nhấn mạnh một tham tố nào đó trong quá trình như (Biểu hiện hoặc Giá trị), người ta có thể đồng nhất hai tham tố đó và chêm xen yếu tố nhấn mạnh: *Đúng là* như trong ví dụ sau:

Ví dụ {3: 60}... Trong nhà có tiếng một người đàn ông. ***Đúng là giọng đàn ông*** *mếu máo*. Lặng đi một lát... [11]

Xét câu: *Đúng là giọng đàn ông mếu máo*. Tham tố GT (*giọng đàn ông mếu máo*) cũng chính là tham tố BH. Ngoài ra, vị trí của các tham tố này lại đứng sau vị từ "là" và vì vậy câu mang tính chất "hậu đảo". Tham tố GT/BH là Chủ ngữ mang thông tin được nhấn mạnh nhưng đứng sau vị từ quan hệ (*là*).

*b.* QT:qh *sở hữu*

Quá trình hậu đảo cũng xảy ra với các tham tố là ĐNT/BĐNT trong quá trình quan hệ sở hữu với sự xuất hiện của nó sau vị từ quan hệ "là" và sau yếu tố nhấn mạnh.

Ví dụ {3: 61}... Sau cùng, hiện ra trong trí nghĩ của Long cái cảnh tượng một cặp vợ chồng xum họp nhau dưới một túp lều gianh, chồng đọc sách, vợ ngồi thêu, mà vợ là Tuyết hoặc Loan, còn chồng là Long, điều ấy không cần phải nói. ***Đó là sự đắc thắng*** *của sức cám dỗ, của sự mê muôi của ái tình*... [21]

Xét câu: *Đó là sự đắc thắng của sức cám dỗ, của sự mê muôi của ái tình.* Ở đây, các tham tố (*sự đắc thắng của sức cám dỗ, của sự mê muôi của ái tình)* vừa là ĐNT vừa là BĐNT chở thông tin mới cho văn bản nhưng lại xuất hiện sau từ cụm từ chêm xem *Đó là.* Chính vì vậy, nó làm cho câu mang tính hậu đảo.

*c.* QT:qh *tồn tại*

Có thể nói, kiểu đảo ngữ nhấn mạnh xảy ra hầu hết trong các quá trình quan hệ. Quá trình quan hệ tồn tại có thể được xem là quá trình hậu đảo mở rộng về phía sau khi tham tố chính luôn xuất hiện ở vị trí sau các vị từ tồn tại và các yếu tố nhấn mạnh.

Ví dụ {3: 62}... Kiên nghe kể đi đêm ở vùng này có thể nghe thấy chim chóc khóc than như người. ***Mà đúng là có loài chim như thế thật*** *dù rằng chưa ai nhìn thấy chúng vì chúng chẳng hề bay mà chỉ một mực kêu thôi...* [17]

Quá trình hiện hữu chỉ có một tham thể cố hữu được gọi là Hiện hữu thể (HHT). Hiện hữu thể chứa thông tin mới, đứng sau quá trình quan hệ tồn tại và được hiện thực hóa điển hình bằng một danh từ hay một cụm danh từ. Bổ sung vào tổ hợp QT:hh + HHT có thể có thêm thành phần Chu cảnh (CC) chỉ thời gian hay địa điểm nhưng cũng có khi Chu cảnh là một cụm từ phụ trợ chêm xen nhấn mạnh. Tuy nhiên, khi muốn nhấn mạnh người ta có thể đặt nó lên vị trí đầu câu. Trong câu: *Mà đúng là có loài chim như thế thật dù rằng chưa ai nhìn thấy chúng vì chúng chẳng hề bay mà chỉ một mực kêu thôi.* Cụm từ nhấn mạnh là: *Mà đúng là* đứng trước QT:hh (có) và tổ hợp Hiện hữu thể có thông tin mới: *có loài chim như thế thật* kết hợp với nhau tạo thành Đề ngữ (***Mà đúng là có loài chim như thế thật),*** phần còn lại (*dù rằng chưa ai nhìn thấy chúng vì chúng chẳng hề bay mà chỉ một mực kêu thôi)* là Thuyết ngữ thuyết giải cho Đề.

**Tiểu kết**

Đảo ngữ trong tiếng Việt là vấn đề phức tạp với nhiều quan điểm lí luận khác nhau. Tuy nhiên, với hướng tiếp cận theo ngữ pháp chức năng, chúng tôi tán thành quan điểm cho rằng cấu trúc cú pháp của câu được tổ chức dựa trên cả ba bình diện của câu. Đó là câu có chức năng cấu trúc đề – thuyết, câu có cấu trúc Thức, cấu trúc nghĩa biểu hiện.

Trong tiếng Việt, các loại câu đảo ngữ đều có phần đề là *đề đánh dấu,* bởi vì ở vị trí đầu câu đảo ngữ tiếng Việt không phải là yếu tố chủ ngữ. Đề ngữ đánh dấu có tác dụng lưu ý người nghe đến một vấn đề sắp nói trong mối liên hệ đối lập với những điều đã nói trước đó. Yếu tố thể hiện bằng hình thức đề ngữ có thể dùng để nhấn mạnh cho đối thể hay vị thể hay một trạng thể. Ở một trật tự thông thường có đánh dấu, câu chỉ có một tiêu điểm. Tiêu điểm trên phần đề có hai ý nghĩa : (i) nhấn mạnh, tương phản yếu tố được nêu với một yếu tố khác có mặt hay không có mặt trong phát ngôn trực tiếp; (ii) làm nổi bật yếu tố thông tin trung tâm của phần Thuyết. Trong tiếng Việt, cấu trúc câu có trật tự thông thường là chủ ngữ phải xuất hiện trước vị ngữ. Tuy vậy, khi muốn nhấn mạnh một yếu tố nào đó chúng ta có thể đặt yếu tố đó lên vị trí đầu câu và khi trật tự các yếu tố trong câu có sự thay đổi như vậy ta có các cấu trúc đảo ngữ tương ứng. Đồng thời, yếu tố được đặt ở vị trí đầu câu sẽ trở thành Đề ngữ có đánh dấu trong câu đảo ngữ.

Từ kết quả khảo sát và việc phân tích các ví dụ minh họa, chúng ta có thể thấy rằng đảo ngữ tiếng Việt vẫn luôn có sự đa dạng về cấu trúc và linh hoạt trong quá trình vận dụng bởi nó đề cập đến hiện tượng không theo qui tắc trong câu. Dựa vào nguồn ngữ liệu thu thập được là 500 câu đảo ngữ tiếng Việt, chúng tôi đã tổng hợp được năm kiểu loại đảo ngữ, chứng minh sự thay đổi trật tự các vai nghĩa trong câu và sự thể hiện chức năng của chúng trong diễn ngôn để kết luận hình thức đảo ngữ tương ứng.

# CHƯƠNG 4:
# SO SÁNH CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

**Dẫn nhập**

Từ việc mô tả các đặc điểm của câu đảo ngữ tiếng Anh ở chương hai và các đặc điểm câu đảo ngữ tiếng Việt trong chương ba, cùng với các cơ sở lý thuyết liên quan đến luận án được trình bày trong chương một, trong chương bốn này, chúng tôi sẽ so sánh để trình bày những điểm tương đồng và dị biệt của câu đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt dựa vào các quan niệm về câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng hệ thống dựa trên năm kiểu tổng quát. Đối với mỗi kiểu thể hiện, câu đảo ngữ trong hai ngôn ngữ được đối chiếu nhằm chỉ ra những nét tương đồng và những điểm dị biệt của hai ngôn ngữ. Theo đó, sự phân tích và so sánh được thực hiện một cách song song trên cả các mặt định tính và định lượng giữa hai ngôn ngữ.

## 4.1. Bảng thống kê số liệu

***Bảng 4.1. Bảng tổng hợp các kiểu câu đảo ngữ tổng quát trong tiếng Anh và tiếng Việt.***

| CT | Tiếng Anh | Tiếng việt |
|---|---|---|
| **Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ** | | |
| CTĐT | Đề đánh dấu - Thuyết | Đề đánh dấu - Thuyết |
| CTT | Khẳng định/ Phủ định/ Nghi vấn/ Cảm thán | Khẳng định/ Phủ định/ Nghi vấn/ Cảm thán |
| | Thành phần đảo ↔ Các thành phần câu khác | Thành phần đảo ↔ Các thành phần câu khác |
| CTCT | Tham tô ↔ (Tham tố) ↔ Quá trình ↔ Tham tố | Tham tố ↔ (Tham tố) + Quá trình ↔ Tham tố |
| Tỷ lệ | 49.2 % | 44.2 % |
| **Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ** | | |
| CTĐT | Đề đánh dấu – Thuyết | Đề đánh dấu - Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | Thức khẳng định/ Phủ định |
| | TN + (be) + VN + (by) + (CN) | TN + (động từ bị động) + (CN) + VN |
| CTCT | Tham tố đảo + (be) + QT+ (by) + (Tham tố) | Tham tố đảo + (bị/được)+(Tham tố) + QT |
| Tỷ lệ | 11.8 % | 14.2 % |
| **Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau** | | |
| CTĐT | Đề đánh dấu - Thuyết | Đề đánh dấu – Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | Thức khẳng định/ Phủ định |
| | (Cụm) TrN ↔ there + VN + CN | (Cụm)TrN ↔ VN + CN |
| CTCT | CC ↔ There ↔ QT:hh + HHT | CC ↔ QT:hh + HHT |
| Tỷ lệ | 15.8 % | 38.6 % |
| **Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu có thành phần đảo về phía trước** | | |
| CTĐT | Đề đánh dấu - Thuyết | Đề đánh dấu – Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | Thức khẳng định/ Phủ định |

| CT | Tiếng Anh | Tiếng việt |
|---|---|---|
| | Yếu tố chêm xen + VN + TN 1 + TN 2 | Yếu tố chêm xen + TN + (CN) + VN + BN |
| CTCP | Yếu tố chêm xen + QT + Tham tố 1 + Tham tố 2 | Yếu tố chêm xen + Tham tố đảo + (Tham tố) + QT + CC |
| Tỷ lệ | 16.2 % | 1.2 % |
| **Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu)** | | |
| CTĐT | Đề đánh dấu - Thuyết | Đề đánh dấu – Thuyết |
| CTT | Thức khẳng định/ Phủ định | Thức khẳng định/ Phủ định |
| | CN (giả) + VN + TN + That + CN + VN + BN | Yếu tố chêm xen + VN + TN + CN + VN + BN |
| CTCT | Yếu tố chêm xen + QT:qh + tham tố + that + Tham tố + QT + CC | Yếu tố chêm xen + QT:qh + Tham tố + Tham tố + QT + CC |
| Tỷ lệ | 7 % | 1.8 % |

**4.2. Những biểu hiện tương đồng**

**4.2.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ**

Trong giao tiếp đối với cả hai ngôn ngữ, khi muốn nhấn mạnh nội dung thông tin nào đó, người ta thường đảo các tham tố tương ứng với nội dung cần nhấn mạnh lên vị trí đầu câu và làm cho nó trở thành Đề ngữ có đánh dấu. Qua việc thống kê số liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy đây là kiểu chiếm tỉ lệ câu đảo ngữ lớn nhất trong tổng số câu đảo ngữ được khảo sát đối với cả hai ngôn ngữ là tiếng Anh và tiếng Việt. Trong đó, tỷ lệ câu đảo ngữ tiếng Anh chiếm 49.2 % và tiếng Việt chiếm 44.2 %. Điều này chứng tỏ cả người Anh và người Việt đều có xu hướng sử dụng nhiều các cấu trúc đảo ngữ không có yếu tố phụ trợ.

***4.2.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình***

*a. Trong quá trình vật chất*

Căn cứ vào kết quả khảo sát, xét về phương diện nghĩa của câu với chức năng biểu hiện chúng tôi nhận thấy có hai khung tham chiếu tương đồng của câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Đó là những cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt có vị trí đứng đầu câu là các tham tố Đích thể và tham tố chu cảnh bắt buộc làm khung đề. Các tham tố này chiếm vị trí của Hành thể thông qua các quá trình vật chất.

| Ví dụ: {4:1} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Đích thể | ...***all the papers*** *he could get* ...[6] | ...***Ba lô*** *tôi ém sẵn trong rừng rồi* ...[17] |
| Đảo thuộc tính chu cảnh | ...***On both sides of us*** *stretched the wet plain* ...[1] | ... ***Từ bụi cây đom đóm lúp xúp bên trái Pao*** *bay vù ra và rướn lên cao một đàn chim chào mào* ... [11] |

Trong ví dụ về đảo tham tố Đích thể trên, chiếm vị trí đầu câu là hai cụm danh ngữ làm Đề ngữ đánh dấu: *all the papers* và *Ba lô*. Hai tham tố này chịu tác động của quá trình chuyển tác thông qua các quá trình chuyển vị: *get* và *ém*. Trong giao tiếp

tiếng Anh cũng như tiếng Việt, vì mục đích nhấn mạnh mà các yếu tố ngôn ngữ này được đưa lên ngay ở vị trí đầu câu nhằm tạo hiệu ứng cho người nghe/đọc.

Đối với kiểu đảo tham tố thuộc tính chu cảnh, cả tiếng Việt và tiếng Anh đều được ghi nhận là vì muốn nhấn mạnh đến không gian hay thời gian xảy ra của một sự kiện nào đó mà yếu tố tố chu cảnh thể hiện không gian hay thời gian được đưa lên làm Đề đánh dấu trong cấu trúc như các thuộc tính chu cảnh: *On both sides of us* và *Từ bụi cây đom đóm lúp xúp bên trái Pao* trong ví dụ trên. Các quá trình và tham tố còn lại trong câu được xem là phần Thuyết nhằm kiến giải cho Đề.

*b. Trong quá trình tinh thần*

Qua nguồn ngữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy kiểu khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong quá trình tinh thần cũng xảy ra đối với các tham tố đảo là Hiện tượng và Thuộc tính chu cảnh.

| Ví dụ: {4:2} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Hiện tượng | ... ***Some one*** *I love*... [1] | ...***Điều ấy*** *phải lâu sau Kiên mới biết*...[17] |
| Đảo thuộc tính chu cảnh | ...***Over the whiteness and silence*** *brooded a ghostly calm*... [4] | ... ***Về quê, càng khốn nạn****, tôi biết* ...[17] |

Trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt, vì mục đích nhấn mạnh các tham tố Hiện tượng *(Some one)* và *(Điều ấy)*; và các tham tố thuộc tính chu cảnh (*Over the whiteness and silence)* và (*Về quê, càng khốn nạn)* mà chúng được đảo lên vị trí đầu câu và cùng đóng vai trò làm Đề đánh dấu trong cấu trúc thông qua sự biểu hiện của các quá trình tinh thần (*love, brooded, mới biết*, và *biết*) xuất hiện ở phần Thuyết.

*c. Trong quá trình phát ngôn*

Quá trình phát ngôn trong tiếng Anh và tiếng Việt có những nét tương đồng sau: Xuất hiện ở vị trí đầu câu là tham tố Ngôn thể chứa nội dung thông tin mà Phát ngôn thể muốn truyền đạt đến Tiếp ngôn thể. Trong đó, phần Ngôn thể xuất hiện ở vị trí đầu câu được xem như là "sản phẩm" của Phát ngôn thể thông qua quá trình phát ngôn là những vị từ biểu hiện hành vi nói năng. Vai nghĩa Ngôn thể là kết quả của quá trình phát ngôn, nên đặc điểm, tính chất, thể loại của Ngôn thể là do Phát ngôn thể quyết định. Cũng chính vì vậy mà vai Ngôn thể thường được hiện diện trong dấu trích dẫn ngoặc kép và được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Ngôn thể của quá trình phát ngôn có khi chỉ là một từ, có khi là một cụm từ, có khi là một câu phát ngôn, một mệnh đề, nhưng cũng có khi là một diễn ngôn. Tham tố Phát ngôn thể phải là những danh từ/đại từ chỉ người bởi chỉ có con người mới thực hiện được hành vi nói năng, đại từ nhân xưng cũng được chấp nhận trong vai trò là Phát ngôn thể mặc dù chúng xuất hiện sau vị từ phát ngôn.

| Ví dụ: {4: 3} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Ngôn thể | ... "***Do you speak other languages besides English?"*** *he asked the waitress*... [3] | ***- Có nên đi không? -*** *Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình*... [23] |

Trong tiếng Anh và tiếng Việt, phần Ngôn thể xuất hiện ở vị trí đầu câu được xem như là "sản phẩm" của Phát ngôn thể thông qua quá trình phát ngôn là những vị từ biểu hiện hành vi nói năng. Vai Ngôn thể là kết quả của quá trình phát ngôn, nên đặc điểm, tính chất, thể loại của ngôn thể là do phát ngôn thể quyết định. Tuy nhiên, vì mục đích nhấn mạnh thông tin muốn được truyền tải đến người đọc/nghe một cách nhanh nhất mà Ngôn thể thường xuất hiện đầu câu và giữ vai trò làm Đề đánh dấu. Ví dụ trên cho thấy cả tiếng Anh và tiếng Việt đều có Ngôn thể chiếm vị trí đầu câu là ("*Do you speak other languages besides English?*" và "*Có nên đi không*?") đồng thời giữ vai trò làm Đề đánh dấu trong cấu trúc. Phát ngôn thể *(he* và *Đề Thám*) đã thực hiện các quá trình phát ngôn (*asked* và *hỏi*) để chuyển Ngôn thể đến với các Tiếp Ngôn thể (*the waitress* và *các thủ hạ*) là những tham tố được xác định thuộc thành phần Thuyết.

*d. Trong quá trình quan hệ*

Cả tiếng Việt và tiếng Anh đều có cấu trúc đảo với vai nghĩa là Thuộc tính của Đương thể làm khung đề để hoán đổi vị trí của Đương thể nhằm biểu hiện phép đảo thông qua quá trình quan hệ. Theo đó, vị từ "là", "thì" biểu hiện quá trình quan hệ được sử dụng nhiều trong tiếng Việt, và vị từ "be" được sử dụng để biểu hiện cho quá trình quan hệ trong tiếng Anh. Vai nghĩa thuộc tính Đương thể làm Khung đề trong cả hai ngôn ngữ đều có sự đa dạng về mặt cú pháp. Đó là, thuộc tính Đương thể có khi được đội lốt là tính từ/ cụm tính từ, có khi là trạng từ/cụm trạng từ, có khi là giới từ/ cụm giới từ, và có khi là danh từ/ cụm danh từ. Vai nghĩa Thuộc tính đương thể có chức năng miêu tả những đặc điểm của Đương thể trong câu và thường mang tính chất quy gán cho Đương thể một tính chất, đặc điểm nào đó.

Ví dụ: {4: 4}

| Các kiểu đảo trong QT:qh | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo ĐNT/ GT trong QT:qh đồng nhất | ...***The whole long day*** *was a blaze of sunshine*...[4] | ... ***Người hiệu trưởng cũ*** *là một người anh họ Thứ*... [9] |
| Đảo ĐNT/ GT trong QT:qh: Chu cảnh | ...***On the other side*** *was a brick wall and buildings*... [1] | ... ***Bên kia cánh đồng hoang ngập đầy cỏ Mỹ*** *là tuyến phòng thủ Củ Chi*...[17] |
| Đảo thuộc tính thường trực và kết quả trong QT:qh | ...***Wrapped in layers of tissue*** *was a bonnet*... [6] | ... ***đông nhất, ồn nhất*** *là đám chọi chim tổ chức ở sân nhà Pao*...[11] |

Ví dụ trên cho thấy sự đa dạng về kiểu đảo các tham tố trong quá trình quan hệ trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt. Đứng đầu câu và giữ vai trò làm Đề đánh dấu là các tham tố Thuộc tính được biểu hiện bằng nhiều hình thức cú pháp khác nhau như:

*The whole long day, On the other side*, và *Wrapped in layers of tissue* trong tiếng Anh và *Người hiệu trưởng cũ, Bên kia cánh đồng hoang ngập đầy cỏ Mỹ* và *đông nhất, ồn nhất* trong tiếng Việt. Phần Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề trong cấu trúc này được xác định từ quá trình quan hệ *(was*) trong tiếng anh và *(là)* trong tiếng Việt cùng với các tham tố Đương thể: *a blaze of sunshine, a brick wall and buildings* và *a bonnet* trong tiếng Anh và: *một người anh họ Thứ, tuyến phòng thủ Củ Chi* và *đám chọi chim* trong tiếng Việt.

**4.2.1.2. Phủ định sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình**

*a. Trong quá trình hành vi*

Trong tiếng Anh và tiếng Việt, để diễn đạt sự nhấn mạnh với thái độ phủ định trong quá trình hành vi, chúng ta có thể sử dụng chính ngay những từ ngữ biểu hiện ý nghĩa phủ định làm điểm xuất phát trong cấu trúc và làm cho nó giữ vai trò là Đề đánh dấu.

| Ví dụ: {4: 5} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Kiểu đảo phủ định trong QT: hv | ...***Not once*** *did his eyes meet hers and he spoke no word of interruption*...[6] | ...***Không,*** *đừng nói vậy, Kiên*... [17] |

Để nhấn mạnh sự phủ định ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo trong quá trình hành vi đối với tiếng Anh và tiếng Việt, nguồn ngữ liệu thu thập được cho chúng tôi thấy cả hai ngôn ngữ đều có điểm khởi đầu là yếu tố phủ định và giữ vai trò là phần Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc Đề - Thuyết. Cụ thể, các từ phủ định trong tiếng Anh thường là *not, no*, và *never*....; các từ phủ định trong tiếng Việt là: *không, chưa, đừng*... Trong ví dụ trên, Đề đánh dấu là các yếu tố phủ định ***Not once*** và ***Không*** có chức năng nhấn mạnh vì sự xuất hiện của nó ở vị trí đầu câu.

*b. Trong quá trình tinh thần*

Sự phủ định được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo trong quá trình tinh thần đối với tiếng Anh và tiếng Việt có khá nhiều điểm tương đồng. Đó là sự phủ định biểu hiện qua các tham tố được đảo Hiện tượng và thuộc tính chu cảnh xảy ra trong các quá trình tinh thần nhận thức, tri nhận...

| Ví dụ: {4: 6} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Hiện tượng | ...***How she got out of the office*** *she never remembered*... [6] | ...***Vùng này*** *em không thạo lắm*... [17] |
| Đảo thuộc tính chu cảnh | ...***Never*** *have I seen a greater, or more beautiful, or a calmer or more noble thing than you, brother*... [2] | ... ***Thật chưa bao giờ*** *ông lại vất vả và mệt đến thế*... [23] |

Ví dụ trên cho thấy, trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt ở vị trí xuất phát và giữ vai trò làm khung đề đánh dấu là các tham tố Hiện tượng (*How she got out of the office* và *Vùng này*). Phần Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề bao gồm các quá trình tinh thần (*remembered* và *thạo*) cùng với các yếu tố phủ định (*never* và *không*) do các Cảm

thể (*she* và *em*) thực hiện. Ngoài ra, đối với sự phủ định được nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố thuộc tính chu cảnh được đảo trong quá trình tinh thần, chúng tối nhận thấy trong tiếng Anh cũng như tiếng việt, tham tố thuộc tính chu cảnh cũng chính là yếu tố phủ định và cùng giữ vai trò làm Đề đánh dấu trong cấu trúc như: *Never* và *Thật chưa bao giờ*. Các yếu tố còn lại bao gồm Cảm thể, quá trình tinh thần và các yếu tố tình thái, chu cảnh tùy chọn đóng vai trò làm Thuyết để thuyết giải cho Đề.

***4.2.1.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình***

Trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt, khi muốn xác nhận một thông tin nào đó, người ta dùng thái độ nghi vấn để diễn đạt điều muốn xác nhận. Thông tin tác giả muốn xác nhận thường được thể hiện bằng một thuộc tính chu cảnh trong cấu trúc chuyển tác và được xem như là thành phần Bổ ngữ trong cấu trúc cú pháp.Yếu tố chu cảnh này được đặt ở vị trí đầu câu và trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc Đề – Thuyết.

| Ví dụ: {4: 7} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo thuộc tính chu cảnh | ...- ***what dress*** *should she wear to the barbecue*? ...[6] | ... - ***sao hôm nay*** *đồng chí không cho chiến sĩ tập luyện?* ... [11] |

Ví dụ trên cho thấy trong cả hai ngôn ngữ được so sánh, yếu tố thể hiện thái độ nghi vấn được giữ vai trò làm Đề đánh dấu và vì vậy chúng xuất hiện ở đầu câu (*what dress*, và *sao hôm nay*). Các tham tố còn lại xuất hiện trong phần Thuyết và thực hiện nhiệm vụ thuyết giải cho Đề.

**4.2.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

Đối với kiểu này, trong câu bị động tiếng Anh và tiếng Việt có yếu tố phụ trợ, các thành phần nhấn mạnh là các tham tố Đích thể (Bị thể/ Tiếp thể). Qua việc thống kê số liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy đây là sơ đồ có tỉ lệ câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt khá tương đương nhau. Trong đó, tỷ lệ câu đảo ngữ tiếng Anh chiếm 11.8 % và tiếng Việt chiếm 14.2 %.

***4.2.2.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ***

Trong tiểu loại này, chúng tôi tìm thấy nét tương đồng đáng chú ý là trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt khi muốn nhấn mạnh tham tố Đích thể (Bị thể/Tiếp thể) - yếu tố chịu sự tác động của Hành thể trong quá trình vật chất, người ta đảo yếu tố đó lên vị trí đầu câu và làm cho chúng trở thành Đề ngữ có đánh dấu trong cấu trúc. Hơn nữa, khi yếu tố Đích thể (Bị thể/Tiếp thể) được nhấn mạnh và đặt ở vị trí đầu câu, yếu tố bị

động cũng có thể sẽ xuất hiện trong cả hai ngôn ngữ thông qua các động từ bị động.

| Ví dụ: {4: 8} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Đích thể trong QT:vc tác động | ...***The lights*** *were only turned on when some one was brought in at night or when something was being done* ... [1] | ...***Cánh cửa*** *bị đóng lại.* ***Ngọn đèn dầu*** *được vặn to lên* ... [21] |
| Đảo Đích thể trong QT:vc khiến tác | ... ***One candle*** *burned on the table* ...[6] | ... ***Cửa xe*** *đóng*... [14] |

Trong ví dụ trên, các tham tố Đích thể (*The lights, Cánh cửa, One candle* và *Cửa xe*) được nhấn mạnh và giữ vai trò làm Đề ngữ đánh dấu trong cấu trúc. Tuy nhiên, đối với QT:vc khiến tác mặc dù tham tố Đích thể là yếu tố được nhấn mạnh và chịu sự tác động của Hành thể do các QT:vc thực hiện nhưng yếu tố động từ bị động lại không được hiển lộ trong câu. Theo đó, tham tố Hành thể – chủ thể của các quá trình hành động lại trở thành thành phần thứ yếu so với Đích thể và có thể không xuất hiện trong cấu trúc.

***4.2.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ***

Trong cả hai ngôn ngữ của mô hình chuyển tác bị động phủ định, mục đích nhấn mạnh vẫn nhằm vào các đối tượng: Bị thể, lợi thể, tiếp thể, hiện tượng, phát ngôn, và tiếp ngôn thể đảo. Vì vậy, tham tố này vẫn đóng chức năng Đề đánh dấu trong cấu trúc. Tuy nhiên, câu sẽ có sự xuất hiện của các từ phủ định trong từng ngôn ngữ tương ứng nhằm bổ sung vào phần Thuyết để thuyết giải tính chất phủ định cho Đề trong cấu trúc.

| Ví dụ: {4: 9} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Đích thể trong QT:vc | ... ***a smashed permanent bridge*** *that could not be repaired and used*... [1] | ... ***Khẩu đại liên*** *không được tiếp đạn*... [17] |

Ví dụ trên cho thấy, trong cả hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt tham tố Đích thể được nhấn mạnh (*a smashed permanent bridge* và *Khẩu đại liên*) và chiếm đóng ở vị trí xuất phát để tạo thành Đề đánh dấu. Sự phủ định được thể hiện thông qua các yếu tố phủ định (*not)* và (*không*) trong các QT:vc: *repaired and used* và *tiếp đạn* của phần Thuyết.

**4.2.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Đối với kiểu này, nét tương đồng đáng chú ý là cả tiếng Anh và tiếng Việt đều có tham tố đảo làm đề đánh dấu thuộc quá trình hiện hữu là một chu cảnh.

***4.2.3.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau***

Từ quá trình mô tả đặc điểm của kiểu nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau trong tiếng Anh và tiếng Việt ở các chương trước, chúng tôi nhận thấy trong cả hai

ngôn ngữ đều có nét tương đồng là: Khi muốn nhấn mạnh sự tồn tại của sự vật hiện tượng (được biểu hiện qua tham tố Hiện Hữu thể) trong thế giới khách quan (được biểu hiện qua tham tố Chu cảnh) người ta có thể diễn đạt ý tưởng đó bằng cách đưa các yếu tố chu cảnh lên vị trí xuất phát của câu và làm cho nó trở thành Đề đánh dấu trong cấu trúc. Tham tố Hiện Hữu thể phải xuất hiện như là một phần của Thuyết trong cấu trúc. Chính sự hoán đổi vị trí giữa Hiện Hữu thể và Chu cảnh làm cho câu mang tính "hậu đảo".

| Ví dụ: {4: 10} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Chu cảnh trong QT:hh | ...***Toward the sea*** *there are salt marshes and very few roads* ... [1] | ...***Ngoài sân***, *có hai bóng người*... [11] |

Ví dụ trên cho thấy đứng đầu câu tiếng Anh và tiếng Việt đồng thời chiếm giữ vai trò làm Đề đánh dấu là các tham tố chu cảnh (*Toward the sea* và *Ngoài sân*) đã hoán đổi vị trí cho các tham tố Hiện Hữu thể (*salt marshes and very few roads* và *hai bóng người*) của phần Thuyết. Quá trình đảo các tham tố này được thực hiện thông qua các QT:hh và làm cho câu mang tính "hậu đảo".

***4.2.3.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau***

Kiểu phủ định sự nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau cũng giống với kiểu khẳng định sự nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau. Đó là sự đảo vị trí giữa hai tham tố Hiện Hữu thể và Chu cảnh trong QT:hh với phần Đề đánh dấu thuộc sở hữu của Chu cảnh. Hiển nhiên, thành phần không thể thiếu trong mô hình này là sự xuất hiện của các yếu tố phủ định trong tiếng Anh và tiếng Việt.

| Ví dụ: {4: 11} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Đảo Chu cảnh trong QT:hh | ...***in this hour of greatest need***, *there was no one* ... [6] | ... ***Trong tôi*** *không hề có hình ảnh nào của thành phố tôi hằng sống* ... [23] |

Ví dụ trên cho thấy chiếm giữ vị trí xuất phát và làm Đề đánh dấu trong câu tồn tại phủ định có thành phần đảo về phía sau là các chu cảnh (*in this hour of greatest need* và *Trong tôi*). Các thành phần còn lại bao gồm yếu tố phủ định, Hiện Hữu thể và QT:hh đều xuất hiện trong phần sau và giữ vai trò làm Thuyết trong cấu trúc.

**4.2.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước**

Trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt, để khẳng định sự nhấn mạnh nội dung thông tin liên quan đến một tham tố nào đó trong các quá trình, người ta có thể sử dụng các yếu tố chêm xen và đặt nó ở vị trí xuất phát của cấu trúc kết hợp với tham tố muốn được nhấn mạnh. Yếu tố chêm xen tương đương trong tiếng Anh (*it*) và tiếng

Việt (*Chính/ngay cả*) khi được kết hợp với tham tố đảo tạo thành cụm chêm xen nhấn mạnh và làm cho câu mang tính chất "tiền đảo".

| Ví dụ: {4: 12} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Câu chứa tham tố đảo kết hợp với yếu tố chêm xen | *... **It** would be interesting to know who was the father of Emmie Slattery's baby...* [6] | *... **Ngay từ hồi đó** mình đã biết rõ...* [17] |

Ví dụ trên cho thấy, chiếm giữ vị trí đầu câu là các yếu tố chêm xen nhấn mạnh *it* (tiếng Anh) và *Ngay* (tiếng Việt). Các yếu tố nhấn mạnh này được kết hợp với tham tố đảo *interesting* (tiếng Anh) và *từ hồi đó* (tiếng Việt) xuất hiện trước trong cấu trúc nhằm mục đích nhấn mạnh chính các thông tin đó và tạo hiệu ứng đến người đọc/nghe.

**4.2.5. Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu)**

Câu mang tính chất "tiền đảo" cũng được chúng tôi tìm thấy thông qua nguồn cứ liệu khi một trong hai tham tố bị đảo được nhận diện là một cấu trúc câu. Trong đó, tham tố kết hợp với các yếu tố chêm xen *it* (tiếng Anh) và *ngay/đúng* (tiếng Việt) thường được thông qua quá trình quan hệ biểu hiện bằng động từ "be" trong tiếng Anh và "là" trong tiếng Việt.

| Ví dụ: {4: 13}. | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Câu chứa tham tố đảo kết hợp với yếu tố chêm xen (cấu trúc câu) | *...**It was a token** that he was harking back through his own life to the lives of his forebears ...* [4] | *... **Đó chính là cái mặt ngựa** mà lúc nãy y vừa để ý tới...* [11] |

Ví dụ trên cho thấy, chiếm giữ vị trí đầu câu là các cụm yếu tố chêm xen nhấn mạnh kết hợp với quá trình quan hệ: *it was* (tiếng Anh) và *Đó chính là* (tiếng Việt). Các cụm yếu tố nhấn mạnh này được kết hợp với tham tố đảo *a token* (tiếng Anh) và *cái mặt ngựa* (tiếng Việt) xuất hiện trước trong cấu trúc nhằm tạo hiệu ứng nhấn mạnh đến người đọc/nghe. Tham tố còn lại bị đảo cũng được biểu hiện bằng một cú với sự có mặt đầy đủ của các tham tố bắt buộc của một cấu trúc chuyển tác tương đương với các thành phần câu bắt buộc là cụm chủ – vị như: *he was harking back through his own life to the lives of his forebears* (tiếng Anh) và *y vừa để ý tới* (tiếng Việt).

**4. 3. Biểu hiện những điểm dị biệt**

**4.3.1. Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm Đề đánh dấu trong câu có thành phần đảo không có yếu tố phụ trợ**

Đối với kiểu này, chúng tôi tìm thấy khá nhiều nét khác biệt trong cả hai ngôn ngữ khi người nói/ viết muốn bày tỏ thái độ nhấn mạnh đối lập tham tố đảo ở các thức khác nhau. Cụ thể:

***4.3.1.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình***

*a. Trong quá trình vật chất*

Từ quá trình mô tả đặc điểm câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt ở chương 2 và chương 3, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt lớn đối với kiểu khẳng định về sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình vật chất. Trong tiếng Việt, khi muốn nhấn mạnh tham tố quá trình vật chất chúng ta có thể đưa chính quá trình đó lên vị trí đầu câu và làm cho nó trở thành Đề ngữ có đánh dấu. Trường hợp này không xảy ra đối với tiếng Anh.

Ví dụ: {4: 13}: ...***Tràn vào lòng chị*** *một cảm giác thảnh thơi, thư thái*... [11]

Ví dụ trên cho thấy thành phần bị đảo ra đầu câu và giữ vai trò làm Đề đánh dấu là cụm vị thể chứa quá trình vật chất hành động: *Tràn vào lòng chị.* Phần Thuyết được xác định là tham tố Hành thể: *một cảm giác thảnh thơi, thư thái.*

Cũng xét trong kiểu khẳng định về sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình vật chất, chúng tôi thấy: Trong tiếng Anh để khẳng định sự nhấn mạnh người ta còn dùng ngay chính thành phần diễn đạt sự nhấn mạnh đó làm đề đánh dấu và đặt nó lên vị trí đầu câu nhằm tạo hiệu ứng nhất định đối với người nghe/ đọc. Đề đánh dấu chính là đề cấu trúc được thể hiện bằng trạng từ khẳng định *so* (cũng có/cũng vậy) báo hiệu cấu trúc đảo trợ động từ. Đề cấu trúc đứng trước Đề hữu hạn *do, does* và *did*. Các trợ vị từ này thay thế cho cả một ngữ đoạn vị từ đã bị tỉnh lược khi ngôn cảnh cho phép. Chủ ngữ của câu có thể là một danh ngữ, một danh từ riêng hay một đại từ nhân xưng được phép làm chủ ngữ xuất hiện ở vị trí cuối câu (Swan, 1980).

Ví dụ: {4: 14}:... "I'm afraid we have to start to go."

"All right, darling."

"I hate to leave our fine house."

**"*So*** *do I*." ... [1]

Đứng sau đề cấu trúc (*so*) nhằm thể hiện hình thức đảo ngữ là đề tình thái (*do).* Vị trí tận cùng của câu là thành phần chủ ngữ: *I*. Hơn nữa, đề cấu trúc (*so)* trong ví dụ trên được xem là sự thay thế cho "*I hate to leave our fine house*."**.**

*b. Trong các quá trình tinh thần*

Trong tiếng Việt, khi muốn nhấn mạnh tham tố là quá trình tinh thần chúng ta có thể đưa chính quá trình đó lên vị trí đầu câu và làm cho nó trở thành Đề ngữ có đánh dấu. Trường hợp này không xảy ra đối với tiếng Anh.

Ví dụ: {4: 15}: ... ***Bật lên trong chị*** *tất cả sức nén chịu, lòng căm giận, và niềm hy vọng*... [11]

Đứng đầu câu và giữ vai trò làm Đề là cụm vị thể: *Bật lên trong chị*. Phần Thuyết đứng sau Đề là tham tố Cảm thể: *tất cả sức nén chịu, lòng căm giận, và niềm hy vọng*.

*c. Trong quá trình phát ngôn*

Đối với kiểukhẳng định sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các phát ngôn, chúng tôi nhận thấy trong tiếng Anh hai tham tố phát ngôn thể (PNT) và quá trình phát ngôn (QT:pn) có thể hoán đổi vị trí cho nhau và xuất hiện sau tham tố Ngôn thể. Trong khi đó, sự hoán đổi này không tồn tại trong tiếng Việt.

Ví dụ: {4: 16}: ... ***"I'm sorry, Tenente,"*** *said Manera*... [1]

Đứng sau Đề đánh dấu chứa tham tố Ngôn thể: *"I'm sorry, Tenente,"* là hai tham tố gồm QT:pn (*said)* và PNT (*Manera)* của phần Thuyết. Tuy vậy, vị trí của QT:pn và PNT trong phần Thuyết được hoán đổi vị trí cho nhau.

*d. Trong quá trình quan hệ*

Trong câu đảo ngữ tiếng Việt, các từ *thì, mà* và *là* được xem là những phương tiện phân chia phần Đề và phần Thuyết, đồng thời đánh dấu cấu trúc đảo của câu. Trong khi đó, tiếng Anh có động từ *be*. Tuy nhiên, vì tiếng Anh là ngôn ngữ biến hình cho nên động từ "be" phải có sự biến đổi cho phù hợp với ngôi và thì.

Một điểm khác biệt đáng lưu ý đối với sự khẳng định nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình quan hệ là từ nhấn mạnh "so" còn được làm Đề đánh dấu trong văn bản mà không đi kèm thuộc tính của Đương thể.

Ví dụ {4:17}.... "I'm always hungry."

"***So*** *am I* ... [1]

Xét câu : "*So am I",* Đề đánh dấu chính là từ nhấn mạnh "so" nhằm khẳng định sự nhấn mạnh và thay thế thông tin đã nêu trước đó "*I'm always hungry*" thông qua QT:qh (*am*) và Đương thể (*I*).

***4.3.1.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình***

Trong tiếng Anh, các từ, ngữ đoạn trạng từ mang nghĩa phủ định như: *never, nor, not, never, scarcely, only, rarely, hardly, seldom, little* và *no*... có vai trò quyết định trong việc đánh dấu cấu trúc đảo trong câu trần thuật tiếng Anh. Bởi lẻ, tiếng Anh là một ngôn ngữ biến hình, động từ trong tiếng Anh phải được chia theo ngôi và số. Vì vậy các tác tử tình thái như: *do, does, did, have, has, had, can, could, will, should*... đóng một vai trò quan trọng trong cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh. Các tác tử tình thái đánh dấu cấu trúc đảo bán phần trong tiếng Anh và hiện tượng này không được tìm thấy trong tiếng Việt. Nói cách khác, đảo ngữ tiếng Anh bắt buộc phải có sự thể hiện của thành phần Hữu định đứng trước Chủ ngữ trong câu. Thành phần Hữu định có

chức năng làm cho nhận định trở nên hữu định. Nó đưa nhận định trở lại thực tế, chịu sự chi phối của con người và khiến con người phải có sự trao đổi với nhau. Tính Hữu định trong tiếng Anh được diễn đạt thông qua các tác tử động từ có thể là thời gian, có thể là tình thái. Các tác tử thời gian được phân chia thành ba giai đoạn: quá khứ, hiện tại và tương lai. Các tác tử tình thái được phân chia thành ba cấp độ: thấp, trung bình và cao. Trật tự Hữu định đứng trước Chủ ngữ thể hiện đặc điểm của các hình thức đảo ngữ trong tiếng Anh. Qua khảo sát chúng tôi đã tìm thấy đảo ngữ tiếng Anh không có sự tương đồng với tiếng Việt xét trên các bình diện của mô hình phủ định sự nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình xét trên bình diện trật tự Hữu định + Chủ ngữ.

Ví dụ: {4: 18}: ***... Never*** *have I seen a greater, or more beautiful, or a calmer or more noble thing than you, brother....* [2]

Ví dụ trên cho thấy: Nhờ sự xuất hiện của thành phần Thức (*have + I*) cùng với một yếu tố phủ định (*never*), chúng tôi xác định đây chính là sự thể hiện của mô hình phủ định về sự nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình tinh thần (*seen*). Có thể nói, những đặc điểm và hình thức biểu hiện về thành phần Thức như vừa được diễn giải ở trên không được tìm thấy trong tiếng Việt.

Đối với kiểu phủ định về sự nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình, chúng tôi cũng nhận thấy: Trong tiếng Anh để phủ định sự nhấn mạnh người ta còn dùng ngay chính thành phần diễn đạt sự nhấn mạnh đó làm đề đánh dấu và đặt nó lên vị trí đầu câu nhằm cung cấp thông tin mới nhất đến người nghe/ đọc. Đề đánh dấu chính là đề cấu trúc được thể hiện bằng trạng từ phủ định *neither* (cũng không/cũng không vậy) báo hiệu cấu trúc đảo trợ động từ. Đề cấu trúc đứng trước Đề hữu hạn *do, does, did, was, were, have, has, can, could....* Các trợ vị từ này thay thế cho cả một ngữ đoạn vị từ đã bị tỉnh lược khi ngôn cảnh cho phép.

Ví dụ {4: 19}:... "Oh, no, sir," she laughed. "I don't smoke, sir."

*"**Neither** do I*," said Harris... [3]

Ví dụ trên cho thấy chính trạng từ phủ định *neither* được dùng để nhấn mạnh và thay thế cho ngữ đoạn được nêu trước đó "*I don't smoke, sir*." của quá trình giao tiếp.

***4.3.1.3. Nghi vấn sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình***

Để thể hiện thái độ nghi ngờ về một việc gì đó, cả người Anh và người Việt thường dùng hình thức nghi vấn để biểu hiện ý định đó của mình. Tuy nhiên, sự khác biệt lớn nhất về hình thức thể hiện thái độ của người Anh đối với người Việt là: Bất cứ hình thức thể hiện thái độ nghi vấn nào của người Anh đều có sự xuất hiện của tác tử động từ: *do, does, did, was, were, have, has, can, could....* Chính sự có mặt của các tác

từ hữu định này mà thái độ (Thức) trong tiếng Anh được hình thành. Điểm khác biệt rõ ràng nhất giữa câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt đối với kiểu nghi vấn về sự nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình là ở góc độ câu với chức năng tình thái. Đối với tiếng Anh, câu có hai phần rõ rệt là phần Thức và phần Dư. Trong đó, phần Thức được cụ thể hóa bằng *thì* (thời) của động từ hoặc tác tử động từ và chủ ngữ. Phần còn lại là phần Dư và thường xuất hiện ở vị trí đầu câu. Trong khi đó, đối với tiếng Việt, việc xác định phần Thức và phần Dư chỉ mang tính tương đối bởi lí do tiếng Việt là một ngôn ngữ không biến hình và biến cách. Động từ trong tiếng Việt không bị chia theo ngôi và số. Các yếu tố chủ ngữ và động từ không có sự ràng buộc và qui định lẫn nhau như trong tiếng Anh.

Trên phương diện câu với chức năng nghĩa tình thái, các loại câu nghi vấn tiếng Anh và tiếng Việt đều có sự đa dạng về kiểu loại và có chức năng hỏi, tức là người nói muốn người nghe cung cấp cho mình điều mà mình chưa biết hoặc còn hoài nghi.

Xét trên cả ba bình diện, câu nghi vấn tiếng Anh và tiếng Việt đều được hình thành với sự tham gia đầy đủ của các thành phần câu. Trên bình diện cấu trúc chuyển tác, câu nghi vấn tiếng Anh và tiếng Việt đều có sự tham gia của thành phần tham thể và quá trình. Trên bình diện tình thái, cả hai ngôn ngữ đều có sự xuất hiện cảu cấu trúc thức. Trên bình diện câu với cấu trúc đề – thuyết, cả hai ngôn ngữ đều có phần đề và phần thuyết tham gia.

| Ví dụ {4: 20} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| cấu trúc nghi vấn | *...**How** could he deliberately break her heart?...*[6] | *... - **Tại làm sao** bà nỡ đối xử với chúng tôi như thế?...* [14] |

Có thể thấy rằng kiểu nghi vấn về sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình trong ví dụ tiếng Anh trên có xuất hiện tác tử tình thái (*could)*. Trong khi đó, tiếng Việt không tồn tại tác tử tình thái đối với mô hình này mặc dù về hình thức cả hai ngôn ngữ có khá nhiều nét tương đồng khi người nói muốn thể hiện thái độ nghi ngờ đối với sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan.

Như vậy, trong tiếng Anh, hình thức biểu hiện nghĩa liên nhân của câu thông qua sự hiện diện của thành phần Thức với hai tiểu thành phần là Chủ ngữ và tác tử Hữu định. Trật tự của Chủ ngữ và Hữu định hiện thực hóa các cấu trúc đảo ngữ trong tiếng Anh về phương diện nghĩa liên nhân. Xét trên phương diện nghĩa liên nhân, đảo ngữ tiếng Anh bắt buộc phải có sự thể hiện của thành phần Hữu định đứng trước Chủ ngữ trong câu.

Chúng tôi cũng đã tìm thấy điểm khác biệt lớn giữa hai ngôn ngữ đối với mô hình nghi vấn về sự nhấn mạnh ở phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình vật chất là: Trong tiếng Việt, khi muốn bày tỏ sự nghi vấn một

thông tin nào đó, người ta đề cập đến tham tố chứa thông tin đó trước trong hội thoại và làm cho nó trở thành đề ngữ có đánh dấu.

Ví dụ {3: 21}... - ***Đôi giày của cụ,*** *cậu có cất không*?... [14]

Mặc dù đây là một câu đảo thể hiện thái độ nghi vấn nhưng vì muốn nhấn mạnh đến đối tượng Đích thể mà tham tố này được đưa lên vị trí đầu câu và vì vậy nó cũng trở thành thông tin được nhấn mạnh đóng chức năng làm Đề đánh dấu.

***4.3.1.4. Cảm thán sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong các quá trình***

Nguồn cứ liệu thu thập được cho chúng tôi thấy có sự khác biệt khá lớn đối với kiểu cảm thán về sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đó là kiểu cảm thán trong tiếng Anh bắt buộc phải có sự hiện diện của một trong hai thành phần chu tố *what* hoặc *how* ở vị trí của Đề còn kiểu cảm thán điển hình trong tiếng Việt là sự hoán đổi vị trí của vị thể và tham tố.

| Ví dụ {4: 21} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| cấu trúc cảm thán | ... ***What*** *a relief*!... [6] | ...***Vinh dự thay,*** *anh kép Tư Bền!*... [14] |

Trong ví dụ trên, câu cảm thán tiếng Anh được hình thành với sự xuất hiện của chu tố (*what)* và chu tố này chiếm vị trí của Đề, tiếp theo sau là tham tố (*a relief)* đóng vai trò làm Thuyết. Trong khi đó, cảm thán tiếng Việt được hình thành với sự hoán đổi vị trí của tham tố (*anh kép Tư Bền*) và vị thể (*Vinh dự thay)*.

**4.3.2. Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ**

Qua việc phân tích và chứng minh bằng nguồn ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy đây là kiểu có sự khác biệt lớn về các yếu tố cấu tạo nên phần Thuyết trong cả hai ngôn ngữ.

***4.3.2.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ***

Qua phân tích nguồn cứ liệu thu thập được chúng tôi nhận thấy trong cả tiếng Anh và tiếng Việt có một số khác biệt về phần Thuyết trong kiểu khẳng định sự nhấn mạnh bằng chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Bị thể, Lợi thể, Tiếp thể, Hiện tượng, Phát ngôn, và Tiếp ngôn thể đảo (trong câu bị động có yếu tố phụ trợ). Đối với tiếng Anh, tham tố Hành thể/ Ứng thể/ Cảm thể/ Phát ngôn thể nếu được hiện diện trong câu thì nó phải đứng sau giới từ *by* và sau các động từ biểu hiện qua các quá trình tương ứng với các tham tố Bị thể, Lợi thể, Tiếp thể, Hiện tượng, Phát ngôn, và Tiếp ngôn thể đảo. Tuy nhiên, đối với tiếng Việt các tham tố Hành thể/ Ứng thể/ Cảm thể/ Phát ngôn thể nếu được hiện diện trong câu thì nó phải xuất hiện ngay sau các động từ bị động (bị/được).

| Ví dụ {4: 22} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| cấu trúc bị động | ... ***a few more houses*** *had been hit by shell fire*... [1] | ... ***Cả làng ấy*** *đã bị máy bay Mỹ hủy diệt hoàn toàn*... [22] |

Trong ví dụ trên, các tham tố Hành thể (*shell fire* và *máy bay Mỹ)* cùng xuất hiện trong phần Thuyết nhưng vị trí của nó có sự khác nhau trong hai ngôn ngữ. Hành thể (*shell fire)* trong tiếng Anh xuất hiện sau giới từ *by* và sau cụm động từ bị động và động từ chính (*had been hit*), còn Hành thể (*máy bay Mỹ)* trong tiếng Việt xuất hiện sau động từ bị động *(bị)* nhưng lại trước động từ chính (*hủy diệt hoàn toàn*) thể hiện các quá trình vật chất hành động.

***4.3.2.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ***

Để thể hiện thái độ phủ định sự nhấn mạnh bằng chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Bị thể, Lợi thể, Tiếp thể, Hiện tượng, Phát ngôn, và Tiếp ngôn thể đảo (trong câu bị động có yếu tố phụ trợ), cả tiếng Anh và tiếng Việt bắt buộc phải có mặt của yếu tố phủ định trong câu. Tuy nhiên, trong mỗi ngôn ngữ vị trí xuất hiện của yếu tố phủ định cũng khác nhau mặc dù chúng cùng tồn tại trong phần Thuyết.

| Ví dụ {4: 23} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| cấu trúc bị động | ... ***a few more houses*** *had (not) been hit by shell fire*... [1] | ... ***Cả làng ấy*** *đã (không) bị máy bay Mỹ hủy diệt hoàn toàn*... [22] |

Trong tiếng Anh, yếu tố phủ định *(not*) xuất hiện sau tác tử động từ *(had*), còn trong tiếng Việt yếu tố phủ định (*không*) xuất hiện trước động từ bị động (*bị*) như trong ví dụ trên.

**4.3.3. Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau**

Đối với kiểu này, điểm khác biệt đáng lưu ý là trong tiếng Anh có sự xuất hiện của chủ ngữ giả (there) làm đề đánh dấu. Trong tiếng Việt các vị từ tồn tại có thể chiếm giữ vị trí của đề đánh dấu. Số liệu thu thập được cho thấy tỷ lệ câu đảo ngữ tiếng Anh của sơ đồ này chiếm 15.8 % và tiếng Việt chiếm 38.6 %.

***4.3.3.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau***

Trong tiếng Anh, để thể hiện cấu trúc đảo ngữ thông qua quá trình tồn tại, nhất thiết phải có sự hiển lộ của chủ ngữ giả "there". Chủ ngữ giả "there" thường đứng trước vị từ tồn tại để hợp thức hóa sự hiện diện của Chủ ngữ đồng thời đóng vai trò làm Đề. Trong khi đó, câu tồn tại tiếng Việt được thể hiện bằng sự xuất hiện của chính vị từ tồn tại ở đầu câu và làm Đề ngữ cho cấu trúc. Ngoài ra, các vị từ tồn tại như "có", "còn" được sử dụng rất phổ biến trong tiếng Việt. Các quan niệm về loại câu tồn tại có chứa những vị từ này cũng khác nhau. Chúng được xem xét một cách bình đẳng với những nhóm vị từ tồn tại khác trong tiếng Việt. Trong khi đó, sự thể hiện tương đương

của những vị từ này trong tiếng Anh lại phụ thuộc vào chủ ngữ giả "there". Yếu tố chu cảnh làm khung đề cho câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt cũng có nét khác biệt về cấu tạo. Trong tiếng Việt, Khung đề thời gian và Chu cảnh bắt buộc chỉ thời điểm hay Thời đoạn/Thời lượng. Khung đề thời gian là một danh ngữ còn Chu cảnh bắt buộc chỉ thời điểm là một trạng ngữ do một kết từ dẫn nhập. Trong tiếng Anh không có hình thức thể hiện này.

| Ví dụ {4: 24}: | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| cấu trúc đảo trong câu tồn tại | ... ***There*** *were many mulberry trees in the fields*... [1] | ... ***Có*** *một bóng người*... [11] |

Trong ví dụ trên, đề đánh dấu trong câu tồn tại tiếng Anh chính là chủ ngữ giả (there) còn đề đánh dấu trong câu tồn tại tiếng Việt chính là vị từ tồn tại (có). Phần Thuyết chứa chủ ngữ trong tiếng Anh bao gồm vị từ tồn tại được thể hiện bằng động từ (be) và Hiện Hữu thể (*many mulberry trees*) là sự phản ánh của sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan, có thể cùng với chu cảnh tùy chọn. Trong khi đó, phần Thuyết trong câu tồn tại tiếng tiếng Việt bao gồm tham tố Hiện Hữu thể (*một bóng người)* và có thể có thêm chu cảnh tùy chọn.

Trong tiếng Việt, thể loại từ vựng làm vị từ tồn tại trong các cấu trúc đảo ngữ cũng đa dạng hơn trong tiếng Anh. Đó là những trạng từ/cụm trạng từ cũng được chấp nhận làm vị từ tồn tại cho câu đảo ngữ tiếng Việt, đặc biệt là những trạng từ tượng thanh, tượng hình miêu tả âm thanh hay hình ảnh của sự vật hiện tượng trong thế giới. Điều này không được tìm thấy trong tiếng Anh. Hơn nữa, loại câu đảo ngữ chứa trạng từ miêu tả này làm vị từ tồn tại trong tiếng Việt chiếm tỷ lệ lớn và được sử dụng rất nhiều trong các tác phẩm văn học nghệ thuật. Tác dụng của chúng là tạo nhiều ấn tượng và cảm xúc cho người đọc/nghe đặc biệt là khi chúng được xuất hiện ở vị trí đầu câu.

Ví dụ: {4: 25}... ***Nhao nhao quanh Pao*** *những cơn khát máu, những riết róng báo thù*. ... [11]

Cụm trạng từ tượng thanh "*Nhao nhao quanh Pao*" đứng ở vị trí đầu câu và làm Đề đánh dấu trong câu đảo ngữ trên nhằm nhấn mạnh đặc điểm của sự vật, hiện tượng đóng vai HHT: *những cơn khát máu, những riết róng báo thù* tồn tại trong phần Thuyết. Tuy vậy, khi có sự xuất hiện của chu cảnh bắt buộc thì chính yếu tố chu cảnh này đóng vai trò làm Đề trong câu tồn tại của tiếng Anh và cả tiếng Việt. Chủ ngữ giả (there) trong tiếng Anh và vị từ tồn tại trong tiếng Việt phải nhường chỗ cho chu cảnh bắt buộc của phần Đề để lui về hiện diện trong phần Thuyết.

| Ví dụ {4: 26} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| cấu trúc đảo trong câu tồn tại | ... ***To the south*** *there was a small branchroad across the fields with thick trees on each side*... [1] | ... ***Phía xa xăm kia*** *còn bao nhiêu mùa xuân và năm tháng nữa* ...[17] |

Đứng đầu câu tồn tại và giữ vai trò làm Đề đánh dấu trong câu tiếng Anh và tiếng Việt là các chu cảnh bắt buộc (*To the south* và *Phía xa xăm kia*). Phần Thuyết trong câu tồn tại tiếng Anh bao gồm chủ ngữ giả (*there*) vị từ tồn tại *(was*), Hiện Hữu thể (*a small branchroad)* và chu cảnh tùy chọn (*across the fields with thick trees on each side*). Trong khi đó, Thuyết của câu tồn tại tiếng Việt bao gồm: vị từ tồn tại (*còn*) và Hữu thể (*bao nhiêu mùa xuân và năm tháng nữa*).

***4.3.3.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau***

Đối với câu tồn tại khi không có yếu tố chu cảnh làm Đề ngữ, kiểu phủ định sự nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau trong tiếng Anh và tiếng Việt có sự khác biệt đáng chú ý: Yếu tố phủ định (*no/not*) trong câu tồn tại tiếng Anh sẽ xuất hiện trong phần Thuyết và đứng sau các vị từ tồn tại (*be*). Phần Đề chính là chủ ngữ giả (*there*) còn yếu tố phủ định (*không*) trong câu tồn tạo tiếng Việt sẽ xuất hiện đầu câu và chiếm vai trò làm Đề trong cấu trúc. Phần Thuyết được xác định từ vị từ tồn tại và các tham tố tiếp theo sao nó.

| Ví dụ {4: 27} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| cấu trúc đảo trong câu tồn tại | *... **There** was no underbrush in the island of pine trees...* [3] | *...**không** có dấu vết của lòng độ lượng hay sự chán nản...* [23] |

Trong ví dụ trên, đối với tiếng Anh, Đề đánh dấu vẫn được xác định là chủ ngữ giả (*there*), phần Thuyết bao gồm vị từ tồn tại (*was*), yếu tố phủ định (*no*), tham tố Hiện Hữu thể *(underbrush*) và chu cảnh tùy chọn (*in the island of pine trees*). Đối với tiếng Việt, chính yếu tố phủ định (*không*) là Đề đánh dấu, phần Thuyết chứa vị từ tồn tại (*có*) và Hiện Hữu thể (*dấu vết của lòng độ lượng hay sự chán nản*).

**4.3.4. Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước**

Đây là kiểu có sự khác biệt lớn giữa hai ngôn ngữ.xét cả mặt định tính lẫn định lượng. Trong tiếng Anh, yếu tố chêm xen khi kết hợp với tham tố đảo phải thông qua quá trình quan hệ (be) và tạo nên ranh giới Đề - Thuyết, tham tố còn lại thường được thể hiện bằng một quá trình nào đó. Đối với tiếng Việt, yếu tố chêm xen có thể kết hợp với tham tố đảo mà không cần thông qua quá trình quan hệ, tham tố còn lại làm phần Thuyết thường được biểu hiện bằng một cấu trúc chuyển tác. Số liệu thu thập được cho thấy tỷ lệ câu đảo ngữ tiếng Anh chiếm 16.2 % và tiếng Việt chỉ chiếm 1.2%.

***4.3.4.1. Khẳng định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình***

Cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh còn được ghi nhận bởi sự xuất hiện của chủ ngữ giả "it". Chủ ngữ giả "it" xuất hiện trong cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh thông qua các quá trình vật chất, hành vi, tinh thần và quan hệ. Mục đích của việc sử dụng "it" là nhằm

kết hợp và nhấn mạnh một tham tố nào đó để tạo hiệu ứng truyền đạt thông tin đến người đọc/nghe một cách sớm nhất. Vai nghĩa đứng sau các quá trình biểu hiện trong cấu đảo ngữ có chủ ngữ giả "it" cũng rất đa dạng như cảm thể, nghiệm thể, hiện tượng, tiếp thể, đối thể, cương vực... Yếu tố chêm xen nhấn mạnh "it" luôn chiếm giữ vị trí Đề ngữ và được phân chia ranh giới với phần Thuyết thông qua vị từ tồn tại "be" trong mọi mô hình này. Tham tố đảo thứ hai trong câu đảo có mô hình khẳng định sự nhấn mạnh nội dung thông tin liên quan đến một tham tố trong các quá trình được thể hiện thông qua bằng chính quá trình. Thành phần câu hiển lộ cho các vai nghĩa này cũng rất phong phú về mặt cú pháp. Có khi vai nghĩa được đội lốt bằng một danh từ/cụm danh từ/ ngữ đoạn danh từ hoặc vị từ/ngữ đoạn vị từ hoặc danh động ngữ... Ngoài ra, để biểu đạt ý tương đương tiếng Việt của câu tiếng Anh có chủ ngữ giả "it" thì phải lược bỏ chủ ngữ giả "it" và xác định chủ ngữ của câu tiếng Anh khi muốn diễn đạt nó bằng ý tiếng Việt tương đương. Trong tiếng Việt không tồn tại chủ ngữ giả "it".

| Ví dụ {4: 28} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Câu chứa tham tố đảo kết hợp với yếu tố chêm xen | ... ***It*** *would be interesting to know who was the* father of Emmie Slattery's baby... [6] | ... ***Ngay từ hồi đó*** *mình đã biết rõ...* [17] |

Trong ví dụ trên, chủ ngữ giả *it* xuất hiện ở vị trí đầu câu nhằm thay thế vị trí cho cụm vị ngữ *to know who was the father of Emmie Slattery's baby*. Câu có ý nghĩa tương đương với câu đảo ngữ trên là: *To know who was the father of Emmie Slattery's baby would be interesting.* Như vậy, đối với trật tự thuận trong câu tiếng Anh sẽ không có sự xuất hiện của chủ ngữ giả *it*. Nhưng vì mục đích muốn nhấn mạnh đặc điểm (*interesting*) mà tham tố này được đề cập trước cùng với yếu tố nhấn mạnh (*it*) thông qua vị từ quan hệ (*would be*). Tuy vậy, phần Đề trong câu tiếng Anh chỉ được xác định là yếu tố nhấn mạnh (*it*). Phần Thuyết là phần còn lại của câu được xác định từ động từ (*would*). Đây là hiện tượng đảo ngữ chỉ tồn tại trong tiếng Anh và ranh giới Đề – Thuyết có sự khác biệt so với tiếng việt.

Trong khi đó, vì mục đích muốn nhấn mạnh đến tham tố chỉ thời gian (*từ hồi đó*) trong câu tiếng Việt mà tác giả đã đưa nó lên vị trí đầu câu kết hợp với yếu tố chêm xen (*ngay*) làm cho tính chất nhấn mạnh càng được nâng cao đồng thời làm cho chúng giữ vai trò làm Đề. Phần Thuyết được tạo nên từ một cụm chủ - vị (*mình đã biết rõ*).

***4.3.4.2. Phủ định sự nhấn mạnh tham tố đảo trong các quá trình***

Kiểu phủ định sự nhấn mạnh nội dung thông tin liên quan đến một tham tố trong các quá trình trong câu có yếu tố chêm xen nhấn mạnh được thể hiện bằng sự xuất hiện của các yếu tố phủ định *no/not* ... (trong tiếng Anh) và *không/chẳng*... (trong tiếng Việt).

| Ví dụ {4: 29} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Câu chứa tham tố đảo kết hợp với yếu tố chêm xen | *... **It** was no task for him to learn to fight with cut and slash and the quick wolf snap...* [4] | *... **Ngay cả những bức tranh** cha cũng không để lại...* [17] |

Trong ví dụ trên, vì muốn nhấn mạnh sự phủ định đối với tham tố (*task)* mà tác giả đã chêm xen yếu tố phủ định *(no)* vào trước tham tố đảo này cùng với yếu tố chêm xen nhấn mạnh (*it*) tạo thành một cụm chứa tham tố đảo nhấn mạnh phủ định (*It was no task for him*) tương đương với cụm tham tố thứ hai (*to learn to fight with cut and slash and the quick wolf snap*). Tuy vậy, về phương diện cấu trúc Đề – Thuyết phần Đề vẫn được xác định chỉ bao gồm chủ ngữ giả (*it*). Phần còn lại trong cấu trúc chính là phần Thuyết. Trong câu tiếng Việt, yếu tố phủ định (*cũng không*) cũng được thêm vào để làm cho câu có mô hình phủ định sự nhấn mạnh nhưng yếu tố được nhấn mạnh (*những bức tranh)* kết hợp với yếu tố chêm xen nhấn mạnh (*Ngay cả*) tạo thành Đề đánh dấu trong cấu trúc. Phần Thuyết được thể hiện bằng một cấu trúc chuyển tác có chứa yếu tố phủ định (*cha cũng không để lại*).

**4.3.5. Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu)**

Chúng tôi cũng tìm thấy sự khác biệt xét trên cả mặt định tính lẫn định lượng đối với kiểu loại này trong cả hai ngôn ngữ. Trong tiếng Anh, yếu tố chêm xen khi kết hợp với tham tố đảo phải thông qua quá trình quan hệ (be) và tạo nên phần Đề, tham tố còn lại thường được thể hiện bằng một cấu trúc chuyển tác và đóng chức năng làm phần Thuyết. Đối với tiếng Việt, yếu tố chêm xen có thể kết hợp với tham tố đảo mà không cần thông qua quá trình quan hệ và tạo nên phần Đề, tham tố còn lại làm phần Thuyết được biểu hiện bằng một cấu trúc chuyển tác. Số liệu thu thập được cho thấy tỷ lệ câu đảo ngữ tiếng Anh chiếm 7 % và tiếng Việt chỉ chiếm 1.8 %.

***4.3.5.1. Khẳng định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ***

Đối với kiểu khẳng định sự nhấn mạnh ở chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu) trong tiếng Anh và tiếng Việt chúng tôi nhận thấy một số điểm khác biệt đáng lưu ý sau:

Trong tiếng Anh, qua nguồn ngữ liệu khảo sát được, chúng tôi nhận thấy tham tố mang tính "tiền đảo" được kết hợp với yếu tố chêm xen nhấn mạnh (it) thông qua quá trình quan hệ "be" luôn được biểu hiện dưới dạng một (cụm) danh ngữ. Các yếu tố này kết hợp với nhau tạo thành Đề đánh dấu. Một thành phần bắt buộc phải tồn tại trong kiểu này là yếu tố chu cảnh được biểu hiện bằng liên từ "that". Ở vị trí tiếp theo là một cấu trúc chuyển tác được biểu hiện thông qua cụm trật tự chủ – vị làm nên phần Thuyết.

Đối với tiếng Việt, tham tố mang tính "tiền đảo" được kết hợp với yếu tố chêm xen nhấn mạnh (chính/ngay cả) thông qua quá trình quan hệ "là/thì" luôn được biểu hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau: đó có thể là một (cụm)danh/động/giới/trạng/tính ngữ... Các yếu tố này kết hợp và tạo thành Đề ngữ có đánh dấu. Vị trí tiếp theo tham tố đảo này là một cấu trúc chuyển tác trong đó các tham tố và quá trình có thể hoán đổi vị trí cho nhau cùng tồn tại trong phần Thuyết.

| Ví dụ {4: 30} | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|---|---|---|
| Câu chứa tham tố đảo kết hợp với yếu tố chêm xen (cấu trúc câu) | ... ***It was the cherished belief of each*** *that he did more than his share of the work, and neither forbore to speak this belief at every opportunity*...[4] | ... ***Chính là ở cái lúc tưởng như tuyệt vọng này****, trong Pao lại dâng lên một niềm khát khao sống thật mạnh mẽ*... [11] |

Ví dụ trên cho thấy, trong tiếng Anh, tham tố đảo và cũng là thông tin được nhấn mạnh chính là cụm *the cherished belief of each*. Nó được kết hợp với yếu tố nhấn mạnh (*it*) và quá trình quan hệ (*was)* tạo thành Đề ngữ trong cấu trúc. Vị trí tiếp theo là yếu tố chu cảnh *that* và một cấu trúc chuyển tác được biểu hiện qua các quá trình vật chất, tinh thần, hành vi... theo trật tự chuẩn mực nhất định (*he did more than his share of the work, and neither forbore to speak this belief at every opportunity*) làm thành Thuyết nhằm thuyết giải cho Đề.

Trong câu tiếng Việt, tham tố đảo và được nhấn mạnh là một trạng ngữ (*ở cái lúc tưởng như tuyệt vọng này*), cùng với yếu tố nhấn mạnh (*chính*) và quá trình quan hệ (*là*) tạo thành Đề đánh dấu. Phần Thuyết bao gồm một cấu trúc chuyển tác có trật tự đảo quá trình vật chất (*dâng lên*) và Hành thể (*một niềm khát khao sống*) cùng với các chu cảnh tùy chọn.

***4.3.5.2. Phủ định sự nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ***

Kiểu phủ định sự nhấn mạnh liên quan đến một tham tố trong các quá trình trong câu có yếu tố chêm xen nhấn mạnh (cấu trúc câu) cũng được thể hiện bằng sự xuất hiện của các yếu tố phủ định *no/not* ... (trong tiếng Anh) và *không/chẳng*... (trong tiếng Việt). Tuy nhiên, vị trí của các yếu tố phủ định được thêm vào có sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ. Từ đó, cấu trúc mới được sản sinh ra cung có sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ.

Thông thường, yếu tố phủ định (*no/not*) trong tiếng Anh được thêm vào trước tham tố đảo được nhấn mạnh và sau cụm yếu tố chêm xen nhấn mạnh (*it*) và quá trình quan hệ *(be*). Yếu tố phủ định (*không/chẳng*...) có thể được thêm vào ở những vị trí khác nhau trong câu tiếng Việt vì tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình. Các yếu tố ngôn ngữ ít bị ràng buộc và qui định lẫn nhau.

**Tiểu kết**

Chương bốn đã tập trung trình bày và nêu bật những nét tương đồng cũng như những điểm khác biệt của câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt trên cả năm kiểu loại cơ bản: Nhấn mạnh nhằm hàm ý đối lập một tham tố được đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ; nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố Bị thể, Lợi thể, Tiếp thể, Hiện tượng, Phát ngôn, và Tiếp ngôn thể đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ; nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau; nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước; và nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu). Ở mỗi kiểu, chúng tôi đã nêu bật những điểm tương đồng và những nét khác biệt giữa hai ngôn ngữ. Chúng tôi đã tìm thấy sự khác biệt nhiều hơn sự tương đồng trong cấu trúc đảo ngữ của hai ngôn ngữ về mặt định tính và định lượng. Sự khác biệt lớn nhất là đảo ngữ tiếng Anh có các cấu trúc đảo bán phần, còn đảo ngữ tiếng Việt không có hiện tượng này. Cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh có sự đa dạng hơn về chức năng nghĩa biểu hiện. Nhiều quá trình chuyển tác tham gia vào cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh hơn trong tiếng Việt. Đặc biệt hơn, chúng tôi tìm thấy vai trò của các tác tử tình thái trong tiếng Anh rất quan trọng. Đảo ngữ tiếng Anh chịu sự chi phối rất lớn từ các tác tử tình thái trên cả ba chức năng biểu hiện của câu là nghĩa biểu hiện, nghĩa liên nhân, và nghĩa văn bản. Trong khi đó, đảo ngữ trong tiếng Việt không có sự ảnh hưởng này.

Có thể nói, câu đảo ngữ trong tiếng Anh và trong tiếng Việt có những nét tương đồng cũng như sự khác biệt về mọi phương diện. Điều này cũng dễ dàng nhận thấy bởi mỗi ngôn ngữ trên thế giới đều có những nét đặc trưng riêng... Thậm chí người ta vẫn có thể tìm thấy sự khác biệt ngay trong sự tương đồng.

Dựa vào cấu trúc Chủ - Vị (C-V), có thể nhận thấy câu đảo ngữ trong tiếng Anh được phân thành hai loại cụ thể là: đảo toàn phần và đảo bán phần. Trong khi đó, đảo ngữ tiếng Việt chỉ tồn tại loại cấu trúc đảo toàn phần vì tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình, động từ trong tiếng Việt không có hiện tượng chia Thì như trong tiếng Anh. Nếu quan sát trật tự của ngữ đoạn vị từ và danh ngữ trong vị ngữ làm Thuyết của câu, có thể nhận thấy một số cấu trúc đảo toàn phần trong tiếng Anh tương đương với tiếng Việt.

Về mặt định tính, sự khác biệt về cấu trúc đảo ngữ giữa hai ngôn ngữ lớn hơn là sự tương đồng.

Cấu trúc đảo ngữ là cấu trúc mang chủ đề được đánh dấu. Do đó, ngữ cảnh cho phép sử dụng câu trần thuật có cấu trúc đảo hạn hẹp hơn so với các loại cấu trúc thông

thường khác. Nhìn chung, cấu trúc đảo ngữ được sử dụng nhiều trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật bởi chức năng vốn có của câu đảo ngữ là biểu đạt cảm xúc, tạo ấn tượng, nhấn mạnh đối với người đọc/nghe. Hơn nữa, tiếng Việt còn có những cấu trúc đảo với vị từ miêu tả là những từ chỉ âm thanh, màu sắc, hình dáng. Vì vậy, đảo ngữ trong tiếng Việt có khả năng miêu tả sự vật, hiện tượng hay con người một cách sống động và phong phú hơn trong tiếng Anh.

# KẾT LUẬN

Từ việc phân tích và miêu tả câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt ở chương 2 và chương 3, và việc so sánh đối chiếu câu đảo ngữ giữa hai ngôn ngữ này trên ba bình diện nghĩa biểu hiện thông qua cấu trúc chuyển tác các quá trình, nghĩa tình thái và cấu trúc đề – thuyết theo hướng tiếp cận ngữ pháp chức năng hệ thống của MAK. Halliday, luận án đi đến những kết luận sau:

1. Đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt là hiện tượng ngữ pháp được sử dụng khá phổ biến trong quá trình học tập, giảng dạy cũng như trong giao tiếp hàng ngày. Kết quả khảo sát cho thấy đảo ngữ luôn có sự đa dạng về cấu trúc và linh hoạt trong quá trình vận dụng bởi nó đề cập đến hiện tượng không theo qui tắc trong câu. Tùy thuộc vào mục đích sử dụng ngôn ngữ của người nói/viết (mục đích phát ngôn) trong những hoàn cảnh nhất định mà người nói/viết sản sinh ra những kiểu lời nói/ phát ngôn nhất định và không bị lệ thuộc vào các nguyên tắc ngôn ngữ.

2. Dựa vào việc tổng hợp, phân tích các nguồn ngữ liệu thu thập được, chúng tôi đã tổng hợp được năm kiểu khái quát về các hình thức đảo ngữ trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt. Luận án đã chứng minh sự thay đổi trật tự các vai nghĩa thông qua sự thể hiện các cấu trúc chuyển tác các quá trình. Tương ứng với mỗi kiểu câu đảo ngữ, chúng tôi đã miêu tả và phân tích hiện tượng đảo ngữ trên ba hình thức chủ yếu: Khẳng định sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo trong các quá trình; Phủ định sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo trong các quá trình; và nghi vấn sự nhấn mạnh phần đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố được đảo trong các quá trình.

3. Căn cứ vào kết quả khảo sát, xét về phương diện nghĩa của câu với chức năng biểu hiện chúng tôi nhận thấy: Câu đảo ngữ trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt được thể hiện trên tất cả các cấu trúc chuyển tác thông qua các quá trình vật chất, quá trình hành vi, quá trình phát ngôn, quá trình tinh thần, quá trình quan hệ và quá trình tồn tại.

4. Xét trên bình diện nghĩa của câu với chức năng là lời trao đổi, câu đảo ngữ trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt đều thể hiện tinh thần, thái độ và là sự tương tác giữa người nói/viết và người nghe/đọc. Ngôn ngữ được xem là công cụ để biểu hiện hành vi, cảm xúc, nhưng đồng thời cũng được xem là một hành động của con người. Nghĩa tình thái được các nhà ngôn ngữ học Anh và Việt có chung một quan niệm là các ý nghĩa thể hiện mục đích phát ngôn của người nói, hay nói theo lý thuyết hành vi ngôn ngữ, kiểu mục đích tại lời mà người nói thực hiện (hỏi, ra lệnh, yêu cầu, bác bỏ, khuyên, mời...) gắn trực tiếp với chiều tương tác liên nhân của giao tiếp, với kiểu tác

động của người nói đến người đối thoại. Câu có trật tự cú pháp đảo ngược thường gắn với dụng ý mang tính cá nhân. Nói cách khác, nó hình thành do những mục đích riêng của người nói/viết. Bình diện nghĩa liên nhân của câu đảo ngữ tiếng Anh và tiếng Việt đều thể hiện ở tính nhấn mạnh vì nhấn mạnh liên quan đến sự tác động của người nói/viêt đối với người nghe/đọc. Loại nhấn mạnh này bao hàm mối quan hệ người nói - người nghe và liên quan đến sự xúc cảm hay sự mong đợi. Nó làm nổi bật một bộ phận thông tin mà người nói cho là gây ngạc nhiên đối với người nghe, hoặc nó có thể báo cho người nghe biết rằng người nói đang có những xúc cảm mạnh mẽ.

5. Tiếng Anh có cấu trúc đảo ngữ đối với chủ ngữ giả "there" trong sơ đồ nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau, và chủ ngữ giả "it" xuất hiện trong các mô hình nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong cấu trúc câu có thành phần đảo về phía trước và nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu). Trong khi đó, tiếng Việt không có các chủ ngữ giả này. Chúng tôi cũng tìm thấy sự khác biệt khi xác định vị từ tồn tại trong kiểu nhấn mạnh chủ đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình tồn tại trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau trong tiếng Việt. Cụ thể là vị từ tồn tại trong tiếng Việt có sự đa dạng hơn về thể loại khi nó được xác định bao gồm cả các từ biểu thị ý nghĩa tồn tại như: *có, còn*..., từ chỉ tư thế sự vật như: *treo, nằm, ngồi*..., các từ chỉ lượng như: nhiều, *ít, đầy*..., các từ tượng thanh hay tượng hình như: *nhao nhao, bồm bộp* ...

6. Trong tiếng Anh, khi biểu hiện nghĩa liên nhân, thái độ nghi vấn được nhận diện nhờ việc đảo trật tự vị trí của chủ ngữ và động từ. Hình thức biểu hiện nghĩa liên nhân của câu thông qua sự hiện diện của thành phần Thức với hai tiểu thành phần là Chủ ngữ và tác tử Hữu định. Trật tự của Chủ ngữ và Hữu định hiện thực hóa các cấu trúc đảo ngữ trong tiếng Anh về phương diện nghĩa liên nhân. Xét trên phương diện nghĩa liên nhân, đảo ngữ tiếng Anh bắt buộc phải có sự thể hiện của thành phần Hữu định đứng trước Chủ ngữ trong câu.

Thành phần Hữu định có chức năng làm cho nhận định trở nên hữu định. Nó đưa nhận định trở lại thực tế, chịu sự chi phối của con người và khiến con người phải có sự trao đổi với nhau. Tính Hữu định trong tiếng Anh được diễn đạt thông qua các tác tử động từ có thể là thời gian, có thể là tình thái. Các tác tử thời gian được phân chia thành ba giai đoạn: quá khứ, hiện tại và tương lai. Các tác tử tình thái được phân chia thành ba cấp độ: thấp, trung bình và cao. Trong tiếng Việt các tác tử tình thái không bị chia theo ngôi và số vì tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình và biến cách.

7. Việc nắm vững và sử dụng hiệu quả các cấu trúc đảo ngữ sẽ giúp người học đa dạng hóa và làm phong phú thêm cách diễn đạt ngôn ngữ nhằm phục vụ cho những

mục đích giao tiếp nhất định. Chúng tôi tin rằng kết quả của luận án sẽ góp phần giúp những người dạy và học tiếng Anh cơ sở để hiểu thấu đáo hơn về sự đa dạng của các loại câu đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt.

Sau cùng, chúng tôi thấy có một vài vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu như sau:

Đảo ngữ trong các thể loại văn bản khác nhau.

Đảo ngữ theo hướng tiếp cận ngôn ngữ học tri nhận.

Luận án là kết quả nghiên cứu trong một thời gian dài với nhiều nỗ lực và sự cố gắng liên tục của chúng tôi. Tuy nhiên, những thiếu sót là không thể tránh khỏi. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các Giáo sư, Tiến sĩ, các nhà ngôn ngữ học, các đồng nghiệp và những người quan tâm đến đề tài.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NCKH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Phạm Thị Hà. *Phân biệt sự khác nhau của mệnh đề đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt*. Tạp chí Khoa học & Công nghệ. Số 1 (2012). Trường Đại học Quảng Bình.

2. Phạm Thị Hà. *Phân tích mô hình câu đảo ngữ bộ phận trạng ngữ trong tiếng Anh*. Tạp chí Khoa học & Công nghệ. Số 4 (2013). Trường Đại học Quảng Bình.

3. Phạm Thị Hà. *Cấu trúc đảo trật tự từ trong tiêng Anh từ góc nhìn ngữ pháp truyền thống*. Từ điển học và Bách khoa thư. Số 1 (2016). Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt nam.

4. Phạm Thị Hà. *Đặc điểm câu đảo ngữ tiếng Anh trên bình diện cấu trúc nghĩa biểu hiện*. Tạp chí khoa học. Số 11 (2016). Đại học Huế.

5. Phạm Thị Hà. *Đặc điểm câu đảo ngữ tiếng Việt xét trên bình diện cấu trúc nghĩa biểu hiện*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống. Số 6 (2016). Hội ngôn ngữ học Việt Nam.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

**Tài liệu bằng tiếng Anh**

[1]. Asher R.E.et al. (eds). (1994). *The Encyclopedia of Language and Linguistics*, Vol.10, Pergamon Press, Oxford.

[2]. Baker, M. (1992), *In Other Words: A Coursebook on Translation*, Routledge

[3]. Borsley, R.D. and F.J. Newmeyer (2009). *On subject - Auxiliary Inversion and the notion "purely formal generalization"*. Cognitive Linguistics 20 (1): 135-143

[4] Biber, Douglas et al. (1999), *Longman Grammar of Spoken and Written English*, Longman, London.

[5]. Birner, B.J. (1995), *"Pragmatics Constraints on the verb in English Inversion*", Lingua (97), Elsevier, pp. 233-256.

[6]. Bresnan, Joan. (1994). "*Locative Inversion and the Architecture of Universal Grammar*", Language (1), pp. 72-137.

[7]. Brown, G. and Yule, G. (1983*). Discourse Analysis. Cambridge*. CUP.

[8]. Chomsky Noam (1972), *Aspects of the Theory of Syntax*, The M.I.T. Press, Massachusetts.

[9]. Croft, W. (1991). "The evolution of negation". *Journal of Linguistics* 27 (1): 1 - 27.

[10]. Crystal David (1987), *The Cambridge Encyclopedia of Language*, CUP, Cambridge.

[11]. Dik Simon C. (1989), *The Theory of Functional Grammar*, Foris Publications, Dordrecht.

[12]. Downing A., Locke P., (1995). *A University Course in English Grammar*, Prentice Hall International, New York.

[13]. Dorgeloh, H. (1997), *Inversion in Modern English: Form and Function*. John Benjamins, Amsterdam.

[14]. Drubig, H.B. (1988), "*On the Discourse Function of Subject Verb Inversion*", Essays on the English language and Applied Linguistics on the Occasion of Gerhard Nickel's 60th Birthday, pp. 83-95.

[15]. Eastwood, J. 1994. *Oxford guide to English grammar*. OUP.

[16]. Fillmore, C.J. (1999). *Inversion and constructional inheritance*. In G. Webelhuth,J. Koenig and A.Kathol (eds.), *Lexical and Constructional Aspects of Linguistics Explanation*. Stanford, CA: CSLI Publications.

[17]. Goldberg, A.E. (1995). *Constructions: A construction Grammar Approach to Argument Structure*. Chicago: University of Chicago Press.

[18]. Goldberg, A.E. (2006). *Constructions at work*. The Generalization in Language. Oxford: Oxford University Press.

[19]. Green, G.M. (1980). *"Some wherefores of English Inversions*", Language (Journal of The Linguistics Society of America), Vol.56.

[20]. Green, G.M. (1982). "*Colloquial and Literary Uses of Inversion*". Spoken and Written Language: Exploring Orality and Literacy.

[21]. Greenbaum, Sidney & Quirk Randolph (1990), *A Student's Grammar*, Longman.

[22]. Haiman, J . (2010). *The creation of new words*. Linguistics 48 (3): 547-572.

[23]. Halliday. M.A.K. (1994). *An introduction to fuctional grammar*. London, Arnold.

[24]. Halliday. M.A.K. (2002). *Linguistic Studies of Text and Discourse*. Continuum, London.

[25]. Hartvigson H.H. Jacobsen L.K., (1974). *Inversion in Present-day English*, Odense University Press.

[26]. Huddleston Rodney (ed.) (2002), *The Cambridge Grammar of the English Language*, CUP, London.

[27]. James Carl (1980), *Contrastive Analysis*, Longman, Essex.

[28]. J.L Austin (1962), *How to do things with words*, Oxford University Press, New York.

[29]. John Eastwood (1999), *Oxford English Grammar*, Oxford University Press.

[30]. Langacker, R.W. (2000). *A dynamic usage-based model*. In M. Barlow and S. Kemmer (eds.), Usage-based Models of Laguague. Standford: CSLI Publications.

[31]. Langacker, R.W. (2010*). Substrate, System, and Expression: Aspects of the Functional Organization of English Finite Clauses*. To appear.

[32]. Leech G., Svartvik J. (1975), *A communicative Grammar of English*, Longman, Essex.

[33]. Lock, G. (1999) *Functional English Grammar*, Cambridge University Press.

[34]. Lyons J. (1995), *Linguistics Semantics*, CUP, Cambridge.

[35]. Newmeyer, F. (2000). *Language Form and Function*. Cambridge, Mass: MIT Press.

[36]. Nunan. D., (1993). *Introducing Discourse Analysis*. Penguin Group.

[37]. Penhallurick John (1984), "Full-Verb Inversion in English", *Australian Journal of Linguistics*, Vol.4 (1), pp. 33-56.

[38]. Penhallurick John (1987), "The Semantics of Auxiliary Inversion in English", *Australian Journal of Linguistics*, (7), pp. 97-128.

[39]. Quirk, R. et al. (1985). *A comprehensive Grammar of the English languages*, Longman, London.

[40]. Thompson L.C. (1965). *A Vietnamese Grammar*. University of Washington Press. Seatle and London.

[41]. Swan Michael (1980), *Practical English Usage*, OUP, Oxford.

[42]. Thompson Geoff (1996), *Introducing Functional Grammar*, Arnold, London.

**Tài liệu bằng tiếng Việt**

[43]. Diệp Quang Ban (1998). *Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[44]. Diệp Quang Ban (2005). *Ngữ pháp Tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[45]. Diệp Quang Ban (2009). *Ngữ pháp Việt Nam*. NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

[46]. Hà Văn Bửu (1993). *Sentences*. NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[47]. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương Ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[48]. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở Ngữ dụng học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[49]. Mai Ngọc Chừ (chủ biên) Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[50]. Nguyễn Đức Dân (1998). *Ngữ dụng học*. Tập 1, NXB Giáo dục.

[51]. Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng (2007), *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Đại học sư phạm TPHCM.

[52]. Nguyễn Thiện Giáp (2001). *Dụng học Việt ngữ.* NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[53]. Cao Xuân Hạo (1991). *Tiếng Việt: Sơ thảo cấu trúc chức năng,* quyển 1. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

[54]. Nguyễn Văn Hiệp (2008*). Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*. NXB Giáo dục.

[55]. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[56]. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (1996), *English Inversion versus Vietnamese Equivalents.* M.A thesis, College of Foreign Laguage, Hanoi.3.

[57]. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2004), *Khảo sát cấu trúc- ngữ nghĩa của hiện tượng đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt.* Luận án tiến sĩ ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

[58]. Nguyễn Chí Hòa (2006), *Ngữ pháp thực hành tiếng Việt*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[59]. Đào Thanh Lan (2002). *Phân tích câu đơn Tiếng Việt theo cấu trúc đề – thuyết*. NXB ĐHQG.

[60]. Đinh Trọng Lạc (chủ biên)- Nguyễn Thái Hòa (2009), *Phong cách học tiếng Việt,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[61]. Lưu Vân Lăng (1998). *Ngôn ngữ học và Tiếng Việt*. NXB KHXH, Hà Nội.

62]. Hồ Lê (1973), *Về vấn đề phân loại câu trong tiếng Việt hiện đại*. "Ngôn ngữ" (Hà Nội), s.3.

[63]. Lê Văn Lý (1968), Sơ khảo ngữ pháp Việt Nam, Sài Gòn.

[64]. Đỗ Thị Kim Liên (2005). *Giáo trình ngữ dụng học*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[65]. Đỗ Thị Kim Liên (1999). *Ngữ nghĩa lời hội thoại*. NXB Giáo dục.

[66]. Nguyễn Thị Lương (2006), *Câu tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[67]. Phan Ngọc (2000), *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học,* NXB Trẻ.

[68]. Huỳnh Thị Ái Nguyên (2005), "Nghiên cứu phương tiện nhấn mạnh trong tiếng Anh có liên hệ với tiếng Việt (qua trật tự cú pháp)". Luận án tiến sĩ ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

[69]. Hoàng Trọng Phiến (1990). *Ngữ pháp Tiếng Việt (câu*). NXB ĐH & THCN, Hà Nội.

[70]. Nguyễn Thị Quy (1995), *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

[71]. Đức Tài, Tuấn Khanh (1995). *Văn phạm Anh ngữ Oxford*, (dịch từ Oxford Guide to English grammar của John Eastwood 1994), NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

[72]. Lê Xuân Thại (1994). *Câu chủ vị Tiếng Việt*. NXB KHXH, Hà Nội.

[73]. Lê Xuân Thại (2002). "Mấy suy nghĩ về quan niệm đề – thuyết của GS Cao Xuân Hạo". *T/c Ngôn ngữ,* số 14/2002.

[74]. Tô Minh Thanh (2005a), *Cấu trúc câu trần thuật trong tiếng Việt và tiếng Anh* (theo cách tiếp cận chức năng). Luận án Tiến sĩ ngữ văn. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[75]. Tô Minh Thanh (2011), *Vai nghĩa trong câu trần thuật tiếng Việt và tiếng Anh*. NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[76]. Lý Toàn Thắng (1981). Giới thiệu lý thuyết phân đoạn thực tại câu. T/c *Ngôn ngữ*, Số 1/1981, tr 45-54.

[77]. Lý Toàn Thắng (2004). *Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp*. NXB ĐHQG, Hà Nội.

[78]. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội.

[79]. Trần Ngọc Thêm (1999), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt.* NXB Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

[80]. Lê Quang Thiêm (2004). *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ.* NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[81]. Nguyễn Minh Thuyết (1983), Về một kiểu câu có chủ ngữ đứng sau vị ngữ. T/c *Ngôn ngữ* số 3/1983, tr 50-60.

[82]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998). *Lý thuyết thành phần câu và thành phần câu Tiếng Việt.* NXB ĐHQG, Hà Nội.

[83]. Bùi Minh Toán (2010), "Vai nghĩa của các tham thể trong sự chuyển hóa của vị từ", *Tạp chí ngôn ngữ* (số 3) tr. 1 - 9.

[84]. Cù Đình Tú (2001), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[85]. Bùi Tất Tươm (chủ biên), Nguyễn Văn Bằng và Hoàng Xuân Tâm, (1997), *Giáo trình cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục Tp. Hồ Chí Minh.

[86]. Hoàng Văn Vân (2001), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, (dịch từ An introduction to Functional Grammar của MAK. Halliday 1988), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[87]. Hoàng Văn Vân (2002), *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[88]. Nguyễn Như Ý (1997). *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[89]. Tiểu ban Tiếng Việt trong nhà trường (Hội ngôn ngữ học Thành phố Hồ Chí Minh), (2005). Ngữ pháp chức năng, cấu trúc đề thuyết và ngữ pháp Tiếng Việt. *Tạp chí ngôn ngữ,* s.14/2005

[90]. UBKHXH Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội

## XUẤT XỨ VÍ DỤ

**Xuất xứ ví dụ tiếng Anh**

[1]. Hemingway Earnest, (1993). *A Farewell to Arms,* David Campbell Publishers Ltd., London.

[2]. Hemingway, E. (1952). *The Old Man and the Sea*. New York.

[3]. Hemingway, E., & Fenton, J. (1995). *The collected stories*. Everyman's library

[4]. Jack London (1903). *The call of the wild.* Macmillan

[6]. Margaret Mitchel (1936). *Gone with the wind*. Macmillan

[7]. Hutchinson, S. (1998). *Mark Twain: Tom Sawyer and Huckleberry Finn*. Columbia University Press.

**Xuất xứ ví dụ tiếng Việt**

[8]. Nam Cao, (1994). *Truyện ngắn chọn lọc*.. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội.

[9]. Nam Cao,(2001). *Sống mòn.* Nhà xuất bản Giáo dục.

[10]. Nguyễn Khải, (1960). *Mùa lạc*. Nhà xuất bản Quân đội.

[11]. Ma Văn Kháng (2003), *Vùng biên ải.* Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[12]. Ma Văn Kháng (1985), *Mùa lá rụng trong vườn*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.

[13]. Tô Hoài, (1995). *Vợ chồng A Phủ*. Văn 12. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[14]. Nguyễn Công Hoan, (2005). *Truyện ngắn chọn lọc*. Nhà xuất bản Hội nhà văn.

[15]. Thạch Lam, (1937). *Truyện ngắn chọn lọc*. NXB Đời nay.

[16]. Lê Lựu, (2011). *Thời xa vắng.* Nhà xuất bản trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

[17]. Bảo Ninh (2011), *Nỗi buồn chiến tranh*. Nhà xuất bản trẻ.

[18]. Nguyên Ngọc, (1995). *Đất nước đứng lên*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[19]. Nguyên Ngọc, (1995). *Rừng Xà Nu*. Văn 12. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[20]. Hồ Phương, (1949). *Thư nhà*. Tạp chí Văn nghệ, Hội Văn nghệ Trung ương.

[21]. Vũ Trọng Phụng. (1937). *Giông tố*. Nhà xuất bản Văn Thanh, Hà Nội.

[22]. Hồ Anh Thái, (1996). *Cõi người rung chuông tận thế*.. Nhà xuất bản trẻ.

[23]. Nguyễn Huy Thiệp, (1995). *Truyện ngắn chọn lọc*. Nhà xuất bản Hội nhà văn.

[24]. Ngô Tất Tố, (1977). *Tắt đèn*. Nhà xuất bản Văn học.

[25]. Đoàn Hoài Trung (2001), *Ngọt ngào vị đắng*. Nhà xuất bản thanh niên.

[26]. Nguyễn Tuân, (1940). *Vang bóng một thời*. Nhà xuất bản Mai Lĩnh, Hà Nội.

**PHỤ LỤC I**
**500 CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH**

| TT | CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH | NGUÔN |
|---|---|---|
| **A (246 câu)** | **Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ** | **(tỷ lệ : 49.2 %)** |
| 1 | *... **how cool and still** were the tangled trees overhanging the water!...* | 6 |
| 2 | *... **all that** they lived for...* | 4 |
| 3 | *... **To sights and sounds and events which required action**, he responded with lightning-like rapidly...* | 4 |
| 4 | *...Troops went by the house and down the road and **the dust** they raised powdered the leaves of the trees...* | 1 |
| 5 | *... **the room** they used for an office...* | 1 |
| 6 | *... **one of the sled-dogs** Thornton had bought in Dawson...* | 4 |
| 7 | *... **songs** they had sung, **of old friends** they knew and **places** he had visited on his Grand Tour...* | 6 |
| 8 | *... Eat them, fish. Eat them. Please eat them. **How fresh** they are...* | 2 |
| 9 | *... **ball dresses and the green sprigged muslin** she had worn yesterday...* | 6 |
| 10 | *... **How she got out of the office** she never remembered...* | 6 |
| 11 | *... I sent the porter for the papers, **all the papers** he could get...* | 1 |
| 12 | *... **At the start of the winter** came the permanent rain and with the rain came the cholera...* | 1 |
| 13 | *... Through the other noise I heard a cough, **then** came the chuh-chuhchuh-chuh...* | 1 |
| 14 | *... The porter went in the door, followed by the grayhaired woman, **then** came hurrying back...* | 1 |
| 15 | *... **On both sides of us** stretched the wet plain...* | 1 |
| 16 | *... **Ahead across the plain** was the hill of Udine...* | 1 |
| 17 | *... **In March** came the first break in the winter...* | 1 |
| 18 | *... **Over the whiteness and silence** brooded a ghostly calm...* | 4 |
| 19 | *... **around the horses' legs** quarreled the pack of lean, nervous possum hounds that accompanied Stuart and Brent wherever they went ...* | 6 |
| 20 | *... **Sharp at the edge of this extension of the forest floor** commenced the sweet fern...* | 3 |
| 21 | *... **At the edge of the meadow** flowed a river...* | 3 |
| 22 | *... **Now** appeared Joe Hrper, as airily clad and elabrately armed as Tom...* | 7 |

| | | |
|---|---|---|
| 23 | *... **Then** came the same delicate pulling touch again...* | 2 |
| 24 | *... He opened his eyes, and **into them** came the unbridled anger of a kidnapped king...* | 4 |
| 25 | *... **At their backs** rose a perpendicular wall of rock...* | 4 |
| 26 | *... **Then** came the search for a place to descend, which descend was ultimately made by the aid of the rope, and night found them back on the river with a quarter of a mile to the day's credit...* | 4 |
| 27 | *... **Next** came official orders....* | 4 |
| 28 | *... **Then** came the underfeeding....* | 4 |
| 29 | *... **From every hill slope** came the trickle of running water, the music of unseen fountains...* | 4 |
| 30 | *... **And amid all this bursting, rending, throbbing of awakening life, under the blazing sun and through the soft-signing breezes, like wayfarers to death**, staggered the two men, the woman, and the huskies...* | 4 |
| 31 | *... **From below** came the fatal roaring where the wild current went wilder and was rent in shreds and spray by the rocks which thrust through like the teeth of an enormous comb...* | 4 |
| 32 | *... **From the forest** came the call (or one note of it, for the call was many noted), distinct and definite as never before, - a long- drawn howl, like, yet unlike, any noise made by husky dog...* | 4 |
| 33 | *... **From the bull's side, just forward of the flank**, protruded a feathered arrow-end, which accounted for his savageness...* | 4 |
| 34 | *... **From the camp** came the faint sound of many voices, rising and falling in a sing-song chant...* | 4 |
| 35 | *... **Ahead the river** narrowed and went into a swamp...* | 3 |
| 36 | *... Dave was wheeler or sled dog, pulling in front of him was Buck, **then** came Sol-leks...* | 4 |
| 37 | *... **In this manner** had fought forgotten ancestors....* | 4 |
| 38 | *... **what a great fish** he is...* | 2 |
| 39 | *... **At their edges** rose the virgin forests, dark and cool even in the hottest noons, mysterious, a little sinister, the soughing pines seeming to wait with an age-old patience, to threaten with soft sighs: "Be careful! Be careful! We had you once. We can take you back again."...* | 6 |
| 40 | *...**To the ears of the three on the porch** came the sounds of hooves, the jingling of harness chains and the shrill careless laughter of negro voices, as the field hands and mules came in from the fields...* | 6 |
| 41 | *... **From within the house** floated the soft voice of Scarlett's mother, Ellen O'Hara, as she called to the little black girl who carried her basket of keys...* | 6 |
| 42 | *... **Across the road** would be new rail fences, inclosing fat cattle and blooded horses, and the red earth that rolled* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| | *down the hillside to the rich river bottom land would gleam white as eiderdown in the sun—cotton; acres and acres of cotton!...* | |
| 43 | *... **Here under his feet** would rise a house of whitewashed brick...* | 6 |
| 44 | *...**Then** followed three little boys, each of whom died before he had learned to walk—three little boys who now lay under the twisted cedars in the burying ground a hundred yards from the house, beneath three stones, each bearing the name of "Gerald O'Hara, Jr."...* | 6 |
| 45 | *... **From the bedrooms on the floor above** came an unending hum of low voices, rising and falling, punctuated with squeaks of laughter and, "Now, you didn't, really!" and "What did he say then?"...* | 6 |
| 46 | *... **Behind them** streamed the merry cavalcade, girls cool in flowered cotton dresses, with light shawls, bonnets and mitts to protect their skins and little parasols held over their heads ...* | 6 |
| 47 | *...**Through the letters** ran a wistful yearning to be back home at Twelve Oaks, and for pages he wrote of the hunting and the long rides through the still forest paths under frosty autumn stars, the barbecues, the fish fries, the quiet of moonlight nights and the serene charm of the old house...* | 6 |
| 48 | *... **Five miles ahead of the retreating army** went the refugees, halting at Resaca, at Calhoun, at Kingston, hoping at each stop to hear that the Yankees had been driven back so they could return to their homes...* | 6 |
| 49 | *... **Beside him** marched his black valet who was nearly as old as Uncle Henry, with an open umbrella held over them both...* | 6 |
| 50 | *... **Shoulder to shoulder with their elders** came the young boys, none of them looking over sixteen...* | 6 |
| 51 | *... **At the end of July** came the unwelcome news, predicted by Uncle Henry, that the Yankees had swung around again toward Jonesboro...* | 6 |
| 52 | *... **Behind them** came the Yankee captain, his face a study of mingled suspicion and amusement ...* | 6 |
| 53 | *... **On the crisp autumn air** came clear the sound of horse's hooves, thudding as swiftly as a frightened heart, and a woman's voice, high pitched, screaming: "Scarlett! Scarlett!"...* | 6 |
| 54 | *...**Here and mere in the road and fields** lay buckles and bits of harness leather, canteens flattened by hooves and caisson wheels, buttons, blue caps, worn socks, bits of bloody rags, all the litter left by the marching army...* | 6 |
| 55 | *...**On this wall** hung large pictures of President Davis and Georgia's own "Little Alec" Stephens, Vice-President of the Confederacy...* | 6 |
| 56 | *... **Above them** was an enormous flag...* | 6 |
| 57 | *...**On the front steps** stood two women in black and behind them a large yellow woman with her hands under her* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| | *apron and her white teeth showing in a wide smile...* | |
| 58 | *...**Opposite the winding stair** stood a walnut sideboard, too large for use in the dining room, bearing on its wide top several lamps and a long row of candles in candlesticks...* | 6 |
| 59 | *...**On the bed** lay the apple-green, watered-silk ball dress with its festoons of ecru lace, neatly packed in a large cardboard box...* | 6 |
| 60 | *...**Under the arbor** sat the married women, their dark dresses decorous notes in the surrounding color and gaiety...* | 6 |
| 61 | *... **Across from us, at another table**, sat a sailor...* | 3 |
| 62 | *...**Beyond** lay the curving rows of cotton, still and green under the gold of the new sky...* | 6 |
| 63 | *... **How long** have you been an officer, Ettore* | 1 |
| 64 | *... **Behind those doors** lay the beauty of the old days, and a sad hunger for them welled up within her ...* | 6 |
| 65 | *... **Over it all** rested a sense of security, a knowledge that tomorrow could only bring the same happiness today had brought...* | 6 |
| 66 | *...**How she got out of the office** she never remembered...* | 6 |
| 67 | *...**Behind them** stood Mrs. Elsing...* | 6 |
| 68 | *...**On the table on the silver tray** stood the decanter with cut-glass stopper out, surrounded by glasses...* | 6 |
| 69 | *... **By the edge, head and fore feet in the water**, lay Skeet, faithful to the last...* | 4 |
| 70 | *...**A whiff of warm air ascended to his nostrils, and there,** curled under the snow in a snug ball, lay Billee...* | 4 |
| 71 | *...**Inside on a wooden bunk** lay a young Indian woman...* | 3 |
| 72 | *...**In the upper bunk** was her husband...* | 3 |
| 73 | *...**In the doorway** stood the maid...* | 3 |
| 74 | *...**At the foot of the bed** was my flat trunk, and my winter boots, the leather shiny with oil, were on the trunk...* | 1 |
| 75 | *...**On the other side** was a brick wall and buildings...* | 1 |
| 76 | *...**On our left** were the shops, their windows lighted, and the entrance to the galleria...* | 1 |
| 77 | *... **Across the square** were the lights of the station...* | 1 |
| 78 | *... **At the bottom of the pool** were the big trout...* | 3 |
| 79 | *... **Down about two hundred yards** were three logs all the way across stream...* | 3 |
| 80 | *... **Below** was the hills with oak and chestnut trees, and far away below was the sea...* | 3 |
| 81 | *...**On the other side** were snowy mountains...* | 3 |

| | | |
|---|---|---|
| 82 | *... **Across the road** would be new rail fences, inclosing fat cattle and blooded horses, and the red earth that rolled down the hillside to the rich river bottom land would gleam white as eiderdown in the sun—cotton; acres and acres of cotton!...* | 6 |
| 83 | *... **In her large black hands** was a tray upon which food smoked, two large yams covered with butter, a pile of buckwheat cakes dripping syrup, and a large slice of ham swimming in gravy...* | 6 |
| 84 | *... **On the porch steps** stood John Wilkes, silver-haired, erect, radiating the quiet charm and hospitality that was as warm and never failing as the sun of Georgia summer...* | 6 |
| 85 | *...**Between the saber and the pistol** was a daguerreotype of Charles himself, very stiff and proud in his gray uniform, his great brown eyes shining out of the frame and a shy smile on his lips...* | 6] |
| 86 | *... **On the top** was the letter which had come that morning and this one she opened...* | 6 |
| 87 | *... **In the corner of the room** was an empty bed, a narrow French Empire bed with curling head and foot, a bed which Ellen had brought from Savannah...* | 6 |
| 88 | *... **how cool and still** were the tangled trees overhanging the water!...* | 6 |
| 89 | *... **At the bottom of the long hill** was the river...* | 6 |
| 90 | *...“**The sow done bit Prissy and got her penned up unner the house.” “Good for the sow**,” thought Scarlett...* | 6 |
| 91 | *... **In her apron** was a pile of silver tableware...* | 6 |
| 92 | *... **Beneath his brow** was one hollow socket from which a scar ran down his cheek, carving a diagonal line through his beard...* | 6 |
| 93 | *... “**There will be no more offensive now that the snow has come**,” I said...* | 1 |
| 94 | *...“**Certainly not**,” said the major...* | |
| 95 | *...“**He should visit Amalfi**,” said the lieutenant...* | |
| 96 | *...“**I would like you to see Abruzzi and visit my family at Capracotta**,” said the priest...* | |
| 97 | *... “**To-night you will tell me everything**,” said Rinaldi...* | 1 |
| 98 | *...“**I am happy**,” said the priest...* | 1 |
| 99 | *...“**Priest not happy. Priest wants Austrians to win the war**,” the captain said...* | 1 |
| 100 | *...“**No**,” he said...* | 1 |
| 101 | *...“**Another American**,” said the driver in Italian looking at the hernia man...* | 1 |
| 102 | *... “**He does really**,” said Rinaldi...*<br>*...“**He has a rendezvous. I know all about it.” “I have to go.” “Another night**,” said Bassi...* | 1 |

| | | |
|---|---|---|
| 103 | *... "**Bring him in**," said the major...* | 1 |
| 104 | *...**"Slit the tunic**," the major said...* | 1 |
| 105 | *...**"Certainly. Remove the dressings, please, nurse**," the house doctor said to Miss Gage...* | 1 |
| 106 | *... "**Remove the dressings**?" questioned the bearded doctor...* | 1 |
| 107 | ***... "I can't." "Test the articulation**?" the bearded doctor questioned...* | 1 |
| 108 | *...**"How did you do**?" I asked Meyers...* | 1 |
| 109 | ***... Why**, I had asked...* | 1 |
| 110 | *... "**Where** did you tell him to go?"...* | 1 |
| 111 | *... "**What** do you believe in?"...* | 1 |
| 112 | *... "**What** a child!"...* | 6 |
| 113 | *... "**How long** did it take?" "Two hours and a half."...* | 1 |
| 114 | ***... How short** was the time for fun, for pretty clothes, for dancing, for coquetting!...* | 6 |
| 115 | ***... How** could she have thought during these two years that other men were nice or handsome or exciting?...* | 6 |
| 116 | ***... How** could she have even endured hearing them make love to her when Ashley was in the world?...* | 6 |
| 117 | ***... The afternoon** was a quiet time...* | 1 |
| 118 | ***... Next year** would be a bad year, or a good year maybe...* | 1 |
| 119 | ***... Three weeks** was twenty-one days...* | 1 |
| 120 | ***... A hundred yards a way** was a camp of the Northwest Police, with fifty dogs, huskies all, who joined the chase...* | 4 |
| 121 | ***... Tonight** was the last time she would ever be ministered to as a child...* | 6 |
| 122 | ***... And closely akin to the visions of the hairy man** was the call still sounding in the depths of the forest...* | 4 |
| 123 | *... "In spirit; **blessed** are the poor in spirit, for theirs"...* | 3 |
| 124 | ***... Alone in the big house** were Grandma Fontaine, in her seventies, her daughter-in-law who would always be known as Young Miss, though she was in her fifties, and Sally, who had barely turned twenty...* | 6 |
| 125 | ***... Wrapped in layers of tissue** was a bonnet, a creation that made her cry: "Oh, the darling thing!" as she reached for it...* | 6 |
| 126 | ***... Written on it** were his love for and joy that she loved him, but battling them both were shame and despair...* | 6 |
| 127 | ***... Approaching them** was the middle-aged gun-bearer, limping along in his knitted cap, khaki tunic, shorts and rubber sandals, gloomy-faced and disguised looking...* | 3 |
| 128 | *...Dave was wheeler or sled dog, **pulling in front of him** was Buck, **then** came Sol-leks; the rest of the team was* | 4 |

| | | |
|---|---|---|
| | *strung out ahead, single file, to the leader, which position was filled by Spitz...* | |
| 129 | *... **Accompanying him** also were the smells of chewing tobacco, well-oiled leather and horses—a combination of odors that she always associated with her father and instinctively liked in other men....* | 6 |
| 130 | *... **Lying between Atlanta and Dalton** was the city of Rome with its cannon foundry and its other industries, and Etowah and Allatoona with the largest ironworks south of Richmond...* | 6 |
| 131 | *... But Scarlett hardly heard a word he said, **so enraptured** was she at being in the same room with Ashley again...* | 6 |
| 132 | *... She did not even hear his last request, **so terrified** was she by those ill-omened words, "if I were killed."...* | 6 |
| 133 | *... The state militia who had gone out so short a time before, resplendent in new uniforms, could hardly be distinguished from the seasoned troops**, so dirty and unkempt** were they...* | 6 |
| 134 | *... But she could not answer, **so stricken** was she by the pictures her mind was drawing, Ashley lying dead in the snows of Virginia, so far away from her...* | 6 |
| 135 | *... **So engrossed** had they been in their gossip that they had not heard her light tread and now, confronted by their hostess, they looked like whispering schoolgirls caught by a teacher...* | 6 |
| 136 | *... **So great** was the shortage of paper in the Confederacy now that Gerald's note was written between the lines of her last letter to him and reading it was difficult...* | 6 |
| 137 | *... She hardly knew how to face Rhett, **so great** was her humiliation, but the affair seemed only to amuse him...* | 6 |
| 138 | *... The ambulance men hurrying here and there among the prostrate forms frequently stepped on wounded men, **so thickly packed** were the rows, and those trodden upon stared stolidly up, waiting their turn...* | 6 |
| 139 | *... Pork had been almost worthless since the trip, **so proud** was he of returning safely with his wagon-load of dress goods, seed, fowls, hams, side meat and meal...* | 6 |
| 140 | *... Now he looked like a little old man, **so bent** was he by the wound in his hip...* | 6 |
| 141 | *... **still more surprising** was the change wrought in Dave and Sol – lek...* | 4 |
| 142 | *...**Upon which impeachment of what to her** was her most essential sex-prerogative, she made their lives unendurable...* | 4 |
| 143 | *... **The whole long day** was a blaze of sunshine...* | 4 |
| 144 | *... Scarlett could hardly take any joy from that kiss, **so sullen** was her heart at Melly's prompting it...* | 6 |
| 145 | *...**Here along Peachtree Street and near-by streets** were the headquarters of the various army departments, each office swarming with uniformed men, the commissary, the signal corps, the mail service, the railway transport, the provost marshal...* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| 146 | *...**On the outskirts of town** were the remount depots where horses and mules milled about in large corrals, and **along side streets** were the hospitals...* | 6 |
| 147 | *... **What** will your mother say when she hears?...* | 6 |
| 148 | *...**What** will she think of me?"...* | 6 |
| 149 | *...**What** do you value most?"...*<br>*..."**Some one** I love." ...* | 1 |
| 150 | *... **Never before or after** did the names Republican and Scalawag carry such odium, for now the corruption of the Carpet bag regime was at its height...* | 6 |
| 151 | *... **only by the flashing needle and the delicate brows drawn down toward her nose** did Melanie indicate that she was inwardly seething...* | 6 |
| 152 | *... **Not only** can you outsleep anybody I've ever known and have the best appetite I've ever seen linked with a build like yours but you have an absolutely heaven-given ability to not have to go to the bathroom...* | 3 |
| 153 | *... **And not only** did he learn by experience, but instincts long dead became alive again...* | 4 |
| 154 | *...He was too busy adjusting himself to the new life to feel at ease, and **not only** did he not pick fights, but he avoided them whenever possible...* | 4 |
| 155 | *... **Not even at the terrible moment of parting, when he stopped by Tara on his way to the train**, did she have a private talk...* | 6 |
| 156 | *... **Not until hours later** did she recall that he had not kissed her on the lips...* | 6 |
| 157 | *... **Not once** did his eyes meet hers and he spoke no word of interruption...* | 6 |
| 158 | *... "**Some one** I love."...* | 1 |
| 159 | *... **No more** was Spitz a leader greatly to be feared...* | 4 |
| 160 | *... **not until two weeks later** did the news reach Tara...* | 6 |
| 161 | *... **no sooner** had she arrived than Aunt Pitty and Melanie began a campaign to induce her to make her home permanently with them...* | 6 |
| 162 | *... **No sooner** had the lump gone down than her empty outraged stomach revolted and she lay in the soft dirt and vomited tiredly...* | 6 |
| 163 | *... **on no day** did they succeed in making more than half the distance used by the men as a basis in their dog-food computation...* | 4 |
| 164 | *... **Not only** did they not know how to work dogs, but they did not know how to work themselves...* | 4 |

| | | |
|---|---|---|
| 165 | *... **No long** was this fact borne in upon him in some subtle, mysterious way...* | 4 |
| 166 | *...**But only from life** could Ellen's face have acquired its look of pride that had no haughtiness, its graciousness, its melancholy and its utter lack of humor...* | 6 |
| 167 | *... **only after three years of widowhood** could it be shortened to shoulder length...* | 6 |
| 168 | *... **Only with Melanie** was this look absent...* | 6 |
| 169 | *... **Only to Melanie, the next morning**, did she permit herself the luxury of exploding...* | 6 |
| 170 | *... **Never again** did he intend her to have a recurrence of fear of the dark...* | 6 |
| 171 | *... **Only then** did he tiptoe downstairs, leaving the lamp burning brightly and the door ajar so he might hear her should she awake and become frightened...* | 6 |
| 172 | *... **Little** did it matter though, to her or the Confederacy, now that all the field hands had run away and there was no one to pick the cotton...* | 6 |
| 173 | *... **Never in all his life** had he been so vilely treated, and never in all his life had he been so angry...* | 4 |
| 174 | *... **Never** had Buck seen such dogs...* | 4 |
| 175 | *... **Not only** did the romantic aura of the dashing blockader hang about him but there was also the titillating element of the wicked and the forbidden...* | 6 |
| 176 | *... **Not only** had she vomited before a man—in itself as horrible a contretemps as could overtake a woman—but by doing so, the humiliating fact of her pregnancy must now be evident...* | 6] |
| 177 | *... **Not only** was it fun but she was learning many things...* | 6 |
| 178 | *... They had seen other sleds depart over the Pass for Dawson, or come in from Dawson, but **never** had they seen a sled with so many as fourteen dogs...* | 4 |
| 179 | *... He had a great faith in Buck's strength and had often thought him capable of starting such a load; but **never, as now**, had he faced the possibility of it, the eyes of a dozen men fixed upon him, silent and waiting...* | 4 |
| 180 | *... **Never** have I seen a greater, or more beautiful, or a calmer or more noble thing than you, brother...* | 2 |
| 181 | *... Afternoon naps were a custom of the country and **never** were they so necessary as on the all-day parties, beginning early in the morning and culminating in a ball...* | 6 |
| 182 | *... **Never before** had she seen so much misery in anyone's face...* | 6 |
| 183 | *... **Never once during these last days** had he betrayed to Scarlett by one look, one word, anything but the affection a brother might show a sister or a friend, a lifelong friend...* | 6 |
| 184 | *... **Never, never** must Melanie see or suspect how she felt...* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| 185 | *... **Never** had the kisses of the Tarleton and Calvert boys made her go hot and cold and shaky like this ...* | 6 |
| 186 | *...**Never again** could Scarlett lie down, as a child, secure beneath her father's roof with the protection of her mother's love wrapped about her like an eiderdown quilt...* | 6 |
| 187 | *... **Never again** would she start in fear at the sound of hooves...* | 6 |
| 188 | *... **Never once** did he call for mother, wife, sister or sweetheart and this omission worried Carreen...* | 6 |
| 189 | *... **Never before** had she put this remarkable idea into words...* | 6 |
| 190 | *... **Never before** had the cleavage of the very rich and the very poor been so marked...* | 6 |
| 191 | *... **Only then** did he tiptoe downstairs, leaving the lamp burning brightly and the door ajar so he might hear her should she awake and become frightened...* | 6 |
| 192 | *... **Never again** did he intend her to have a recurrence of fear of the dark...* | 6 |
| 193 | *... **Hardly** had he finished the first lines when two other voices, drunken voices, assailed him, enraged foolish voices that stumbled over words and blurred them together...* | 6 |
| 194 | *... **Never again** would she give aid to anyone if it meant having the Yankees come down on her like a swarm of hornets...* | 6 |
| 195 | *... I knew I did not love Catherine Barkley **nor** had any idea of loving her...* | 1 |
| 196 | *... But for a long time we did not see any lights, **nor** did we see the shore but rowed steadily in the dark riding with the waves...* | 1 |
| 197 | *...His jaws closed on the hand, **nor** did they relax till his senses were choked out of him once more...* | 4 |
| 198 | *... Buck remembered the man in the red sweater, and retreated slowly; **nor** did he attempt to charge in when Soleks was once more brought forward...* | 4 |
| 199 | *...The Canadian Government would be no loser, **nor** would its despatches travel the slower...* | 4 |
| 200 | *... The day had been long and arduous, and he slept soundly and comfortably, though he growled and barked and wrestled with bad dreams. **Nor** did he open his eyes till roused by the noises of the waking camp...* | 4 |
| 201 | *...Deep in the forest a call was sounding, and as often as he heard this call, misteriously thrilling and luring, he felt compelled to turn his back upon the fire and the beaten earth around it, and to plunge into the forest, and on and on, he knew not where or why; **nor** did he wonder where or why, that call sounding imperiously, deep in the forest...* | 4 |
| 202 | *...Further, he had no thousand dollars; **nor** had Hans or Pete...* | 4 |
| 203 | *...As though animated by a common impulse, the onlookers drew back to a respectful distance; **nor** were they* | 4 |

| | | |
|---|---|---|
| | *again indiscreet enough to interrupt...* | |
| 204 | *... Fish, in open pools, were not too quick for him;* ***nor*** *were beaver, mending their dams, too wary...* | 4 |
| 205 | *...From then on, night and day, Buck never left his prey, never gave it a moment's rest, never permitted it to browse the leaves of trees or the shoots of young birch and willow.* ***Nor*** *did he give the wounded bull opportunity to slake his burning thirst in the slender trickling streams they crossed...* | 4 |
| 206 | *...His heart was not in the work,* ***nor*** *was the heart of any dog...* | 4 |
| 207 | *...I do not belong in this mad present of killing and I fear I will not fit into any future, try though I may.* ***Nor*** *will you, my dear, for you and I are of the same blood...* | 6 |
| 208 | *...Maybelle Merriwether was to marry her little Zouave when he got his next furlough, and she cried every time she thought of it, for she had set her heart on marrying in a white satin dress and there was no white satin in the Confederacy.* ***Nor*** *could she borrow a dress, for the satin wedding dresses of years past had all gone into the making of battle flags...* | 6 |
| 209 | *...Well, I admire your selfcontrol but I do not find myself equal to it.* ***Nor*** *can I masquerade in a cloak of romance and patriotism, no matter how convenient it might be...* | 6 |
| 210 | *... She did not see that Rhett had pried open the prison of her widowhood and set her free to queen it over unmarried girls when her days as a belle should have been long past.* ***Nor*** *did she see that under his influence she had come a long way from Ellen's teachings...* | 6 |
| 211 | *...On top of everything else, she was actually making money out of the mill, and no man could feel right about a wife who succeeded in so unwomanly an activity.* ***Nor*** *did she turn over the money or any part of it to him to use in the store...* | 6 |
| 212 | *... But men who expected to die within a week or a month could not wait a year before they begged to call a girl by her first name, with "Miss," of course, preceding it.* ***Nor*** *would they go through the formal and protracted courtships which good manners had prescribed before the war. They were likely to propose in three or four months...* | 6 |
| 213 | *... And, except for her brief honeymoon interlude, she had not had fun in so long.* ***Nor*** *had she had any sense of security...* | 6 |
| 214 | *...*"*I hate to leave our fine house.*" "***So*** *do I.*"... | 1 |
| 215 | *...* "***What*** *do you want?*"."*The seat.*" "***So*** *do I.*" *I watched his face and could feel the whole compartment against me...* | |

| | | |
|---|---|---|
| 216 | *...Are you married, Tenente?" "No." "**Neither** is Bonello."...* | 1 |
| 217<br>218 | *..."Do you want breakfast?" She wanted breakfast. **So** did I and we had it in bed, the November sunlight coming in the window, and the breakfast tray across my lap...* | 1 |
| 219 | *...Do you value life?". "Yes."*<br>*"**So** do I. Because it is all I have...* | 1 |
| 220 | *..."I'm always hungry." "**So** am I...* | 1 |
| 221 | *... The heights of Kennesaw were impregnable. **So** were Pine Mountain and Lost Mountain near by which were also fortified...* | 6 |
| 222 | *... The strange light the sun made in the water, now that the sun was higher, meant good weather and **so** did the shape of the clouds over the land...* | 2 |
| 223 | *... I begun to suspicion something. **So** did Jim...* | 7 |
| 224 | *... The man in the red sweater had proved that. As it was with Buck, **so** was it with his mates...* | 4 |
| 225 | *... Dr. Meade's prediction was right—as far as it went Johnston did stand like an iron rampart in the mountains above Dalton, one hundred miles away. **So firmly** did he stand and so bitterly did he contest Sherman's desire to pass down the valley toward Atlanta that finally the Yankees drew back and took counsel with themselves...* | 6 |
| 226 | *... For even as Andersonville was a name that stank in the North, **so** was Rock Island one to bring terror to the heart of any Southerner who had relatives imprisoned there...* | 6 |
| 227 | *... "He was there and he asked most kindly after you, **as** did his sisters, and said they hoped nothing would keep you from the barbecue tomorrow...* | 6 |
| 228 | *... Most of what he was saying went over her head, **as** did any conversation that was not personal...* | 6 |
| 229 | *... She discovered when she grew older that Gerald had stretched the truth somewhat, **as** was his habit when a little stretching would improve a story...* | 6 |
| 230 | *... "Oh, no, sir," she laughed. "I don't smoke, sir." "**Neither** do I," said Harris...* | 3 |
| 231 | *... I'd heap rather go to a war than go to Europe." "**So** would I, any day. ... Look, Brent!...* | 6 |
| 232 | *... She wasn't going to make a fool out of herself about the Cause, but **neither** was she going to make a fool out of herself by admitting her true feelings...* | 6 |
| 233 | *... "My husband wasn't afraid to go and **neither** was yours...* | 6 |
| 234 | *... Or, as chance might have it, he would lie farther away, to the side or rear, watching the outlines of the man and the occasional movements of his body. And often, **such** was the communion in which they lived, the strength* | 4 |

| | | |
|---|---|---|
| | *of Buck's gaze would draw John Thornton's head around, and he would return the gaze, without speech, his heart shining out of his eyes as Buck's heart shone out...* | |
| 235 | *... His eyes turned blood shot, and he was metamorphosed into a raging fiend.* ***So changed*** *was he that the Judge himself would not have recognized him...* | 4 |
| 236 | *... They closed in upon her, snarling and yelping, and she was buried, screaming with agony, beneath the bristling mass of bodies.* ***So sudden*** *was it, and so unexpected, that Buck was taken aback...* | 4 |
| 237 | *... The resulting tangle was even worse, but Buck took good care to keep the traces clear thereafter; and ere the day was done,* ***so well*** *had he mastered his work, his mate about ceased nagging him...* | 4 |
| 238 | *... But no matter how Spitz circled, Joe whirled around on his heels to face him, mane bristling, ears laid back, lips writhing and snarling, jaws clipping together as fast as he could snap, and eyes diabolically gleaming – the incarnation of belligerent fear.* ***So terrible*** *was his appearance that Spitz was forced to forego discilining him...* | 4 |
| 239 | *... To remedy this, he ate as fast as they; and,* ***so greatly*** *did hunger compel him, he was not above taking what did not belong to him. He watched and learned...* | 4 |
| 240 | *... Close in under the sheltering rock Buck made his nest.* ***So snug and warm*** *was it, that he was loath to leave it when Francois distributed the fish which he had first thawed over the fire...* | 4 |
| 241 | *... Straight away he raced, with Dolly, panting and frothing, one leap behind; nor could she gain on him,* ***so great*** *was his terror, nor could he leave her,* ***so great*** *was her madness...* | 4 |
| 242 | *... But when he was at last unearthed, and Spitz flew at him to punish him, Buck flew, with equal rage, in between.* ***So unexpected*** *was it, and so shrewdly managed, that Spitz was hurled backward and off his feet...* | 4 |
| 243 | *... There is an ecstasy that marks the submit of life, and beyond which life cannot rise.* ***And such*** *is the paradox of living, this ecstacy comes when one is most alive, and it comes as a complete forgetfulness that one is alive...* | 4 |
| 244 | *... Themselves, they had covered twelve hundred miles with two days' rest, and in the nature of reason and common justice they deversed an interval of loafing.* ***But so many*** *were the men who had rushed into the Klondike,* ***and so many*** *were the sweethearts, wives, and kin that had not not rushed in, that the congested mail was taking on Alpine proportions...* | 4 |
| 245 | *...* ***What of the thin and rotten ice*** *he had felt under his feet all day, it seemed that he sensed disaster close at hand, out there ahead on the ice where his master was trying to drive him. he refused to stir...* | 4 |
| 246 | *...What of the thin and rotten ice he had felt under his feet all day, it seemed that he sensed disaster close at hand, out there ahead on the ice where his master was trying to drive him. he refused to stir.* ***So greatly*** *had he suffered,* | |

| | | |
|---|---|---|
| | *and **so far gone** was he, that the blows did not hurt much...* | |
| **B 59 câu** | **Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ** | **tỷ lệ 11.8%** |
| 247 | *... **the attack** had been put forward an hour...* | 1 |
| 248 | *...**The mountain that was beyond the valley and the hillside where the chestnut forest grew** was captured...* | 1 |
| 249 | *... **a few more houses** had been hit by shell fire...* | 1 |
| 250 | *...**The ground** was torn up...* | 1 |
| 251 | *... **I** was hit and leaned over and put my hand on my knee...* | 1 |
| 252 | *... **Each article** was set apart as an exhibit; the rucksack in the centre, the riding boots on one side and the ski boots on the other...* | 1 |
| 254 | *...**The ties** had been dug out too…* | 1 |
| 255 | *...**The ties** had been thrown down the embankment...* | 1 |
| 256 | *...**The house** was approached by gravelled driveways which wound about through wide-spreading lawns and under the interlacing boughs of tall poplars...* | 1 |
| 257 | *... **her brooch** could be pinned over the spot, but perhaps Melanie had sharp eyes...* | 1 |
| 258 | *... **the telephone wires** were cut...* | 1 |
| 259 | *...**The twins' horses** were hitched in the driveway, big animals, red as their masters' hair...* | 1 |
| 260 | *... **descend** was ultimately made by the aid of the rope...* | 1 |
| 261 | *... a long- drawn howl, like, yet unlike, **any noise** made by husky dog...* | 1 |
| 262 | *... **it** was checked…* | 4 |
| 263 | *... **the wild current** … was rent in shreds and spray by the rocks...* | 4 |
| 264 | *... **we** were sheltered from rifle or machine-gun fire by the river bank...* | 4 |
| 265 | *... **the call** was many noted, distinct and definite as never before...* | 4 |
| 266 | *... **the rest of the team** was strung out ahead, single file, to the leader...* | 4 |
| 267 | *... **position** was filled by Spitz...* | 4 |
| 268 | *...**Ellen's second child, named Susan Elinor, but always called Suellen**, was born...* | 4 |
| 269 | *... **an unending hum of low voices, rising and falling**, punctuated with squeaks of laughter...* | 4 |
| 270 | *...**The porter went in the door**, followed by the grayhaired woman...* | 6 |
| 271 | *...Hal awoke one day to the fact that **his dog-food** was to be obtained...* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| 272 | *... **the back of this wagon** was piled high with napkin-covered hampers, split-oak baskets of lunch and a dozen watermelons...* | 6 |
| 273 | *...**Two of the black bucks** were equipped with banjo and harmonica...* | 6 |
| 274 | *... **the Yankees** had been driven back so they could return to their homes...* | 6 |
| 275 | *... **they** had been beaten off by the Confederate cavalry...* | 6 |
| 276 | *...Eye met eye for a dreadful second around the table before **chairs** were pushed back...* | 6 |
| 277 | *...**The cotton** was mangled and trampled where cavalry and infantry, forced off the narrow road by the artillery, had marched through the green bushes, grinding them into the earth...* | 6 |
| 278 | *... **cavalry and infantry**, forced off the narrow road by the artillery, had marched through the green bushes, grinding them into the earth...* | 6 |
| 279 | *...**It** was completely hidden from view by the banked greenery and starry bunting...* | 6 |
| 280 | *... **two faces** that were greatly loved...* | 6 |
| 281 | *...**The orchard** was cleared of underbrush and only daisies grew beneath the long rows of trees...* | 6 |
| 282 | *... **Most of the young ladies** were seated with partners on the long benches that faced the tables, but Scarlett, realizing that a girl has only two sides and only one man can sit on each of these sides, had elected to sit apart so she could gather about her as many men as possible...* | 6 |
| 283 | *...**The letter** was unsigned and came from Washington...* | 6 |
| 284 | *... **The lights** were only turned on when **some one** was brought in at night or when **something** was being done...* | 1 |
| 285 | *...Among them, **candles** burned serenely like altar fires...* | 6 |
| 286 | *... **Mrs. Elsing's four treasured rubber plants, which** were given posts of honor at the four corners...* | 6 |
| 287 | *... The ground was torn up...* | 6 |
| 288 | *...**The leather** was ... oiled smooth as a used saddle...* | 1 |
| 289 | *... **a blast-furnace door** is swung open, and a roar that started white and went red and on and on in a rushing wind...* | 1 |
| 290 | *...**The neat wooden-paneled fence** had been newly painted white and **the front yard it enclosed** was yellow starred with the last jonquils of the season...* | 1 |
| 291 | *... **a smashed permanent bridge** that could not be repaired and used because it was in plain sight...* | 1 |
| 292 | *...**This lost mine** was steeped in tragedy and shrouded in mystery...* | 4 |
| 293 | *... **Perrault and Froncois** were compelled to make their fire and spread their sleeping robes on the ice of the lake* | 4 |

| | | |
|---|---|---|
| | *itself...* | |
| 294 | *...**Perrault and Francois** threw chests up and down the main street of Skaguay and were deluged with invitations to drink, while the team was the constant centre of a worshipful crowd of dog-busters and mushers...* | 4 |
| 295 | *... **three or four western bad men** aspired to clean out the town, were riddled like pepper boxes for their pains, and public interest turned to other idols...* | 4 |
| 296 | *...**Thornton's desperate struggle** was fresh written on the earth, and Buck scented every detail of it down to the edge of a deep pool...* | 6 |
| 297 | *...**The window** was open, **my bed** was made up with blankets and **my things** hung on the wall, **the gas** mask in an oblong tin can, the steel helmet on the same peg...* | 1 |
| 298 | *...**His beard** was stained with tobacco juice and a large wad in his jaw made his face look deformed...* | 6 |
| 299 | *...In the meantime we were all at the mess, **the meal** was finished, and **the argument** went on...* | 1 |
| 300 | *...**The unfortunate boy** had not only been cheated of the love he thought he had won but also of his high hopes of honor and glory on the field of battle...* | 6 |
| 301 | *... **they** were crusted and **the knee** was swollen and discolored and **the calf** sunken but there was no pus...* | 1 |
| 302 | *... **He** has been proposed for the silver medal of valor...* | 1 |
| 303 | *... **we** have been betrayed into it by statesmen and orators mouthing catchwords and prejudices...* | 6 |
| 304 | *... **only the flute** was forbidden...* | 1 |
| 305 | *... **they** were frustrated by their heavy outfit and their own incompetence...* | 4 |
| 306 | *... **the price of dogs** had been boomed skyward by the unwonted demand...* | 4 |
| **C 79 câu** | **Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau** | **(tỷ lệ: 15.8 %)** |
| 307 | *... **In the bed of the river** there were pebbles and boulders, dry and white in the sun, and the water was clear and swiftly moving and blue in the channels...* | 1 |
| 308 | *... **there** were many orchards of fruit trees and beyond the plain the mountains were brown and bare...* | 1 |
| 309 | *...**There** was fighting in the mountains and at night we could see the flashes from the artillery...* | |
| 310 | *...**The next year** there were many victories...* | 1 |
| 311 | *...**there** were victories beyond the plain on the plateau to the south...* | 1 |
| 312 | *... **there** was snow on the guns and **there** were paths in the snow going back to the latrines behind trenches...* | 1 |

| | | |
|---|---|---|
| 313 | ...***In the town*** *there were more guns,* ***there*** *were some new hospitals, you met British men and sometimes women, on the street, and a few more houses had been hit by shell fire...* | 1 |
| 314 | *... **there** was a soldier sitting on a bench outside in the sun, an ambulance was waiting by the side door ...* | 1 |
| 315 | ...***Ahead*** *there was a rounded turn-off in the road to the right and looking down I could see the road dropping through the trees...* | 1 |
| 316 | ...***There*** *were troops on this road and motor trucks and mules with mountain guns...* | 1 |
| 317 | ...***There*** *was a little shelter of green branches outside over the entrance and in the dark the night wind rustled the leaves dried by the sun...* | 1 |
| 318 | ...***Inside*** *there was a light...* | 1 |
| 319 | *... **in front of my head** there was a splintered beam of wood...* | 1 |
| 320 | *... **to the south** there was a small branchroad across the fields with thick trees on each side ...* | 1 |
| 321 | *... **At the far end of the bridge** there were officers and carabinieri standing on both sides flashing lights...* | 1 |
| 322 | ...***Toward the sea*** *there are salt marshes and very few roads...* | 1 |
| 323 | *... **Up the line** there was a bridge over a stream that flowed into the marsh...* | 1 |
| 324 | ...***Down below*** *there were mosquito marshes and canals...* | 1 |
| 325 | ...***There*** *were some lovely villas...* | 1 |
| 326 | *... **Out on the lake** there were flocks of grebes, small and dark, and leaving trails in the water when they swam...* | 1 |
| 327 | ...***On the brown walls of the flattened, overlapping leaves of the sturdy fibered guano*** *there was a picture in color of the Sacred Heart of Jesus and another of the Virgin of Cobre...* | 2 |
| 328 | *... **There** were relics of his wife...* | 2 |
| 329 | *... **Once** there had been a tinted photograph of his wife on the wall but he had taken it down because it made him too lonely to see it and it was on the shelf in the corner under his clean shirt...* | 2 |
| 330 | ...***Then*** *there was the pumping plant for the artesian well, and the big cement tank where Judge Miller's boys took their morning plunge and kept cool in the hot afternoon...* | 4 |
| 331 | *... **From the beginning** there had been an ancient and ramshackle cabin...* | 4 |
| 332 | *... **between all the parts** there was a perfect equilibrium or adjustment...* | 4 |
| 333 | *... **Between the hounds and the horses and the twins** there was a kinship deeper than that of their constant companionship...* | 6 |
| 334 | ...***Then*** *there was an excited babble of negro voices in the darkness of the yard and high-pitched negro laughter...* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| 335 | *...**Then** there would have been a decorous interval of a year or at least six months...* | 6 |
| 336 | *... **Downstairs** there was a pandemonium of racing feet and sobbing voices...* | |
| 337 | *... **there** was the smell of marble floors and hospital.....* | 1 |
| 338 | *...**There** were big guns too that passed in the day drawn by tractors, the long barrels of the guns covered with green branches and green leafy branches and vines laid over the tractors...* | 1 |
| 339 | *...**There** were big guns too that passed in the day drawn by tractors, the long barrels of the guns covered with green branches and green leafy branches and vines laid over the tractors...* | 1 |
| 340 | *...**There** were mists over the river and clouds on the mountain and the trucks splashed mud on the road and the troops were muddy and wet in their capes...* | 1 |
| 341 | *...**There** were small gray motor cars that passed going very fast; usually there was an officer on the seat with the driver and more officers in the back seat...* | 1 |
| 342 | *... **There** was a shadow from his hand on the wall...* | 1 |
| 343 | *...**There** were many more guns in the country around and the spring had come...* | 1 |
| 344 | *... **there** were small green shoots on the vines, the trees along the road had small leaves and a breeze came from the sea...* | 1 |
| 345 | *...**There** had been a little town but it was all rubble...* | 1 |
| 346 | *...**There** were racks of rockets standing to be touched off to call for help from the artillery or to signal with if the telephone wires were cut...* | 1 |
| 347 | *...**There** were many marble busts on painted wooden pillars along the walls of the room they used for an office...* | 1 |
| 348 | *...**There** were stragglers going by long after the regiment had passed— men who could not keep up with their platoons...* | 1 |
| 349 | *...**There** were some British batteries up with the third army...* | 1 |
| 350 | *...**There** were trees along both sides of the road and through the right line of trees I saw the river, the water clear, fast and shallow...* | 1 |
| 351 | *... **there** were stretches of sand and pebbles with a narrow channel of water and sometimes the water spread like a sheen over the pebbly bed...* | 1 |
| 352 | *...**There** was one smashed bridge across the river...* | 1 |
| 353 | *...**There** were big search-lights on that front mounted on camions that you passed sometimes on the roads at night, close behind the lines, the camion stopped a little off the road, an officer directing the light and the crew* | 1 |

| | | |
|---|---|---|
| | *scared...* | |
| 354 | *...**There** was a little shelter of green branches outside over the entrance and in the dark the night wind rustled the leaves dried by the sun. **Inside** there was a light...* | 1 |
| 355 | *...**There** were three others to locate...* | 1 |
| 356 | *...**There** were four drivers...* | 1 |
| 357 | *...**There** were many strong smells, chemical smells and the sweet smell of blood...* | 1 |
| 358 | *...**There** was another stretcher by the side with a man on it whose nose I could see, waxy-looking, out of the bandages...* | 1 |
| 359 | *...**There** were stretchers lifted and slid into the slings above...* | 1 |
| 360 | *...**There** were several doors with brass knobs...* | 1 |
| 361 | *...**There** was a bed and a big wardrobe with a mirror...* | 1 |
| 362 | *...**There** was sunlight coming in through the shutters...* | 1 |
| 363 | *...**There** were villas with iron fences and big overgrown gardens and ditches with water flowing and green vegetable gardens with dust on the leaves...* | 1 |
| 364 | *...**There** was a big rucksack and two musettes...* | 1 |
| 365 | *...**There** were riding boots, a rucksack and ski boots in the window...* | 1 |
| 366 | *...**There** were plenty of rooms...* | 1 |
| 367 | *...**There** was much red plush and brass...* | 1 |
| 368 | *...**There** were many mulberry trees in the fields...* | 1 |
| 369 | *...**There** were a few men in the café sitting with coffee and glasses of kirsch or marc on the tables...* | 1 |
| 370 | *...**There** is only the boy to worry, of course...* | 2 |
| 371 | *... **There** were only three boats in sight now and they showed very low and far inshore...* | 2 |
| 372 | *...**There** were great stables, where a dozen grooms and boys held forth, rows of vine-clad servants'cottages, an endless and orderly array of outhouses, long grape arbors, green pastures, orchans, and berry patches...* | 4 |
| 373 | *... **there** was unmistakably a grease spot on the front of the basque...* | 6 |
| 374 | *...**There** were small gray motor cars that passed going very fast...* | 1 |
| 375 | *... **There** remained varicolored cotton dresses ...* | 6 |
| 376 | *... **there** was an officer on the seat with the driver and more officers in the back seat...* | 1 |
| 377 | *... **there** was no retracing that sunny road...* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| 378 | ... ***there*** *were no married belles in the South...* | 6 |
| 379 | ...***There*** *would be no way of replacing them...* | 6 |
| 380 | ... ***There*** *was not a man on the place unless Sally's little boy, Joe, hardly out of diapers, could be counted as a man...* | 6 |
| 381 | ... ***There*** *were no iron picket fences, iron summerhouses, iron gates or even iron statuary on the lawns of Atlanta now, for they had early found their way into the melting pots of the rolling mills...* | 6 |
| 382 | ...***There*** *was no east net and the boy remembered when they had sold it...* | 2 |
| 383 | ...***There*** *was no pot of yellow rice and fish and the boy knew this too...* | 2 |
| 384 | ... ***there*** *was no life in his face...* | 2 |
| 385 | ... ***there*** *is no such fish if you are sitll strong as you say...* | 2 |
| 386 | ... ***there*** *was no part of the hook ...* | 2 |
| | ... ***there*** *was no scattering of bait fish...* | 2 |
| **D 81 câu** | **Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu có thành phần đảo về phía trước** | **(tỷ lệ: 16.2 %)** |
| 387 | ... ***It*** *was a nuisance to have them there...* | 1 |
| 388 | ...***It*** *was no task for him to learn to fight with cut and slash and the quick wolf snap...* | 4 |
| 389 | ...***It*** *was impossible to salute foreigners as an Italian, without embarrassment...* | 1 |
| 390 | ...***It*** *had been impossible to advance on the far side the year before because there was only one road leading down from the pass to the pontoon bridge and it was under machinegun and shell fire for nearly a mile...* | 1 |
| 391 | ...***It*** *was not wide enough either to carry all the transport for an offensive and the Austrians could make a shambles out of it...* | 1 |
| 392 | ...***It*** *was forbidden to play the flute at night...* | 1 |
| 393 | ... ***it*** *was bad for the girls to hear the flute at night...* | 1 |
| 394 | ... ***it*** *was unseemly for a nurse to be seen unchaperoned with a patient who did not look as though he needed attendance, so we were not together much in the afternoons...* | 1 |
| 395 | ...***It*** *was a long ride to the station up side streets in the rain...* | 1 |
| 396 | ...***It****'s a crime to send you back...* | 1 |
| 397 | ...***It*** *is very nice to talk again...* | 1 |
| 398 | ... ***it*** *was strange to go up the slope where the Austrians had been, beyond the place on the river where I had been* | 1 |

| | | |
|---|---|---|
| | *wounded...* | |
| 399 | *...**It** was no harder to attack up a mountain than on the leve ...* | 1 |
| 400 | *...**It** is very bad for the soldiers to be short of food...* | 1 |
| 401 | *...**It** would be a black night with the rain...* | 1 |
| 402 | *...**It** was easy to stay under with so much clothing and my boots...* | 1 |
| 403 | *...**It** was better to arrive in a carriage...* | 1 |
| 404 | *...**It** would be false for you to deny that...* | 1 |
| 405 | *...**It** was exciting to watch ...* | 1 |
| 406 | *... **it** was a good thing to warm you and to celebrate with...* | 1 |
| 407 | *...**It** was very hard for her to talk ...* | 1 |
| 408 | *...**It** was past time for him to come home, but she was glad that he was late...* | 1 |
| 409 | *...**It** would have been music to his soul to hear the whisperings...* | 7 |
| 410 | *... **it** would be unmaidenly for her to answer it...* | 6 |
| 411 | *...**It** was a great temptation to rest in the bow and let the fish make one circle by himself without recovering any line...* | 2 |
| 412 | *...**It** was a sin to kill the fish...* | 2 |
| 413 | *...**It** was the wolf manner of fighting, to strike and leap away...* | 4 |
| 414 | *...**It** was a simple matter to give the dogs less food; but **it** was impossible to make the dogs travel faster, while their own inability to get under way earlier in the morning prevented them from travelling longer hours...* | 4 |
| 415 | *...**It** was her custome to be helpless...* | 4 |
| 416 | *... **it** was his delight to steal upon the squirrels, and, when he all but had them, to let them go, chattering in mortal fear to the treetops...* | 4 |
| 417 | *... **it** was not an affair sum for so fine an animal...* | 4 |
| 418 | *... **It** was no task for him to learn to fight with cut and slash and the quick wolf snap...* | 4 |
| 419 | *...**It** was a fateful day for the Yeehats...* | 4 |
| 420 | *... **it** had been necessary to raise more recruits among the sons of small farmers, hunters in the backwoods, swamp trappers, Crackers and, in a very few cases, even poor whites, if they were above the average of their class...* | 6 |
| 421 | *... **it** was fashionable to name boys after their fathers' commanding officers...* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| 422 | *... **It** would be interesting to know who was the father of Emmie Slattery's baby...* | 6 |
| 423 | *... **It** was too good to be true...* | 6 |
| 424 | *... **It** is bad enough to have an afternoon nap disturbed by such a passage as I've been forced to hear, but why should my life be endangered?...* | 6 |
| 425 | *... **It** was harder to bear than Honey's out-and-out cattiness...* | 6 |
| 426 | *... **it** was impossible for her to appear on the floor...* | 6 |
| 427 | *...**It** would be selfish to eat the rooster alone...* | 6 |
| 428 | *...**it** was better to know the worst than to wonder...* | 6 |
| 429 | *...**It** was hard enough for her to feed her own...* | 6 |
| 430 | *...**it** was difficult to remember those other care-tree days...* | 6 |
| 431 | *...**It** was the final degradation for her to think of Ashley reduced to the state of these other soldiers...* | 6 |
| 432 | *...**It** was wonderful to have a lovely dress again...* | 6 |
| 433 | *...**It** was a hard world for little babies and so many died in their first few months of life...* | 6 |
| 434 | *...**It** was nice to know Grandma hadn't meant any of it...* | 6 |
| 435 | *...**It** was nice of you to talk to me...* | 6 |
| 436 | *...**It** was kind of you to shelter my helplessness...* | 6 |
| 437 | *...**It** was exciting to go out with him for he was so handsome...* | 6 |
| 438 | *...**It** would be pleasant to feel superior to Rhett...* | 6 |
| 439 | *...**It** would have been impolite not to have known something of them when I had listened to such a splendid explanation of their causes which were, after all, it seemed, misunderstandings...* | 1 |
| 440 | *...**It** was rude of him to say it out loud...* | 6 |
| 441 | *...**it** was easier to shift the responsibility to Aunt Pitty, who after all was the head of the house, the chaperon and the arbiter of morals...* | 6 |
| 442 | *...**It**'s easier to walk with a leg wound than with dysentery...* | 6 |
| 443 | *... **It** would have been better than Stresa because there are fewer people at Pallanza...* | 1 |
| 444 | *... **It** was no great distance to row but when you were out of condition it had been a long way...* | 1 |
| 445 | *... **it** was good walking on the road and invigorating...* | 1 |
| 446 | *... **it** was lovely walking in the woods...* | 1 |
| 447 | *... **It** was nice to ride when the days were pleasant and we found two good places where we could ride out to eat...* | 1 |

| | | |
|---|---|---|
| 448 | ...***It*** *would be bad enough to have pale hair and eyelashes and a hitting chin that meant a stubborn disposition, without being twenty years old and an old maid in the bargain...* | 6 |
| 449 | ...***It*** *is not necessary to set the rest of oration...* | 7 |
| 450 | ...***It*** *had always been so soothing to Scarlett to hear her mother whisper, firmly but compassionately, as she tiptoed down the hall: "Hush, not so loudly...* | 6 |
| 451 | ... ***it*** *was good to creep back into bed and know that Ellen was abroad in the night and everything was right...* | 6 |
| 452 | ... ***it*** *was better to have Scarlett wear an afternoon dress at a morning barbecue than to have her gobble like a hog...* | 6 |
| 453 | ... ***It*** *was impossible to feel anything but palpitating joy in this warm sun, in this spring, with the chimneys of Twelve Oaks just beginning to show on the hill across the river...* | 6 |
| 454 | ... ***It*** *was useless for her to take little Wade from Prissy...* | 6 |
| 455 | ... ***It*** *was easy to see why he had been so shy, so unsophisticated, so idealistic...* | 6 |
| 456 | ... ***It*** *would be a pleasure to renew acquaintances...* | 6 |
| 457 | ... ***It*** *was embarrassing to be the only person present who was giving nothing...* | 6 |
| 458 | ... ***it*** *was painful to have to choke back words for fear of his amused grin...* | 6 |
| 459 | ... ***It*** *was almost impossible to obtain these small luxuries now—ladies were wearing hand-whittled wooden hairpins and covering acrons with cloth for buttons—and Pitty lacked the moral stamina to refuse them...* | 6 |
| 460 | ... ***It*** *would be exciting to have Rhett Butler in love with her and admitting it and begging for a kiss or a smile...* | 6 |
| 461 | ...***It*** *would be better to have a son even if he did get killed than to never have one...* | 6 |
| 462 | ... ***it****'s so hard to get him back to bed...* | 6 |
| 463 | ...***It*** *had been her intention to send Pork out with the horse and wagon, the gold pieces and the United States money to scour the countryside for provisions and material for clothes...* | 6 |
| 464 | ...***It*** *was wonderful to have a lovely dress again...* | 6 |
| 465 | ...***It*** *was hard to believe there was so much money in all this bitter and poverty-stricken world...* | 6 |
| 466 | ... ***It*** *was hard to see her favorite child quieting in Rhett's arms when she had screamed so pitifully in her own...* | 6 |
| 467 | ... ***It*** *was hard to see the small arms going around his neck and hear the choking voice relate what had frightened her, when she, Scarlett, had gotten nothing coherent out of her...* | 6 |
| 468 | ... ***It*** *was all well enough in the Scotland, under the law of love and fellowship, to respect private property and personal feelings...* | 4 |

| E 35 câu | Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu) | (tỷ lệ: 7 %) |
|---|---|---|
| 469 | *... **it was a comfort** that they were no bigger...* | 1 |
| 470 | *... **It was there** that the offensive was to begin...* | 1 |
| 471 | *...**It was not a pleasant trip to the dressing room and I did not know until later** that beds could be made with men in them...* | 1 |
| 472 | *... **it was not till a week later** that the last of the survivors gathered together in a lower valley and counted their losses...* | 4 |
| 473 | *...**It was one thing to know** that Ashley was engaged but it was another to hear people talk about it so casually...* | 6 |
| 474 | *...**It is difficult for me to believe** that you could so forget yourself and your rearing...* | 6 |
| 475 | *... **It was useless for the girls to argue hotly** that such conduct humiliated the soldiers...* | 6 |
| 476 | *... **It's obvious** that you still care about him ...* | 6 |
| 477 | *...**It was a long time since I had written to the States and I knew I should write but I had let it go so long** that it was almost impossible to write now...* | 1 |
| 478 | *...**It is a disgrace that** they should stay so long that they become friends...* | 1 |
| 479 | *... **It was impossible** that there were Germans there...* | 1 |
| 480 | *...**It is possible** that Tom's mental stomach had never really hungered for one of those prizes, but unquestionably his entire being had for many a day longed for the glory and the eclat that came with it...* | 7 |
| 481 | *...**It was obvious** that he did not like women, Melanie excepted, any better than he liked negroes and Yankees...* | 6 |
| 482 | *...**It was a token** that he was harking back through his own life to the lives of his forebears...* | 4 |
| 483 | *...**It was inevitable** that the clash for leadership should come...* | 4 |
| 484 | *...**It was inevitable** that they should go short on dog food...* | 4 |
| 485 | *...**It was the cherished belief of each** that he did more than his share of the work, and neither forbore to speak this belief at every opportunity...* | 4 |
| 486 | *... **It was the menacing truce** that marks the meeting of wild beasts that prey...* | 4 |
| 487 | *... **it had always been a struggle to teach Scarlett** that most of her natural impulses were unladylike...* | 6 |
| 488 | *...**It was inconceivable to him** that Charles' only son should be reared where he could not supervise the rearing...* | 6 |
| 489 | *...**It was obvious to all now** that the Yankees were far from cowardly and that it would take more than one victory* | 6 |

| | | |
|---|---|---|
| | *to conquer them...* | |
| 490 | *... **It had been her experience** that the liar was the hottest to defend his veracity, the coward his courage, the ill-bred his gentlemanliness, and the cad his honor...* | 6 |
| 491 | *... **it was strange** that he had never so much as kissed the hand of an unmarried girl since he first appeared in Atlanta...* | 6 |
| 492 | *... **It was bad enough** that they forced their wives to go through such indecent performances but to actually seek out low women and pay them for such accommodation...* | 6 |
| 493 | *... **It will be a comfort to me to know** that you are together if anything happens to me...* | 6 |
| 494 | *...**It was awful for a man to know** what women really thought about and talked about...* | 6 |
| 495 | *... **It was bad luck to wish** that someone were dead, almost as bad luck as to curse someone...* | 6 |
| 496 | *... **It was incredible** that she could be in such a fix...* | 6 |
| 497 | *... **It was incredible** that she could be so completely alone, and frightened, and far from home...* | 6 |
| 498 | *... **It was hard to remember** that the war was over and that this man would not pursue her, rob her and insult her...* | 6 |
| 499 | *...**It was so nice to know** that she looked pretty and provocative, and she impulsively bent forward and kissed her reflection in the mirror and then laughed at her own foolishness...* | 6 |
| 500 | *...**It was a shame** that such a fine little woman should be alone and helpless in a world so rough that she didn't even understand its harshness...* | 6 |

**PHỤ LỤC 2**
**500 CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG VIỆT**

| TT | CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG VIỆT | NGUỒN |
|---|---|---|
| **A (221 câu)** | **Kiểu 1: Nhấn mạnh nhằm đối lập tham tố đảo làm phần Đề đánh dấu trong câu có thành phần câu đảo không có yếu tố phụ trợ** | **(tỷ lệ 44.2 %)** |
| 1 | ... nhà chủ xin phép cụ cho bốn người lên hầu bài, rồi đi xuống. lúc gặp cậu người nhà, anh ta mới hỏi khẽ:<br>- ***Đôi giày của cụ****, cậu có cất không?* - không! sao bác hỏi lố bịch thế ?... | 14 |
| 2 | ... ***Trong công viên*** *bừng rộ hoa nở* và các loài chim di trú lại trở về gây tổ dưới những mái nhà... | 17 |
| 3 | ... ***Dưới làn chớp*** *làm quắc sáng cả đám lau bà ven suối*, Kiên nhìn thấy lồ lộ trong nháy mắt một người con gái đang đi chếch qua trước mặt an*h*... | 17 |
| 4 | ... ***Ở nửa lưng bên trái*** *nở bùng rất nhanh một bông hoa máu...* | 17 |
| 5 | ... Luôn luôn, khi di trên đường phố. ***Trong đầu anh*** *thường bất chợt lóe lên một ý nghĩ...* | 17 |
| 6 | ... ***Từ đêm ấy*** *bắt đầu những sự kiện ghê gớm...* | 17 |
| 7 | ... Kiên ngoắt đầu nhìn lui vào bóng tối phía sau. ***Đúng khoảnh khắc ấy****, ở lưng trời bỗng bục ra những tiếng như tiếng mở nút chai...* | 17 |
| 8 | ... ***từ khung cửa sổ hình vòm của tầng trệt tòa lầu*** *vang lên những tràng súng máy mà lẽ ra phải câm bặt rồi sau nhiều trái M79 dọt vào phòng...* | 17 |
| 9 | ... ***Sau nhà*** *là vườn ăn quả...* | 17 |
| 10 | ... ***Bên kia đường, qua một bãi trống rải rác lùm cây bụi*** *là một đám cây cối có lẽ là vườn cây ăn quả đằng sau đó nổi lên mấy mái nhà gianh thâm thấp...* | 17 |
| 11 | ... ***Thốt nhiên, từ đâu đấy, dường như rất xa*** *vang lên một tiếng kêu dài, gọi tên anh...* | 17 |
| 12 | ... Gã vệ sĩ đã theo kịp Lồ. ***Không*** *ai bảo ai*, cả hai lập tức nằm rạp xuống và lặng lẽ trườn như hai con thằn lằn dưới đám dây rợ nhằng nhịt... | 11 |
| 13 | ... ***Vọng từ bìa rừng vào****, tiếng chim hót thánh thót, đơn lẻ...* | 11 |
| 14 | ... ***Đôi lúc*** *nổi lên tiếng mõ trâu thả rông toọc toọc đều đều lẫn trong tiếng chim...* | 11 |
| 15 | ... ***Từ bụi cây đom đóm lúp xúp bên trái Pao*** *bay vù ra và rướn lên cao một đàn chim chào mào...* | 11 |
| 16 | ... ***Cho tới lúc, thật là bất ngờ, ngay trong nhà, cạnh nơi Tích ngồi****, bật lên một tiếng quát thật to...* | 11 |
| 17 | ... ***trên đỉnh núi lúc ấy*** *bật nổi hơn chục cái bóng ngựa đen sì...* | 11 |
| 18 | ... ***Từ trong nhà,*** *vừa lọt qua khe cửa một giọng nữ yếu đuối,* đang ca bản Ca khúc nghê thường... | 11 |

| | | |
|---|---|---|
| 19 | ...***Lúc ấy, ngoài phố*** *vừa vang dậy một tràng súng tiểu liên* và sau đó nghe thấy tiếng một người gào thất thanh... | 11 |
| 20 | ...***Mặt sông*** *ngời lên một vầng hồng tròn vạnh...* | 11 |
| 21 | ...“***Bọn thổ phỉ đấy***, các đồng chí ơi!”... | 11 |
| 22 | ... ***Trứng mới ấp đã đếm gà con à***, *Chính phủ!...* | 11 |
| 23 | ... Đoàng! Đoàng! ***Ngoài cửa*** *vang mấy tiếng súng nổ...* | 11 |
| 24 | ... ***Từ bên bờ vực*** *kéo tuột xuống sâu một vệt dài tiếng động rào rào...* | 11 |
| 25 | ... ***Chưa từng bao giờ*** *Kiên được thấy – thấy, chứ không chỉ là mường tượng – cuộc đời mình hiện thân thành một triền sông như thế...* | 17 |
| 26 | ... ***Phía bên kia núi***, *vừa đổ ra ùn ùn mấy chục bóng ngựa và một lũ áo đen...* | 11 |
| 27 | ... ***Ngoài sân*** *chợt nổi một chặp khèn...* | 11 |
| 28 | ... ***Cạnh Lồ từ nhà trong*** *vừa bước ra một gã trai trẻ...* | 11 |
| 29 | ... ***Ngoài cửa sổ*** *ló vào khuôn mặt thằng Pùa...* | 11 |
| 30 | ... ***Sau nhà*** *chợt nổi một tiếng gà...* | 11 |
| 31 | ... ***ngoài hiên*** *nổi lên tiếng cái cối đá quay...* | 11 |
| 31 | ... ***Sau lưng người phụ nữ***, *nghểnh lên một cái đầu trẻ con tóc lơ phơ vàng óng...* | 11 |
| 33 | ... “***Bộ đội đàn bà, bộ đội trẻ con”.*** *Seo Cả nghĩ...* | 11 |
| 34 | ... ***Vừa lúc ấy ngoài cửa hang*** *nổ liền hai băng đạn dài...* | 11 |
| 35 | ... ***Quanh bốn người***, *vỗ đập những sóng âm thanh...* | 11 |
| 36 | ... ***- Kìa anh*** *! - Chợt, Phượng kêu khe khẽ...* | 12 |
| 37 | ... ***trên cửa sổ*** *vừa nhảy lên một con mèo đen...* | 12 |
| 38 | ... ***giữa sân pháp trường sắp giải tán***, *nổi lên một trận gió lốc xoáy rất mạnh...* | 26 |
| 39 | ... ***Từ phía đầu làng***, *dội về mấy tiếng pháo lẻ loi...* | 26 |
| 40 | ... ***Từ ngoài phía ngõ râm bụt lượn sát nhà gạch***, *dội vào những tiếng bước chân người nặng nề...* | 26 |
| 41 | ... ***Trên mấy tấm cửa lùa ngả xuống hai cái mễ gỗ***, *nhô hẳn ra vỉa hè, một cuốn Chinh phụ ngâm diễn nôm đã ghìm bước ông Đầu Xứ Em lại...* | 26 |
| 42 | ... ***Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo***, *vẳng về lều ông những tiếng kêu nài...* | 26 |
| 43 | ... ***Ở đây*** *bắt đầu một nguồn sống mới lạ...* | 26 |
| 44 | ... ***Giữa đám lá xanh rậm rạp ấy***, *nhoi lên một cái sinh phần bằng cẩm thạch, lối bài trí và kiến trúc theo kiểu Xiêm La, để mai sau chủ nhân gửi nắm xương tàn...* | 21 |

| | | |
|---|---|---|
| 45 | ... ***Từ bên trong những tiệm ấy*** *đưa ra những điệu kèn réo rắt, bổng trầm...* | 21 |
| 46 | ... ***Trong đình lúc ấy*** *vang âm lên những lời bàn tán và cãi nhau...* | 21 |
| 47 | ... ***Trên sân khấu****, vẫn diễn ra những điệu bộ và những câu pha trò nhảm nhí...* | 14 |
| 48 | ... Mùa hè nóng như thiêu, cũng như mùa đông rét như cắt, khi mõ điểm tan canh đổ hồi, trong các bếp đã thấy ngọn lửa vàng lập loè và ***trên mái*** *đã tia ra những dòng khói lam ẻo lả...* | 14 |
| 49 | ... ***Giữa cái màu xanh lặng lẽ của lá lạc, lá cỏ nghệ, và rút đồng****, nổi lên một miếng vàng sẫm của mấy mảng cỏ gianh và lá cót đan lẫn lên nhau...* | 10 |
| 50 | ... ***từ hàng trăm cái miệng đã ba tháng nay không hề biết một hột muối****, vang lên những lời phản đối hỗn độn, ồn ào, không còn rõ là tiếng người...* | 18 |
| 51 | ... ***Ở mỗi cửa nhà*** *ló ra bốn, năm cái đầu ngơ ngác...* | 19 |
| 52 | ... ***Từ đôi mắt ông cụ*** *lăn ra hai giọt nước mắt lớn*, ông lén trở tay chùi một cách vội vã... | 19 |
| 53 | ... ***Từ bờ ruộng đằng xa đi lại****, một người đàn bà gánh hai gánh đầy...* | 15 |
| 54 | ... ***Lúc ấy trong tiệm*** *nổi lên một điệu van quen thuộc...* | 25 |
| 55 | ... ***Sau hôm ấy, hai hôm sau*** *giải tán lớp học...* | 23 |
| 56 | ... ***Từ dưới sâu hun hút*** *vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ...* | 23 |
| 57 | ... ***Từ trong ngực nó*** *phát ra tiếng "hừm" nho nhỏ nghe rất đáng sợ,* tựa như thần Chết bực mình cáu kỉnh vì sự can thiệp của ông với nó... | 23 |
| 58 | ... Ông Diểu lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. ***Thật chưa bao giờ*** *ông lại vất vả và mệt đến thế...* | 23 |
| 59 | ... ***Ở đáy*** *đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ...* | 23 |
| 60 | ... ***Trong lòng Kiên*** *chợt thấy nao lên một nỗi buồn đơn giản, xót xa choáng ngợp...* | 17 |
| 61 | ... ***chưa bao giờ Kiên*** *định rằng sẽ viết một cái gì đấy về kỷ niệm này...* | 17 |
| 62 | ... ***Trung đội, thế là còn không đầy một mâm***? - Kiên rên rỉ. .. | 17 |
| 63 | ... ***Đúng giây lát đó****, thình lình vang lên một phát súng lục...* | 17 |
| 64 | ... ***Thoạt đầu*** *là tiếng đàn rời và khô, nhưng sau đó bừng lên cảm hứng...* | 17 |
| 65 | ... ***Đặc biệt*** *là phần cuối của bản xô-nát...* | 17 |
| 66 | ... ***Len giữa âm điệu hầu như tươi vui*** *bỗng đâu nảy ra một nguồn cơn đau xót và buồn thương bi thảm...* | 17 |
| 67 | ... ***Trong buồng*** *vẳng ra tiếng đàn môi thầm thì:..* | 11 |
| 68 | ... ***ở nhóm dưới đang chộn rộn*** *bỗng bật lên một tràng cười thật thô lỗ...* | 11 |

| | | |
|---|---|---|
| 69 | ... ***Ngoài sân*** *chợt bật lên tiếng kêu của thằng Pùa...* | 11 |
| 70 | ... ***Xanh đằm bên đường*** *là cánh rừng hạt dẻ...* | 11 |
| 71 | ... ***Từ đâu đó*** *vừa cất lên một tiếng kèn lá tha thiết và như không có thật...* | 11 |
| 72 | ... ***Seo Cả****! Anh thốt gọi...* | 11 |
| 73 | ... ***từ vòng ngoài cùng****, bật lên một tiếng nói thật to khoẻ và kiêu căng...* | 11 |
| 74 | ... ***Phía ấy*** *là núi...* | 11 |
| 75 | ... ***Lúc ấy, ngoài trời*** *bỗng đổ mưa bụi...* | 11 |
| 76 | ... ***Trong anh*** *đang dồn tích những bức xúc...* | 12 |
| 77 | ... ***Dưới nhà*** *lại vẳng đưa lên cái giọng ru con ban nãy...* | 26 |
| 78 | ... ***Ngay từ đấy****, nẩy ra trong đầu y, cái ý náo nức muốn học, muốn thành tài, để đem cái tài ra mà dẹp tan những nỗi bất bình kia...* | 9 |
| 79 | ... ***Giữa mênh mông*** *nổi lênh đênh những đống cây ngô, cây đỗ và những mảng tranh, những cây đòn tay, cây xoan, cây chuối...* | 16 |
| 80 | ... ***- Hay là ta bơi sang hở anh?*** Tôi lưỡng lự... | 20 |
| 81 | ... ***Bên kia sông*** *chợt lóe mấy ánh lửa như đèn pin rồi vài tiếng súng nổ vu vơ...* | 20 |
| 82 | ... ***ở nhà bên cạnh nữa****, vang lại cùng một thứ tiếng kì kà kì kèo nhẫn nại, âm thầm...* | 18 |
| 83 | ... ***Những buổi trưa nắng cháy, làng xóm vắng tanh****, thường nổi lên những cơn gió rất lạ...* | 18 |
| 84 | ... ***Từ các nhà*** *đã quyện lên những sợi khói tím thẫm...* | 19 |
| 85 | ...***Trên tấm lưng chưa rộng bằng bề ngang cái xà lét mẹ để lại đó****, ứa một giọt máu đậm*, từ sáng đến chiều thì đặc quện lại, tím thâm như nhựa xà nu.... | 19 |
| 86 | ... ***Bên sông*** *lại vẳng tiếng hát thuở nào tê tái...* | 23 |
| 87 | ... ***Trong tôi*** *trào lên cảm giác thương xót, tựa như thương xót chính em gái tôi...* | 23 |
| 88 | ... ***từ phía đó*** *thỉnh thoảng lại bùng lên một bụm khói trắng và dội về phía trấn hai tiếng tắc bọp...* | 11 |
| 89 | ... ***từ đuôi nó*** *đã tung ra những chấm dù trắng loá...* | 11 |
| 90 | ... ***Đứng trước hai cánh cổng sắt*** *là một người phụ nữ và hai đứa trẻ...* | 12 |
| 91 | ...***Chung quanh bể*** *là một lượt liễu yểu điệu như những thiếu nữ đứng xõa tóc châu đầu nhìn xuống mặt nước...* | 21 |
| 92 | ... ***Độ này*** *chẳng ai đánh chác gì cả...* | 21 |

| | | |
|---|---|---|
| 93 | ... ***Độ này*** *quan lớn mạnh khỏe đấy chứ?...* | 21 |
| 94 | ... ***Người gõ cửa*** *là một ông già độ ngoài năm chục tuổi, vận âu phục, quần áo bằng vải vàng, đầu đội mũ dạ, chân đi giầy đen, trông có vẻ giang hồ khí phách, đáng trọng và cũng đáng đề phòng lắm...* | 21 |
| 95 | ... - ***Sao*** *ông không gọi con?...* | 14 |
| 96 | ... ***Không một phút nào*** *Điền không phải nghĩ đến tiền...* | 8 |
| 97 | ... ***Trên chín mươi khuôn mặt tự nhiên*** *nở bao nhiêu nụ cười...* | 18 |
| 98 | ... ***phía bên phải*** *là một khẩu súng thập bát hưởng bắn một lúc những mười tám phát liền...* | 26 |
| 99 | ... ***trước cửa*** *nở đầy hoa hồng...* | 25 |
| 100 | ...***Ở khóe mép*** *là một nếp nhăn hằn sâu của người già...* | 22 |
| 101 | ... ***Trong đầu người đàn bà*** *bùng lên một ý nghĩ dại dột...* | 8 |
| 102 | ... ***Bắt đầu*** *dằng dặc chặng sông dài rực lửa.* Bao nhiêu năm trời. Một cuộc chiến tranh... | 17 |
| 103 | ... ***Sáng hôm sau*** *là buổi học cuối cùng...* | 17 |
| 104 | ... - Em vào B năm 66. Hai năm rồi, nhưng chủ yếu ở dưới cánh trung. ***Vùng này*** *em không thạo lắm...* | 17 |
| 105 | ... ***chưa bao giờ*** *phải trải qua tình cảnh khó khăn như lần này...* | 17 |
| 106 | ... ***Rồi tiếp đó*** *cộp cộp cộp tiếng giày đi lên gác...* | 11 |
| 107 | ... ***sao hôm nay*** *đồng chí không cho chiến sĩ tập luyện?...* | 11 |
| 108 | ... Lồ chụp ông nghe vào hai tai. ***Trong ống nghe*** *lục bục tiếng động cơ máy bay, rồi đột ngột vẳng tới một giọng nói đĩnh đạc, trầm trầm...* | 11 |
| 109 | ... - Ơ hay! Mợ giận tôi đấy à?<br>- Không!<br>- ***Bao giờ*** *mợ định về?* - Không biết... | 14 |
| 110 | ... ***Dưới đường*** *bỗng đùng đoàng nổ một tràng pháo...* | 12 |
| 111 | ... ***Nhưng hồi ấy*** *họ chưa biết hôn nhau...* | 16 |
| 112 | ... ***Ngoài nhà*** *vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện...* | 13 |
| 113 | ... ***Ngồi chồm hỗm trên bờ tường*** *là hai thằng thấp bé nhẹ cân nhất lớp, tay cầm giỏ vung hàng nắm bọt biển xuống đất...* | 8 |
| 114 | ... ***vì sao*** *bố tôi lại đi coi tôi là người nhẹ dạ?...* | 23 |
| 115 | ...***Dằng dặc trôi qua*** *trong hồi ức của Kiên vô vàn những hồn ma thân thiết, lẳng lặng âm thầm kéo lê mãi trong đời* | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| | *anh nỗi đau buồn chiến tranh...* | |
| 116 | ... ***Vương rắc*** *xung quanh bếp, vỏ sắn và lõi ngô...* | 17 |
| 117 | ... ***Tràn ngập*** *lòng anh một khối mịt mù bấn loạn...* | 17 |
| 118 | ... ***Nghẽn*** *trong cổ họng một tiếng kêu...* | 17 |
| 119 | ... ***Trải ra vô tận*** *trước mắt anh bốn mươi năm đã qua của cuộc đời...* | 17 |
| 120 | ... Gã vệ sĩ đã theo kịp Lồ. ***Không*** *ai bảo ai...* | 11 |
| 121 | ... ***Ba năm qua****, chẳng lúc nào Pao nguôi thương cha, không lo cho em Pùa...* | 11 |
| 122 | ... ***Bật lên*** *trong chị tất cả sức nén chịu, lòng căm giận, và niềm hy vọng...* | 11 |
| 123 | ... ***Lướt qua*** *mặt Cấu một ánh nhìn lạnh như thép...* | 11 |
| 124 | ... ***Loáng qua*** *mắt Pao căn nhà, cái chuồng lợn, tầu ngựa, cái quan tài, bóng thằng Pùa, bóng cha...* | 11 |
| 125 | ... ***Ập tới hắn*** *ngay lúc ấy một con chó xồm*, Lử loạng choạng ngã vào vách liếp... | 11 |
| 126 | ... Tôi tự hỏi: ***vì sao*** *bố tôi lại đi coi tôi là người nhẹ dạ?...* | 23 |
| 127 | ... ***Dậy lên*** *trong lòng Chính chút ngậm ngùi xa lạ,* khi liên tưởng chợt đến, anh tách mình ra xa đứng nhìn cái thị trấn biên giới này trong những bước thăng trầm lịch sử của nó... | 11 |
| 128 | ... Anh rón rén bước vào cái sân ẩm ướt và dừng lại ở trên thềm. ***Vẳng*** *từ trong nhà ra tiếng hát của bà cụ Doa...* | 11 |
| 129 | ... Tiếng sáo Ngọc ngân nga. Seo Cả dừng tay gặt.Chị bỏ khăn, lau mồ hôi mặt. ***Tràn*** *vào lòng chị một cảm giác thảnh thơi, thư thái...* | 11 |
| 130 | ... Thoáng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể. ***Dâng lên*** *trong ông cái cảm xúc thiêng liêng rất đỗi quen thân...* | 12 |
| 131 | ... ***Rộ lên*** *tiếng quạ kêu tao tác ở khoang rừng già trước mặt...* | 11 |
| 132 | ... ***Xộc lên*** *cả mùi rượu...* | 17 |
| 133 | ... - ***Tại làm sao*** *bà nỡ đối xử với chúng tôi như thế?* - Họ là người Pháp, chúng tôi không chở cho giặc!... | 14 |
| 134 | ... *Há há!...* ***Đẹp*** *mặt chưa*!... | 12 |
| 135 | ... ***Đầy ắp*** *những chặp cười, những lời phiếm luận.* ***Nổi lên*** *giọng Lý chanh chua, những âm thanh, giọng điệu biến thái đột ngột và những thành ngữ, từ ngữ phi lí, lạ tai...* | 12 |
| 136 | ... ***Giữa mênh mông*** *nổi lênh đênh những đống cây ngô, cây đỗ và những mảng tranh, những cây đòn tay, cây xoan, cây chuối...* | 16 |
| 137 | ... ***vút*** *lên trời một vệt sáng xanh...* | 11 |
| 138 | ... ***Vòn vọt bay lên, rạch trên vòm trời đêm*** *những vệt dài, những chùm sáng tím biếc, hoa cà, xanh chói, đỏ tươi...* | 12 |

| | | |
|---|---|---|
| 139 | ... ***Đột ngột bừng lên*** *ánh đèn pha của một chiếc ô tô mới rẽ vào đầu đường...* | 18 |
| 140 | ... ***Vùng này*** *là vùng Kiên thông thuộc...* | 17 |
| 141 | ... ***Bên kia cánh đồng hoang ngập đầy cỏ Mỹ*** *là tuyến phòng thủ Củ Chi...* | 17 |
| 142 | ... ***Song đặc biệt rùng rợn*** *là những tiếng rú man dại thường cất lên vào những buổi tinh mơ mờ mịt mưa giăng làm tái sạm mặt mày những ai chẳng may mà nghe phải...* | 17 |
| 143 | ... ***Sau những tháng ròng liên miên rút lui*** *là những đợt đại phản công dữ dội...* | 17 |
| 144 | ... ***Bên ngoài cánh cửa khép hờ*** *là dốc bờ suối...* | 17 |
| 145 | ... ***Sau bếp*** *là sào vườn trồng lạc, trồng cà và rau giền...* | 17 |
| 146 | ... ***Bên dưới cái giọng khàn khàn*** *là một giọng run run nho nhỏ cười nương theo...* | 17 |
| 147 | ... ***điều kinh khủng*** *là anh đã tiến tới gần rồi mới bắn...* | 17 |
| 148 | ... ***Choáng ngợp tâm hồn Phương*** *là vẻ bừng sáng tuyệt vọng của cái đẹp bùng cháy lên...* | 17 |
| 149 | ... ***Nỗi xúc động của Phương*** *là trạng thái xa lạ đối với anh, với câu chuyện của hai đứa đêm nay, với mặt hồ này...* | 17 |
| 150 | ... Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vào lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu. ***Vinh dự thay****, anh kép Tư Bền!...* | 14 |
| 151 | ... ***sau đó*** *bừng lên cảm hứng...* | 17 |
| 152 | ... ***Trước bàn thờ nghi ngút khói hương*** *là cái ghế buộc thanh tre khoác cái áo cũ của bà cụ...* | 17 |
| 153 | ... ***Âm thầm vui sướng nhất lúc này*** *là cha Pao...* | 11 |
| 154 | ... ***Nhưng đông nhất, ồn nhất*** *là đám chọi chim tổ chức ở sân nhà Pao...* | 11 |
| 155 | ... ***Bên kia*** *là thằng Pùa...* | 11 |
| 156 | ... ***Thứ nhất*** *là đảm bảo đoàn kết, cả làng ta một lòng một dạ.* ***Thứ hai*** *là việc làm ăn, làm mặc...* | 11 |
| 157 | ... ***Xanh đằm bên đường*** *là cánh rừng hạt dẻ...* | 11 |
| 158 | ... ***Từ đâu đó*** *vừa cất lên một tiếng kèn lá tha thiết...* | 11 |
| 159 | ... ***Mừng nhất*** *là đã chấm dứt tình trạng lộn xộn như rắn không đầu...* | 11 |
| 160 | ... ***Sau một mùa đông khó khăn*** *lại là một mùa xuân muôn phần gian khó...* | 11 |
| 161 | ... ***"Thật mình có mong nó chết không nhỉ?"*** Chị nghĩ, mặt ngơ ngơ... | 11 |
| 162 | ... ***Trước hai cánh cổng sắt*** *là một phụ nữ nông thôn trạc năm mươi, người thon gọn trong cái áo bông trần hạt lựu...* | 12 |
| 163 | ... ***Buồn hơn cả*** *vẫn là Đông, một thái cực đối lập với vợ...* | 12 |
| 164 | ... ***Đặc sắc hơn cả*** *là gã chủ hàng...* | 12 |
| 165 | ... ***Điều rắc rối*** *là quan hệ của cô dệt chiếu với con...* | 12 |

| | | |
|---|---|---|
| | *... Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ,* làm cho anh ấy nóng cả ruột gan... | 14 |
| 167 | ... ***Phía bên trái*** *là một khẩu đoản mã...* | 26 |
| 168 | ... - ***Có nên đi không***? - Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình... | 23 |
| 169 | ... - ***sao hôm nay*** *đồng chí không cho chiến sĩ tập luyện*? ... | 11 |
| 170 | ... - ***Đi làm gì***! - Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh cau có trả lời... | 11 |
| 171 | ...***Sáng nay*** các cậu nghe thấy gì không? Không, có nghe thấy gì đâu... | 17 |
| 172 | ... ***Điểm lơ thơ bên cạnh những tòa nhà ấy****, là những cây gạo, cây muỗm cổ thụ, những cây ngô đồng và những cây thông...* | 21 |
| 173 | ... ***Chung quanh bể*** *là một lượt liễu yểu điệu như những thiếu nữ đứng xõa tóc châu đầu nhìn xuống mặt nước...* | 21 |
| 174 | ... ***Nhoi lên trên vệt ấy*** *là một cái chòi cao...* | 21 |
| 175 | ... Một hồi còi khàn khàn vang lên. ***Tiếp theo*** *là những tiếng bước chân bình bịch, những tiếng guốc khua rộn rã...* | 9 |
| 176 | ... Người lớn đi làm, trẻ con đi nhà trẻ, mẫu giáo, đi học, khu tập thể vắng tanh. ***Trong mỗi căn hộ*** *là thế giới riêng biệt của họ...* | 16 |
| 177 | ... ***Phía dưới*** *là chai lọ, xoong nồi rổ rá, rau, gạo...* | 16 |
| 178 | ... ***Bên này suối Đất-hoa*** *là làng Kông-hoa của Núp,* ***bên kia suối Đất-hoa*** *là làng Ba-lang.* Hai làng ở gần nhau, ngày cúng lúa mới, ăn cơm mới, thường qua lại đánh chiêng với nhau nên quen... | 18 |
| 179 | ... Khu trại nằm ven cánh rừng thông. ***Dưới những gốc cây xanh tốt sum sê*** *là những chiếc lều được căng sẵn...* | 25 |
| 180 | ... Cô ta ho sặc sụa với miếng ăn trong miệng. Ho giàn giụa nước mắt nước mũi. ***Giữa những đợt ho không sao dứt được*** *là những tiếng "không" như nấc lên...* | 22 |
| 181 | ... Năm sau tôi lấy vợ. ***Đúng hơn*** *là anh Thế lấy vợ cho tôi...* | 22 |
| 182 | ... Làm một thế võ, tôi thành thạo tạt nhanh sang phải, xoay người lại. ***Trước mặt tôi*** *là gã máy trưởng...* | 22 |
| 183 | ... Người chết thì đằng nào cũng chết rồi. ***Đau đớn và nặng nề*** *là kẻ ở lại...* | 22 |
| 184 | ... ***Một bên*** *là ngọn núi tím thẫm in hình trên trời sao chi chít...* | 22 |
| 185 | ... ***Bên cửa xe*** *là một thằng bé đội mũ lá...* | 22 |
| 186 | ... ***Dọc theo bờ sông*** *là bãi ngô với bãi mía...* | 23 |
| 187 | ... ***Ngồi bên cạnh tôi*** *là một phụ nữ khăn trùm kín mặt...* | 23 |
| 188 | ... ***Trước mặt tôi*** *là dòng sông...* | 23 |
| 189 | ... ***Giấu giếm trong anh*** *là một thứ quyền lực phụ quyền phản dân chủ...* | 23 |
| 190 | ... - ***Xuống cả làm gì bốn thằng****, - Từ bảo...* | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| 191 | ... - Dùng mồi gì thế?<br>- ***Giun, với nước bọt*** - *Kiên đáp uể oải...* | 17 |
| 192 | ... - Chưa được con nào à?<br>- ***Ờ, câu để mà câu ấy mà*** - *Kiên lầm bầm...* | 17 |
| 193 | ... - ***Nghe nói anh sắp được ra Bắc học phải không***? - *Can hỏi.*<br>- ***Ừ***, - *Kiên đáp...* | 17 |
| 194 | ... Cô cố chống tay nhỏm dậy. ***Đập vào mắt cô*** *là chiếc bọc tròn màu xám*. Cô khẽ kêu lên: "Trời, bọc điều!". | 8 |
| 195 | ... - ***Không, đừng nói vậy***, *Kiên*? Tôi nói vậy là nói thực tình chứ có ý gì đâu. Tôi sẽ tự cứu lấy mình. Chỉ thế thôi... | 17 |
| 196 | ... Nghe tao, bình tâm đi. Tao sẽ kín miệng, sẽ không ai biết.<br>- ***Ba lô*** *tôi ém sẵn trong rừng rồi...* | 17 |
| 197 | ... - ***Không. Tôi đi. Thắng hay thua, kết thúc mau hay kết thúc chậm, với tôi chẳng nghĩa lý gì nữa. Để cho tôi đi!***<br>- *Can nắc lên...* | 17 |
| 198 | ... - Cả đời đi đánh nhau, thú nhật, tôi chả thấy cái trò này là có gì vinh. Nhưng do hy vọng nên vẫn còn chịu đựng. ***Về quê***, *càng khốn nạn, tôi biết*. Người ta chẳng để cho sống đâu. Nhưng mấy đêm vừa rồi tôi toàn mê thấy mẹ tôi gọi tôi... | 17 |
| 199 | ... - ***Ai, đứng lại***? - *Kiên thét và bước né sang bên, lên súng...* | 17 |
| 200 | ... - ***Khốn khổ rồi, khốn khổ rồi đây...***! - *Kiên rên lên...* | 17 |
| 201 | ... - Rồi. Chả thấy tăm dạng gì.<br>- ***Tăm dạng đây này***! - *Kiên nói, chỉ xuống nền nhà tắm...* | 17 |
| 202 | ... - ***Đâu rồi? Họ đâu, ba cô gái ấy***? - *Kiên hỏi*, giọng cực kỳ ôn tồn... | 17 |
| 203 | ... ***Vì sao*** *mà tụi mày lại căm thù chúng tao hả?...* | 17 |
| 204 | ... - ***Không cần sâu lắm đâu. Nằm chứ có đứng đâu mà lo.*** - *Kiên khuyên* - cốt rộng cho đủ chỗ không lại thòi chân thòi tay ra... | 17 |
| 205 | ... Pao đi xuống châu theo Việt Minh sau khi thoát khỏi tay bọn Lử, Seo Cấu và lũ *sảo quán* Pha Linh. Ba năm qua, ***chẳng lúc nào*** *Pao nguôi thương cha, không lo cho em Pùa...* | 17 |
| 206 | ... - ***Xin anh tha cho em*** - *Thằng ngụy lầm rầm...* | 17 |
| 207 | ... Ông Diều lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi.***Thật chưa bao giờ*** *ông lại vất vả và mệt đến thế...* | 13 |
| 208 | ... - ***Chúng mày muốn chết, tao chiều. Tao sẽ lần lượt gọi thần chết cho từng thằng chúng mày! Chúng mày sẽ*** | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| | ***được nhìn máu lần cuối cho đã thèm***? - *Anh nói, cười gằn lùi chốt hãm về nấc phát một...* | |
| 209 | ... - ***Câm?*** - *Anh gầm lên*, và thô bạo gí họng tiểu liên vào sát miệng Cừ... | 17 |
| 210 | ... ***Tháng này*** *đã cấy đâu chị?...* | 12 |
| 211 | ... - ***Nếu thế để tớ bảo quân lực họ sang tên*** - *Kiên mỉa mai...* | 17 |
| 212 | ... ***Hình ảnh mẹ và chị chăm sóc anh từ lúc mê man đến lúc lành vết thương*** *anh không thể quên được...* | 17 |
| 213 | ... ***những thư trước*** *tôi gửi về*, chắc cậu tiếp được cả rồi lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải sự đó tôi cũng biết lỗi, đáng lẽ người đi phải yên ủi kẻ ở bằng những câu vui vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối hận quá... | 14 |
| 214 | ... Người thứ ba, tức là ông quản lộ. ***Chức này****, chỉ có tỉnh này mới đặt ra....* | 14 |
| 215 | ... Ông đã đốt hết toàn bộ kho tàng báu vật của suốt cuộc đời không ngừng vẽ và vẽ. Đốt sạch không còn bức nào trong cái đêm ông cảm thấy thần chết giục giã. ***Điều ấy*** *phải lâu sau Kiên mới biết...* | 17 |
| 216 | ...*"**Hừ! Hắn vẫn chưa tới! Hay là hắn không tới**?" - Phơ-rô-pông nghĩ, bối rối...* | 11 |
| 217 | ... ***Một bên*** *là hàng dương chạy dần xuống bãi cát...* | 22 |
| 217 | ...Tiếng chim hoạ mi trong thung lũng rộ lên mở một ngày mới. Pao thoáng nhớ tới con chim mộc. ***Dội lên*** *trong anh những khoảng khắc hiếm hoi của đời người...* | 11 |
| 219 | ... Công việc mệt mỏi quá đi cày. Thế mà lương mỗi tháng, chỉ vẻn vẹn có hai chục đồng. ***Người hiệu trưởng cũ*** *là một người anh họ Thứ...* | 9 |
| 220 | ...Anh người nhà nói rằng nó mới, kiểu gia Định, đế cờ lếp, là anh đã làm một lối văn "cổ điển" đẹp lời, chứ nếu theo giọng "tả chân" thì phải nói rằng nó xấu và cũng không có chữ để tả nữa! ***Đôi giày ấy****, chẳng biết cụ mua từ khải Định mấy niên*, đến bây giờ, đóng lại đế là lần thứ bốn, mà nó vẫn hoàn không đế... | 14 |
| 221 | ... Mưa bụi vẫn bay tơi tả, hình như ở bóng tối khắp nơi dồn lại quãng phố hẹp này. ***Trên hè ướt át và nhớp nháp bùn****, không một bóng người qua lại...* | 15 |
| **B 71 câu** | **Kiểu 2: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu bị động có yếu tố phụ trợ** | **(tỷ lệ 14.2 %)** |
| 222 | ...***Khẩu đại liên*** *không được tiếp đạn, nhả loạt đạn cuối cùng rồi im miệng...* | 17 |
| 223 | ... Trong cái buồn của đêm đen thành phố *anh như thấy được cảm thông, nỗi buồn riêng dường như dịu đi.* | 17 |
| 224 | ... ***nó*** *bị đầu độc...* | 22 |
| 225 | ... ***Một bộ khác ẩm ướt, lấm bùn*** *quàng lên tấm vách cạnh một cái áo mưa vải bạt màu lá cây...* | 17 |
| 226 | ... ***Máy bay*** *hú chói óc...* | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| 227 | ... ***Quanh nhà*** *trồng hoa*. | 17 |
| 228 | ... Đoàng! ***Viên đạn*** *nổ chúc xuống đất...* | 11 |
| 229 | .. ***Tiếng súng*** *nổ tiếp sau loạn xạ ập vào lòng hang...* | 11 |
| 230 | ... ***Những vò rượu*** *vợi dần...* | 26 |
| 231 | ... ***Cái chõng tre*** *đặt trên bãi cỏ ngập, lủn xuống lần lần...* | 26 |
| 232 | Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu một toán quân đánh dồn binh Pháp ở Kép, ***tất cả binh sĩ trong đồn*** *đều bị giết sạch...* | 23 |
| 233 | ... ***Một ý tưởng lơ vơ*** *có thể được làn gió lùa dọc phố bốc mạnh lên như một cánh buồm...* | 11 |
| 234 | ... ***nét mặt anh*** *như thể bị phá ra*, và tê dại, toàn thân anh cơ hồ muốn sụp xuống | 17 |
| 235 | ... ***Mấy chén rượu*** *cùng nâng...* | 11 |
| 236 | ... ***Những cái đầu*** *cùng ngửa...* | 11 |
| 237 | ... ***Đạn*** *nổ liên hồi, xiên những đường chéo đan nhau rối rít...* | 11 |
| 238 | ... ***Răng nó*** *bị sâu cắn ...* | 11 |
| 239 | ... ***Y*** *lại được nghe những lời độc địa của bà ngoại y nguyền rủa bọn kỳ hào...* | 9 |
| 240 | ... ***bố mình*** *bị đánh...* | 9 |
| 241 | ... ***Tiếng hát*** *lơ lửng bay trên mặt sông...* | 23 |
| 242 | ... Kiên đọc đi đọc lại. ***Tờ thư*** *run lật phật*, nhòa trong mắt anh... | 17 |
| 243 | Bữa đó vệ binh chỉ lượm được cái xác. ***Cái xác lở loét, ốm o như xác nhái*** *bị dòng lũ xô tấp lên một bãi lau lầy lụa...* | 17 |
| 244 | ... Trong nhà, căn nhà nhỏ ba gian xinh xắn, mái lồ ô, thơm ngát hương huê rừng, đồ đạc vẫn nguyên vẹn, ngăn nắp.... ***Một cuốn sách*** *đọc dở...* | 17 |
| 245 | ... ***Cửa buồng tắm*** *không phải đang mở mà là bị giật tung khỏi bản lề, nằm vật úp dưới đất...* | 17 |
| 246 | ... ***Một bộ quân phục nữ bằng vải phin cùng một tấm khăn tắm thêu hoa*** *vắt trên dây...* | 17 |
| 247 | ... ***khách*** *bị vật nghiêng...* | 17 |
| 248 | ... ***Cầu thang*** *nghiến răng ken két...* | 17 |
| 249 | ... ***toa này hồi đêm*** *bị nhiều mảnh bom, thành và nóc thủng toác ra, nhiều bao tải bị xé rách, gạo vương đầy sàn...* | 17 |
| 250 | ... ***Một bộ bàn đèn sạch bong*** *được đặt ngay giữa sàn...* | 11 |
| 251 | ... Sau Lử là A Sinh và hai anh dân quân cắp súng, đeo tù và. ***Tay*** *không bị trói, mặt Lử không lộ một nét sợ sệt, trái lại còn câng câng...* | 11 |
| 252 | ... ***cái tay, cái chân*** *bị chó cắn ngập răng, đọng máu...* | 11 |

| | | |
|---|---|---|
| 253 | ... Lát sau, ***những chấm dù*** *nở, to phình, lửng lơ...* | 11 |
| 254 | ... ***Cả khu rừng bên sông Chảy*** *bàng hoàng thức dậy...* | 11 |
| 255 | ... ***Một ngọn đèn dầu*** *khêu to ngọn ...* | 10 |
| 256 | ... ***Đèn điện*** *sáng lờ mờ...* | 20 |
| 257 | ... ***Mấy gói lạp xường và giò*** *cũng để ngay bên...* | 15 |
| 258 | ... ***Các đồ cúng nghèo nàn*** *bỗng bầy lộ ra trước mắt hai người...* | 15 |
| 259 | ... ***Nền nhà*** *được trải thảm màu tro nhạt...* | 25 |
| 260 | ... ***Cối gạo*** *làm bằng cây gỗ...* | 23 |
| 261 | ... ***Nhà*** *lợp rạ, tường đất, ba gian hai chái...* | 23 |
| 262 | ... ***mấy thúng gạo trắng*** *xếp chồng lên nhau bên cối giã gạo...* | 23 |
| 263 | ... ***Chiếc diều*** *vứt lăn lóc...* | 23 |
| 264 | ... ***Nải chuối trứng cuốc*** *bày trên đa sơn...* | 23 |
| 265 | ... ***Cuộc chiến*** *có vẻ như bị vùi lấp trong biển mênh mông mù mịt mùa mưa...* | 17 |
| 266 | ... ***Chỗ nằm*** *trải những giát lồ ô* có phủ bên trên một lượt cỏ Mỹ làm đệm... | 17 |
| 267 | ... ***Ba tảng đá*** *kê lên thành một chiếc bếp ở góc lều...* | 17 |
| 268 | ... ***Hầu hết các phòng*** *đều khóa trái.* ***Những hàng chữ*** *viết trên cửa...* | 17 |
| 269 | ... Lát sau, căn gác đã đầy người. ***Một bộ bàn đèn sạch bong*** *được đặt ngay giữa sàn...* | 11 |
| 270 | ... ***Lính dõng, cai, đội cũ*** *đều bị Lử gọi vào lính...* | 11 |
| 271 | ... ***Văn phòng tỉnh uỷ*** *đặt trên lưng một quả đồi...* | 11 |
| 272 | ... ***hơn chục con ngựa*** *đã buộc sẵn nạng thồ rậm rịch cuồng cẳng...* | 11 |
| 273 | ... ***một con cún đen*** *bị xích vào một cái tai chảo to...* | 11 |
| 274 | ... ***Chuyện riêng*** *sao được chen vào giữa lúc này? ...* | 11 |
| 275 | ... ***Nhựa ấy*** *bị không khí làm se lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy bùi cỏ gà...* | 26 |
| 276 | ... ***những bụi cỏ*** *bị nhổ đã héo rễ kéo về khu máy tuốt...* | 10 |
| 277 | ... Một thời gian sau, ***Thịnh "con"*** *bị giết...* | 17 |
| 278 | ... ***Căn nhà*** *lộn nhào...* | 11 |
| 279 | ... ***Cổ tay, đầu, bắp chân*** *bị dây chói xiết lại...* | 13 |
| 280 | ... ***Quảng*** *bị đốn ngã trên đường vận động chiến,* khi toàn đại đội đang băng qua vùng rừng le dưới đồi 300 để áp sát bọn Mỹ đang từ trực thăng đổ xuống... | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| 281 | ... ***Cửa*** *mở hé ra...* | 17 |
| 282 | ... ***Vừng trăng*** *bị mây nuốt...* | 17 |
| 283 | ... ***Anh*** *ngã dập xuống đất...* | 11 |
| 284 | ... Gió tung tở những đống tro than. ***Khu nhà gạch tường vôi*** *vỡ toác và lỗ chỗ vết đạn...* | 11 |
| 285 | ... ***một cửa toa*** *hé mở,* mấy người từ trên toa nhảy xuống, quần áo xốc xếch nhôm nhoai, không rõ lính hay dân, đầu tóc rối bù... | 17 |
| 286 | ... ***Hai cánh cửa sổ xanh nhà bên*** *mở thật...* | 11 |
| 287 | ... ***mình*** *vừa bị cuộn vào, vừa bị đẩy ra,* đứng ngoài rìa một vòng xoáy càng lúc tốc độ và sự ồn tạp càng tăng... | 12 |
| 288 | ... ***Đèn*** *thắp bằng mỡ lợn sáng trưng gian giữa...* | 11 |
| 289 | ... ***Mâm cỗ*** *chia thành hai nhóm tức khắc...* | 11 |
| 290 | ... ***anh*** *bị đồng đội cho ra rìa...* | 17 |
| 291 | ... ***Mùi hôi hám pha tạp của đường phố*** *bị cảm giác nồng lên thành mùi thối rữa...* | 17 |
| 292 | ... ***Ông*** *đã bị chúng bắt vào một đêm tối trời tại một địa điểm thuộc ngoại ô Praha...* | 17 |
| **C** 193 câu | **Kiểu 3: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo thuộc quá trình hiện hữu trong câu tồn tại có thành phần đảo về phía sau** | **(tỷ lệ 38.6 %)** |
| 293 | ... ***ve ve*** *tiếng khèn, pừ pừ tiếng sáo, sặc sỡ buổi chợ còn đâu...* | 11 |
| 294 | ... ***Phía nam thị xã*** *ầm ầm một dây bom nổ trong tiếng máy bay rền rền...* | 11 |
| 295 | ... ***trên những triền núi vây quanh*** *bập bùng những đám lửa dựng trại của bọn phỉ...* | 11 |
| 296 | ... ***Ngoài sân*** *ngổn ngang hòm xiểng, bao tải, ba lô, máy chữ, máy điện thoại...* | 11 |
| 297 | ... ***Buổi sáng mùa đông*** *xao xác hơi sương lạnh...* | 11 |
| 298 | ... ***Trên tường*** *treo bức tranh thảm dệt hai con ngựa đang âu yếm nhau...* | 23 |
| 299 | ... ***Đằng sau ngôi nhà*** *có hai cây nhội gai lá đỏ, thứ cây mọc hoang chỉ dùng làm củi...* | 23 |
| 300 | ... ***Phía trước mặt tôi*** *còn biết bao điều bất ngờ chờ đợi....* | 23 |
| 301 | ... ***Trước sân công đường*** *chật ních người...* | 23 |
| 302 | ... ***không*** *còn chút nào vẻ tiêu điều...* | 17 |
| 303 | ... ***nhớp nháp*** *một thứ đất mới đỏ au...* | 23 |
| 304 | ... ***Sau chiến tranh, từ mặt trận trở về trên chuyến tàu Thống Nhất*** *đông chật lính giải ngũ,* đêm cuối cùng của hành trình Kiên hầu như không ngủ... | 17 |
| 305 | ... ***Có*** *tiếng hòn đá ném, tiếng người xuỳ xuỳ xua đuổi và tiếng con chó rít ư ử trong bụi rậm...* | 11 |

| | | |
|---|---|---|
| 306 | ... ***Quây quần quanh đây*** *dân làng, dân phố, cụ già, em nhỏ và các thiếu nữ xinh tươi...* | 11 |
| 307 | ... ***Trong bóng tối mờ ảo****, có cái gì đó ngọ nguậy rồi bật lên một giọng nói trẻ trung và gai góc...* | 11 |
| 308 | ... ***ở đó*** *có ba ngọn khói bốc lên, một chiếc máy bay đang lượn vè vè...* | 11 |
| 309 | ... ***Ngang sườn núi*** *lố nhố mấy cái áo đen...* | 11 |
| 310 | ... ***có*** *những bóng điện lập lòe chiếu xanh đỏ...* | 21 |
| 311 | ... ***Ngoài phố*** *đã hiện lên những thân hình nhăn nheo gầy khẳng...* | 14 |
| 312 | ... ***có*** *tiếng chân giẫm sào sạc lên đống vỏ lạc ở phía sau...* | 10 |
| 313 | ... ***Từ mé trái của đầu nhà kho*** *nhô ra một bóng người thấp lùn, cái áo cánh trắng hớt vạt ra phía trước...* | 10 |
| 314 | ... ***Trong ký ức của ông*** *chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này...* | 23 |
| 315 | ... ***trên đấy*** *đầy những cánh mối ướt rụi...* | 23 |
| 316 | ... ***Gần khuất sau cổng kiểm soát*** *đông nghịt người...* | 12 |
| 317 | ... ***có*** *tiếng lao xao...* | 16 |
| 318 | ... ***Không*** *có tiếng trả lời...* | 20 |
| 319 | ... ***trong khu trại tăng gia của huyện đội 67 đã nhiều năm bị bỏ quên trên bờ thác nước ấy*** *chỉ có mỗi ba cô gái*, chỉ ba cô mà thôi đang sống và đang hàng đêm chờ đợi, mong ngóng bước chân người lai vãng... | 17 |
| 320 | ... ***ở góc*** *có hai xô nhựa...* | 17 |
| 321 | ... ***Trên khúc đường ray phụ*** *có một toa tàu hỏng bị bỏ chơ vơ trong bóng tối...* | 17 |
| 322 | ... ***Trên một cánh của bông hoa ấy*** *in nguyên một vết bùn máu hằn rõ những khắc hình răng khế của gót giầy cao su giẫm đi lên...* | 17 |
| 323 | ... ***trước mắt anh*** *hiện hình những bóng ma màu lục*, lướt đi không tiếng động, di chuyển êm ru dưới tán rừng, lẳng lặng vượt qua suối, xuất kỳ bất ý ập vào khu trại... | 17 |
| 324 | ... ***Trong xe*** *dần dần chỉ còn Kiên thức cùng người lái...* | 17 |
| 325 | ... ***Ở nơi bãi gianh tiếp giáp rừng le,*** *hiện thoáng lên chỉ trong tích tắc một bóng ma rách bươm, uyển chuyển và huyền bí, lướt ngang luồng ánh sáng rồi mất hút đi với mái tóc đen dài xõa bay...* | 17 |
| 326 | ... Cỏ dại mọc đầy trên những lối đi. ***Trên những cành cao chót vót*** *đung đưa những trái chín dơi ăn phân nửa…* | 8 |
| 327 | ... ***Ngay lập tức*** *hiện lên trước mắt Kiên nhà ga Thanh Hóa ngày ấy sau trận mưa bom, đang cuồn cuộn cháy...* | 17 |
| 328 | ... ***Giữa biển mây mù*** *trùng trùng thoáng mở ra một vùng sáng mờ...* | 17 |
| 329 | ... ***Phía xa xăm kia*** *còn bao nhiêu mùa xuân và năm tháng nữa...* | 17 |
| 330 | ... ***Trong chiếc phong bì nằm dưới khe cửa****, có lá thư với những dòng ngắn, vô cảm như một bức điện:..* | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| 331 | ... ***Xa xa, trên mặt hồ*** *hiện lên một ngôi sao xanh mờ có vẻ huyền ảo...* | 17 |
| 332 | ... ***Bên đống lửa đã thu nhỏ và thấp ngọn xuống*** *chỉ còn Kiên với Phương thức, ngồi cạnh nhau...* | 17 |
| 333 | ... ***Bây giờ đây*** *chỉ có nỗi buồn, mênh mang nỗi buồn* - nỗi buồn được sống sót, nỗi buồn chiến tranh - tràn phủ tâm hồn anh... | 17 |
| 334 | ... ***Trong quân y viện****, có một gã công binh bị thương y hệt Kiên...* | 17 |
| 335 | ... ***Trong lòng toa*** *còn vương chút bóng tối, ánh sáng dọi qua kẽ ván vạch những chấn song...* | 17 |
| 336 | ... ***Chẳng*** *có cả tiếng vọng...* | 17 |
| 337 | ... ***có*** *một giọng khê đặc ...* | 11 |
| 338 | ... ***Trong lòng Pao*** *có chim hót, nó hót cùng bầy chim mi ngoài rừng...* | 11 |
| 339 | ... ***Ngoài sân****, có hai bóng người...* | 11 |
| 340 | ... ***trên cột*** *treo hàm xương lợn...* | 11 |
| 341 | ... ***ngoài cổng*** *có bóng một phụ nữ...* | 11 |
| 342 | ... ***Phía trước Pao*** *có bóng một người con gái...* | 11 |
| 343 | ... ***Rành rành trên quần áo hắn*** *còn nguyên những vệt máu thâm đen...* | 11 |
| 344 | ... ***Phía trái Pao*** *có tiếng chân bước rình rịch...* | 11 |
| 345 | ... ***Mờ mờ trong làn sương đặc*** *hiện lên ba con ngựa thồ và ba bóng người bước vội...* | 11 |
| 346 | ... ***Cạnh hắn*** *chỉ còn cái gối bông...* | 11 |
| 347 | ... ***Ngang sườn núi*** *lố nhố mấy cái áo đen...* | 11 |
| 348 | ... ***Phía trước họ*** *có tiếng đá lăn, rồi bật lên một tiếng quát khẽ...* | 11 |
| 349 | ... ***Phía trước hai người*** *có những tiếng chân bước dò dẫm, rồi tiếng một người trai trẻ, khe khẽ...* | 11 |
| 350 | ... ***có*** *tiếng một người trai Hmông...* | 11 |
| 351 | ... ***Ngoài sân,*** *có một lũ choai choai kéo tới...* | 11 |
| 352 | ... ***Trong nhà*** *có tiếng một người đàn ông...* | 11 |
| 353 | ... ***Trên cao  rừng chè cổ*** *ngưng một vệt mây trắng đục...* | 11 |
| 354 | ... ***ngoài cửa*** *có bóng một phụ nữ...* | 11 |
| 355 | ... ***có*** *tiếng người véo von...* | 11 |
| 356 | ... ***Trên cái nền đá mới tôn cao làm bục nói****, có hai người...* | 11 |
| 357 | ... ***Trong buồng Seo Cả****, có tiếng thét thất thanh...* | 11 |
| 358 | ... ***Bên đường****, có tiếng kèn lá gọi...* | 11 |

| | | |
|---|---|---|
| 359 | ... ***Ngoài cổng*** *có tiếng mở khoá và lao xao tiếng cười...* | 11 |
| 360 | ... ***Trong phòng khách*** *đã bày cỗ cúng...* | 12 |
| 361 | ... ***Dưới sân*** *có tiếng kêu thất thanh của Luận...* | 12 |
| 362 | ... ***Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy****, nẻ ra hai đường răng trắng nhởn...* | 26 |
| 363 | ... ***Giữa mâm cỗ****, bày một con gà uốn hình ông Lã Vọng...* | 26 |
| 364 | ... ***Ngoài sân*** *chỉ có chín cây gỗ chò...* | 26 |
| 365 | ... ***Trước hai vệt ánh sáng của đèn pha*** *hiện ra một người áo tây cộc, mũ khách bịt kín tai, giày trắng đế cao su...* | 21 |
| 366 | ... ***hôm ấy*** *có đông nghịt những khách khứa...* | 21 |
| 367 | ... ***bên cạnh một cái lò sưởi*** *đầy những củi và đỏ rực những lửa...* | 21 |
| 368 | ... ***Trong tối*** *hiện ra, tỏ tỏ mờ mờ, một dẫy mười cái buồng....* | 21 |
| 369 | ... ***Trên cái tủ chè*** *có một dãy ngà voi...* | 21 |
| 370 | ... ***Trên sập gụ*** *có một khay đèn...* | 21 |
| 371 | ... ***Trên bàn*** *đã có sẵn mấy chai nước suối Vi-ten...* | 21 |
| 372 | ... ***Từ ngoài đường nhựa*** *có một cái ngõ gạch đi vào...* | 9 |
| 373 | ... ***Ở một chái nhà thưng cót xung quanh****, kê ba chiếc bàn ăn,* và đặt lên đó mấy quyển họa báo, dăm quyển sách, ba cặp báo nhân dân, Quân đội, Tiền phong... | 16 |
| 374 | ... ***Trên dãy ghế hạng nhất****, có chừng hai chục người...* | 14 |
| 375 | ... ***Sau nhà ông Lũng*** *có cái vườn rộng ngót nửa sào...* | 14 |
| 376 | ... ***Giữa vườn*** *có một cây mít to, lá rườm rà, bóng rợp cả khu ...* | 14 |
| 377 | ... ***Ngoài đường*** *có tiếng chó sủa xô xát...* | 24 |
| 378 | ... ***Trên bàn ăn*** *có tiếng leng keng...* | 24 |
| 379 | ... ***Sau nhà*** *có tiếng gọi léo xéo...* | 24 |
| 380 | ... ***Có*** *một cái hang rộng...* | 20 |
| 381 | ... ***Phía chân trời xa xa*** *có đèn lấm chấm thành vệt dài...* | 20 |
| 382 | ... ***Trong nhà thống lý*** *đã bày ra năm bàn đèn...* | 13 |
| 383 | ... ***Óc Điền*** *đầy những lo lắng nhỏ nhen...* | 8 |
| 384 | ... ***Ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ****, có một cây sung lớn...* | 8 |

| | | |
|---|---|---|
| 385 | ... ***Từ đầu ngõ vào đến nhà***, *còn những hai lần cổng...* | 8 |
| 386 | ... ***ở gốc cây*** *có một cái hũ đậy kín...* | 18 |
| 387 | ... ***Đêm trong rừng*** *có trăm, nghìn con mắt sáng ở dưới đất, ở trên cây...* | 18 |
| 388 | ... ***Trong bóng tối đen của làng Hà-ro*** *có nhiều người đi đi lại lại, lăng xăng, rối rít lắm...* | 18 |
| 389 | ... ***Trong bếp*** *còn một chút lửa than...* | 18 |
| 390 | ... ***Ở chân núi đó*** *có con suối Kông-hoa, có tiếng con nít mới đẻ khóc oe oe...* | 18 |
| 391 | ... ***ở đó*** *có làng Kông-hoa* nghèo khổ...<br>... ***ở đó*** *mới có tiếng đờn tơ-rưng của Ghíp, tiếng kèn đing-nam hoà lẫn với tiếng phụ nữ hát ở rẫy...* | 18 |
| 392 | ... ***Trên cầu đó*** *có đồn Đất-lung của Pháp...* | 18 |
| 393 | ... ***Dưới bụng con gấu trắng***, *có nhiều người đi lại...* | 18 |
| 394 | ...-***Trong núi*** *có nhiều con đường...*<br>... ***Có*** *con đường tốt đi lên núi cao...*<br>... ***có*** *con đường xấu đi xuống hố sâu...* | 18 |
| 395 | ... ***Trên nét mặt chàng*** *hiện ra vẻ băn khoăn...* | 18 |
| 396 | ... ***Trên chiếc bàn rửa mặt*** *đầy vết bẩn...* | 15 |
| 397 | ... ***Đằng sau nhà*** *có một miếng đất trồng cây cối, ngăn với bãi cỏ hoang của tỉnh bằng một hàng rào râm bụt thấp...* | 15 |
| 398 | ... ***Ngay trước nhà gạch trông ra***, *có một cái sân vuông và hẹp, có bể nước lớn...* | 15 |
| 399 | ... ***Bên cạnh những chiếc chum đá ấy*** *có cả những đĩa đá lớn và chỏm cầu đá nằm la liệt...* | 25 |
| 400 | ... ***trên tường*** *treo rất nhiều đầu hươu với những chiếc sừng đồ sộ...* | 25 |
| 401 | ... ***Trên bầu trời xanh*** *hiện ra cầu vồng bảy sắc...* | 25 |
| 402 | ... ***Trên môi*** *đọng một cái cười nhếch mép...* | 22 |
| 403 | ... ***Thốt nhiên*** *có mấy tiếng súng nổ đoàng đoàng ở đằng trước...* | 22 |
| 404 | ... ***Trên đỉnh núi*** *có một ngôi chùa...* | 22 |
| 405 | ... ***Đằng sau một ghềnh đá*** *lại có những đốm lửa như hoa cà hoa cải...* | 22 |

| | | |
|---|---|---|
| 406 | ... ***Trong tôi*** *không hề có hình ảnh nào của thành phố tôi hằng sống*, thậm chí tôi quên mất cả khuôn mặt thân yêu của bố mẹ tôi... | 23 |
| 407 | ... ***Ngoài sân*** *có mấy con gà mổ thóc*... | 23 |
| 408 | ... ***ở bên kia sông*** *có tiếng ai hát một bài rất lạ...* | 23 |
| 409 | ... ***Trên nét mặt nó*** *chưa có dấu vết của lòng căm thù hay sự đau đớn*, điều ấy phải sau nữa mới có... | 23 |
| 410 | ... ***không*** *có dấu vết của lòng độ lượng hay sự chán nản*, điều ấy cũng phải sau nữa mới có... | 23 |
| 411 | ... ***Trong trí óc non nớt của thằng bé*** *xuất hiện hình ảnh mẹ*... | 23 |
| 412 | ... ***trong quan tài*** *chỉ còn một bộ xương đen như mun*, lớp vải lụa hồng cũng không thấy nữa... | 23 |
| 413 | ... ***Trong quan tài*** *đầy vụn chè khô, lẫn ở đấy rất nhiều đồ trang sức quý giá...* | 23 |
| 414 | ... ***Trên sợi dây thép phơi áo****, có ngọn gió nào rung khẽ...* | 23 |
| 415 | ... ***Trên mặt nước*** *lềnh bềnh xác người sấp ngửa, xác muông thú cháy thui, trương sình trôi lẫn với cành lá và những thân cây to nhỏ bị mảnh pháo băm...* | 17 |
| 416 | ... ***phía sau rừng*** *lờ mờ hai mỏm cao của quả đồi độc lập đánh dấu chính tâm thung lũng...* | 17 |
| 417 | ... ***Hai bên đường từ các khe ngòi*** *um tùm hơi đất mềm mại lan ra,* toàn bộ không gian đất trời tĩnh lặng một khối lam chiều hoang vắng... | 17 |
| 418 | ... ***Trên dây phơi và trên cặp xà lệch*** *lòng thòng những mảnh giẻ rách như cố ý chào đón anh bằng sự thảm thương...* | 17 |
| 419 | ... ***Dưới chân cát ẩm và lạnh*** *lập lòe những ngọn đèn xanh đom đóm...* | 17 |
| 420 | ... ***Không*** *có tiếng rú rít của trực thăng*... | 17 |
| 421 | ... ***Xa xa*** *đại bác âm ỉ*...<br>... ***Đâu đó*** *phành phành tiếng trực thăng...* | 17 |
| 422 | ... ***Văng vẳng*** *tiếng kẻng báo động*... | 12 |
| 423 | ... ***Sau cái yên da****, lủng lẳng hai xâu dài chim, yểng, quạ, cú và một con gà lôi...* | 11 |
| 424 | ... ***Ngoài sân****, rộn rịch chân ba con ngựa...* | 11 |
| 425 | ... ***Trên ấy****, ngất nghểu một ngọn nêu, đỉnh treo mặt ông trăng vàng thắm...* | 11 |

| | | |
|---|---|---|
| 426 | ... ***Ngang sườn núi*** *lố nhố mấy cái áo đen...* | 11 |
| 427 | ... ***Phía Can Chư Sủ*** *ù ù tiếng máy bay lượn vòng, thả dù...* | 11 |
| 428 | ... ***Ngoài sân chợ*** *rộn ràng tiếng bộ đội hô tập thể dục...* | 11 |
| 429 | ... ***Quanh bếp*** *lố nhố ba bốn cái bóng...* | 11 |
| 430 | ... ***Mặt đất*** *rộn rịch tiếng chân người...* | 11 |
| 431 | ... ***Xa xa,*** *xôn xao tiếng người quát trâu, đuổi ngựa...* | 11 |
| 432 | ... ***Trên sân chợ****, ngổn ngang mấy cái vì kèo, chắc là sắp dựng lại chợ...* | 11 |
| 433 | ... ***Tròn tròn*** *những mặt nong óng ánh màu hạt ngô vàng, và trắng xanh màu ý dĩ...* | 11 |
| 434 | ... ***Giữa những phút ngớt tiếng bom đạn*** *lại xôn xao bao tin đồn thất thiệt...* | 11 |
| 435 | ... ***Ngoài cửa*** *bỗng lố nhố mấy bóng đàn ông...* | 11 |
| 436 | ... ***Trong tiềm thức*** *vẫn sống động một chị Hoài đẹp người, đẹp nết...* | 12 |
| 437 | ... ***Ở đây*** *rậm rì các bụi xạ căn, bạc hà...* | 12 |
| 438 | ... ***Trên mặt cỏ*** *ngổn ngang nhựa thẫm màu...* | 26 |
| 439 | ... ***Dưới cái màn trời*** *triền miên những kinh động ngờ sợ...*<br>... ***Trên cái chiếu đất*** *dằng dặc mùi côi cút...* | 26 |
| 440 | ... ***Hai bên bờ****, trùng trùng điệp điệp những rặng cây hoặc cao hoặc thấp, những mẩu đường đê, những ngọn đồi còn xoai xoải vươn mình như con vật khổng lồ triền miên về giấc ngủ đêm khuya...* | 21 |
| 441 | ... ***Chung quanh sinh phần*** *chi chít những cây thông, xoan, ngô đồng, phi lao, mọc hỗn loạn như ở một cái rừng con...* | 21 |
| 442 | ... ***Khắp người*** *rần rật niềm sung sướng...* | 16 |
| 443 | ... ***Trên không****, vo ve đàn ruồi nhặng...* | 14 |
| 444 | ... ***Cạnh chõng****, nghi ngút một đám khói bay...* | 24 |
| 445 | ... ***Ngoài cổng****, lạch cạch mấy tiếng gậy đập cột vách...* | 24 |
| 446 | ... ***Trong đầu Mỵ*** *đang rập rờn tiếng sáo...* | 13 |
| 447 | ... ***Trong túi*** *xóc xách mấy đồng trinh...* | 8 |
| 448 | ... ***Trong gian phòng yên lặng*** *vẫn phảng phất cái không khí của một sự bí mật gì quan trọng...* | 15 |
| 449 | ... ***Đằng sau công đường*** *ầm ĩ tiếng lợn kêu...* | 23 |
| 450 | ... ***Văng vẳng*** *tiếng cuốc kêu gọi ngoài xa, mé rừng...* | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| | ... ***rì rầm*** *bên kia đồi dòng sông trôi...* | |
| 451 | ... ***Mênh mang*** *hương sặc mùa xuân tươi sáng đượm sầu xao xuyến truyền lan theo sóng hồ...* | 17 |
| 452 | ... ***Thảng thốt*** *một tiếng chim kêu lên...* | 17 |
| 453 | ... ***Mênh mông*** *một Tây Nguyên hung tàn...* | 17 |
| 454 | ... ***rời rạc*** *tiếng kêu cứu và rải rác những thân hình sóng sượt...* | 17 |
| 455 | ... ***Thấp thoáng*** *những cái lưng đang rạp xuống chạy...* | 17 |
| 456 | ... ***Chơi vơi*** *tiếng hát ai đó...* | 11 |
| 457 | ... ***Có*** *tiếng chân ngựa rập rập ở phía sau...* | 11 |
| 458 | ... ***Lấp ló*** *dù xanh ô đỏ...* | 11 |
| 459 | ... ***có*** *tiếng súng nổ đoàng....* | 11 |
| 460 | ... ***Huỳnh huỵch*** *tiếng chân chạy...* | 11 |
| 461 | ... ***Nhốn nháo*** *góc này**, ngơ ngác** góc kia...* | 11 |
| 462 | ... ***Lố nhố*** *những cái bóng ngoài khung cửa...* | 11 |
| 463 | ... ***Nhâu nhâu*** *trước mặt Pao những cái mặt thú dữ...* | 11 |
| 464 | ... ***Lác đác*** *bên sườn núi bóng những căn nhà lấp ló sau lùm cây...* | 11 |
| 465 | ... ***Ngoài sân****, có một lũ choai choai kéo tới...*<br>... ***Loáng thoáng*** *bóng mấy người bộ đội...* | 11 |
| 466 | ... ***Có*** *một bóng người...* | 11 |
| 467 | ... ***Bồm bộp*** *tiếng vỗ tay sau khi Pao vừa nói xong...* | 11 |
| 468 | ... ***Có*** *tiếng chân nhiều người đang đi ngược lại...* | 11 |
| 469 | ... ***Trên sân chợ****, ngổn ngang mấy cái vì kèo...* | 11 |
| 470 | ... ***Có*** *ba đồng một tháng...* | 9 |
| 471 | ... ***Phía chân trời xa xa*** *có đèn lấm chấm thành vệt dài...* | 20 |
| 472 | ... ***Có*** *bóng người thoáng qua giậu...* | 20 |
| 473 | ... ***Có*** *một nắm xôi vừa bằng quả sung...* | 8 |
| 474 | ... ***Còn lại*** *bốn cô...* | 8 |
| 475 | ... ***Ngớ ngẩn*** *câu hát...*<br>.... ***Ngớ ngẩn*** *giọng hát...* | 22 |
| 476 | ... ***Trên cầu tàu*** *mờ mịt những ngọn đèn vàng...* | 8 |

| | | |
|---|---|---|
| 477 | ... ***Có*** *một bóng người ra theo luôn...* | 22 |
| 478 | ... ***Tù mù*** *trên bàn một ngọn đèn dầu...* | 17 |
| 479 | ... ***Mờ mờ*** *trong khói thuốc những khuôn mặt quen thuộc lầm lì...* | 11 |
| 480 | ... ***Nhao nhao*** *quanh Pao những cơn khát máu, những riết róng báo thù...* | 11 |
| 481 | ... ***Phảng phất*** *đâu đó mùi tử khí ngưng dưới tầng sương, nằng nặng khăn khẳn...* | 11 |
| 482 | ... ***cuồn cuộn*** *một mùa bụi đỏ lấp trời...* | 17 |
| 483 | ... ***Trước mặt*** *có một vệt đen sì...* | 21 |
| 484 | ... ***Văng vẳng*** *tiếng cuốc kêu gọi ngoài xa, mé rừng...*<br>... ***rì rầm*** *bên kia đồi dòng sông trôi...* | 17 |
| 485 | ... ***Dưới chân núi*** *có một thị trấn nhỏ...* | 17 |
| 486 | ... ***Có*** *một cái hang rộng...* | 20 |
| **D**<br>**6 câu** | **Kiểu 4: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo trong câu có thành phần đảo về phía trước** | **(tỷ lệ 1.2 %)** |
| 487 | ... ***chính ở đấy, trên góc trời cực nam cao nguyên, trước ngày kết thúc chiến tranh****, trong lòng anh lần đầu tiên bừng lên tình yêu cuộc sống hòa bình, lòng thương mến ngưỡng mộ đối với đời sống lao động yên hàn, bình dị và êm ấm tuyệt đối tương phản với bạo lực, chém giết và tàn phá...* | 17 |
| 488 | ... ***Ngay từ hồi đó*** *mình đã biết rõ...* | 17 |
| 489 | ... ***Ngay cả những bức tranh*** *cha cũng không để lại...* | 17 |
| 490 | *... Chính vào những lúc đó Kiên nghe thấy tiếng hú mà người ta bảo là của loài ma núi...* | 17 |
| 491 | ... ***chính trong mùa xuân chiến tranh ấy****, một đêm giá rét anh đã viết nên thiên truyện đầu tay...* | 17 |
| 492 | ... ***Chính những tháng năm này*** *người thanh niên Phu-xích đã tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào thanh niên và sinh viên...* | 17 |
| **E**<br>**9 câu** | **Kiểu 5: Nhấn mạnh đề đánh dấu biểu hiện qua các tham tố đảo có yếu tố chêm xen phụ trợ (cấu trúc câu)** | **(tỷ lệ 1.8 %)** |
| 493 | ... ***Chính là ở cái lúc tưởng như tuyệt vọng này****, trong Pao lại dâng lên một niềm khát khao sống thật mạnh mẽ...* | 11 |
| | ... ***Đúng là giọng đàn ông*** *mếu máo....* | 11 |
| 494 | ... ***Đúng là cái nương nhà bà cụ Doa*** *hôm rồi Na đã giãy cỏ...* | 11 |
| 495 | ... ***Đấy, chính đó là cái*** *tôi cần sử dụng,* ***đó chính là việc*** *tôi phải làm...* | 22 |
| 496 | ... ***chính là tiếng nói của những hồn hoang binh lính*** *mà người cõi dương ta thường nghe thấy và có thể thấu hiểu...* | 17 |

| | | |
|---|---|---|
| 497 | *... **đúng là** có loài chim như thế thật dù rằng chưa ai nhìn thấy chúng vì chúng chẳng hề bay mà chỉ một mực kêu thôi...* | 17 |
| 498 | *... **Chính là ở đây vào cuối mùa khô năm 69**, mùa khô cực kỳ cùng khốn của toàn cõi B3, tiểu đoàn 27 độc lập, cái tiểu đoàn bất hạnh mà anh là một trong mười người may mắn còn được sống đã bị bao vây rồi bị tiêu diệt mất hoàn toàn phiên hiệu...* | 17 |
| 499 | *... **Đó chính là cái mặt ngựa** mà lúc nãy y vừa để ý tới...* | 11 |
| 500 | *... **Đúng là một hồi kèn xông trận**, chú đã biết vì sao Việt Nam lại thắng Mỹ rồi...* | 25 |

## XUẤT XỨ NGUỒN NGỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

**Chú thích xuất xứ nguồn ví dụ tiếng Anh:**

[1]. Hemingway Earnest, (1993). *A Farewell to Arms,* David Campbell Publishers Ltd., London.
[2]. Hemingway, E. (1952). *The Old Man and the Sea*. New York.
[3]. Hemingway, E., & Fenton, J. (1995). *The collected stories*. Everyman's library
[4]. London, Jack (1903). *The Call of the Wild.* MacMillan
[5].London, Jack & Goodwin, Philip R. (Illustrator) & Bull, Charles Livingston (Illustrator) (1903). *The Call of the Wild* (First ed.). MacMillan.
[6]. Margaret Mitchel (1936). *Gone with the wind*. Macmillan
[7].Hutchinson, S. (1998). *Mark Twain: Tom Sawyer and Huckleberry Finn*. Columbia University Press.

**Chú thích xuất xứ nguồn ví dụ tiếng Việt:**

[8]. Nam Cao, (1994). *Truyện ngắn chọn lọc*.. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội.
[9]. Nam Cao,(2001). *Sống mòn.* Nhà xuất bản Giáo dục.
[10]. Nguyễn Khải, (1960). *Mùa lạc*. Nhà xuất bản Quân đội.
[11]. Ma Văn Kháng (2003), *Vùng biên ải.* Nhà xuất bản Công an nhân dân.
[12]. Ma Văn Kháng (1985), *Mùa lá rụng trong vườn*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
[13]. Tô Hoài, (1995). *Vợ chồng A Phủ*. Văn 12. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
[14]. Nguyễn Công Hoan, (2005). *Truyện ngắn chọn lọc*. Nhà xuất bản Hội nhà văn.
[15]. Thạch Lam, (1937). *Truyện ngắn chọn lọc*. NXB Đời nay.
[16]. Lê Lựu, (2011). *Thời xa vắng.* Nhà xuất bản trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
[17]. Bảo Ninh (2011), *Nỗi buồn chiến tranh*. Nhà xuất bản trẻ.
[18]. Nguyên Ngọc, (1995). *Đất nước đứng lên*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
[19]. Nguyên Ngọc, (1995). *Rừng Xà Nu*. Văn 12. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
[20]. Hồ Phương, (1949). *Thư nhà*. Tạp chí Văn nghệ, Hội Văn nghệ Trung ương.
[21]. Vũ Trọng Phụng. (1937). *Giông tố*. Nhà xuất bản Văn Thanh, Hà Nội.
[22]. Hồ Anh Thái, (1996). *Cõi người rung chuông tận thế*.. Nhà xuất bản trẻ.
[23]. Nguyễn Huy Thiệp, (1995). *Truyện ngắn chọn lọc*. Nhà xuất bản Hội nhà văn.
[24]. Ngô Tất Tố, (1977). *Tắt đèn*. Nhà xuất bản Văn học.
[25]. Đoàn Hoài Trung (2001), *Ngọt ngào vị đắng*. Nhà xuất bản thanh niên.
[26]. Nguyễn Tuân, (1940). *Vang bóng một thời*. Nhà xuất bản Mai Lĩnh, Hà Nội